BỘ ĐỀ KIỂM TRA

NGỮ VĂN 8

THEO TỪNG THỂ LOẠI CÓ ĐÁP ÁN

STT	THỂ LOẠI	TRANG
1	Truyện lịch sử	2-34
2	Truyện hiện đại	35-170
3	Thơ sáu chữ, bảy chữ	171-268
4	Thơ đường luật	269-366
5	Truyện cười	367-374
6	Văn nghị luận	374-431
7	Văn bản thông tin	431-455

1.TRUYỆN LỊCH SỬ

ĐỀ KIỂM TRA .

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

I. MA TRẬN

TT	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng ca		
			TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện lịch sử	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể về một chuyến đi	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

II. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận	Thông	Vận	Vận

		thức		biết	hiểu	dụng	dụng cao
1	**Đọc hiểu**	Truyện lịch sử	**Nhận biết**: - Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu. - Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, tình huống, các biện pháp xây dựng nhân vật. **Thông hiểu**: - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện. - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản. - Xác định được câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản. - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý. **Vận dụng:** - Nêu được những thay đổi trong suy	3TN	5TN	2TL	

			nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.				
2	**Viết**	Kể về một chuyến đi	**Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu bài kể về chuyến đi. **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…) **Vận dụng:** Viết được một bài văn kể về một chuyến đi có trình tự hợp lí, có yếu tố tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm. trong quá trình viết có sử dụng thuyết minh các hoạt động, sự kiện. **Vận dụng cao:** Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn điểm ấn tượng để kể, có biểu cảm tốt để người đọc thấy hấp dẫn.				1TL*
Tổng				**3TN**	**5TN**	**2 TL**	**1 TL**
Tỉ lệ %				**20**	**40**	**30**	**10**
Tỉ lệ chung				**60**		**40**	

III. ĐỀ KIỂM TRA SỐ 1

PHẦN I. ĐỌC (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Gần trưa, Chiêu Minh vương hộ tống nhà vua tiễn Trần Quốc Tuấn ra bến Đông làm lễ tế cờ xuất sư. […] Không khí trang trọng đến tức thở. Nhân Tông vái Trần Quốc Tuấn và phán:

- Từ nay việc an nguy của giang sơn xã tắc trẫm xin trao cho Quốc công.

Trần Quốc Tuấn nghiêm trang đáp lễ:

- Lão thần thề không để nhục mệnh của bệ hạ.

Nhân Tông ban kiếm Thượng Phương, trao quyền chém trước tâu sau cho Trần Quốc Tuấn. Nhà vua chăm chú nhìn vị tướng già và thấy Trần Quốc Tuấn quắc thước lạ lùng.

Từ trên đài cao, Trần Quốc Tuấn lặng nhìn các đội quân hàng ngũ chỉnh tề bên dưới. […] Trần Quốc Tuấn thấy tất cả sức mạnh của dân tộc từ nghìn xưa truyền lại nâng cao tâm hồn ông lên khiến cho hai vai ông dư sức gánh sứ mệnh nặng nề. Ông thét lớn:

- Bớ ba quân!

Tiếng dạ vang dậy kinh thành và sông nước.

Trần Quốc Tuấn lại thét tiếp:

- Quan gia đã hạ chỉ cho ta lĩnh cờ tiết chế cùng các ngươi xuất sư phá giặc. Kiếm Thượng Phương đây! -Trần Quốc Tuấn nâng cao kiếm lên khỏi đầu.

- Ai trái mệnh, phản dân, hại nước, ta sẽ nghiêm trị không tha.

Quân sĩ lại đồng thanh dạ ran. Nhân Tông vẫy Dã Tượng lại gần, cầm lấy cái gậy trúc xương cá của Trần Quốc Tuấn. Nhà vua ân cần trao cây gậy cho vị tướng già và dặn dò: […]

- Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trẫm, vì đất nước và trăm họ mà giữ gìn sức khỏe.

(Trích Trên sông truyền hịch, Hà Ân)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Ý nào nói đúng về phương thức biểu đạt của văn bản?

A. Tự sự, biểu cảm, nghị luận
B. Tự sự, nghị luận, miêu tả
C. Tự sự, miêu tả, biểu cảm
D. Tự sự, thuyết minh, nghị luận

Câu 2. Vua Trần Nhân Tông gửi gắm với Trần Quốc Tuấn vấn đề trọng đại gì?

A. Trao kiếm

B. Dặn dò nhiều điều

C. Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trẫm, vì đất nước và trăm họ mà giữ gìn sức khỏe.

D. Từ nay việc an nguy của giang sơn xã tắc trẫm xin trao cho Quốc công.

Câu 3. Vua ban vật quý gì cho Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Tuấn sẽ có quyền gì?

A. Rượu quý, quyền lãnh đạo ba quân.

B. Ban kiếm Thượng Phương , quyền gặp vua bất cứ lúc nào.

C. Áo choàng, quyền quản lí quân sĩ.

D. Ban kiếm Thượng Phương, quyền chém trước tâu sau.

Câu 4. Tại sao không khí buổi lễ tế cờ xuất sư được miêu tả **trang trọng đến tức thở?**

A. Vì đây là buổi lễ quan trọng chuẩn bị cho cuộc chiến chống lại quân Nguyên - Mông xâm lược.

B. Vì đây là buổi lễ vua lên ngôi.

C. Vì đây là buổi lễ quan trọng của hoàng cung.

D. Vì đây là buổi chia tay sinh tử.

Câu 5. Sự việc vua trao cho Trần Quốc Tuấn quyền chém trước tâu sau cho ta thấy vua là người như thế nào?

A. Vua rất anh minh

B. Vua rất tin tưởng Trần Quốc Tuấn

C. Vua rất tin tưởng vào tài năng cầm quân của Trần Quốc Tuấn, chờ đợi chiến thắng trong cuộc chiến chống giặc Nguyên - Mông.

D. Cả A,B,C.

Câu 6. Em hiểu thế nào về lời hứa của Trần Quốc Tuấn với vua: Lão thần thề không để nhục mệnh của bệ hạ.

A.Trần Quốc Tuấn rất tự tin.

B.Trần Quốc Tuấn tự tin và thể hiện quyết tâm mang về chiến thắng để báo đáp

niềm tin tưởng của vua.

C.Trần Quốc Tuấn hứa hẹn chiến thắng quân giặc.

D.Trần Quốc Tuấn sẽ bảo vệ danh dự cho vua.

Câu 7. "Trần Quốc Tuấn thấy tất cả sức mạnh của dân tộc từ nghìn xưa truyền lại nâng cao tâm hồn ông lên khiến cho hai vai ông dư sức gánh sứ mệnh nặng nề". Câu văn này gợi đến tâm trạng, cảm xúc gì của Trần Quốc Tuấn?

A.Trần Quốc Tuấn cảm nhận được sức mạnh của dân tộc và niềm hứng khởi khi đón nhận sứ mệnh vua ban.

B. Trần Quốc Tuấn thấy vui vẻ.

C. Trần Quốc Tuấn thấy ai cũng đáng tin yêu

D. Trần Quốc Tuấn thấy dân tộc mình thật kiên cường.

Câu 8. Có thể hiểu câu dặn dò của vua với Trần Quốc Tuấn "Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trẫm, vì đất nước và trăm họ mà giữ gìn sức khỏe" như thế nào?

A. Vua mong Trần Quốc Tuấn bình an trở về.

B. Vua mong Trần Quốc Tuấn biết bảo trọng thân thể vì vua, vì đất nước.

C. Vua lo lắng, yêu mến, kính trọng Trần Quốc Tuấn.

D. Cả A,B,C

Câu 9. Em hãy nêu nhận xét của mình về vị tướng già Trần Quốc Tuấn?

Câu 10. Qua văn bản và cách biểu hiện của các nhân vật, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)

Trong nhiều chuyến đi tham quan, trải nghiệm của em, em hãy kể lại một chuyến đi ấn tượng nhất cho bạn bè và thầy cô được biết.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

<table>
<tr><th>Phần</th><th>Câu</th><th>Nội dung</th><th>Điểm</th></tr>
<tr><td>I</td><td></td><td>ĐỌC HIỂU</td><td>6,0</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="3">Câu 1- 8: Mỗi câu đúng (0,5 điểm)
<table>
<tr><th>Câu</th><th>1</th><th>2</th><th>3</th><th>4</th><th>5</th><th>6</th><th>7</th><th>8</th></tr>
</table></td></tr>
</table>

	Đáp án	**C**	**D**	**D**	**A**	**C**	**B**	**A**	**D**
	8	Trần Quốc Tuấn là một vị tướng giỏi, uy nghi, dũng mãnh. Ông được các vua thời Trần tín nhiệm, nhân dân yêu mến, là con người suốt cả đời theo nghiệp nhà binh, bảo vệ đất nước bao phen khỏi kẻ thù xâm lược, đã từng đánh thắng giặc Nguyên Mông lần thứ nhất vào năm 1257, lần thứ hai vào năm 1285, lần thứ ba vào năm 1288. **Hướng dẫn chấm**: - Trả lời được như đáp án: 1,0 điểm. - Trả lời được 1/2 ý như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời được 1 ý như đáp án: 0,25 điểm							1,0
	10	HS rút ra 2 đến 3 bài học có ý nghĩa cho bản thân, phù hợp chuẩn mực đạo đức. Đây là định hướng: - Chúng ta cần phải sống và làm việc hết mình vì đất nước. - Phải đặt lợi ích, vận mệnh dân tộc lên mọi lợi ích khác. - Dù là ở cương vị cao hơn cũng luôn phải tôn trọng người lớn tuổi, người có tài. - Khi làm việc gì cũng luôn cần sự tự tin và quyết tâm. **Hướng dẫn chấm**: - Đưa ra được 2, 3 bài học hợp lí: 1 điểm - Đưa ra được 1,2 bài học hợp lí: 0.5 điểm. - Đưa ra được 1 bài học hợp lí: 0.25 điểm.							1,0
II		**LÀM VĂN**							**4,0**
		Viết một bài văn kể lại một chuyến đi để lại cho em ấn tượng sâu sắc.							
		a. Đảm bảo cấu trúc bài tự sự Mở bài nêu được nêu tên một chuyến đi có ý nghĩa mà em đã tham gia; thân bài kể lại được chi tiết về một chuyến đi hay theo một trình tự thống nhất; kết bài nêu được ý nghĩa hoặc bài học thu được sau khi							0,5

		tham gia chuyến đi.	
		b. Xác định đúng sự việc cần kể: một chuyến đi em đã tham gia Viết bài văn kể lại một chuyến đi để lại cho em ấn tượng sâu sắc.	0,25
		c. Triển khai nội dung bài viết thành các đoạn văn Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng nắm chắc các yêu cầu của một bài văn tự sự kể lại một chuyến đi có ý nghĩa: *** Mở bài:** Giới thiệu về một chuyến đi để lại trong em ấn tượng sâu sắc *** Thân bài:** Lần lượt kể lại chuyến đi theo trình tự nhất định: - Nêu mục đích của chuyến đi, lí do em tham gia chuyến đi đó. - Kể về hình thức tổ chức hoạt động của chuyến đi (thành phần tham gia, thời gian, địa điểm,…). - Kể về quá trình tiến hành chuyến đi (bắt đầu, hoạt động chính, kết thúc). - Nêu kết quả, ý nghĩa của chuyến đi, nêu cảm xúc, tâm trạng của em sau chuyến đi (về vật chất và về tinh thần) Lưu ý: Kết hợp với các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận để kể lại. *** Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa và bài học sau khi tham gia chuyến đi	2,5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện nhìn nhận, cảm xúc tích cực về chuyến đi được kể, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			**10,0**

ĐỀ KIỂM TRA

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

I. MA TRẬN

TT	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện lịch sử	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể về một chuyến đi	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

II. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện lịch sử	Nhận biết: - Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu. - Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, tình huống, các biện pháp xây dựng nhân vật. Thông hiểu: - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện. - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản. - Xác định được câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản. - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý.	3TN	5TN	2TL	

			Vận dụng: - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm.				
2	Viết	Kể về một chuyến đi	Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu bài kể về chuyến đi. Thông hiểu: Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…) Vận dụng: Viết được một bài văn kể về một chuyến đi có trình tự hợp lí, có yếu tố tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm. trong quá trình viết có sử dụng thuyết minh các hoạt động, sự kiện. Vận dụng cao: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn điểm ấn tượng để kể, có biểu cảm tốt để người đọc thấy hấp dẫn.				1TL*
Tổng				3TN	5TN	2 TL	1 TL

Tỉ lệ %		20	40	30	10
Tỉ lệ chung		60		40	

ĐỀ KIỂM TRA

Môn: Ngữ văn 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

- Ơ! mai Du ơi, suốt lúa nhiều có đau tay không? […]

Ơ! mai Liêu ơi, suốt lúa chưa nhiều, không đau tay đâu. Phải suốt cho mau chớ. Suốt lâu mai mốt thằng Pháp tới rẫy nó lấy hết hột lúa, không có mà ăn, bụng đói đi vào rừng […]

- Làng Kông-hoa mình không theo Pháp, nó kêu đi xâu, không đi, nó kêu đi thuế, không đi. Nó đánh, mình bỏ chạy trong núi […].

Buổi sáng nay, Liêu mang gùi ra rẫy, đến nước suối Thi-om thì gặp anh Núp. […]

Bây giờ, anh đi đâu?

- Anh đi An-khê. Liêu mở tròn hai con mắt lớn:

- Đi An-khê làm chi? Anh không sợ thằng Pháp à? Tháng trước lũ làng Ba-lang không chịu đi xâu, nó tới bỏ bom chết ba mươi người. Ngày bữa kia, nó bắn làng Đê-tùng trong nhà rông chết mười bảy người. Nó ghét người Ba-na mình lắm, anh đi coi nó làm chi? Núp lấy ngón chân tẩy một cái rêu trên hòn đá:

- Nó làm chết người Ba-na mình nhiều quá, Liêu ạ. Anh đi coi thử đánh có được không... Thôi, ông trời lên cao rồi, anh đi cho kịp.[…] Anh Núp không có cha từ năm lên hai tuổi, chỉ còn mẹ già, em nhỏ, thế mà giỏi quá. Một mình chặt miết cũng ngả được cây to, đẩy được hòn đá,cho lửa ăn cái rừng, tỉa lúa, tỉa bắp xuống, làm ăn no đủ nhất làng.

Lũ già làng như bok Pa, bok Sung thương anh Núp, tối ngồi ở nhà rông, gõ ống điếu xuống cối gạo, khen:

- Núp con người tốt,biết làm ăn, thanh niên trong làng làm rẫy không ai bằng Núp. Lũ làng có ai đau, Núp trước tiên đi vô rừng hái cái lá tốt về cho uống mau lành; lũ làng có ai chết, Núp trước tiên đi vô núi tìm cái cây to về làm hòm. Con người có cái tay giỏi, đan cái gùi cũng được, đan cái rổ cũng được. Già làng nói biết nghe lời, tốt lắm!...

(Trích, Đất nước đứng lên - Nguyên Ngọc)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là:

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Biểu cảm

D. Nghị luận

Câu 2. Nhân vật chính trong truyện là ai?

A. Là mai Du

B. Là mai Liêu

C. Là Núp

D. Là già làng

Câu 3. Căn cứ vào văn bản, hãy xác định bối cảnh câu chuyện.

A. Dân làng Ba-na đứng lên chống Pháp.

B. Thực dân Pháp đánh chiếm và anh Núp – người con đồng bào dân tộc Ba-na đang

tìm cách đứng lên đấu tranh.

C. Đồng bào Tây Nguyên đánh giặc Pháp.

D. Đồng bào Tây Nguyên đánh giặc Mỹ.

Câu 4. Vì sao cô gái mai Du lại cố gắng suốt lúa thật nhiều?

A. Vì mai Du suốt lúa chưa được nhiều.

B. Vì nếu chậm thì thực dân Pháp tới nó sẽ cướp hết lúa.

C. Vì nếu không có đủ lúa ăn sẽ phải vào rừng.

D. Cả A,B,C.

Câu 5. “Làng Kông-hoa mình không theo Pháp, nó kêu đi xâu, không đi, nó kêu đi thuế, không đi. Nó đánh, mình bỏ chạy trong núi” chứng tỏ làng Kông-hoa:

A. Kiên cường, coi Pháp chính là kẻ thù, không cần nghe lời.

B. Sợ Pháp nên bỏ chạy.

C. Không hiểu tình hình đất nước.

D. Gan dạ.

Câu 6. Đoạn văn này cho em biết gì về bản chất của kẻ thù: "Tháng trước lũ làng Ba-lang không chịu đi xâu, nó tới bỏ bom chết ba mươi người. Ngày bữa kia, nó bắn làng Đê-tùng trong nhà rông chết mười bảy người. Nó ghét người Ba-na mình lắm.."?

A. Thực dân Pháp xảo quyệt

B. Thực dân Pháp rất độc ác và tàn bạo, chúng coi rẻ tính mạng con người, chỉ lăm le chiếm đóng, thống trị dân ta.

C. Thực dân Pháp âm mưu xâm chiếm nước ta.

D. Thực dân Pháp tàn ác.

Câu 7. Việc Núp không sợ chết và quyết định đi An - Khê để xem có đánh được giặc Pháp không chứng tỏ điều gì?

A. Núp lúc là một người gan dạ, có tính toán, có tầm nhìn vì anh biết muốn đánh được kẻ thù thì phải hiểu rõ ràng cặn kẽ.

B. Núp khao khát được đánh giặc.

C. Núp muốn lập công.

B. Núp quá liều lĩnh.

Câu 8. Vì sao già làng như bok Pa, bok Sung lại thương và khen Núp?

A. Vì Núp mồ côi cha nhưng khỏe mạnh, chăm chỉ.

B. Vì Núp làm rẫy rất giỏi.

C. Vì Núp rất tốt bụng với mọi người, già làng nói thì biết nghe lời.

D. Cả A,B,C.

Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Qua những điều em biết ở văn bản trên, em hãy nêu suy nghĩ của mình về nhân vật Núp?

Câu 10. Thông qua nhân vật Núp, em có thêm những kinh nghiệm gì trong cuộc sống khi gặp những khó khăn, biến cố?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết một bài văn kể lại một hoạt động xã hội để lại cho em ấn tượng sâu sắc.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

<table>
<tr><td>Phần</td><td>Câu</td><td>Nội dung</td><td>Điểm</td></tr>
<tr><td>I</td><td></td><td>ĐỌC HIỂU</td><td>6,0</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="3">Câu 1- 8: Mỗi câu đúng (0,5 điểm)

<table>
<tr><td>Câu</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td></tr>
<tr><td>Đáp án</td><td>B</td><td>C</td><td>B</td><td>B</td><td>A</td><td>B</td><td>A</td><td>D</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td></td><td>9</td><td>- HS nêu được những đặc điểm chính có trong văn bản về nhân vật Núp và nêu được suy nghĩ của bản thân.

+ Mặc dù sinh ra trong một hoàn cảnh không may mắn nhưng Núp luôn chăm chỉ và cố gắng.

+ Anh còn có một trái tim yêu nước chảy bỏng. Anh đã có suy nghĩ khác biệt với mọi người là cố gắng tìm hiểu kẻ thù để đánh đuổi kẻ thù.

+ Anh còn rất tốt bụng trong

- HS nêu được suy nghĩ của mình về nhân vật: cảm phục, yêu mến, kính trọng về con người luôn biết vượt khó, giàu ý chí, nghị lực và tình yêu đất nước.</td><td>0,5

0,5</td></tr>
<tr><td></td><td>10</td><td>Thông qua nhân vật Núp đã cho em thêm những kinh nghiệm trong cuộc sống khi gặp những khó khăn, biến cố.

HS nêu tự do nhưng phải hợp lí, ví dụ:

+ Luôn luôn nỗ lực vươn lên trong cuộc sống ở tất cả mọi lĩnh vực.

+ Sống hết mình và sống thật tốt thì chắc chắn sẽ được nhiều người yêu mến.

+ Luôn chăm chỉ lao động và chúng ta sẽ thành công trong cuộc sống.

+ Khi đất nước có xâm lăng, hãy luôn hướng về tổ quốc để giành lại tự do.

Hướng dẫn chấm:

- Đưa ra được 3 ý trở lên hợp lí: 1 điểm</td><td>1,0</td></tr>
</table>

		- Đưa ra được 2 ý hợp lí: 0.5 điểm - Đưa ra được 1 ý hợp lí: 0.25 điểm.	
II		LÀM VĂN	4,0
		Viết một bài văn kể lại một hoạt động xã hội để lại cho em ấn tượng sâu sắc.	
		a. Đảm bảo cấu trúc bài tự sự Mở bài nêu được nêu tên một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa mà em đã tham gia; thân bài kể lại được chi tiết về một hoạt động xã hội theo một trình tự thống nhất; kết bài nêu được ý nghĩa hoặc bài học thu được sau khi tham gia hoạt động xã hội.	0,5
		b. Xác định đúng sự việc cần kể: một hoạt động xã hội em đã tham gia Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội để lại cho em ấn tượng sâu sắc.	0,25
		c. Triển khai nội dung bài văn tự sự Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng nắm chắc các yêu cầu của một bài văn kể lại một hoạt động xã hội mà em tham gia * Mở bài: Giới thiệu về một hoạt động xã hội để lại trong em ấn tượng sâu sắc * Thân bài: Lần lượt kể lại hoạt động theo trình tự nhất định: - Nêu mục đích của hoạt động, lí do em tham gia hoạt động đó. - Kể về hình thức tổ chức hoạt động (thành phần tham gia, thời gian, địa điểm,…). - Kể về quá trình tiến hành hoạt động (bắt đầu, hoạt động chính, kết thúc). - Nêu kết quả, ý nghĩa của hoạt động (về vật chất và về tinh thần) Lưu ý: Kết hợp với các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận để kể lại.	2,5

		* Kết bài: Khẳng định ý nghĩa và bài học sau khi tham gia hoặc hoạt động xã hội.	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện nhìn nhận, cảm xúc tích cực về hoạt động xã hội được kể, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			10,0

*Đánh giá toàn bài viết:

Mức điểm	Mức độ đánh giá
4,0	- Đảm bảo đầy đủ yêu cầu về kiến thức, kĩ năng; lời văn trong sáng; có cảm xúc, thuyết phục.
3,75 - 2,75	- Đảm bảo yêu cầu về kiến thức, kĩ năng nhưng còn mắc một vài lỗi diễn đạt.
2,5 - 1,5	- Đảm bảo yêu cầu cơ bản nhưng chưa rõ ràng.
1,25 - 0,25	- Bài kể còn sơ sài, chưa rõ sự việc, trình tự chuyến tham gia hoạt động.
0,0	- Bài viết lạc đề, chưa đảm bảo các yêu cầu trên.

Phòng Giáo dục và Đào tạo ...

Đề thi Giữa kì 1 - Kết nối tri thức

Năm học 2023 - 2024

Môn: Ngữ văn lớp 8

Thời gian làm bài: phút

(Đề số 1)

Phần I. Đọc hiểu (5 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

CHÀNG TRAI LÀNG PHÙ ỦNG

Ông Phạm Ngũ Lão là chàng trai làng Phù Ủng, huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương. Ông có sức khỏe lạ thường, muôn người không địch nổi.

Phạm Ngũ Lão mặt mũi khôi ngô, văn võ đều giỏi. Nhà vốn chỉ có nghề làm ruộng, đến ông mới theo nghiệp bút nghiên. Mới hai mươi tuổi ông đã có tính khẳng khái. Trong làng có người tên là Bùi Công Tiến đỗ tiến sĩ làm lễ ăn mừng, cả làng kéo đến mừng rỡ, chỉ Ngũ Lão không đến.

Bà mẹ Ngũ Lão bảo rằng:

– Con làm thế nào cho bằng người ta thì làm. Nay người ta ăn mừng, cả làng mừng rỡ, sao con không đến mừng một chút?

Phạm Ngũ Lão thưa rằng:

– Thưa mẹ, con chưa làm nên gì để vui lòng mẹ mà con đi mừng người ta thì con lấy làm nhục lắm.

Nhà ở bên cạnh đường cái, có một hôm, Phạm Ngũ Lão ngồi vệ đường vót tre đan sọt. Chợt có Hưng Đạo Vương đi qua để vào kinh, quan quân kéo đi rất đông. Quân đi mở đường thấy Ngũ Lão ngồi xếp bằng tròn bên cạnh đường, quát lên bắt phải đứng dậy. Ngũ Lão cứ ngồi nghiễm nhiên như không nghe tiếng. Quân lính cầm ngọn giáo đâm vào đùi, Ngũ Lão cũng cứ ngồi vững không động mình. Đến lúc xe Hưng Đạo Vương đến nơi, trông thấy thế lấy làm lạ gọi đến hỏi, bấy giờ Ngũ Lão mới biết là có quan quân đi qua, và quân lính đã đâm vào đùi mình.

Hưng Đạo Vương hỏi rằng:

– Nhà thầy kia ở đâu, sao ta đi qua đây mà cứ ngồi chững chàng làm vậy?

Ngũ Lão thưa rằng:

– Tôi đang mải nghĩ một việc, cho nên không biết là ngài trẩy qua đây.

Hưng Đạo Vương lấy làm kì, hỏi đến việc học hành kinh sử thì hỏi đâu nói đấy, không sót chỗ nào, ứng đối nhanh như nước chảy.

Hưng Đạo Vương bèn sai quân lấy thuốc dấu dịt vào vết đâm, rồi cho Ngũ Lão ngồi xe đem về kinh, tiến cử lên vua Trần Thánh Tông.

Vua thấy người có sức khỏe, lại có học thức, cho sung chức quản vệ sĩ. Các vệ sĩ không chịu, xin đấu sức với Ngũ Lão. Ngũ Lão xin vâng, nhưng xin vua cho về nhà ba tháng để thu xếp việc nhà, rồi sẽ xin đấu sức và nhận chức luôn thể.

Vua cho về, Ngũ Lão về nhà, ra ngoài đồng, tìm chỗ gò cao tập nhảy, cứ cách mười trượng chạy đến nhảy vọt qua gò. Tập luyện xong xuôi rồi, vào kinh đấu sức.

Khi đấu quyền với các vệ sĩ thì không ai địch nổi. Sau Ngũ Lão thách tất cả các vệ sĩ cùng ra đấu. Các vệ sĩ xúm xít chung quanh hàng trăm người, Ngũ Lão tay đấm chân đá, nhảy nhót như bay, chạm phải ai kẻ ấy không ngũ đau thì què tay. Các vệ sĩ không tài gì mà đánh lại được, bấy giờ mới xin chịu phục.

Vua thấy người kiên dũng làm vậy, cho theo Hưng Đạo Vương đi đánh giặc Nguyên thì đánh trận nào cũng thắng, lập nên công trạng rất nhiều. Hưng Đạo Vương có lòng yêu mến, gả con gái nuôi là Nguyên quận chúa cho,

Về sau, vua nước Ai Lao đem hơn một vạn quân và voi sang cướp đất Thanh, Nghệ. Vua sai Ngũ Lão cầm quân đi đánh. Ngũ Lão sai dân chặt tre đực dài độ một trượng, chồng chất trên các vệ đường. Khi Ngũ Lão kéo quân vào đánh giặc, giặc thúc voi sấn lên, Ngũ Lão chỉ chân tay không mà sấn vào gặp đống tre nào thì vớ lấy đống tre chỗ ấy, đập vào chân voi. Voi bị đau, gầm rống lên chạy trở về, giày xéo lên cả quân Ai Lao. Ngũ Lão mới thúc quân đánh tràn sang, quan giặc tan vỡ, phải trốn về nước.

Vì có những công to ấy, Ngũ Lão được cất lên làm Điện tiền thượng tướng quân. Đến khi mất, được phong làm thượng đẳng phúc thần, và được dân làng Phù Ủng lập miếu thờ ngay ở chỗ nhà Ngũ Lão.

Câu chuyện Chàng trai làng Phù Ủng *– Theo Phan Kế Bính*

(Nam Hải dị nhân lược truyện)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của câu chuyện trên là:

A. Miêu tả

B. Biểu cảm

C. Tự sự

D. Nghị luận

Câu 2. Câu chuyện Chàng trai làng Phù Ủng kể về nhân vật nào?

A. Hưng Đạo Vương

B. Phạm Ngũ Lão

C. Bùi Công Tiến

D. Trần Thánh Tông

Câu 3. Tại sao Phạm Ngũ Lão không đến ăn mừng Bùi Công Tiến đỗ tiến sĩ

A. Vì Phạm Ngũ Lão cảm thấy chưa làm được gì để vui lòng mẹ, nếu đi mừng người ta thì sẽ lấy làm nhục

B. Vì Phạm Ngũ Lão cảm thấy ganh tị khi Bùi Công Tiến đỗ tiến sĩ.

C. Vì Phạm Ngũ Lão nhà nghèo, không có tiền để đi ăn mừng Bùi Công Tiến đỗ tiến sĩ.

D. Vì Phạm Ngũ Lão bận rộn công việc, phấn đấu để làm vui lòng mẹ.

Câu 4. Chi tiết Ngũ Lão bị đâm vào đùi nhưng không hề nhúc nhích cho thấy ông là một người như thế nào?

A. Là một người không biết sợ, ra vẻ ta đây

B. Là một người chịu đau tốt

C. Là một người khảng khái, cương trực

D. Là một người thích gây ấn tượng, tạo sự chú ý

Câu 5 (1,0 điểm) Hãy tóm tắt nội dung của văn bản và cho biết câu chuyện dựa trên bối cảnh của sự kiện lịch sử nào?

Câu 6 (0,5 điểm) Chi tiết nào cho thấy Ngũ Lão là người có tài cầm quân đánh giặc?

Câu 7 (1,0 điểm) Những nét tính cách nào của Ngũ lão được thể hiện qua câu chuyện trên?

Câu 8 (0,5 điểm) Nêu suy nghĩ của em về chi tiết mà mình ấn tượng nhất đối với nhân vật trong truyện.

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa) mà em ấn tượng nhất.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	C. Tự sự	0,5 điể

		m
Câu 2	B. Phạm Ngũ Lão	0,5 điểm
Câu 3	A. Vì Phạm Ngũ Lão cảm thấy chưa làm được gì để vui lòng mẹ, nếu đi mừng người ta thì sẽ lấy làm nhục.	0,5 điểm
Câu 4	C. Là một người khảng khái, cương trực	0,5 điểm
Câu 5	- HS có thể tóm tắt theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo được nội dung câu chuyện. - Bối cảnh lịch sử: Thời nhà Trần đánh đuổi quân xâm lược nhà Nguyên ở phương Bắc và đẩy lùi sự xâm lấn của quân Ai Lao ở phía Nam.	1,0 điểm
Câu 6	Những chi tiết cho thấy Phạm Ngũ Lão có tài cầm quân của Phạm Ngũ Lão: - Theo Hưng Đạo Vương đi đánh giặc Nguyên thì đánh trận nào cũng thắng, lập nên công trạng rất nhiều. - Về sau, vua nước Ai Lao đem hơn một vạn quân và voi sang cướp đất Thanh, Nghệ. Vua sai Ngũ Lão cầm quân đi đánh. Ngũ Lão sai dân chặt tre đực dài độ một trượng, chồng chất trên các vệ đường….	0,5 điểm
Câu	Những nét tính cách của Phạm Ngũ Lão: - Là một vị tướng tài giỏi xuất sắc đời nhà Trần, đã có công giúp	1,0 điể

7	Trần Hưng Đạo đánh đuổi quân xâm lược nhà Nguyên ở phương Bắc và đẩy lùi sự xâm lấn của quân Ai Lao ở phía Nam. - Là người tính tình khẳng khái, vừa có chí lớn vừa có tài cao, đã lập công lớn giết giặc cứu nước, nêu tấm gương sáng ngời về chí làm trai cho các thế hệ thanh niên đời sau học tập.	m
Câu 8	HS nêu chi tiết mình ấn tượng và nêu lí do thuyết phục.	0,5 điểm

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn kể lại một chuyến đi Mở bài giới thiệu được chuyến đi. Thân bài triển khai được chi tiết chuyến đi. Kết bài nêu được cảm nghĩ của bản thân về chuyến đi.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa).	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** - Giới thiệu được chuyến đi: Lí do, mục đích của chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa. **2. Thân bài** - Kể diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những	3,5 điểm

	điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,…) - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc,…). **3. Kết bài** Thể hiện được cảm xúc và suy nghĩ về chuyến đi.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,5 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN

……..

ĐỀ SỐ 27

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 20…. – 20….

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Tháng 6, ngày 24, sao sa.

Hưng Đạo Vương ốm. Vua ngự tới nhà thăm, hỏi rằng: "Nếu có điều chẳng may, mà giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì kế sách như thế nào?"

Hưng Đạo Vương trả lời:

- Ngày xưa Triệu Vũ dựng nước, vua Hán cho quân đánh, nhân dân làm kế thanh dã, đại quân ra Khâm Châu, Liêm Châu đánh vào Trường Sa, còn đoản binh thì đánh úp phía sau. Đó là một thời. Đời Đinh, Lê dùng người tài giỏi, đất phương Nam mới mạnh mà phương Bắc thì mệt mỏi suy yếu, trên dưới một dạ, lòng dân không lìa, xây thành Bình Lỗ mà phá được quân Tống. Đó lại là một thời. Vua Lý mở nền, nhà Tống xâm phạm địa giới, dùng Lý Thường Kiệt đánh Khâm, Liêm, đến tận Mai Lĩnh là vì có thế. Vừa rồi Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây. Vì vua tôi đồng tâm, anh em hòa mục, cả nước góp sức, giặc phải bị bắt. Đó là trời xui nên vậy. Đại khái, nó cậy trường trận, ta dựa vào đoản binh. Dùng đoản binh chế trường trận là sự thường của binh pháp. Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như các tằm ăn, không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được. Vả lại, khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy.

Quốc Tuấn là con An Sinh Vương, lúc mới sinh ra, có một thầy tướng xem cho và bảo: "Người này ngày sau có thể giúp nước cứu đời". Đến khi lớn lên, dung mạo khôi ngô, thông minh hơn người, đọc rộng các sách, có tài văn võ. An Sinh Vương trước đây vốn có hiềm khích với Chiêu Lăng, mang lòng hậm hực, tìm khắp những người tài nghệ để dạy Quốc Tuấn. Lúc sắp mất, An Sinh cầm tay Quốc Tuấn giối giăng rằng:

- Con mà không vì cha lấy được thiên hạ thì cha dưới suối vàng cũng không nhắm mắt được.

Quốc Tuấn ghi để điều đó trong lòng, nhưng không cho là phải.

Đến khi vận nước ở trong tay, quyền quân quyền nước đều do ở mình, ông đem lời cha dặn nói với gia nô là Dã Tượng, Yết Kiêu. Hai người gia nô can ông:

- Làm kế ấy tuy được phú quý một thời mà để lại tiếng xấu ngàn năm. Nay đại vương há chẳng đủ phú quý hay sao? Chúng tôi xin chết già làm gia nô, chứ không muốn làm quan mà không có trung hiếu, chỉ xin lấy người ta làm thịt dê là Duyệt làm thầy mà thôi!

Quốc Tuấn cảm phục đến khóc, khen ngợi hai người.

Một hôm Quốc Tuấn vờ hỏi con ông là Hưng Vũ Vương:

- Người xưa có cả thiên hạ để truyền cho con cháu, con nghĩ thế nào?

Hưng Vũ Vương trả lời:

- Dẫu khác họ cũng còn không nên, huống chi là cùng một họ!

Quốc Tuấn ngẫm cho là phải.

Lại một hôm Quốc Tuấn đem chuyện ấy hỏi người con thứ là Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng. Quốc Tảng tiến lên thưa:

- Tống Thái Tổ vốn là một ông lão làm ruộng, đã thừa cơ dấy vận nên có được thiên hạ.

Quốc Tuấn rút gươm kể tội:

- Tên loạn thần là từ đứa con bất hiếu mà ra.

Định giết Quốc Tảng. Hưng Vũ Vương hay tin, vội chạy tới khóc lóc xin chịu tội thay, Quốc Tuấn mới tha. Đến đây, ông dặn Hưng Vũ Vương:

- Sau khi ta chết, đậy nắp quân tài đã rồi mới cho Quốc Tảng vào viếng.

Mùa thu, tháng 8, ngày 20, Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn mất ở phủ đệ Vạn Kiếp, được tặng thái sư Thương phụ Thượng quốc công Nhân Vũ Hưng Đạo Đại Vương.

Thánh Tông có soạn bài văn bia ở sinh từ của Quốc Tuấn, ví ông với Thượng phụ ngày xưa. Lại vì ông có công lao lớn, gia phong là Thượng quốc công, cho phép ông được quyền phong tước cho người khác, từ Minh tự trở xuống, chỉ có tước Hầu thì phong trước rồi tâu sau. Nhưng Quốc Tuấn chưa bao giờ phong tước cho một người nào. Khi giặc Hồ vào cướp, Quốc Tuấn lệnh cho nhà giàu bỏ thóc ra cấp lương quân, mà cũng chỉ cho họ làm lang tướng giả chứ không dám cho họ tước lang tướng thực, ông kính cẩn giữ tiết làm tôi như vậy đấy.

Quốc Tuấn lại từng soạn sách để khích lệ tướng sĩ dưới quyền, dẫn chuyện Kỉ Tín chết thay để thoát Hán Cao, Do Vu giơ lưng chịu giáo để cứu Sở Tử. Thế là dạy đạo trung đó.

Khi sắp mất, ông dặn con rằng:

- Ta chết thì phải hỏa táng, lấy vật tròn đựng xương, bí mật chôn trong vườn An Lạc, rồi san đất và trồng cây như cũ, để người đời không biết chỗ nào, lại phải làm sao cho mau mục.

Quốc Tuấn giữ Lạng Giang, người Nguyên hai lần vào cướp, ông liên tiếp đánh bại chúng, sợ sau này có thể xảy ra tai họa đào mả chăng. Ông lo nghĩ tới việc sau khi mất như thế đấy.

Ông lại khéo tiến cử người tài giỏi cho đất nước, như Dã Tượng, Yết Kiêu là gia thần của ông, có dự công dẹp Ô Mã Nhi, Toa Đô. Bọn Phạm Ngũ Lão, Trần Thì Kiến, Trương Hán Siêu, Phạm Lãm, Trịnh Dũ, Ngô Sĩ Thường, Nguyễn Thế Trực vốn là môn khách của ông, đều nổi tiếng thời đó về văn chương và chính sự, bởi vì ông có tài mưu lược, anh hùng, lại một lòng giữ gìn trung nghĩa vậy. Xem như khi Thánh Tông vờ bảo Quốc Tuấn rằng: "Thế giặc như vậy, ta phải hàng thôi", Quốc Tuấn trả lời: "Bệ hạ chém đầu tôi trước rồi hãy hàng". Vì thế, đời Trùng Hưng lập nên công nghiệp hiếm có. Tiếng vang đến giặc Bắc, chúng thường gọi ông là An Nam Hưng Đạo Vương mà không dám gọi tên. Sau khi mất rồi, các châu huyện ở Lạng Giang hễ có tai nạn, dịch bệnh, nhiều người cầu đảo ông. Đến nay, mỗi khi đất nước có giặc vào cướp, đến lễ ở đền ông, hễ tráp dựng kiếm có tiếng kêu thì thế nào cũng thắng lớn.

(Trích Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là?

A. Miêu tả

B. Tự sự

C. Biểu cảm

D. Nghị luận

Câu 2. Vì sao Quốc Tuấn khi nghe những lời "giối giăng" của cha thì dấu kín trong lòng, chỉ đến khi vận nước ở trong tay, quyền quân, quyền nước đều do ở mình ông mới đem lời cha dặn nói với gia nô Dã Tượng, Yết Kiêu?

A. Vì muốn thử lòng các gia nô dưới quyền mình.

B. Vì muốn thử lòng mình, và muốn làm vơi đi một chuyện không vui.

C. Vì muốn nghiệm lại chủ kiến của mình và tìm thêm người chia sẻ.

D. Vì muốn vững tin hơn vào điều mình không cho là phải.

Câu 3. Khi vua hỏi về kế đánh quân Nguyên, ngoài kế thanh dã, dùng đoản (binh) chế trường (trận),… không dưới bốn lần, Hưng Đạo Đại Vương đặc biệt nhấn mạnh vào một điều mà ông luôn xem là "thượng sách". "Thượng sách" đó, nói một cách đầy đủ mà khái quát nhất, là gì?

A. Phải thấy được sức mạnh đoàn kết toàn dân trong cả nước.

B. Vua tôi, tướng sĩ trong cả nước phải đồng tâm hiệp lực với nhau.

C. Vua tôi, tướng sĩ, binh lính phải thực lòng yêu thương nhau.

D. Phải thu phục lòng dân, tập hợp, phát huy bằng được sức mạnh, ý chí đoàn kết toàn dân.

Câu 4. Nhận xét nào sau đây không đúng với Trần Quốc Tuấn:

A. Là một vị tướng anh hùng, đầy tài năng mưu lược.

B. Là một người cha nghiêm khắc giáo dục con cái.

C. Là một vị vua đặt tình nhà trên nợ nước.

D. Là một người cống hiến cho đời sau nhiều tác phẩm quân sự có giá trị.

Câu 5 (0,5 điểm) Xác định biện pháp tu từ trong đoạn: *Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như các tằm ăn, không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được.* Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó?

Câu 6 (0,5 điểm) Trong văn bản có nói đến *binh pháp.* Binh pháp là gì? Binh pháp của Hưng Đạo Vương có điểm gì đáng chú ý?

Câu 7 (1,0 điểm) Em có nhận xét gì về nghệ thuật kể chuyện trong văn bản?

Câu 8 (1,0 điểm) Em rút ra được diều gì qua lời trình bày của Trần Quốc Tuấn với vua về kế sách giữ nước?

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Em hãy viết bài văn kể lại một chuyến đi (chuyến tham quan) mà mình ấn tượng nhất.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	B. Tự sự	0,5 điểm
Câu 2	C. Vì muốn nghiệm lại chủ kiến của mình và tìm thêm người chia sẻ.	0,5 điểm
Câu 3	D. Phải thu phục lòng dân, tập hợp, phát huy bằng được sức mạnh, ý chí đoàn kết toàn dân.	0,5 điểm
Câu 4	C. Là một vị vua đặt tình nhà trên nợ nước.	0,5 điểm
Câu 5	Biện pháp tu từ: so sánh: - quân nó kéo đến như lửa, như gió - nó tiến chậm như các tằm ăn - xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy - có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được → Hiệu quả nghệ thuật: hàng loạt so sánh làm cho cách diễn đạt gợi hình ảnh cụ thể, qua đó thấy được tài năng trong cách dùng binh cũng như thấy được tầm nhìn sâu rộng của nhà quân sự Hưng Đạo Vương khi ông đề cao sức mạnh của tinh thần đoàn kết toàn dân sẽ chống giặc thành công.	0,5 điểm
Câu 6	- Binh pháp là hệ thống tri thức về những vấn đề lí luận quân sự nói chung và phương pháp tác chiến nói riêng. - Binh pháp của Hưng Đạo Vương có điểm đáng chú ý là chống giặc phải tuỳ thời mà tạo thế, phải vận dụng linh hoạt, không có một khuôn mẫu nào nhất định.	0,5 điểm
Câu 7	Nghệ thuật kể chuyện: - Cách kể về các nhân vật lịch sử không đơn điệu theo	1,0 điểm

	trình tự thời gian. - Nhà viết sử không chỉ kể chuyện một cách phức hợp, với nhiều chiều thời gian, mà còn khéo léo lồng vào câu chuyện những nhận xét sâu sắc nhằm định hướng cho người đọc có những nhận xét, đánh giá thoả đáng. - Cách kể chuyện trong đoạn trích vừa mạch lạc, khúc chiết vừa giải quyết được những vấn đề then chốt về nhân vật đồng thời vẫn giữ được mạch truyện tiếp nối logic. Chuyện vì thế trở nên sinh động, hấp dẫn. Nhân vật lịch sử cũng vì thế mà được nổi bật chân dung.	
Câu 8	- Nội dung lời trình bày của Trần Quốc Tuấn với vua: + Nên tuỳ thời thế mà có sách lược phù hợp, binh pháp cần vận dụng linh hoạt, không có khuôn mẫu nhất định. + Điều kiện quan trọng nhất để thắng giặc là toàn dân đoàn kết một lòng + Do đó phải giảm thuế khoá, bớt hình phạt, không phiền nhiễu dân, chăm lo cho dân có đời sống sung túc,... đó chính là "thượng sách giữ nước". - Qua nội dung lời trình bày, người đọc nhận thấy Trần Quốc Tuấn không những là vị tướng tài năng, mưu lược, có lòng trung quân mà còn biết thương dân, trọng dân và biết lo cho dân.	1,0 điểm

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn kể lại một chuyến đi Mở bài giới thiệu được chuyến đi. Thân bài triển khai được chi	0,25 điểm

	tiết chuyến đi. Kết bài nêu được cảm nghĩ của bản thân về chuyến đi.	
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa).	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** - Giới thiệu được chuyến đi: Lí do, mục đích của chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa. **2. Thân bài** - Kể diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi, …) - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc,…). **3. Kết bài** Thể hiện được cảm xúc và suy nghĩ về chuyến đi.	4,0 điểm
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

2.TRUYỆN HIỆN ĐẠI

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn	2	1	2	1	0	2	0	0	50
2	Viết	Viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội	0	1*	0	1*	0	1*	0	2*	50
Tổng			20	10	20	10	0	20	0	20	100%
Tỉ lệ %			30%		30%		20%		20%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng

							cao
1	**Đọc hiểu**	Truyện ngắn	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ, …) và nội dung (đề tài, chủ đề; ý nghĩa của văn bản; tư tưởng, tình cảm, thái độ của người kể chuyện;…) của truyện ngắn. - Nhận biết và sử dụng được trợ từ, thán từ trong hoạt động đọc, viết, nói và nghe. **Thông hiểu**: - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, các nét đặc sắc nghệ thuật của truyện; - Hiểu được tính cách/ phẩm chất	2TN 1TL	2TN 1TL	2TL	

			nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại,… - Hiểu được thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. **Vận dụng:** - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống con người, tác giả trong văn bản. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc văn bản.				
2	**Viết**	Viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội.	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội. - Xác định được bố cục bài văn. **Thông hiểu:**				1TL*

			- Giới thiệu được lí do mục đích của chuyến tham quan. - Kể diễn biến chuyến tham quan. - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân để viết được bài văn kể lại một chuyến đi hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của để (sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài viết). - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao:** - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi				

			cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để kể lại cụ thể chuyến đi. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				
Tổng số câu				**2TN 1TL**	**2TN 1TL**	**2TL**	**1TL**
Tỉ lệ (%)				**30%**	**30%**	**20%**	**20%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN

……..

ĐỀ SỐ 8

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 20… – 20…

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Cha tôi

Nhà tôi có bốn người.

Cha tôi thế hệ 5X, chớm già. Hơn nửa thế kỉ có mặt trên đời thì bốn mươi năm cha mặc áo nhà binh, cầm súng và xa nhà. Mẹ thế hệ 6X, sinh sau cha hơn một giáp,

luôn chịu cảnh xa chồng. Chị Mai tôi thế hệ 7X đã gần ba mươi tốt nghiệp đại học, chị đi làm cho một doanh nghiệp Nhật Bản, suốt ngày ăn cơm tiệm.

Tôi, thế hệ 8X, mười chín tuổi, tốt nghiệp phổ thông hạng làng nhàng, thi vào đại học hai lần đều trượt. Sống theo ý mình luôn là cảm hứng thường trực và tự

do muôn năm. Sống tự do theo ý thích, tôi suốt ngày chơi bời, đàn đúm. …đầu tóc thì đổi kiểu xoành xoạch, hết nhuộm hoe hoe vàng lại hấp màu lông chuột.

Cha khoác ba lô về hẳn nhà, nghỉ hưu. Một ba lô quân phục màu phân ngựa. Hai đôi giầy đen một cũ một mới. Một mũ kê pi. Chín cái huân, huy chương đỏ rực, vàng chóe. Một đôi dép đúc mòn vẹt gót. Nghe nói cha cất giữ từ hồi ở Trường Sơn.

(…) Đến tận lúc về, con bé bạn tôi còn chưa hết hãi:

- Khiếp! Ông già mày ghê quá. Hỏi tao mà cứ như mật thám hỏi cung các chiến sĩ

cộng sản trong nhà tù đế quốc thực dân ấy.

- Bố tao nghiêm thế. Nhưng mà thương vợ con và mọi người lắm.

- Tao đếch thích kiểu thương ấy. Bận sau nếu có chuyện gì tao với mày ra quán cà phê cho tiện.

Cánh cổng khép lại. Tôi mang theo nỗi ấm ức của thằng con trai mới lớn.

- Cha cứ làm kiểu này thì con hết bạn, hết chỗ chơi. Từ bây giờ có giời bảo cũng chẳng đứa nào dám đến nhà mình nữa.

- Mẹ con con ăn uống, đi lại, ngủ nghỉ, chơi bời không ồn chút nào. Ma túy, tệ nạn xã hội đầy ra đấy. Các con còn non nớt. Rất dễ sa ngã.

Tôi tức quá cãi lại:

- Bao nhiêu năm qua không có cha, mẹ con con vẫn sống tốt cơ mà. Cả cuộc đời cha ở trong quân đội, ngoài việc sinh bọn con ra cha đã làm được cái gì cho cái nhà này

chưa mà cha trách mắng mọi người...

Nói chưa dứt, mắt tôi đã hoa cả lên. Một cái tát nổ đom đóm mắt từ bàn tay thô ráp

quen cầm súng nhà binh. Tôi ngã dúi. Cha quát to:

- Chả nhẽ cha đi bộ đội bao nhiêu năm cống hiến cho đất nước là để cho con nói với

cha bằng cái giọng chợ giời ấy hả? Bà ấy đâu rồi? Con hư tại mẹ.

Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà. Bà tôi mất từ lâu lắm rồi còn mẹ ở cửa hàng mỹ phẩm
vẫn chưa về, chị Mai ngoan ngoãn thì đi học thêm Anh văn. Dường như lòng tự trọng
của đứa con trai mới lớn chấm hết. Tất cả kìm hãm, dồn nén sự khó chịu của tôi từ lúc cha về đã quá đủ. Cha - một người cha đi biền biệt bao nhiêu năm để rồi bỗng dưng về nhà xới tung lên mọi thứ với kỷ luật nhà binh. Tôi nói với cha:

- Thôi cha! Đừng bao giờ nói với con về những ngày tháng cha đi bộ đội. Thời oai
hùng xa lắm lắm rồi, cha ạ.

Sắc mặt của cha tôi đỏ hồng lại tím nhanh dễ sợ. Môi ông lắp bắp:

- Mà... mày... nói... ca... cái... gì?

Ông ôm đầu, đau đớn, ngồi phịch xuống giường gấp.

- Chẳng có gì cả! Con nói là, - Tôi nhấn mạnh từng chữ - con chán ghét cha và cả những điều cha nghĩ, những gì cha nói và cha làm. Cha đã biến cả nhà ta thành trại
lính.

Tôi cãi lại cha và tôi lao khỏi nhà. Tôi bỏ đi lang thang trên phố. Đêm tôi không về. Sau này, khi "trời yên biển lặng", tôi mới biết: Suốt đêm ấy, cha lo lắng sợ tôi dạt vòm đi bụi đời. Ông điện thoại báo hung tin về thằng con quý tử bỏ nhà cho bạn bè, đồng đội đã phục viên, xuất ngũ, nghỉ hưu biết. Người nọ vội vã gọi người kia lan truyền theo cấp số nhân, như thể chiến tranh sắp nổ ra, huy động gần hết một
"tiểu đoàn quân" đi tìm... tôi.

Trích *Cha tôi*, Sương Nguyệt Minh, vănnghe.ninhbinh.gov.vn

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là?

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Biểu cảm

D. Thuyết minh

Câu 2. Xác định ngôi kể của văn bản.

A. Ngôi thứ ba

B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ nhất

D. Có sự chuyển đổi ngôi kể

Câu 3. Hình ảnh người bố trong đoạn trích hiện lên trong cảm nhận của nhân vật tôi như thế nào?

A. Một người lãng mạn

B. Rất nghiêm khắc

C. Nghiêm khắc nhưng thương vợ con và mọi người

D. Hay tếu, trêu đùa

Câu 4. Nhân vật tôi đã nhận ra điều gì sau hôm cãi lại cha và bỏ đi lang thang trên phố?

A. Sự ghét bỏ của cha

B. Tình yêu thương của cha

C. Sự thù hận của mọi người

D. Tình yêu của mẹ

Câu 5 (0,5 điểm) Từ khi người cha về nghỉ hưu, cuộc sống của gia đình đặc biệt là nhân vật tôi có gì thay đổi?

Câu 6 (1,0 điểm) Em có nhận xét gì về thái độ của nhân vật Tôi trong câu nói:

"- Chẳng có gì cả! Con nói là, - Tôi nhấn mạnh từng chữ - con chán ghét cha và cả

những điều cha nghĩ, những gì cha nói và cha làm. Cha đã biến cả nhà ta thành trại

lính"

Câu 7 (1,0 điểm) Tình cảm của người cha dành cho con trong văn bản có gì đặc biệt?

Câu 8 (0,5 điểm) Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện trên?

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Em hãy viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội mà mình nhớ nhất.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	A. Tự sự	0,5 điểm
Câu 2	C. Ngôi thứ nhất	0,5 điểm
Câu 3	C. Nghiêm khắc nhưng thương vợ con và mọi người	0,5 điểm
Câu 4	B. Tình yêu thương của cha	0,5 điểm
Câu 5	Từ khi người cha về nghỉ hưu, cuộc sống của gia đình và nhân vật tôi có nhiều sự thay đổi: - Bỗng dưng về nhà xới tung lên mọi thứ với kỷ luật nhà binh. - Cha đã biến cả nhà ta thành trại lính.	0,5 điểm
Câu 6	Thái độ của người con qua câu nói "- Chẳng có gì cả! Con nói là, - Tôi nhấn mạnh từng chữ - con chán ghét cha và cả những điều cha nghĩ, những gì cha nói và cha làm. Cha đã biến cả nhà ta thành trại lính": - Sự hỗn láo với người cha. - Sự vô ơn với những người đi trước. - Sự nông nổi của tuổi trẻ. ….	1,0 điểm
Câu 7	Tình cảm của người cha đối với con: - Sự nghiêm khắc mong con có thể tránh xa những thói hư	1,0 điểm

	tật xấu trong xã hội, trở thành người có ích. - Đau lòng khi nghe con buông những lời lẽ cay đắng và tự trách khi đánh đứa con của mình. - Thao thức, tìm kiếm khi nhân vật tôi bỏ nhà đi.	
Câu 8	Bài học: - Sự biết ơn - Tình cha con - …	0,5 điểm

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn kể lại một hoạt động xã hội Mở bài giới thiệu được hoạt động xã hội. Thân bài triển khai được chi tiết hoạt động đó. Kết bài nêu được cảm nghĩ của bản thân về hoạt động đó.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại một hoạt động xã hội mà em được tham gia.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** - Giới thiệu được hoạt động: Lí do, mục đích của hoạt động xã hội đó. **2. Thân bài** - Kể diễn biến hoạt động (sự chuẩn bị cho hoạt động, diễn biến hoạt động, hoạt động kết thúc như thế nào?…)	4,0 điểm

	- Nêu được ấn tượng về hoạt động xã hội đó. **3. Kết bài** Thể hiện được cảm xúc và suy nghĩ về hoạt động mà em đã tham gia.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn	3	0	5	0	0	2	0	0	60
2	Viết	Viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100%

Tỉ lệ %	**20%**		**40%**		**30%**		**10%**	
Tỉ lệ chung	**60%**				**40%**			

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI

TT	Chương / chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Đọc hiểu**	Truyện ngắn	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ,…) và nội dung (đề tài, chủ đề; ý nghĩa của văn bản; tư tưởng, tình cảm, thái độ của người kể chuyện;…) của truyện ngắn. - Nhận biết và sử dụng được trợ từ, thán từ trong hoạt động đọc, viết, nói và nghe. **Thông hiểu**: - Phân tích, lí giải được ý	3TN	5TN	2TL	

			nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, các nét đặc sắc nghệ thuật của truyện; - Hiểu được tính cách/ phẩm chất nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại,… - Hiểu được thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. **Vận dụng:** - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống con người, tác giả trong văn bản. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc văn bản.				
2	**Viết**	Viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội. - Xác định được bố cục bài văn.				1 TL*

		động xã hội.	**Thông hiểu:** - Giới thiệu được lí do mục đích của chuyến tham quan. - Kể diễn biến chuyến tham quan. - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân để viết được bài văn kể lại một chuyến đi hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của để (sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài viết). - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao:** - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để kể lại cụ thể chuyến đi.				

			- Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				
Tổng số câu				**3TN**	**5TN**	**2TL**	**1 TL**
Tỉ lệ (%)				**20%**	**40%**	**30%**	**10%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN

……..

ĐỀ SỐ

ĐỀ THI

Năm học: 20… – 20….

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Sợi tóc

Thạch Lam

Anh Thành nhỏm dậy, nghiêng mình chống khuỷu tay xuống giường rồi bắt đầu nói với một giọng trầm và thong thả khiến người nghe hiểu được hết các ý tứ của câu chuyện:

Tôi có một người anh họ rất giầu và rất ngốc (có lẽ mình cho anh ta là ngốc, bởi vì hắn không xử sự như mình, không có những quan niệm về cuộc đời như mình; nhưng thật ra biết đâu cách ăn ở của anh ta lại không khôn ngoan hơn, bởi vì anh ta đã giầu và sung sướng?). Tên anh ta là Bân, Bân rất phục tôi, coi tôi là một người sành sỏi, thạo đời và nhất là thạo các ngón ăn chơi. Bởi vậy, động có việc gì, hoặc là muốn mua bán cái gì, anh ta đều không quên đến hỏi tôi trước.

Hôm ấy, Bân đến rủ tôi cùng đi mua một cái đồng hồ. Anh ta muốn mua hạng thật tốt, và nhờ tôi xem hộ. […] Lúc trả tiền, tôi thấy hắn giở ra một cái ví da lớn, phồng chặt. Hắn đếm giấy bạc thong thả và cẩn thận. Thoáng nhìn qua, tôi

cũng biết trong ví nhiều tiền lắm: ngoài số tiền bạc lẻ hắn mang ra trả, tôi còn thấy gấp ở ngăn trên đến năm, sáu cái giấy bạc một trăm nữa, những giấy bạc mới, màu còn tươi nguyên – "Quái, thằng cha này làm gì mà lắm tiền thế? Mình thì chả bao giờ có đến được một trăm bạc bỏ túi!" Tôi nghĩ thầm và so sánh thế.

Mua xong đồng hồ. Bân rủ tôi đi ăn:

- Ta lên hiệu chén, rồi lát nữa làm một chầu chứ, - hắn vỗ vào túi - tôi có đủ tiền đây!

Chúng tôi vào hiệu. Bân ăn vui vẻ lắm, có lẽ hắn vừa ý vì cái đồng hồ mua rẻ. Tôi thì trong óc cứ vơ vẩn cái ý nghĩ sao một thằng ngốc như hắn - tôi thấy hắn càng ngốc - lại có lắm tiền thế, còn mình...

Tuy vậy, ý nghĩ cũng không làm tôi ăn mất ngon. Tôi tỏ mặt sành, gọi những thức ăn quý và đắt tiền, và hai chúng tôi uống rượu say sưa.

Cơm xong, Bân đưa tôi xuống Vạn Thái, vào nhà một người nhân tình của hắn…

Nhà hát, ngoài cô nhân tình của Bân, các con em khác trông cũng khá. Tôi nằm bên bàn đèn nói vài câu chuyện tầm phơ. Còn Bân, hắn không nghe hát hiếc gì cả. Ngồi nói chuyện với tôi một lát lấy lệ, rồi hắn cùng với cô nhân tình vào buồng trong đi nằm một chỗ. Hắn không quên - tính cẩn thận của anh kiệt! - đem cả cái áo tây trong có ví tiền vào chỗ nằm, vắt trên thành đầu giường.

Một mình tôi ở ngoài đâm chán. Nằm một lát rồi tôi cũng đứng dậy sửa soạn ra về; Bân vẫn ở trong màn, nói vọng ra giữ lại:

- Anh hãy ở chơi đã, về làm gì vội. Ngày mai chủ nhật cơ mà.

- Thôi, tôi phải về. Sáng mai còn có việc.

Vừa nói tôi vừa với cái áo tây của tôi treo trên mắc. Bỗng nhiên có cái gì chuyển mạnh qua tim: tay tôi yên hẳn lại; tôi vừa mới nhận ra rằng cái áo tôi đương cầm không phải là áo của tôi. Thì ra lúc mang áo vào giường nằm, Bân đã mang nhầm áo. Hai chúng tôi cùng mặc thứ hàng len giống màu, như vậy dễ lẫn lắm. Tôi ghé nhìn vào phía trong áo thấy cái ví tiền ở túi thò ra ngoài một ít. Cái ví tiền... mấy tờ giấy bạc...

- Ở chơi đã anh. Ở chơi sáng sớm mai về với tôi một thể.

- Ờ... ờ...

Tôi điềm nhiên treo cái áo vào chỗ cũ, quay ra. Mấy chị em cũng phụ họa vào lời mời của Bân, nài nỉ:

- Tội gì mà về bây giờ anh, khuya và lạnh chết.

Tôi chỉ thoáng nghe thấy, trong trí như còn bận sự gì. Bâng khuâng tôi lại gần giường; một chị nâng chén mời:

- Anh uống chén nước nóng. Rồi nằm xuống đây có hơn không?

- Ờ thì hẵng nằm một lát đã.

Tiếng Bân trong màn đưa ra:

- Phải đấy, đến mai hẵng về. Tôi bảo chị Lan phải làm thế nào giữ anh ấy lại thì làm...

- Không... thể nào tôi cũng phải về, anh ạ...

Những lời đối đáp ấy cứ tự nhiên buột miệng ra, tôi không để ý đến. Trước mắt tôi, mấy tờ giấy bạc một trăm gấp trong ngăn ví, hiện ra rất rõ rệt. Lấy mấy tờ, độ hai tờ - tại sao lại hai? Tôi không biết - thật dễ dàng quá. Tôi cứ việc điềm nhiên với lấy áo, mở ví rút ra hai tờ, rồi khoác áo ở trên vai, ra ý sắp sửa về. Rồi chọn lúc mọi người vô ý - mà dẫu có ý cũng không ai biết được - tôi đổi lấy áo của tôi vắt ở đầu giường Bân... Thế là xong, và gọn. Mai dậy Bân biết mất chắc chẳng bao giờ dám nghi ngờ cho tôi. Mà nghi ngờ thế nào được?

Tôi về từ đêm cơ mà! Vả lại cái áo đựng tiền hắn đã cẩn thận mang vào giường ngay từ chập tối, vậy nếu có người lấy, thì chỉ có người nhà cô đầu mà thôi. Mà người nhà thì cũng khó lòng đến đấy lấy được, họa chăng có ngay cô nằm với Bân. ừ, có lẽ Bân sẽ nghi cho nhân tình của hắn lấy... Chắc thế. Tôi mỉm cười: Bân sẽ không dám nói gì đâu; biết nhân tình lấy, hắn sẽ im lặng, sợ làm cho nhân tình xấu hổ, và sợ làm tai tiếng chủ nhà. Hắn vốn tính nhát, với lại hai trăm đối với hắn chắc chả là bao.

Tất cả những cách xếp đặt ấy diễn qua rất nhanh trong trí tôi. Chỉ một thoáng thôi, tôi đủ tưởng trước được các việc xảy ra như thế, êm thấm và yên lặng, và trôi chảy... dễ dàng quá, mà không còn sợ cái gì cả...

- Mời anh xơi thuốc…

- Anh nghĩ gì mà thần người ra thế? Say thuốc có phải không?

Lan để tay nhẹ nhàng lên người tôi, lẳng lơ đưa mắt hỏi. Tôi giả vờ cười không đáp, rồi xoay nằm ngửa, nhìn lên trần nhà. Trong người bứt rứt không yên... Lắng nghe thấy tiếng Bân thì thào và tiếng cười khúc khích của nhân tình hắn trong màn. Chiếc áo vắt ở đầu giường - chiếc áo của tôi - chắc vẫn còn y nguyên ở đấy.

Tôi tưởng tượng khi có hai trăm trong túi rồi, lên xe về điềm tĩnh đi nằm ngủ. Sớm mai mất tiền, thế nào hắn chả về qua nhà mình. Hắn gọi cửa vào, đánh thức mình dậy và bơ phờ bảo:

- Tôi mất hai trăm bạc tối hôm qua rồi, anh ạ...

Tôi thấy trước bộ mặt ngạc nhiên của tôi lúc bấy giờ - một vẻ mặt rất tự nhiên, - và tôi hỏi: "Chết chửa, mất bao giờ? Ở đâu?" - Hắn sẽ thuật lại buổi tối hôm nay, lúc mang áo vào giường, đến lúc thấy mất: "Chỉ có con nhân tình tôi nó lấy thôi, anh ạ. Chả còn ai vào đấy nữa..."

- Thế giấy bạc của anh có biên số không?

Nếu hắn không biên số thì mình cứ việc tiêu tự nhiên! Vạn nhất hắn có biên số rồi, thì bảo hắn đi trình cẩm. Nhưng mình sẽ tiêu ngay hôm ấy... Một người như mình cầm tờ giấy trăm vào Gô Đa mua hàng, ai dám nghi ngờ?...

Tôi nhớ lúc ấy tuy vẫn nói chuyện với mấy cô em, tôi xếp đặt đâu vào đấy rất chu đáo, phòng ngừa đủ mọi việc xảy ra. Chỉ còn việc lấy, và đổi áo nữa là xong. Rất dễ.

- Ấy kìa, anh đi đâu đấy?

- Tôi đi về đây, mai có việc bận, không thể ở lại được.

Tôi đã nhổm dậy đến bên mắc, với áo, chiếc áo của Bân. Qua lần vải tôi thấy chiếc ví kềnh kệnh răn rắn. Khoác áo lên một bên vai, tôi đi lại trong nhà, bồn chồn nóng ruột. Một cô đầu lê guốc ra hé cửa, nhìn ra ngoài trời:

- Tối lắm. Phải vạ gì mà đi bây giờ anh ạ.

- Đâu xem nào...

Tôi cũng đến bên cửa nghiêng nhìn ra ngoài. Tay tôi đưa vào trong áo, luồn vào khe ví, sờ vào mấy tấm giấy bạc. Tôi rùng mình. Mấy ngón tay mân mê đầu tấm giấy, một cái, hai cái...

- Thôi, vào không gió, anh ạ. Vào nằm cho ấm...

[…] Tôi gạt tay cô ấy ra, gấp cái áo tây trên cánh tay, rồi đi vào phía giường Bân nằm. Tôi cúi xuống, tì vào thành giường - cố ý tì vào chỗ vắt cái áo - nhìn vào trong, qua màn.

- Anh ở lại nhé - tôi mỉm cười - tri kỷ hết đêm nay cho nó sướng...

Cô nhân tình khúc khích trong chăn. Và Bân ngửa đầu trông lên, tay với vào tấm màn:

- Mai nhé.

- Oui, à demain.

Nhưng tôi chưa quay ra. Tôi vẫn cứ tì mình trên thành giường, lưỡng lự, một lát bấy giờ sao lâu thế. Rồi, không biết tại sao, bỗng nhiên:

- Áo anh đây này, đây là áo của tôi.

Và nói thêm bằng tiếng Pháp:

- Anh đếm lại tiền đi. Và để cẩn thận vào trong ấy.

Bân nhỏm nửa người dậy, cầm lấy áo:

- Merci, được rồi.

Tôi bước một bước lùi ra. Thế là hết. Bây giờ thì không sao đụng đến ví được nữa. Tôi bần thần ngơ ngẩn, mặc lấy chiếc áo của tôi, và đội mũ... Vừa gài khuy, tôi vừa nói mấy câu bông đùa vô vị với cô ả đứng ở chân giường sắp tiễn tôi về. Tôi trùng trình uống nước và hút thuốc, muốn cái thời khắc này cứ kéo dài ra mãi.

Đến khi ngồi trên xe về qua những phố khuya vắng vẻ, tâm trí tôi mới dần bình tĩnh lại. Gió lạnh thổi mát trên vừng trán nóng, và cái cảm giác mát ấy khiến tôi dễ chịu. Tôi nghĩ lại đến những cử chỉ và dự định của tôi lúc nãy, thật vừa như một người khôn khéo lại như một người mất hồn. Tất cả những cái đó bây giờ xa quá. Tâm trí tôi giãn ra, như một cây tre uốn cong trở lại cái thẳng thắn lúc thường. Tôi cảm thấy một cái thú khoái lạc kỳ dị, khe khẽ và thầm lặng rung

động trong người, có lẽ là cái khoái lạc bị cám dỗ, mà cũng có lẽ cái khoái lạc đã đè nén được sự cám dỗ. Và một mối tiếc ngấm ngầm, tôi không tự thú cho tôi biết và cũng cố ý không nghĩ đến, khiến cho cái cảm giác ấy của tâm hồn tôi thêm một vẻ rờn rợn và sâu sắc.

*

* *

Sáng hôm sau tỉnh dậy ở nhà, tôi ngẩn ngơ nghĩ lại các việc tối hôm trước, y như trong một giấc mộng, chứ không phải việc đã xảy ra... Tôi ngạc nhiên tự hỏi sao mình hãy còn là người lương thiện, không phải là kẻ ăn cắp. Mà tôi thú thực rằng nếu bấy giờ tôi đã là kẻ ăn cắp, cái đó cũng không khiến tôi lấy làm ngạc nhiên hơn. Mà còn là người lương thiện, tôi tự thấy cũng chẳng có gì là đáng khen. Tôi nhớ rõ lúc đó không có một ý nghĩ nào về danh dự, về điều phải, điều trái ngăn cản tôi, và khiến tôi đi vào con đường ngay, như người ta vẫn nói. Không, không có một chút gì như thế. Cái gì đã giữ tôi lại? Tôi không biết... Có lẽ chỉ một lời nói không đâu, một cử chỉ nào đấy, về phía này hay phía kia, đã khiến tôi có ăn cắp hay không ăn cắp. Chỉ một sợi tóc nhỏ, một chút gì đó, chia địa giới của hai bên... Tôi có tiếc đã không lấy hay không, hay bằng lòng mình vì đã chống giữ lại cái ý xấu? Tôi cũng không tìm biết rõ hơn. Hình như ý nghĩ ham muốn hay trù trừ tối ấy không phải là của tôi, hình như của ai ấy, của một người nào khác lạ, khác với cái người thường của tôi bây giờ...

Chúng tôi đều yên lặng. Anh Thành nói xong, với cái điếu hút một hơi thuốc lào rất kêu. Rồi anh thở ra thong thả, mắt lờ mờ nhìn dõi theo làn khói đi.

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là?

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Biểu cảm

D. Nghị luận

Câu 2. Câu chuyện được kể theo ngôi kể nào?

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba số ít

D. Ngôi thứ ba số nhiều

Câu 3. Trong mắt Thành, Bân là người như thế nào?

A. Người hào phúng và tốt bụng

B. Người có tài kinh doanh

C. Người rất giàu và rất ngốc

D. Người keo kiệt bủn xỉn

Câu 4. Chi tiết nào cho thấy Thành đã giữ lại được lương tri của mình?

A. Tôi tỏ mặt sành, gọi những thức ăn quý và đắt tiền, và uống rượu say sưa.

B. Tôi cứ việc điềm nhiên với lấy áo, mở ví rút ra hai tờ, rồi khoác áo ở trên vai, ra ý sắp sửa về.

C. Tôi đã nhổm dậy đến bên mắc, với áo, chiếc áo của Bân.

D. Tôi cảm thấy một cái thú khoái lạc kỳ dị, khe khẽ và thầm lặng rung động trong người, có lẽ là cái khoái lạc bị cám dỗ, mà cũng có lẽ cái khoái lạc đã đè nén được sự cám dỗ.

Câu 5. Các sự việc trong câu chuyện được sắp xếp theo trình tự nào?

A. Thời gian

B. Không gian

C. Hiện thực, hồi ức đan xen

D. Tất cả các ý trên

Câu 6. Các sự việc trong đoạn *"Chết chửa, mất bao giờ? Ở đâu?" - Hắn sẽ thuật lại buổi tối hôm nay, lúc mang áo vào giường, đến lúc thấy mất: "Chỉ có con nhân tình tôi nó lấy thôi, anh ạ. Chả còn ai vào đấy nữa…"* có được diễn ra không? Vì sao?

A. Không được diễn ra vì đây là sự tưởng tượng của Bân

B. Không được diễn ra vì đây là sự tưởng tượng của Thành

C. Có diễn ra vì đây là lời của Bân nói.

D. Có diễn ra vì đây là lời của Thành nói.

Câu 7. Dòng nào nói lên cảm hứng bao trùm toàn tác phẩm?

A. Phê phán sự ngốc nghếch để bị lợi dụng của Bân

B. Cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác trong tâm hồn Thành

C. Thương xót cho số phận những người dân nghèo khó

D. Lên án sự gian manh, lươn lẹo của con người

Câu 8. Dòng nào nêu lên nghệ thuật truyện kể của văn bản?

A. Nghệ thuật khắc họa tâm lí nhân vật

B. Sử dụng ngôn từ và hình ảnh tạo cảm giác sâu sắc và cuốn hút

C. Truyện nhưng không có cốt truyện

D. Tất cả các đáp án trên

Câu 9 (1,0 điểm) Em hiểu như thế nào về ý nghĩa của "Sợi tóc" trong câu: "*Chỉ một sợi tóc nhỏ, một chút gì đó, chia địa giới của hai bên*"?

Câu 10 (1,0 điểm) Phân tích diễn biến tâm lí nhân vật Thành trong đoạn văn sau:

Tôi bước một bước lùi ra ... tâm hồn tôi thêm một vẻ rờn rợn và sâu sắc.

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội mà mình nhớ nhất.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	A. Tự sự	0,5 điểm
Câu 2	A. Ngôi thứ nhất	0,5 điểm
Câu 3	C. Người rất giàu và rất ngốc	0,5 điểm
Câu 4	D. Tôi cảm thấy một cái thú khoái lạc kỳ dị, khe khẽ và thầm lặng rung động trong người, có lẽ là cái khoái lạc bị cám dỗ, mà cũng có lẽ cái khoái lạc đã đè nén được sự cám dỗ.	0,5 điểm
Câu 5	A. Thời gian	0,5 điểm

Câu 6	B. Không được diễn ra vì đây là sự tưởng tượng của Thành	0,5 điểm
Câu 7	B. Cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác trong tâm hồn Thành	0,5 điểm
Câu 8	D. Tất cả các đáp án trên	0,5 điểm
Câu 9	Sợi tóc chỉ ranh giới mong manh giữa thiện và ác, lòng tham và lương tri con người. Trong xã hội, dù quá khứ hay hiện tại, chúng ta luôn phải đối mặt với những thứ thỏa mãn tham vọng hay là giữ gìn lương tâm trong sáng.	1,0 điểm
Câu 10	HS phân tích diễn biến tâm lí nhân vật Thành sau khi ra khỏi nhà hát và không lấy bất cứ một đồng nào của Bân. - Thành vẫn đứng bên bờ vực của cái tốt. - Sau bao nhiêu đắn đo, toan tính, khoảnh khắc Thành bước ra khỏi nhà hát với chiếc áo của mình trên tay và không một đồng tiền nào của Bân trên người, cũng là khi anh thoát khỏi thách thức của lòng tham cũng như mê lực của đồng tiền. - Thành đứng chấp chới giữa ranh giới mong manh của sạch sẽ và bị vẩy bẩn nhưng cuối cùng anh đã giữ cho mình một lương tri sạch sẽ. Chính Thành cũng không hiểu lý do mà anh quyết định như thế, sau khi ra về anh vẫn còn thấy chút tiếc nuối và biết mình không còn cơ hội động vào chiếc ví nữa.	1,0 điểm

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm

	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn kể lại một chuyến đi Mở bài giới thiệu được chuyến đi. Thân bài triển khai được chi tiết chuyến đi. Kết bài nêu được cảm nghĩ của bản thân về chuyến đi.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa).	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** - Giới thiệu được chuyến đi: Lí do, mục đích của chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa. **2. Thân bài** - Kể diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi, …) - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc,…). **3. Kết bài** Thể hiện được cảm xúc và suy nghĩ về chuyến đi.	3,0 điểm
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn	2	1	2	1	0	2	0	0	50
2	Viết	Viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội	0	1*	0	1*	0	1*	0	2*	50
Tổng			20	10	20	10	0	20	0	20	100%
Tỉ lệ %			30%		30%		20%		20%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng

							cao
1	**Đọc hiểu**	Truyện ngắn	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ, …) và nội dung (đề tài, chủ đề; ý nghĩa của văn bản; tư tưởng, tình cảm, thái độ của người kể chuyện;…) của truyện ngắn. - Nhận biết và sử dụng được trợ từ, thán từ trong hoạt động đọc, viết, nói và nghe. **Thông hiểu**: - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, các nét đặc sắc nghệ thuật của truyện; - Hiểu được tính cách/ phẩm chất	2TN 1TL	2TN 1TL	2TL	

			nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại,… - Hiểu được thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. **Vận dụng:** - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống con người, tác giả trong văn bản. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc văn bản.				
2	**Viết**	Viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội.	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội. - Xác định được bố cục bài văn. **Thông hiểu:**				1TL*

			- Giới thiệu được lí do mục đích của chuyến tham quan. - Kể diễn biến chuyến tham quan. - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân để viết được bài văn kể lại một chuyến đi hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của để (sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài viết). - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao:** - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi				

			cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để kể lại cụ thể chuyến đi. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				
Tổng số câu				**2TN 1TL**	**2TN 1TL**	**2TL**	**1TL**
Tỉ lệ (%)				**30%**	**30%**	**20%**	**20%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN

……..

ĐỀ SỐ

ĐỀ THI

Năm học: 20… – 20….

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Anh hai

- Ăn thêm cái nữa đi con!

- Ngán quá, con không ăn đâu!

- Ráng ăn thêm một cái, má thương. Ngoan đi cưng!

- Con nói là không ăn mà. Vứt đi! Vứt nó đi!

Thằng bé lắc đầu nguầy nguậy, gạt mạnh tay. Chiếc bánh kem văng qua cửa xe rơi xuống đường sát mép cống. Chiếc xe hơi láng bóng rồ máy chạy đi.

Hai đứa trẻ đang bới móc đống rác gần đó, thấy chiếc bánh nằm chỏng chơ xô đến nhặt. Mắt hai đứa sáng rực lên, dán chặt vào chiếc bánh thơm ngon. Thấy bánh lấm láp, đứa con gái nuốt nước miếng bảo thằng con trai:

- Anh Hai thổi sạch rồi mình ăn. Thằng anh phùng má thổi. Bụi đời đã dính, chẳng chịu đi cho. Đứa em sốt ruột cũng ghé miệng thổi tiếp. Chính cái miệng háu đói của nó làm bánh rơi tõm xuống cống hôi hám, chìm hẳn.

- Ai biểu anh Hai thổi chi cho mạnh – Con bé nói rồi thút thít.

- Ừa. Tại anh! Nhưng kem còn dính tay nè. Cho em ba ngón, anh chỉ liếm hai ngón thôi!

(Theo Lý Thanh Thảo)

Câu 1. Câu chuyện trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?

A. Tự sự

B. Biểu cảm

C. Miêu tả

D. Nghị luận

Câu 2. Ngôi kể của câu chuyện trên là gì?

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba

D. Có sự chuyển đổi ngôi kể

Câu 3. Dòng nào chỉ ra một từ tượng hình, một từ tượng thanh trong văn bản?

A. Chỏng chơ, lấm láp

B. Nguầy nguậy, lấm láp

C. Hôi hám, chỏng chơ

D. Thút thít, chỏng chơ

Câu 4. Xét về cấu tạo và mục đích nói, câu "Vứt nó đi!" thuộc kiểu câu gì?

A. Câu đơn – trần thuật

B. Câu ghép – trần thuật

C. Câu đơn – cầu khiến

D. Câu đơn – biểu cảm

Câu 5 (0,5 điểm) Nêu nội dung chính của văn bản trên.

Câu 6 (1,0 điểm) Sự việc nào làm nổi bật ý nghĩa nhan đề? Đó là ý nghĩa gì?

Câu 7 (1,0 điểm) Câu nói của người anh "*Nhưng kem còn dính tay nè. Cho em ba ngón, anh chỉ liếm hai ngón thôi*!" chứng tỏ điều gì? Tìm câu tục ngữ, ca dao có cùng ý nghĩa.

Câu 8 (0,5 điểm) Qua văn bản, em hiểu tác giả muốn gửi gắm thông điệp nào?

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Em hãy viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội mà em được tham gia có ý nghĩa nhất đối với bản thân.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	A. Tự sự	0,5 điểm
Câu 2	C. Ngôi thứ ba	0,5 điểm
Câu 3	D. Thút thít, chỏng chơ	0,5 điểm
Câu 4	C. Câu đơn – cầu khiến	0,5 điểm
Câu 5	Câu chuyện kể về cách cư xử của thằng bé con nhà giàu và hai đứa trẻ, tác giả ca ngợi tình anh em ruột thịt yêu thương, đùm bọc dù cuộc sống nghèo khổ.	0,5 điểm
Câu 6	- Sự việc: Nhưng kem còn dính tay nè. Cho em ba ngón, anh chỉ liếm hai ngón thô. - Ý nghĩa: Ca ngợi tình cảm anh em ruột thịt yêu thương, đùm bọc, nhường nhịn, sẻ chia, gắn bó khăng khít.	1,0 điểm
Câu 7	- Chứng tỏ sự hồn nhiên, trong sáng của 2 anh em. - Anh luôn yêu thương, nhường nhịn, quan tâm, chăm sóc	1,0 điểm

	em. - Tình cảm anh em là vô cùng thiêng liêng cao đẹp. Dù cuộc sống có nghèo đói, khốn khổ nhưng anh vẫn luôn yêu thương, đùm bọc, nhường nhịn em. - Câu tục ngữ: Anh em như thể tay chân Rách làm đùm bọc dở hay đỡ đần.	
Câu 8	Tác giả muốn cho mọi người thấy tình cảm anh em sâu sắc trong hoàn cảnh khó khăn và đồng thời phê phán những người không biết trân trọng tình cảm đó	0,5 điểm

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn kể lại một hoạt động xã hội Mở bài giới thiệu được hoạt động xã hội. Thân bài triển khai được chi tiết hoạt động đó. Kết bài nêu được cảm nghĩ của bản thân về hoạt động đó.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại một hoạt động xã hội mà em được tham gia.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** - Giới thiệu được hoạt động: Lí do, mục đích của hoạt động xã hội đó. **2. Thân bài**	4,0 điểm

	- Kể diễn biến hoạt động (sự chuẩn bị cho hoạt động, diễn biến hoạt động, hoạt động kết thúc như thế nào?…) - Nêu được ấn tượng về hoạt động xã hội đó. **3. Kết bài** Thể hiện được cảm xúc và suy nghĩ về hoạt động mà em đã tham gia.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	**Đọc hiểu**	Truyện ngắn	**3**	**1**	**0**	**1**	**0**	**1**	**0**	**0**	**50**
2	**Viết**	Viết bài văn kể lại một	**0**	**1***	**0**	**1***	**0**	**1***	**0**	**2***	**50**

		chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội									
Tổng			**15**	**20**	**0**	**25**	**0**	**20**	**0**	**20**	**100 %**
Tỉ lệ %			**35%**		**25%**		**20%**		**20%**		
Tỉ lệ chung			**60%**				**40%**				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI

TT	**Chương / chủ đề**	**Nội dung/ đơn vị kiến thức**	**Mức độ đánh giá**	**Số câu hỏi theo mức độ nhận thức**			
				Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận dụng**	**Vận dụng cao**
1	**Đọc hiểu**	Truyện ngắn	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ…) và nội dung (đề tài, chủ	3TN 1TL	1TL	1TL	

			đề; ý nghĩa của văn bản; tư tưởng, tình cảm, thái độ của người kể chuyện…) của truyện ngắn. - Nhận biết và sử dụng được trợ từ, thán từ trong hoạt động đọc, viết, nói và nghe. **Thông hiểu**: - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, các nét đặc sắc nghệ thuật của truyện; - Hiểu được tính cách/ phẩm chất nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại… - Hiểu được thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. **Vận dụng:** - Nhận xét được nội dung phản ánh				

			và cách nhìn cuộc sống con người, tác giả trong văn bản. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc văn bản.				
2	**Viết**	Viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội.	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội. - Xác định được bố cục bài văn. **Thông hiểu:** - Giới thiệu được lí do mục đích của chuyến tham quan. - Kể diễn biến chuyến tham quan. - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích.				1TL*

			Vận dụng: - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân để viết được bài văn kể lại một chuyến đi hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của để (sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài viết). - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao:** - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để kể lại cụ thể chuyến đi. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				
Tổng số câu				**3TN** **1TL**	**1TL**	**1TL**	**1TL**

Tỉ lệ (%)		**35%**	**25%**	**20%**	**20%**
Tỉ lệ chung		**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN
……..

ĐỀ SỐ 3

ĐỀ THI
Năm học: 20… – 20….
Môn: Ngữ văn – Lớp 8
(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả. Mị không biết, Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy, nhưng Mị không bước ra đường chơi, mà Mị từ từ bước vào buồng. Chẳng năm nào, A Sử cho Mị đi chơi Tết. Mị cũng chẳng buồn đi. Bấy giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lửng lơ bay ngoài đường:

Anh ném pao, em không bắt

Em không yêu, quả pao rơi rồi…

(Tô Hoài, Vợ chồng A Phủ)

Câu 1 (0,5 điểm). Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản là:

A. Tự sự, miêu tả, biểu cảm

B. Nghị luận, miêu tả, tự sự

C. Thuyết minh, biểu cảm, tự sự

D. Nghị luận, thuyết minh, biểu cảm

Câu 2 (0,5 điểm). Xác định ngôi kể của đoạn trích trên.

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba

D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba.

Câu 3 (0,5 điểm). Xác định điểm nhìn trần thuật trong đoạn văn trên.

A. 1 điểm nhìn trần thuật của người kể chuyện ngôi thứ ba.

B. 1 điểm nhìn trần thuật của nhân vật Mị.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu 4 (1,5 điểm). Chỉ ra điểm nhìn trần thuật trong đoạn văn mà em vừa xác định ở câu 3. Cách tổ chức điểm nhìn trần thuật của nhà văn ở đây có gì đặc sắc?

Câu 5 (1,0 điểm): Chi tiết tiếng sáo xuất hiện cuối đoạn trích có ý nghĩa như thế nào trong việc diễn tả tâm lí nhân vật Mị?

Câu 6 (1,0 điểm): Từ đoạn trích trên, anh/chị có cảm nghĩ gì về người phụ nữ miền núi trong xã hội phong kiến xưa?

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Em hãy viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội mà mình nhớ nhất.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm

Câu 1	A. Tự sự, miêu tả, biểu cảm	0,5 điểm
Câu 2	C. Ngôi thứ ba	0,5 điểm
Câu 3	C. Cả A và B đều đúng.	0,5 điểm
Câu 4	– Xác định điểm nhìn trần thuật: + Điểm nhìn của người kể chuyện ngôi thứ 3: *Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả. Mị không biết, Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy, nhưng Mị không bước ra đường chơi, mà Mị từ từ bước vào buồng.* + Điểm nhìn của nhân vật Mị: *Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa.* – Đặc sắc: Sự dịch chuyển điểm nhìn trần thuật từ người kể chuyện đến nhân vật, từ ngoài vào trong giúp nhà văn thâm nhập, khám phá chiều sâu nội tâm nhân vật; cho người đọc thấy được sự linh hoạt, biến hóa trong nghệ thuật trần thuật của nhà văn cũng như cảm nhận được tấm lòng thấu hiểu, đồng cảm sâu xa i của người viết.	1,5 điểm
Câu 5	Chi tiết tiếng sáo xuất hiện cuối đoạn trích ngầm khẳng định: thực tại kiếp sống nô lệ khiến Mị buồn tủi muốn chết nhưng sâu trong ý thức người phụ nữ ấy vẫn là niềm khát sống, khát yêu mãnh liệt. Tiếng sáo là tiếng gọi thiết tha của sự sống ngoài kia hay chính là sự lên tiếng của khát vọng tiềm tàng mà mãnh liệt ấy!	1,0 điểm
Câu 6	Cảm nghĩ gì về người phụ nữ miền núi trong xã hội phong kiến xưa: – Thấu hiểu, sẻ chia với thân phận khổ đau, bi kịch của người phụ nữ. – Trân trọng những khát vọng đẹp đẽ, chính đáng của người phụ nữ.	1,0 điểm

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm

	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn kể lại một chuyến đi Mở bài giới thiệu được chuyến đi. Thân bài triển khai được chi tiết chuyến đi. Kết bài nêu được cảm nghĩ của bản thân về chuyến đi.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa).	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** - Giới thiệu được chuyến đi: Lí do, mục đích của chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa. **2. Thân bài** - Kể diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi, …) - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc,…). **3. Kết bài** Thể hiện được cảm xúc và suy nghĩ về chuyến đi.	4,0 điểm
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn	2	1	0	1	0	2	0	0	50
2	Viết	Viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội	0	1*	0	1*	0	1*	0	2*	50
Tổng			20	10	0	30	0	20	0	20	100%
Tỉ lệ %			30%		30%		20%		20%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao

1	**Đọc hiểu**	Truyện ngắn	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ, …) và nội dung (đề tài, chủ đề; ý nghĩa của văn bản; tư tưởng, tình cảm, thái độ của người kể chuyện;…) của truyện ngắn. - Nhận biết và sử dụng được trợ từ, thán từ trong hoạt động đọc, viết, nói và nghe. **Thông hiểu**: - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, các nét đặc sắc nghệ thuật của truyện; - Hiểu được tính cách/ phẩm chất nhân vật thể hiện	2TN 1TL	1TL	2TL	

			qua cử chỉ, hành động, lời thoại… - Hiểu được thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. **Vận dụng:** - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống con người, tác giả trong văn bản. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc văn bản.				
2	**Viết**	Viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội.	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội. - Xác định được bố cục bài văn. **Thông hiểu:** - Giới thiệu được lí				1TL*

			do mục đích của chuyến tham quan. - Kể diễn biến chuyến tham quan. - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân để viết được bài văn kể lại một chuyến đi hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề (sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài viết). - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao:** - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các				

			yếu tố miêu tả, biểu cảm để kể lại cụ thể chuyến đi. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				
Tổng số câu				**2TN** **1TL**	**1TL**	**2TL**	**1TL**
Tỉ lệ (%)				**30%**	**30%**	**20%**	**20%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN
……..

ĐỀ SỐ

ĐỀ THI
Năm học: 20…. – 20….
Môn: Ngữ văn – Lớp 8
(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Quê hương thứ nhất của chị ở đất Hưng Yên, quê hương thứ hai của chị ở nông trường Hồng Cúm, hạnh phúc mà chị đã mất đi từ bảy, tám năm trước nay ai ngờ chị lại tìm thấy ở một nơi mà chiến tranh đã xảy ác liệt nhất. Ở đây, trong những buổi lễ cưới, người ta tặng nhau một quả mìn nhảy đã tháo kíp làm giá bút, một quả đạn cối đã tiện đầu, quét lượt sơn trắng làm bình hoa, một ống thuốc mồi của quả bom tấn để đựng giấy giá thú, giấy khai sinh cho các cháu sau này và những cái võng nhỏ của trẻ con tết bằng ruột dây dù rất óng. Sự sống nảy sinh từ cái chết, hạnh phúc hiện hình từ trong những hi sinh gian khổ, ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua ranh giới ấy.

(Nguyễn Khải, *Mùa lạc*, Dẫn theo *Truyện ngắn Nguyễn Khải*, NXB Văn học 2013)

Câu 1 (0,5 điểm). Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản là:

A. Tự sự, miêu tả, biểu cảm

B. Nghị luận, miêu tả, tự sự

C. Thuyết minh, biểu cảm, tự sự

D. Nghị luận, thuyết minh, biểu cảm

Câu 2 (0,5 điểm). Xác định ngôi kể của đoạn trích trên.

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba

D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba.

Câu 3 (0,5 điểm). Dựa vào đoạn trích, anh/chị hãy ghi lại câu văn giới thiệu về quê hương của nhân vật "chị".

Câu 4 (1,0 điểm). Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong cụm từ in đậm trong câu văn sau: "*Ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua ranh giới ấy*"?

Câu 5 (2,0 điểm): Anh/Chị hiểu như thế nào về cuộc sống và con người qua các hình ảnh được nói đến trong câu: *"Ở đây, trong những buổi lễ cưới, người ta tặng nhau một quả mìn nhảy đã tháo kíp làm giả bút, một quả đạn cối đã tiện đầu, quét lượt sơn trắng làm bình hoa, một ống thuốc mồi của quả bom tấn để đựng giấy giả thú, giấy khai sinh cho các cháu sau này và những cái võng nhỏ của trẻ con tết bằng ruột dây dù rất ông".*

Câu 6 (0,5 điểm) Thông điệp nào có ý nghĩa nhất với anh (chị)? Vì sao?

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Em hãy viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội mà mình nhớ nhất.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	A. Tự sự, miêu tả, biểu cảm	0,5 điểm
Câu 2	C. Ngôi thứ ba	0,5 điểm
Câu 3	Câu văn giới thiệu về quê hương của nhân vật "chị": "*Quê hương thứ nhất của chị ở đất Hưng Yên, quê hương thứ hai của chị ở nông trường Hồng Cúm, hạnh phúc mà chị đã mất đi từ bảy, tám năm trước nay ai ngờ chị lại tìm thấy ở một nơi mà chiến tranh đã xảy ác liệt nhất.*"	0,5 điểm
Câu 4	– Biện pháp tu từ: ẩn dụ *con đường cùng chỉ cái chết hay sự thất bại.* – Tác dụng: tăng tính hàm súc, cô đọng trong diễn đạt, làm cho câu văn mang giá trị biểu đạt cao, gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc.	1,0 điểm
Câu 5	- Học sinh có thể lựa chọn những thông điệp khác nhau, có ý nghĩa đối với nhận thức và hành động của bản thân. Lí giải được sự lựa chọn (ý nghĩa của thông điệp) - Ví dụ: Cần có ý chí, nghị lực để vượt qua gian khổ; hạnh phúc sẽ đến nếu con người biết vươn lên.	2,0 điểm

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn kể lại một chuyến đi Mở bài giới thiệu được chuyến đi. Thân bài triển khai được chi tiết chuyến đi. Kết bài nêu được cảm nghĩ của bản thân về chuyến đi.	0,25 điểm

	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa).	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** - Giới thiệu được chuyến đi: Lí do, mục đích của chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa. **2. Thân bài** - Kể diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi, …) - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc,…). **3. Kết bài** Thể hiện được cảm xúc và suy nghĩ về chuyến đi.	4,0 điểm
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ sáu chữ, bảy chữ	4	0	0	1	0	1	0	0	50
2	Viết	Viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội.	0	1*	0	1*	0	1*	0	2*	50
Tổng			20	10	0	30	0	20	0	20	100%
Tỉ lệ %			30%		30%		20%		20%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung / đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao

1	**Đọc hiểu**	Thơ sáu chữ, bảy chữ	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố hình thức của thơ sáu chữ, bảy chữ (số chữ ở mỗi dòng; vần, nhịp; từ ngữ, hình ảnh; bố cục, mạch cảm xúc;…). - Nhận biết được sắc thái nghĩa của từ ngữ và hiệu quả lựa chọn từ ngữ. **Thông hiểu**: - Phân tích được một số yếu tố hình thức của thơ sáu chữ, bảy chữ (số chữ ở mỗi dòng; vần, nhịp; từ ngữ, hình ảnh; bố cục, mạch cảm xúc;…) và tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ. **Vận dụng:** - Vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào đọc hiểu văn	2TN 1TL	2TN 1TL	2TL	

			bản thơ.				
2	**Viết**	Viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội.	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội. - Xác định được bố cục bài văn. **Thông hiểu:** - Giới thiệu được lí do mục đích của chuyến tham quan. - Kể diễn biến chuyến tham quan. - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân để viết được bài văn kể lại một chuyến đi hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của để (sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm				1TL*

			trong bài viết). - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao:** - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để kể lại cụ thể chuyến đi. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				
Tổng số câu				**4TN**	**1TL**	**1TL**	**1TL**
Tỉ lệ (%)				**30%**	**30%**	**20%**	**20%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN

……..

ĐỀ SỐ

ĐỀ THI

Năm học: 20… – 20….

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

QUÊ HƯƠNG

"…Quê hương là vòng tay ấm
Con nằm ngủ giữa mưa đêm
Quê hương là đêm trăng tỏ
Hoa cau rụng trắng ngoài thềm

....

Quê hương mỗi người chỉ một

Như là chỉ một mẹ thôi

Quê hương nếu ai không nhớ

Sẽ không lớn nổi thành người."

(Trích bài thơ "Quê hương" – Đỗ Trung Quân)

Câu 1 (0,5 điểm). Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?

A. Thơ sáu chữ

B. Thơ bảy chữ

C. Thơ lục bát

D. Thơ tự do

Câu 2 (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên?

A. Tự sự

B. Biểu cảm

C. Nghị luận

D. Thuyết minh

Câu 3 (0,5 điểm). Nội dung chính của đoạn thơ trên là:

A. Nỗi nhớ quê hương tha thiết và sâu nặng của tác giả.

B. Ca ngợi vẻ đẹp của quê hương đất nước.

C. Tình cảm yêu thương, gắn bó tha thiết, sâu nặng với quê hương của tác giả.

D. Đáp án khác.

Câu 4 (0,5 điểm). Biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong câu thơ

"...Quê hương là vòng tay ấm

Con nằm ngủ giữa mưa đêm"

A. Nhân hóa

B. So sánh

C. Ẩn dụ

D. Hoán dụ

Câu 5 (1,0 điểm) Tìm và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ có trong đoạn thơ trên.

Câu 6 (2,0 điểm) Qua đoạn thơ tác giả muốn gửi gắm tới người đọc thông điệp gì?

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Em hãy viết một bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội đáng nhớ nhất của em.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	A. Thơ sáu chữ	0,5 điểm
Câu 2	B. Biểu cảm	0,5 điểm
Câu 3	C. Tình cảm yêu thương, gắn bó tha thiết, sâu nặng với quê hương của tác giả.	0,5 điểm
Câu 4	B. So sánh	0,5 điểm
Câu 5	- Biện pháp tu từ: + Điệp ngữ "*quê hương*" được lặp lại 4 lần. + So sánh: *Quê hương là vòng tay ấm; là đêm trăng tỏ; như là chỉ một mẹ thôi.* - Tác dụng: Nhấn mạnh tình yêu tha thiết, sự gắn bó sâu nặng với quê hương của tác giả. Đồng thời đã làm nổi bật hình ảnh quê hương thật bình dị, mộc mạc nhưng cũng thật ấm áp, gần gũi, thân thương, máu thịt, thắm thiết.	1,0 điểm

Câu 6	- HS trình bày thành một đoạn văn (từ 5-7 câu) - HS xác định thông điệp có ý nghĩa nhất đối với bản thân: + Vai trò của quê hương. + Giáo dục tình yêu quê hương.	2,0 điểm

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn kể lại một chuyến đi Mở bài giới thiệu được chuyến đi. Thân bài triển khai được chi tiết chuyến đi. Kết bài nêu được cảm nghĩ của bản thân về chuyến đi.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa).	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** - Giới thiệu được chuyến đi: Lí do, mục đích của chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa. **2. Thân bài** - Kể diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi, …) - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc,…).	3,5 điểm

	3. Kết bài Thể hiện được cảm xúc và suy nghĩ về chuyến đi.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,5 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Môn: Ngữ văn 8

TT	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc - hiểu	Truyện ngắn	4	0	3	1	0	2	0	0	60
2	Viết bài văn	Kể lại một chuyến đi hoặc một	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40

		hoạt động xã hội									
Tổng			**20**	**5**	**15**	**25**	**0**	**25**	**0**	**10**	**100**
Tỉ lệ (%)			**25**		**40**		**25**		**10**		
Tỉ lệ chung			**65**				**35**				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	**Chương/ chủ đề**	**Nội dung/ đơn vị kiến thức**	**Mức độ đánh giá**	**Số câu hỏi theo mức độ nhận thức**			
				Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận dụng**	**Vận dụng cao**
Phần I.	**Đọc-hiểu**	Truyện ngắn	***Nhận biết:** - Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu. - Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, tình huống, các biện pháp xây dựng nhân vật. ***Thông hiểu:** - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản. - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản.	4TN	3TN 1TL	2TL	

			*** Vận dụng.** - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản. - Vận dụng những hiểu biết về vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học để đánh giá giá trị của tác phẩm.				
Phần II.	**Viết bài văn**	Kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội	***Nhận biết:** Nhận biết được đối tượng kể, định hướng được cách làm. ***Thông hiểu:** Đảm bảo cấu trúc, xác định đúng yêu cầu đề. ***Vận dụng:** Biết kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội ***Vận dụng cao:** Viết được bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội. Thể hiện đưcọ những ấn tượng, suy nghĩ và tình cảm sâu sắc. Sử dụng hiệu quả yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản. Viết được bài văn biểu cảm về con người: thể hiện tình cảm, cảm xúc, thái độ của bản thân.	1*	1*	1*	1TL*
Tổng				**4TN**	**3TN, 1TL**	**2TL**	**1TL***
Tỉ lệ (%)				**25**	**40**	**25**	**10**
Tỉ lệ chung				**65**		**35**	

B. ĐỀ BÀI

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 1

Môn: Ngữ văn 8

(*Thời gian làm bài: 90 phút*)

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Một ngày nọ, người bố giàu có dẫn cậu con trai của mình thăm thú một ngôi làng. Người bố muốn cho con trai của mình thấy một người nghèo có thể nghèo đến mức nào. Họ đã dành thời gian tham quan cánh đồng của một gia đình nghèo. Sau khi trở về, người bố hỏi cậu con trai:

- Con thấy chuyến đi thế nào?

- Rất tuyệt bố ạ!

Người bố hỏi:

- Con đã thấy người nghèo sống thế nào chưa?

- Vâng, con thấy rồi ạ!

- Vậy nói cho bố nghe, con học được gì từ chuyến đi này?

Cậu bé trả lời:

- Chúng ta có một con chó, họ có bốn. Chúng ta có bể bơi, họ có những con sông. Chúng ta dùng đèn vào ban đêm, còn họ có những ngôi sao. Chúng ta có những bức tường để bảo vệ mình, họ có bạn bè. Chúng ta có ti vi, còn họ dành thời gian cho gia đình và họ hàng.

Cậu bé nói thêm:

- Cảm ơn bố đã cho con thấy chúng ta nghèo như thế nào!

Người bố vô cùng ngạc nhiên, ông nhìn cậu con trai, mỉm cười đáp:

- Chúng ta không giàu có chỉ vì có nhiều tiền. Tình yêu, lòng trắc ẩn, gia đình, tình bạn, những giá trị đích thực mới khiến chúng ta thực sự giàu có con ạ!

(***"Cảm ơn bố đã cho con thấy chúng ta nghèo như thế nào?",*** dẫn theo *http://quantrimang.com/cau-chuyen-y-nghia-ve-cuoc-song,* 2018)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

A. Biểu cảm

B. Miêu tả

C. Tự sự

D. Thuyết minh

Câu 2. Xác định ngôi kể của truyện:

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ ba

C. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba D. Ngôi thứ hai

Câu 3. Theo văn bản, người bố muốn cho con trai của mình thấy điều gì khi dẫn con thăm thú một ngôi làng?

A. một người nghèo có thể nghèo đến mức nào.

B. một ngôi làng đẹp đến mức nào.

C. một người có thể giàu có đến mức nào.

D. để thấy mình giàu có đến mức nào.

Câu 4: Trong văn bản, các nhân vật chủ yếu được khắc họa ở phương diện nào?

A. Hành động

B. Trang phục

C. Suy nghĩ

D. Lời nói

Câu 5: Tại sao người con lại thấy chuyến đi thăm ngôi làng "rất tuyệt"?

A. Vì cậu bé nhận ra những người dân trong làng nghèo như thế nào.

B. Vì cậu nhận ra gia đình của cậu giàu có.

C. Vì cậu thích được vui chơi cùng lúc với nhiều động vật.

D. Vì cậu bé đã biết người nghèo sống như thế nào.

Câu 6: Lí do nào khiến nhân vật người bố *"vô cùng ngạc nhiên"* về con sau chuyến đi?

A. Vì con được thăm thú, thưởng thức món ăn ở làng quê.

B. Vì con thấy được sự cách biệt giữa giàu nghèo.

C. Vì con thấy cuộc sống của hai bố con giàu có ra sao.

D. Vì con đã nhìn thấy sự khác biệt trong cuộc sống của hai cha con và những người ở ngôi làng mà họ đến thăm, nhận thấy mình nghèo đến mức nào.

Câu 7: Tác dụng của trợ từ trong câu: **"** - *Vâng, con thấy rồi ạ!" là:*

A. Tạo tình cảm thân mật, yêu mến của con dành cho bố.

B. Tạo sắc thái lễ phép, kính trọng của người con với bố.

C. Nhấn mạnh vào cái con đã thấy.

D. Dùng để hỏi.

Câu 8: Nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong đoạn văn: *"Chúng ta có những bức tường để bảo vệ mình, họ có bạn bè. Chúng ta có ti vi, còn họ dành thời gian cho gia đình và họ hàng"*.

Câu 9: Em có đồng tình với quan điểm của người bố *"Tình yêu, lòng trắc ẩn, gia đình, tình bạn, những giá trị đích thực mới khiến chúng ta thực sự giàu có"* trong văn bản không? Vì sao?

Câu 10: Qua câu chuyện, em rút ra được những bài học gì cho bản thân?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	C	B	A	D	D	D	B

Viết một bài văn kể lại một chuyến đi để lại cho em ấn tượng sâu sắc.

ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6,0**
	Câu 1- 7: Mỗi câu đúng (0,5 điểm)		
	8	Tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong đoạn văn: *"Chúng ta có những bức tường để bảo vệ mình, họ có bạn bè. Chúng ta có ti vi, còn họ dành thời gian cho gia đình và họ hàng"*: - Các hình ảnh liệt kê: *"những bức tường", "ti vi", "bạn bè, gia đình", "họ hàng"* - Biện pháp liệt kê nhân mạnh những sự khác biệt trong cuộc sống của hai cha con và những người ở ngôi làng mà họ đến thăm. Qua đó, thấy được suy nghĩ của cậu bé về giàu, nghèo. Từ đó giúp người đọc nhận ra giá trị tinh thần như tình bạn,	1,0

		tình yêu, tình cảm gia đình, họ hàng mới là những giá trị đích thực làm cho cuộc sống con người thực sự giàu có. - Giúp cho đoạn văn thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm. ***Hướng dẫn chấm**:* *- Trả lời được 3 - 4 ý như đáp án: 1,0 điểm.* *- Trả lời được 2 ý như đáp án: 0,5 điểm* *- Trả lời được 1 ý như đáp án: 0,25 điểm*	
	9	- Học sinh bày tỏ quan điểm của bản thân: đồng tình/không đồng tình/không hoàn toàn đồng tình. - Lí giải hợp lí, thuyết phục, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Đây là một định hướng: Đồng tình vì: + Tình yêu, lòng trắc ẩn, gia đình, tình bạn, những giá trị đích thực vì đó là những giá trị tinh thần làm cho chúng ta được sống đầy đủ hơn, phong phú hơn, trọn vẹn hơn. Đó là những thứ vô giá mà tiền bạc không mua được. + Sự giàu có về tình yêu, lòng trắc ẩn, tình cảm gia đình, bạn bè giúp cho mỗi người nhận thấy cuộc đời đầy ý nghĩa, đem lại sự giàu có về tinh thần, đem lại sức mạnh để con người lao động, cống hiến, … + Giúp mọi người gắn kết, xã hội văn minh, … - *Không đồng ý vì:* + Ngoài các giá trị như tình yêu, lòng trắc ẩn, gia đình, tình bạn, …thì cuộc sống của con người vẫn cần những giá trị vật chất khác để nuôi sống con người, để chữa bệnh, và phục vụ các nhu cầu khác. + Nếu chỉ thiên về giá trị tinh thần, con người sẽ đánh mất đi cơ hội để phát triển, làm giàu cho bản thân, gia đình và xã hội. + Có các giá trị vật chất xã hội mới có thể phát triển, … **Hướng dẫn chấm**: *- HS bày tỏ quan điểm cá nhân và lí giải hợp lí, thuyết phục: 1,0 điểm.* *- HS bày tỏ quan điểm cá nhân và lí giải hợp lí nhưng chưa thật đầy đủ: 0,75 điểm. - HS chỉ bày tỏ quan điểm cá nhân, không lí giải: 0,5 điểm.* *- HS không trả lời hoặc trả lời nhưng lí giải không phù hợp*	1,0

		với chuẩn mực đạo đức, pháp huật: không cho điểm.	
	10	HS rút ra 2 đến 3 bài học có ý nghĩa cho bản thân, phù hợp chuẩn mực đạo đức. Đây là định hướng: - Chúng ta cần phải sống yêu thương, gắn bó, cần xây dựng các mối quan hệ gia đình, bạn bè, mối quan hệ giữa con người với con người tốt đẹp. - Ngoài những giá trị vật chất, mỗi người cần tạo cho mình một đời sống tinh thần phong phú, sống hòa mình với thiên nhiên, với mọi người xung quanh. - Cuộc sống cần có những trải nghiệm để có hiểu biết về cuộc sống, để nhận ra những giá trị đích thực của nó ***Hướng dẫn chấm**:* *- Đưa ra được 2 ý nghĩa hợp lí: 0.5 điểm* *- Đưa ra được 1 ý nghĩa hợp lí: 0.25 điểm.*	0,5
II		**LÀM VĂN**	**4,0**
		***Viết một bài văn kể lại một chuyến đi để lại cho em ấn tượng sâu sắc**.*	
		a. Đảm bảo cấu trúc bài tự sự Mở bài nêu được nêu tên một chuyến đi có ý nghĩa mà em đã tham gia; thân bài kể lại được chi tiết về một chuyến đi hay theo một trình tự thống nhất; kết bài nêu được ý nghĩa hoặc bài học thu được sau khi tham gia chuyến đi.	0,5
		b. Xác định đúng sự việc cần kể: một chuyến đi em đã tham gia Viết bài văn kể lại một chuyến đi để lại cho em ấn tượng sâu sắc.	0,25
		c. Triển khai nội dung bài viết thành các đoạn văn Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng nắm chắc các yêu cầu của một bài văn tự sự kể lại một chuyến đi có ý nghĩa: *** Mở bài:** Giới thiệu về một chuyến đi để lại trong em ấn tượng sâu sắc *** Thân bài:** Lần lượt kể lại chuyến đi theo trình tự nhất định: - Nêu mục đích của chuyến đi, lí do em tham gia chuyến đi đó. - Kể về hình thức tổ chức hoạt động của chuyến đi (thành	2,5

		phần tham gia, thời gian, địa điểm,…). - Kể về quá trình tiến hành chuyến đi (bắt đầu, hoạt động chính, kết thúc). - Nêu kết quả, ý nghĩa của chuyến đi (về vật chất và về tinh thần) Lưu ý: Kết hợp với các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận để kể lại. *** Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa và bài học sau khi tham gia chuyến đi	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện nhìn nhận, cảm xúc tích cực về chuyến đi/ hoạt động xã hội được kể, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			**10,0**

***Đánh giá toàn bài:**

Mức điểm	**Mức độ đánh giá**
4,0	- Đảm bảo đầy đủ yêu cầu về kiến thức, kĩ năng; lời văn trong sáng; thuyết phục.
3,75 - 2,75	- Đảm bảo yêu cầu về kiến thức, kĩ năng nhưng còn mắc một vài lỗi diễn đạt.
2,5 - 1,5	- Đảm bảo yêu cầu cơ bản nhưng chưa rõ ràng.
1,25 - 0,25	- Bài tóm tắt còn sơ sài, chưa rõ sự việc, nhân vật chính.
0,0	- Bài viết lạc đề, chưa đảm bảo các yêu cầu trên.

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 2

Môn: Ngữ văn 8

(*Thời gian làm bài: 90 phút*)

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

CÚC ÁO CỦA MẸ

Nhất Băng *(Trung Quốc)*

Cậu còn nhớ sinh nhật 12 tuổi. Vừa sáng tinh mơ, đã nghe thấy mẹ nói: "Con trông đây là cái gì?". Cậu mở to mắt, trước mặt là một chiếc áo mới, kiểu quân phục như cậu từng mơ ước, hai hàng cúc đồng, trên vai áo có ba vạch màu xanh, đó là mốt quần áo "thịnh hành" trong học sinh. Cậu bỗng mừng rơn, vội mặc áo quần. Cậu muốn đến lớp, ra oai với các bạn. Từ nhỏ đến lớn, cậu toàn mặc quần áo cũ của anh, vá chằng vá đụp nữa! Quả nhiên đúng như dự kiến, khi cậu bước vào lớp, ánh mắt của các bạn đều trố lên. Các bạn đều không ngờ được rằng, cậu bạn lúc nào cũng mặt mày lọ lem, đầu bù tóc rối bụi bặm cũng có lúc vẻ vang rạng rỡ như thế.

Cậu hoàn thành tiết học đầu tiên một cách vui vẻ, hởi lòng hởi dạ. Trong giờ giải lao, các bạn đều vây quanh cậu. Có bạn bỗng hỏi: "Ô hay! Tại sao khuy áo của bạn không giống của chúng mình nhỉ?"

Lúc ấy, cậu mới nhìn kỹ cúc áo của mình, quả thật không giống cúc áo của người khác, hai dãy thẳng đứng. Còn cúc áo của cậu lại nghiêng lệch, hai dãy xếp thành hình chữ "vê" (V).

Các bạn bỗng đều cười òa lên. Thì ra, chỗ đính khuy trên chiếc áo trắng của cậu là một miếng vải cũ màu vàng. Cậu cũng hiểu ra, chắc là mảnh vải mẹ mua không đủ may áo, đành phải lót bên trong bằng mảnh vải khác, sợ người khác nhìn thấy cúc áo đành phải đính sang bên cạnh. Và cũng để người khác không nhìn thấy, mẹ đã khéo léo đính chéo hàng cúc kia, tự nhiên thành hình chữ "vê" (V).

Biết rõ sự thực, các bạn lại giễu cợt, khiến cho lửa giận bốc lên ngùn ngụt trong lòng cậu. Buổi trưa về đến nhà, cậu cắt nát vụn chiếc áo mới của mình. Mẹ cậu lao đến trước mặt con, giơ cao tay, nhưng cuối cùng không giáng xuống. Cậu liếc nhìn, thấy nước mắt mẹ chảy quanh trong khóe mắt, vội quay đầu chạy biến…(...) Từ hôm ấy trở đi, mẹ làm việc ít nghỉ tay. Cậu tận mắt thấy mẹ gầy sọp đi, thấy mẹ nằm bẹp rồi ra đi mãi mãi… Cậu rất muốn nói một câu: "Con xin lỗi mẹ", mà không còn cơ hội nữa. Sau này, cậu cố gắng học tập, cậu có rất nhiều, rất nhiều tiền, rồi sửa sang phần mộ của mẹ nhiều lần.

Một hôm, cậu tham gia một cuộc trình diễn thời trang của nhà thiết kế bậc thầy. Có một người mẫu nam bước lên sàn diễn khiến mắt cậu bỗng căng lên, đầu óc kêu ong ong hỗn loạn. Bộ áo màu trắng với hai dãy khuy đồng hình chữ "vê" (V). Bên trong có phải là…? Cậu không làm chủ được mình, lao lên sàn diễn, lật ra xem tấm áo

của người mẫu nam, lót bên trong tự nhiên cũng là một mảnh vải vàng! Cậu quỳ sụp trước mặt người mẫu nam, òa khóc thống khổ.

Sau khi nghe cậu kể hết câu chuyện, tất cả những người có mặt tại hội trường đều trầm ngâm suy nghĩ mãi. Cuối cùng, một nhà thiết kế bậc thầy nói: "Thực ra, tất cả những người mẹ đều là các nhà nghệ thuật!".

(**Vũ Phong Tạo** *dịch*, Tạp chí *Văn học và Tuổi trẻ*, số tháng 3/2011, tr.45-46)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản trên là:

A. truyện vừa

B. truyện ngắn

C. truyện dài

D. truyện đồng thoại

Câu 2. Truyện được kể theo ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba

D. Cả A và C

Câu 3. Nhân vật chính trong truyện là ai?

A. Là "cậu"

B. Là mẹ của cậu

C. Là các bạn

D. Là nhà thiết kế bậc thầy

Câu 4. Dòng nào nêu đầy đủ các sự việc chính có trong văn bản?

A. Cậu được mẹ tặng áo mới và rất hãnh diện; khi bị bạn giễu cợt, cậu cắt nát vụn chiếc áo trước mặt mẹ; mẹ qua đời, cậu vô cùng ân hận.

B. Cậu được mẹ tặng áo mới và rất hãnh diện; khi bị bạn giễu cợt, cậu cắt nát vụn chiếc áo trước mặt mẹ rồi chạy biến.

C. Cậu được mẹ tặng áo mới và rất hãnh diện; khi bị bạn giễu cợt, cậu chạy biến; mẹ qua đời cậu vô cùng ân hận.

D. Cậu được mẹ tặng áo mới và rất hãnh diện; khi bị bạn giễu cợt, cậu cắt nát vụn chiếc áo trước mặt mẹ.

Câu 5. Vì sao tác giả đặt nhan đề cho văn bản là: "Cúc áo của mẹ"

A. Vì muốn ca ngợi chiếc cúc áo với đường chỉ khéo léo của mẹ.

B. Vì muốn ca ngợi tấm lòng yêu thương con của người mẹ.

C. Vì muốn ca ngợi tính khí kiên cường của người con.

D. Vì muốn ca ngợi buổi trình diễn thời trang ấn tượng, xúc động.

Câu 6: Đâu không phải là lí do khiến nhân vật "cậu" lại "quỳ sụp" trước mặt người mẫu và "òa khóc thống khổ" khi tham gia buổi trình diễn thời trang?

A. Vì bộ áo màu trắng với hai dãy khuy đồng hình chữ "vê" (V) giống y chan chiếc áo mà mẹ cậu đã may cho cậu

B. Vì cậu ân hận, xót xa, đau khổ trước hành động thiếu suy nghĩ của mình ngày trước với mẹ

C. Vì cậu cảm nhận được sự khéo léo, tình yêu thương của mẹ

D. Vì cậu muốn mẹ chứng kiến thành công của mình

Câu 7: Tác dụng của thành phần trạng ngữ in đậm trong câu văn là gì?

*"**Sau này**, cậu cố gắng học tập, cậu có rất nhiều, rất nhiều tiền, rồi sửa sang phần mộ của mẹ nhiều lần".*

A. Bổ sung cho nòng cốt câu về mặt thời gian

B. Bổ sung cho nòng cốt câu về mặt nguyên nhân

C. Bổ sung cho nòng cốt câu về mặt cách thức

D. Bổ sung cho nòng cốt câu về mặt không gian

Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:

Câu 8: (0,5 điểm) Nhân vật "cậu" có thái độ như thế nào khi được mẹ tặng chiếc áo mới?

Câu 9: (1,0 điểm) Em có đồng tình với câu nói của nhân vật nhà thiết kế bậc thầy trong văn bản: "Thực ra, tất cả những người mẹ đều là các nhà nghệ thuật!" không? Vì sao?

Câu 10: (1,0 điểm) Nêu bài học ý nghĩa nhất mà em rút ra từ câu chuyện. Em sẽ làm gì để thực hiện bài học đó?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết một bài văn kể lại một hoạt động xã hội để lại cho em ấn tượng sâu sắc.

ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN

<table>
<tr><th>Phần</th><th>Câu</th><th>Nội dung</th><th>Điểm</th></tr>
<tr><td>I</td><td></td><td>ĐỌC HIỂU</td><td>6,0</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="3">Câu 1- 7: Mỗi câu đúng (0,5 điểm)
<table>
<tr><td>Câu</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td></tr>
<tr><td>Đáp án</td><td>B</td><td>C</td><td>A</td><td>A</td><td>B</td><td>D</td><td>A</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td></td><td>8</td><td>- Khi được mẹ tặng chiếc áo mới, nhân vật “cậu” có thái độ:
+ mừng rơn, vội mặc quần áo;
+ muốn đến lớp ra oai với các bạn;
(Mỗi ý đúng được 0,25,điểm)</td><td>0,5</td></tr>
<tr><td></td><td>9</td><td>- Học sinh bày tỏ quan điểm của bản thân: đồng tình/không đồng tình/không hoàn toàn đồng tình.
- Lí giải hợp lí, thuyết phục, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Đây là một định hướng:
Đồng tình vì: Câu nói của nhà thiết kế đã khẳng định tình yêu thương của người mẹ với con là vô cùng vĩ đại. Tình yêu thương của mẹ đem lại giá trị tinh thần vô giá cho con. Chính tình yêu thương của người mẹ đã khiến cho mỗi người mẹ trở thành nhà thiết kế bậc thầy. Khẳng định mối quan hệ giữa tình yêu thườn và sự sáng tạo.
- Không đồng tình vì: Vì nhà thiết kế bậc thầy cần có tài năng lớn, thiết kế những tác phẩm có giá trị, truyền được nguồn cảm hứng tích cực nhất đến mọi người. Thực tế vẫn có những người mẹ vô trách nhiệm, thiếu yêu thương con cái.
- Không hoàn toàn đồng tình vì: Tình yêu thương của mẹ với con là vô bờ bến, là vĩnh hằng nên không thể ví được với bất của cái gì trên đời.
Hướng dẫn chấm:</td><td>1,0</td></tr>
</table>

		- HS bày tỏ quan điểm cá nhân và lí giải hợp lí, thuyết phục: 1,0 điểm. *- HS bày tỏ quan điểm cá nhân và lí giải hợp lí nhưng chưa thật đầy đủ: 0,75 điểm. - HS chỉ bày tỏ quan điểm cá nhân, không lí giải: 0,5 điểm.* *- HS không trả lời hoặc trả lời nhưng lí giải không phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp huật: không cho điểm.*	
	10	- Bài học ý nghĩa nhất mà em rút ra từ câu chuyện: Chúng ta hãy biết trân trọng những gì mình đang có, trước khi thời gian dạy cho bạn hiểu những giá trị gì bạn đã từng có. - Để thực hiện bài học đó, em cần phải: + Cần yêu thương, quan tâm đến cảm xúc của người thân + Có cách cư xử bình tĩnh đúng mực, biết kìm chế, làm chủ cảm xúc của bản thân. + Luôn trân trọng, giữ gìn từng giá trị nhỏ nhất mà mình đang có. ***Hướng dẫn chấm**:* *- Đưa ra được 2 ý nghĩa hợp lí: 0.5 điểm* *- Đưa ra được 1 ý nghĩa hợp lí: 0.25 điểm.*	1,0
II		**LÀM VĂN**	**4,0**
		***Viết một bài văn kể lại một hoạt động xã hội để lại cho em ấn tượng sâu sắc**.*	
		a. Đảm bảo cấu trúc bài tự sự Mở bài nêu được nêu tên một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa mà em đã tham gia; thân bài kể lại được chi tiết về một hoạt động xã hội theo một trình tự thống nhất; kết bài nêu được ý nghĩa hoặc bài học thu được sau khi tham gia hoạt động xã hội.	0,5
		b. Xác định đúng sự việc cần kể: một hoạt động xã hội em đã tham gia Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội để lại cho em ấn tượng sâu sắc.	0,25
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo	0,5

		Thể hiện nhìn nhận, cảm xúc tích cực về hoạt động xã hội được kể, có cách diễn đạt mới mẻ.	
Tổng điểm			**10,0**

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II LỚP 8:

Thời gian làm bài: 90 phút

MA TRẬN

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN KQ	TL	TNKQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
1	Đọc hiểu	- truyện - Nghị luận	5	0	3	1	0	1	0		60
2	Viết	- Nghị luận thuyết minh	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng số câu			5	1*	3	1*	0	1*	0	1*	11
Tổng điểm			2,5	0.5	1.5	2.0	0	2.5	0	1.0	10
Tỉ lệ %			30%		35%		25%		10%		100

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức / Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	Vận dụng cao
1	ĐỌC HIỂU	1. Truyện	Nhận biết: - Xác định được PTBĐ Thông hiểu: - Nêu được chủ đề, thông điệp, những điều mơ tưởng và những dự báo về tương lai mà văn bản muốn gửi đến người đọc. Vận dụng: - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về sự việc trong văn bản.	5TN	3TN 1TL	1 TL	
		2. Nghị luận	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản. Thông hiểu: - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.				

			- Giải thích được ý nghĩa, tác dụng nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của biện pháp tu từ. Vận dụng: - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong văn bản.				
2.	VIẾT	1. Viết bài văn thuyết minh về cuốn sách	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn minh giới thiệu một cuốn sách .				
Tổng				5 TN	3 TN 1 TL		1 TL*
Tỉ lệ %				30%	35%	25%	10%
Tỉ lệ chung				65%		35%	

* Ghi chú: Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Môn Ngữ văn lớp 8

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

Một gia đình nọ mới dọn đến ở trong một khu phố mới. Sáng hôm sau, vào lúc ăn điểm tâm, đứa con thấy bà hàng xóm giăng tấm vải trên giàn phơi. "Tấm vải bẩn thật!" - Cậu bé thốt lên "- Bà ấy không biết giặt, có lẽ bà ấy cần một thứ xà bông mới thì giặt sẽ sạch hơn". Người mẹ nhìn cảnh ấy nhưng vẫn im lặng. Cậu bé vẫn cứ tiếp tục lời bình phẩm ấy mỗi lần bà hàng xóm phơi tấm vải.

Ít lâu sau, vào một buổi sáng, cậu bé ngạc nhiên vì thấy tấm vải của bà hàng xóm rất sạch, nên cậu nói với mẹ "Mẹ nhìn kìa! Bây giờ bà ấy đã biết giặt tấm vải sạch sẽ, trắng tinh rồi". Người mẹ đáp: "Không, sáng nay mẹ đã lau kính cửa sổ nhà mình đấy".

(Phỏng theo "Nhìn qua khung cửa sổ", www.goctamhon.com)

Thực hiện các yêu cầu

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên là gì?

A. Tự sự
B. Miêu tả
C. Biểu cảm
D. Nghị luận

Câu 2: Tại sao nói lời kể trong câu chuyện ở văn bản trên là của người kể chuyện giấu mặt?

A. Vì câu chuyện sử dụng ngôi kể thứ nhất số ít.
B. Vì câu chuyện sử dụng ngôi kể thứ nhất số nhiều.
C. Vì câu chuyện sử dụng ngôi kể thứ ba.
D. Vì câu chuyện sử dụng kết hợp ngôi kể thứ nhất và thứ ba.

Câu 3: Chỉ ra phó từ trong câu văn: *"Tấm vải bẩn thật!"?*

A. Tấm vải
B. vải
C. bẩn
D. thật

Câu 4: Chủ đề của văn bản trên là:

A. Lối sống sẻ chia, giàu tình thương yêu
B. Đức tính trung thực
C. Sự thay đổi cách nhìn cuộc sống theo hướng tích cực.
D. Lòng hiếu thảo

Câu 5: Lúc ăn điểm tâm, đứa con thấy bà hàng xóm giăng tấm vải trên giàn phơi đã nhận xét: *"Tấm vải bẩn thật!"* và cho rằng "*Bà ấy không biết giặt, có lẽ bà ấy cần một thứ xà bông mới thì giặt sẽ sạch hơn"*. Nhìn cảnh ấy, thái độ của người mẹ như thế nào?

A. Đồng tình với nhận xét của con
B. Vẫn im lặng

C. Phản bác với nhận xét của con

D. Đứng dậy, đến giúp bà hàng xóm giặt tấm vả

Câu 6: Theo em, tại sao khi cậu bé nói với mẹ: *"Mẹ nhìn kìa! Bây giờ bà ấy đã biết giặt tấm vải sạch sẽ, trắng tinh rồi",* người mẹ không im lặng nữa?

A. Vì mẹ muốn giải đáp, giải thích để con hiểu rõ vấn đề.

B. Vì con cứ nói mãi về một sự việc.

C. Vì mẹ không muốn con coi thường bà hàng xóm.

D. Vì bà hàng xóm đã nghe thấy những lời bình phẩm của con.

Câu 7: Qua lời đáp của người mẹ: *"Không, sáng nay mẹ đã lau kính cửa sổ nhà mình đấy"*, em thấy mẹ giải đáp, giải thích điều gì cho con?

A. Mẹ nói về công việc sáng nay mẹ làm với con.

B. Mẹ giải đáp, giải thích cho con hiểu điều cầ thay đổi không phải là tấm vải hay người chủ c nó, điều cần thay đổi là khung cửa sổ nhà cậu b

C. Mẹ cho con biết mắt con nhìn không rõ.

D. Mẹ nhắc con phải thường xuyên lau kính củ sổ nhà mình.

Câu 8: Qua những lời bình phẩm của cậu bé, em nhận thấy những tính cách nổi bật nào của nhân vật?

A. Cậu bé là người tinh ý, biết quan tâm, nhận xét thế giới quanh mình.

B. Cậu bé biết nghĩ tới giải pháp giúp người khác thay đổi

C. Cậu bé có cái nhìn chủ quan, đầy định kiến

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 9. Theo em, thái độ sống tích cực sẽ mang lại cho chúng ta điều gì?

Câu 10. Từ nội dung văn bản phần Đọc hiểu em rút ra được bài học gì cho mình?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

I. PHẦN ĐỌC HIỂU

Câu	Nội dung	Điểm
	ĐỌC HIỂU	
1	A	0,5
2	C	0,5

3	D	0,5
4	C	0,5
5	B	0,5
6	A	0,5
7	B	0,5
8	D	0,5
9	- Có nhiều cơ hội thành công trong cuộc sống - Mang lại nhiều niềm vui, niềm hạnh phúc cho bản thân khi thấy cuộc sống của mình có ích, có nghĩa - Có được sự tự chủ, niềm lạc quan, sự vững vàng từ những trải nghiệm cuộc sống. - Được quý trọng…	1,0
10	- Chúng ta cần rèn luyện một thái độ sống tích cực, bồi dưỡng lòng tự tin, ý thức tự chủ, luôn giữ cho mình một tâm hồn trong sáng, một niềm tin vào cuộc sống tương lai. - Trước khi phê bình ai, ta nên kiểm tra trước phẩm chất cái nhìn của ta. Đừng xét nét, hẹp hòi với người khác cũng như đừng vội vàng đánh giá, kết luận về họ mà chưa soi lại cách nhìn nhận, đánh giá của mình…	1,0
	a. Đảm bảo bố cục bài văn biểu cảm về con người gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài. *b. Xác định đúng yêu cầu của đề.* Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. **Mở bài** - Giới thiệu về cuốn sách em yêu thích: cuốn "Cảm ơn nười lớn". **Thân bài** * Nguồn gốc, xuất xứ: - Cuốn sách thứ 44 của tác giả Nguyễn Nhật Ánh - Xuất bản ngày 17 – 11 – 2018 bởi Nhà xuất bản trẻ.	

- Sách xuất bản tại Việt Nam và một vài quốc gia trên thế giới

* Hình thức của cuốn sách:

- Sách hình chữ nhật: dài khoảng 20cm, rộng khoảng 13 cm

- Bìa sách nổi bật với màu vàng chanh xinh xắn và đầy ấn tượng.

- Dòng chữ trên cùng của bìa sách là tên tác giả "Nguyễn Nhật Ánh".

-Tiếp theo là lời đề từ đầy thú vị của cuốn sách với cỡ chữ nhỏ hơn

- Tên sách được in với màu xanh lam dịu dàng "Cảm ơn người lớn"

- Cuối bìa sách là ảnh một bì thư màu xám vẽ các nhân vật đầy ngộ nghĩnh và tên nhà xuất bản.

- Bìa sau của sách cũng là màu vàng chanh nổi bật cùng tên truyện

- Gốc phải phía cuối in giá thành của sách cùng tem chống giả.

* Nội dung bên trong sách

- Sách có 264 trang

- Cuốn sách được chia làm 19 chương

- Bốn câu chuyện nhỏ được tập trung kể trong cuốn sách là câu chuyện tập bay, câu chuyện tập vẽ bản đồ, câu chuyện kinh doanh, truyện tranh giúp đỡ bạn và câu chuyện viết thư cho nhau.

- Các mẩu chuyện liên kết với nhau

- Nhân vật trong truyện: cu Mùi, Tí Sún, Hải Cò, Tủn,….

* Giá trị sách mang lại:

- Đưa người đọc về với những chân trời của kí ức tuổi thơ

- Cảm nhận sâu sắc hơn về thế giới của tình yêu thương, lòng nhân ái ,về những bao dung của tình bạn, tình nghĩa xóm làng, tình thân gia đình.

	- Bồi đắp, nuôi dưỡng thế giới tâm hồn con người - Là món quà tặng thân thương và đáng trân trọng * Sách trên thị trường: - Nơi bán - Giá cả - Đánh giá của người đọc * Cách giữ gìn và bảo quản sách - Không để sách bừa bãi, nhẹ nhàng, tránh quăn mép - Bọc bìa sách - Lau bụi **3. Kết bài** - Cảm nghĩ, tình cảm của em dành cho cuốn sách	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	
	e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn từ ngữ, hình ảnh, cách kể chuyện.	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II LỚP 8:

Thời gian làm bài: 90 phút

MA TRẬN

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	

			TN KQ	TL	TNK Q	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
1	Đọc hiểu	- truyện - Nghị luận	5	0	3	1	0	1	0		60
2	Viết	- Nghị luận thuyết minh	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng số câu			5	1*	3	1*	0	1*	0	1*	11
Tổng điểm			2,5	0.5	1.5	2.0	0	2.5	0	1.0	10
Tỉ lệ %			30%		35%		25%		10%		100

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức / Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	Vận dụng cao
1	ĐỌC HIỂU	1. Truyện Nhận biết: - Xác định được PTBĐ Thông hiểu: - Chỉ ra dc phép nghệ thuật tu từ trong truyện Vận dụng: - Viết được đoạn văn thể hiện cảm		5TN	3TN 1TL	1 TL	

		xúc - Vận dụng cao : Viết đoạn văn cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên					
2.	VIẾT	1. Viết bài văn thuyết minh giải thích hiện tượng tự nhiên	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn minh giải thích một hiện tượng tự nhiên				
Tổng				5 TN	3 TN 1 TL		1 TL*
Tỉ lệ %				30%	35%	25%	10%
Tỉ lệ chung				65%		35%	

* Ghi chú: Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

BIỂN ĐẸP

Buổi sáng nắng sớm. Những cánh buồm nâu trên biển được nắng chiếu vào hồng rực lên như đàn bướm múa lượn giữa trời xanh. Lại đến một buổi chiều gió mùa đông bắc vừa dừng. Biển lặng đỏ đục, đầy như mâm bánh đúc, loáng thoáng những con thuyền như những hạt lạc ai ai đem rắc lên trên. Rồi ngày mưa rào. Mưa giăng giăng bốn phía. Có quãng nắng xuyên xuống biển óng ánh đủ màu: xanh lá mạ, tím phớt, hồng, xanh biếc,.... Có quãng biển thâm xì, nặng trịch. Những cánh buồm ra khỏi cơn mưa, ướt đẫm, thẫm lại, khỏe nhẹ, bồi hồi, như ngực áo bác nông dân cày xong ruộng về bị ướt. Có buổi sớm nắng mờ, biển bốc hơi nước, không nom thấy núi xa, chỉ một màu trắng đục. Không có

thuyền, không có sóng, không có mây, không có sắc biếc của da trời. Một buổi chiều lạnh, nắng tắt sớm. Những núi xa màu lam nhạt pha màu trắng sữa. Không có gió, mà sóng vẫn đổ đều đều, rì rầm. Nước biển dâng đầy, quánh đặc một màu bạc trắng, lăn tăn như bột phấn trên da quả nhót. Chiều nắng tàn, mát dịu. Biển xanh veo màu mảnh chai. Núi xa tím pha hồng. Những con sóng nhè nhẹ liếm lên bãi cát, bọt sóng màu bưởi đào. Mặt trời xế trưa bị mây che lỗ đỗ. Những tia nắng dát vàng một vùng biển tròn, làm nổi bật những cánh buồm duyên dáng như ánh sáng chiếc đèn sân khấu khổng lồ đang chiếu cho các nàng tiên biển múa vui. Thế đấy, biển luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. Trời xanh thẳm, biển cũng thẳm xanh như dâng cao lên, chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển xám xịt nặng nề. Trời ầm ầm dông gió, biển đục ngầu giận dữ,.... Như một con người biết buồn vui, biển lúc tẻ nhạt, lạnh lùng, lúc sôi nổi, hả hê, lúc đăm chiêu, gắt gỏng. Biển nhiều khi rất đẹp, ai cũng thấy như thế. Nhưng có một điều ít ai chú ý là: vẻ đẹp của biển, vẻ đẹp kì diệu muôn màu muôn sắc ấy phần rất lớn là do mây trời và ánh sáng tạo nên.

(Theo Vũ Tú Nam)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản là ?

A. Tự sự B. Biểu cảm C. Nghị luận D. Miêu tả

Câu 2. Khi nào thì : "Biển lặng đỏ đục, đầy như mâm bánh đúc, loáng thoáng những con thuyền như những hạt lạc ai đem rắc lên trên." ?

A. Buổi sớm nắng sáng. B. Buổi chiều gió mùa đông bắc vừa dừng.

C. Buổi sớm nắng mờ. D. Một buổi chiều nắng tàn, mát dịu.

Câu 3. Trong câu: “Những cánh buồm ra khỏi cơn mưa, ướt đẫm thẫm lại, khoẻ nhẹ, bồi hồi, như ngực bác nông dân cày xong ruộng về bị ướt.” Hình ảnh “ Những cánh buồm” được so sánh với hình ảnh “ngực bác nông dân” dựa vào đặc điểm nào để so sánh?

A. Ướt đẫm B. Bồi hồi C. Khoẻ nhẹ D. Cả ba ý trên.

Câu 4. Câu: “Biển lặng đỏ đục, đầy như mâm bánh đúc, loáng thoáng những con thuyền như ....” Từ đồng âm với tiếng “đục ” trong từ “ đỏ đục” là:

A. Đục ngầu. B. Đục đẽo. C. Vẩn đục. D. Trong đục

Câu 5. Trong câu: “Những cánh buồm nâu trên biển được nắng chiếu vào hồng rực lên như đàn bướm múa lượn giữa trời xanh.” Sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. So sánh B. Nhân hoá C. Điệp ngữ D. Ẩn dụ

Câu 6. Tìm các cặp từ trái nghĩa có trong câu sau : Trời trong xanh, biển nhẹ nhàng, trời âm u, biển nặng nề.

A. Trong xanh – nhẹ nhàng, âm u – nặng nề.
B. Trong xanh – âm u , nhẹ nhàng – nặng nề.
C. Trong xanh – nặng nề , âm u – nặng nề.
D. Trong xanh – nặng nề, âm u – nặng nề.

Câu 7. *Vẻ đẹp của biển, vẻ đẹp kì diệu muôn màu muôn sắc của biển phần rất lớn là điều gì?*

A.Do mây trời và ánh sáng tạo nên. B. Do ánh sáng mặt trời chiếu vào.

C. Do thay đổi góc quan sát. D. Do mây trời thay đổi

Câu 8. Văn bản miêu tả cảnh biển theo trình tự nào?

A. Không gian B. Thời gian
B. C. Diễn biến tâm trạng D. Thời gian, không gian

Câu 9. Phân tích giá trị biểu đạt của biện phá tu từ trong câu sau:

Những cánh buồm ra khỏi cơn mưa, ướt đẫm, thẫm lại, khỏe nhẹ, bồi hồi, như ngực áo bác nông dân cày xong ruộng về bị ướt.

Câu 10. Viết đoạn văn cảm nhận về vẻ đẹp của biển vào buổi chiều lạnh, nắng tắt sớm?

II. Phần viết:

Viết bài văn giải thích một hiện tượng tự nhiên .

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
Đọc	1	Miêu tả	0.5
	2	Buổi chiều gió mùa đông bắc vừa dừng.	0.5
	3	Cả ba ý trên: ướt đẫm, bồi hồi, khoẻ nhẹ	0.5
	4	Đục ngầu	0.5
	5	So sánh	0.5
	6	Trong xanh – âm u , nhẹ nhàng – nặng nề.	0.5
	7	Do mây trời và ánh sáng tạo nên.	0.5
	8	Thời gian, không gian	0.5

hiểu			
	9	- Nhà văn Vũ Tú Nam đã sử dụng thành công biện pháp so sánh rất sinh động trong việc miêu tả hình ảnh cánh buồm *" cánh buồm ra khỏi cơn mưa, ướt đẫm, thẫm lại, khỏe nhẹ, bồi hồi, như ngực áo bác nông dân cày xong ruộng về bị ướt".* - Biện pháp so sánh không chỉ làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho lời văn mà còn cho ta những cảm nhận rất chân thực về cánh buồm: Cánh buồm ấy cũng nhọc nhằn,vất vả mưu sinh và giống như người lao động mang theo cái đẹp kết tinh của cuộc đời. Gửi gắm trong hình ảnh độc đáo ấy, Vũ Tú Nam đã thầm kín bày tỏ sự trân trọng, niềm mến yêu với cánh buồm dong duổi nơi biển khơi xinh đẹp và tình yêu lao động của con người.	1.0
	10	- Với sự quan sát tỉ mỉ, ngôn ngữ bình dị cùng tấm lòng đầy yêu thương, nhà văn Vũ Tú Nam đã mang đến cho bạn đọc một bức tranh " Biển đẹp" thơ mộng, đầy sắc màu do thiên nhiên ban tặng, tạo dựng. Biển được miêu tả ở nhiều góc độ, sắc thái và khoảnh khắc khác nhau đặc biệt là khi chiều lạnh, nắng tắt sớm "*Những núi xa màu lam nhạt pha màu trắng sữa. Không có gió, mà sóng vẫn đổ đều đều, rì rầm. Nước biển dâng đầy, quánh đặc một màu bạc trắng, lăn tăn như bột phấn trên da quả nhót"* Phép so sánh, liên tưởng độc đáo khiến biển trở nên gần gũi ấm áp, dịu dàng. Biển đẹp ở mọi thời điểm, cái rì rào bất tận của biển đã ôm ấp ru vỗ tuổi thơ của rất nhiều bạn trẻ.Biển là món quà vô giá mà mẹ thiên nhiên ban tặng nên ta hãy trân trọng nâng niu món quà vô giá của thiên nhiên.	1.0
Viết		**I. Mở bài** - Điều mà toàn xã hội phải quan tâm nhất hiện nay, là tiếng chuông báo động lớn nhất, chính là vấn đề biến đổi khí hậu. **II. Thân bài** **1. Giải thích** - Biến đổi khí hậu Trái Đất: là sự thay đổi của hệ thống khí hậu gồm khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển hiện tại và trong tương lai bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo trong một giai đoạn nhất định tính bằng thập kỷ	

		hay hàng triệu năm. + Bao gồm: nóng lên toàn cầu, băng tan, nhiệt độ thay đổi, hiện tượng nhà kính,… - Thực trạng + Theo thống kê, số cơn bão trên biển Đông ảnh hưởng đến nước ta với cường độ mạnh có chiều hướng tăng lên, mùa bão kết thúc muộn, quỹ đạo của bão trở nên dị thường và số cơn bão ảnh hưởng đến khu vực Nam Trung bộ, Nam bộ ngày càng tăng. + Ở Mỹ trong năm vừa qua đón những cơn lũ lụt kinh hoàng trong lịch sử khiến nhiều người dân thương vong và ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế quốc dân. + Biến đổi khí hậu đang tác động rộng lớn trên toàn thế giới. Từ vài năm trở lại đây nhân loại phải đứng trước những đe dọa của thiên nhiên, thiên tai và dịch bệnh gây nguy hại cho đời sống con người. Băng tan hai cực, sóng thần, ... lần lượt các thảm họa thiên tai diễn ra trên diện rộng trên nhiều quốc gia. Ngay như ở Việt Nam, bão lũ cũng xảy ra với tần suất cao và cường độ mạnh, ngày càng có nhiều làng "ung thư" xuất hiện,... + Biến đổi khí hậu không phải là vấn đề của riêng ai. Quan tâm và chung tay hành động, chúng ta sẽ giúp cho Trái Đất ngày một xanh tươi, cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn.Ở nước ta đã có 12 tỉnh công bố tình trạng thiên tai hạn hán, xâm nhập mặn. + Sự biến đổi khí hậu toàn cầu đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng. Biểu hiện rõ nhất là sự nóng lên của trái đất, là băng tan, nước biển dâng cao; là các hiện tượng thời tiết bất thường, bão lũ, sóng thần, động đất, hạn hán và giá rét kéo dài... dẫn đến thiếu lương thực, thực phẩm và xuất hiện hàng loạt dịch bệnh trên người, gia súc, gia cầm. **3. Nguyên nhân** - Do tự nhiên - Chủ yếu do hoạt động của con người: chặt phá rừng bừa bãi, khói thải công nghiệp, xả thải nước trực tiếp ra biển, phá hỏng tầng ozon.	

		4. Hậu quả - Rừng bị khai thác quá đà gây ra lũ lội, nhiều động vật mất nhà, con người phải chịu cảnh lũ lụt thường xuyên, môi trường khói bụi không có cây lọc khí CO_2. - Băng tan ở hai cực gây ra sóng thần, đời sống người dân cực khổ - Ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, tài nguyên thiên nhiên - Đất nước rơi vào tình trạng khó khăn - Gây tình trạng hạn hán kéo dài ảnh hưởng tới vấn đề cây trồng vật nuôi - Biến đổi khí hậu còn gây nên tình trạng lũ lụt, thiên tai... - Ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, thiếu nước sinh hoạt hoặc ô nhiễm nguồn nước - Kinh tế bị ảnh hưởng nghiêm trọng. - Ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của nông dân **5. Giải pháp** - Chủ động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường - Có những chính sách khai thác phù hợp - Kêu gọi mọi người trên toàn thế giới chung tay góp sức bảo vệ trái đất **III. Kết bài** - Trái đất là ngôi nhà của chúng ta, vì thế bảo vệ trái đất không bị phá huỷ bởi ô nhiễm môi trường ta phải chung tay góp sức ngăn chặn hiện tượng này. - Hãy tham gia trồng cây, bảo vệ rừng và biển. - Hãy tham gia và tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường. Những hoạt động tình nguyện của các cá nhân, tập thể có ý nghĩa thiết thực và góp phần phát triển cộng đồng bền vững.	

ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ
MÔN NGỮ VĂN 8 ----------

Thời điểm kiểm tra: …..

A. Ma trận đề kiểm tra

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
(Thời gian kiểm tra: 90 phút)

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn (*Truyện hiện đại*)	4 TN 0 TL	4 TN 0 TL	0 TN 2 TL	0 TN 0 TL	60 %
2	Viết	Viết đoạn cảm nghĩ về thơ tự do	1*	1*	1*	1*	40 %
Tổng			4 TN 1* TL	4 TN 1* TL	0 TN 3 TL	0 TN 1 TL	100%
Tỉ lệ			30%	30%	30%	10%	100%
Tỉ lệ chung			60%		40%		100%

B. Bảng đặc tả đề kiểm tra

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện hiện đại	**Nhận biết:** - Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu. - Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, tình huống, các biện pháp xây dựng nhân vật. - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập.	4 TN	4TN	2 TL	0

			Thông hiểu: - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện. - Phân tích được vai trò, tác dụng của cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến. - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản. - Nêu được tác dụng của trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập được sử dụng trong văn bản. **Vận dụng:** - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản. - Vận dụng những hiểu biết về vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học để đánh giá giá trị của tác phẩm.				
2	**Viết**	**Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do**	**Yêu cầu:** Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do (khoảng 300 chữ), nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. **** Nhận biết:*** - Xác định được kiểu bài viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự	1* TL	1* TL	1* TL	1* TL

			do. - Giới thiệu tác giả, bài thơ. - Bố cục đoạn văn được trình bày hợp lí, có mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. **** Thông hiểu:*** - Xác định được cảm hứng chủ đạo của tác giả trong bài thơ. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ dựa trên những yếu tố hình thức nghệ thuật. - Chỉ ra được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục. - Dẫn chứng là các hình ảnh, từ ngữ,… được trích dẫn từ văn bản. **** Vận dụng:*** - Vận dụng các kĩ năng tạo lập văn bản để viết được đoạn văn ghi lại cảm xác về một bài thơ tự do. - Khẳng định ý kiến, cảm nghĩ của người viết về bài thơ và đánh giá thành công nghệ thuật của bài thơ. - Rút ra được thông điệp của tác giả được gửi gắm qua bài thơ. **** Vận dụng cao:*** - So sánh với các bài thơ cùng đề tài; liên hệ với thực tiễn; - Thể hiện được thái độ tôn trọng và học hỏi cách tiếp nhận của người khác trong đọc hiểu văn bản thơ. - Sử dụng ngôn từ sáng tạo, linh hoạt.				

Tổng	**4 TN** **1* TL**	**4 TN** **1* TL**	**3 TL**	**1* TL**
Tỉ lệ %	**30%**	**30%**	**30%**	**10%**
Tỉ lệ chung	**60%**		**40%**	

C. Đề bài kiểm tra

I. Phần đọc hiểu

Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

CỦ KHOAI NƯỚNG

Sau trận mưa rào vòm trời như được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn. Đã chớm hè nhưng trời vẫn lành lạnh, cái lạnh làm người ta hưng phấn và chóng đói. Thường Mạnh đi học về là đi thả trâu. Tối mịt cậu rong trâu về, đầu tưởng tượng đến một nồi cơm bốc khói nghi ngút.

Nhưng từ giờ đến tối còn lâu và cậu cần phải tìm được một việc gì đó trong khi con trâu đang mải miết gặm cỏ. Cậu bèn ngồi đếm từng con sáo mỏ vàng đang nhảy kiếm ăn trên cánh đồng màu đã thu hoạch. Thỉnh thoảng chúng lại nghiêng ngó nhìn cậu, ý chừng muốn dò la xem "anh bạn khổng lồ" kia có thể chơi được không. Chợt Mạnh phát hiện ra một đám mầm khoai đỏ au, mập mạp, tua tủa hướng lên trời. Kinh nghiệm đủ cho cậu biết bên dưới những chiếc mầm là củ khoai lang sót. Với bất cứ đứa trẻ trâu nào thì điều đó cũng tương đương với một kho báu. Nó bị sót lại từ trước Tết và bây giờ nó sẽ rất ngọt. Để xem, anh bạn to cỡ nào? Không ít trường hợp bên dưới chỉ là một mẩu khoai. Nước miếng đã kịp tứa khắp chân răng khi cậu tưởng tượng đến món khoai nướng. Ruột nó trong như thạch. Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này. Thật may là mình đem theo lửa - cậu lẩm bẩm. Sợ niềm hy vọng đi veo mất nên cậu rón rén bới lớp đất mềm lên. Khi cậu hoàn toàn tin nó là một củ khoai thì cậu thọc sâu tay vào đất, sâu nữa cho đến khi những ngón tay cậu ôm gọn củ khoai khá bự, cậu mới từ từ lôi nó lên. Chà, thật tuyệt vời. Nó không chỉ đơn thuần là củ khoai sót. Nó y như quà tặng, một thứ kho báu trời đất ban riêng cho cậu.

Mạnh đã có việc để làm, mà lại là một việc làm người ta háo hức. Trong chốc lát đống cành khô bén lửa và đợi đến khi nó chỉ còn lớp than hồng rực Mạnh mới vùi củ khoai vào. Cậu ngồi im lắng nghe một sự dịch chuyển vô cùng tinh tế dưới lớp than, cùi trắng muốt đang bị sức nóng ủ cho thành mật. Từng khoảnh khắc với Mạnh lúc này trở nên vô cùng huyền diệu. Rồi có một mùi thơm cứ đậm dần, cứ quánh lại, lan tỏa, xoắn xuýt. Cậu nhớ lại có lần bà kể, nhờ đúng một củ khoai nướng mà ông cậu thoát chết đói và sau đó làm nên sự nghiệp. Chuyện như cổ tích nhưng lại có thật. Nào, để xem sau đây cậu sẽ làm nên công trạng gì.

Chợt cậu thấy có hai người, một lớn, một bé đang đi tới. Ông già ôm theo bọc tay nải còn cậu bé thì cứ ngoái cổ lại phía làng. Cậu nhận ra hai ông cháu lão ăn mày ở xóm bên. Hôm nay, chẳng có phiên chợ sao ông cháu lão cũng ra khỏi nhà nhỉ. Vài lần giáp mặt cậu bé và thấy mặt mũi nó khá sáng sủa. Bố mẹ nó chết trong một trận lũ quét nên nó chỉ trông cậy vào người ông mù lòa. Mạnh

lén trút ra tiếng thở dài khi ông cháu lão ăn mày đã đến rất gần. Có thể thấy rõ cánh mũi lão phập phồng như hà hít tìm thứ mùi vị gì đó. Cậu bé vẫn câm lặng, thỉnh thoảng lén nhìn Mạnh.

- Mùi gì mà thơm thế - ông cậu bé lên tiếng - Hẳn ai đang nướng khoai. Ngồi nghỉ một lát để ông xin lửa hút điếu thuốc đã cháu.

Ông lão lần túi lấy gói thuốc lào. Thằng bé giúp ông tháo khỏi lưng chiếc điếu nhỏ xíu. Mùi khoai nướng vẫn ngào ngạt và Mạnh đành ngồi chết gí, không dám động cựa. Chỉ khi ông lão nhờ, cậu mới cúi xuống thổi lửa. Chà, ông cháu lão mà ngồi dai là củ khoai cháy mất. Đã có mùi vỏ cháy. Lửa sẽ lấn dần vào cho đến khi biến củ khoai thành đen thui mới thôi. Dường như đoán được nỗi khó xử của Mạnh, ông lão bảo:

- Tôi chỉ xin lửa thôi...

Mạnh như bị bắt quả tang đang làm chuyện vụng trộm, mặt đỏ lên. Nhưng ông lão mắt lòa không thể nhìn thấy còn cậu bé ý tứ nhìn đi chỗ khác.

- Thôi, chào cậu nhé. Ta đi tiếp đi cháu!

Ông lật đật đứng dậy, bám vào vai cậu bé, vội vã bước. Cậu bé lặng lẽ nhìn Mạnh như muốn xin lỗi vì đã làm khó cho cậu. Cái nhìn đĩnh đạc của một người tự trọng, không muốn bị thương hại khiến Mạnh vội cúi gằm xuống. Ôi, giá như có ba củ khoai, chí ít cũng là hai củ. Đằng này chỉ có một... Mạnh thấy rõ tiếng chân hai ông cháu xa dần. Nhưng chính khi ấy, khi củ khoai nóng hổi, lớp vỏ răn lại như từng gợn sóng nằm phơi ra trước mắt Mạnh, thì nỗi chờ đón háo hức lúc trước cũng tiêu tan mất. Giờ đây củ khoai như là nhân chứng cho một việc làm đáng hổ thẹn nào đó. Dù Mạnh có dối lòng rằng mình chẳng có lỗi gì sất nhưng cậu vẫn không dám chạm vào củ khoai... Hình như đã có người phải quay mặt đi vì không dám ước có được nó. Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy.

Mặc dù rong trâu về từ chiều nhưng mãi tối mịt Mạnh mới vào nhà. Giờ đây mới là lúc cậu sống trọn vẹn với cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá. Cậu nhắm mắt lại mường tượng giây phút cậu bé kia mở gói giấy báo ra. Nửa củ khoai khi đó sẽ khiến cậu ta liên tưởng đến phép lạ, có thể lắm chứ! Và rồi cậu thấy lâng lâng đến mức chính mình tự hỏi liệu đây có phải là giấc mơ?

(Theo *Truyện ngắn Tạ Duy Anh)*

Câu 1. Câu chuyện xảy ra vào thời điểm nào trong năm?

A. Cuối đông
B. Chớm hè
C. Cuối xuân
D. Đầu thu

Câu 2. Ai là người kể chuyện?

A. Cậu bé Mạnh.
B. Ông lão ăn mày.
C. Người kể chuyện giấu mặt.
D. Cậu bé ăn mày.

Câu 3. Trong câu văn: *Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy*., từ "*có thể*" là thành phần gì?

A. Thành phần cảm thán
B. Thành phần tình thái

C. Thành phần gọi đáp D. Thành phần phụ chú.

Câu 4. Chủ đề của truyện là gì?

A. Lòng dũng cảm B. Tinh thần lạc quan

C. Tinh thần đoàn kết D. Lòng yêu thương con người

Câu 5. Vì sao cậu bé Mạnh lại có *"cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá"?*

A. Vì cậu đã chia sẻ một phần khoai nướng với cậu bé ăn mày.

B. Vì nhận được lời cảm ơn của ông lão.

C. Vì được thưởng thức món ăn ngon.

D. Vì không bị lão ăn mày làm phiền.

Câu 6. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong câu *"Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo ra một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này."?*

A. So sánh B. Nhân hóa

C. Nói qúa D. Nói giảm nói tránh

Câu 7. Cốt truyện của truyện ngắn "Củ khoai nướng" thuộc loại nào sau đây?

A. Cốt truyện đơn tuyến B. Cốt truyện đa tuyến

C. Không có cốt truyện D. Không thể xác định.

Câu 8. Cậu bé Mạnh có thái độ như thế nào đối với hai ông cháu lão ăn mày?

A. Tôn trọng B. Coi thường

C. Biết ơn D. Thương hại

Câu 9. Nếu em là nhân vật cậu bé Mạnh trong câu chuyện, em có cư xử với hai ông cháu lão ăn mày như nhân vật trong truyện đã làm hay không, vì sao?

Câu 10. Từ câu chuyện của cậu bé Mạnh, em hãy viết đoạn văn (3– 5 câu) trình bày suy nghĩ về lòng yêu thương?

II. Phần viết

Em hãy viết một đoạn văn (*khoảng 300 chữ*) chia sẻ cảm xúc về bài thơ sau:

Nhớ mùa thu Hà Nội

Hà Nội mùa thu, cây cơm nguội vàng, cây bàng lá đỏ
Nằm kề bên nhau, phố xưa nhà cổ, mái ngói thâm nâu.
Hà Nội mùa thu, mùa thu Hà Nội
Mùa hoa sữa về thơm từng ngọn gió
Mùa cốm xanh về thơm bàn tay nhỏ
Cốm sữa vỉa hè thơm bước chân qua.
Hồ Tây chiều thu, mặt nước vàng lay bờ xa mời gọi
Màu sương thương nhớ, bầy sâm cầm nhỏ vỗ cánh mặt trời.
Hà Nội mùa thu đi giữa mọi người
Lòng như thầm hỏi, tôi đang nhớ ai
Sẽ có một ngày trời thu Hà Nội trả lời cho tôi
Sẽ có một ngày từng con đường nhỏ trả lời cho tôi.

Hà Nội mùa thu, mùa thu Hà Nội
Nhớ đến một người...
Để nhớ mọi người.

(Trịnh Công Sơn, lời thơ của bài hát *Nhớ mùa thu Hà Nội*)

D. Hướng dẫn chấm

Câu	Yêu cầu cần đạt	Điểm
	PHẦN ĐỌC HIỂU	
1	B. Chớm hè	0,5
2	C. Người kể chuyện giấu mặt.	0,5
3	B. Thành phần tình thái	0,5
4	D. Lòng yêu thương con người	0,5
5	A. Vì cậu đã chia sẻ một phần khoai nướng với cậu bé ăn mày.	0,5
6	C. Nói qúa	0,5
7	A. Cốt truyện đơn tuyến.	0,5
8	A. Tôn trọng	0,5
9	- Nêu được cách cư xử của Mạnh: Cảm thông, chia sẻ và tôn trọng với những người bất hạnh, kém may mắn. - Nếu là Mạnh thì em cũng sẽ làm như bạn ấy bởi chỉ có tình yêu thương mới làm rung động trái tim con người, từ trái tim mới chạm đến trái tim vì vậy hành động của Mạnh đã khiến cậu như lớn hơn, chững chạc hơn, tấm lòng bao dung, yêu thương con người của cậu vì thế mà rộng ra mãi. **** HS nêu được cách ứng xử của nhân vật Mạnh cách ứng xử của bản thân phù hợp đạo đức, pháp luật, đảm bảo theo gợi ý: 1,0 điểm; Chỉ nêu được một ý, một phần đáp án: 0,5 điểm; không nêu hoặc nêu sai hoàn toàn: 0 điểm.***	1,0
10	Trình bày được một số ý sau: - Tình yêu thương là sự đồng cảm, thấu hiểu, chia sẻ, gắn bó, quan tâm, giúp đỡ, yêu mến, trân trọng hòa hợp…giữa con người với nhau. - Yêu thương được xem là một phẩm chất đẹp, cao quý và là giá trị sống cốt lõi của con người giúp con người gần nhau hơn. - Người đón nhận tình yêu thương có thêm niềm tin vào cuộc sống, có động lực vượt qua khó khăn của cuộc sống. - Tình yêu thương trao đi có thể là vật chất hoặc tinh thần. - Thay đổi cái nhìn của mọi người trong xã hội: - Cần phê phán những người vô cảm, không có thói quen chia sẻ và giúp đỡ người khác. **** HS nêu được ít nhất 3 ý thể hiện suy nghĩ về lòng yêu thương, đảm bảo theo gợi ý: 1,0 điểm; Chỉ nêu được 1 – 2 ý,***	1,0

	một phần đáp án: 0,5 điểm; không nêu hoặc nêu sai hoàn toàn: 0 điểm.	
PHẦN VIẾT		
Gợi ý nội dung	*a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của đoạn văn .*	0,25
	b. Xác định đúng nội dung chủ yếu cần bày tỏ cảm xúc.	0,25
	c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau: - Bài thơ là những dòng cảm xúc và nỗi nhớ thiết tha về một Hà Nội cổ kính, nên thơ vào độ thu về. - Về cấu trúc, bài thơ có năm khổ không đều nhau về số dòng, số chữ. Mỗi khổ biểu đạt một khía cạnh nội dung, cảm xúc; nhưng tất cả thể hiện nỗi nhớ của Trịnh Công Sơn về mùa thu và con người Hà Nội. Hai dòng đầu là nỗi nhớ về một Hà Nội mùa thu với vẻ đẹp lãng mạn, cổ kính mang dấu ấn của đất Kinh kỳ xưa. Khổ hai là nỗi nhớ của tác giả về hương hoa sữa, hương cốm mới – những nét rất đặc trưng của mùa thu Hà Nội. Khổ ba là hình ảnh Hồ Tây trong một buổi chiều thu huyền ảo, khói sương. Khổ bốn và năm là tình yêu và nỗi nhớ của tác giả về con người Thủ đô trong nỗi niềm riêng "nhớ đến một người". - Bài thơ với ngôn từ và hình ảnh gợi cảm, mượt mà, đã diễn tả tài tình thần thái của mảnh đất kinh kỳ. Đó là một Hà Nội thật lãng mạn, mộng mơ khi mùa thu về cùng với nét trầm tư, cổ kính của "phố xưa nhà cổ, mái ngói thâm nâu" mà không nơi nào có được. Qua bài thơ, người đọc bắt gặp hồn thiêng núi sông ngàn năm, đồng thời vẽ nên một bức tranh mùa thu tuyệt vời, mê đắm lòng người qua hình ảnh "cây cơm nguội vàng, cây bàng lá đỏ". - Nếu khổ đầu Trịnh Công Sơn hoài niệm vẻ đẹp ấn tượng nhất, dễ nhận thấy nhất của mùa thu Hà Nội qua màu đỏ của lá bàng, màu vàng của hàng cây cơm nguội, thì sang khổ hai tác giả lại tập trung vào cái tinh vi, vô hình nhưng lại sống động của mùi hoa sữa và hương cốm thơm mỗi độ thu về. Trong khoảnh khắc giao mùa ấy, nét đặc trưng của mùa thu Hà Nội được tác giả khám phá và đưa vào ca từ các hình ảnh vô cùng mới mẻ, ấn tượng. Từng ngọn gió mùa thu thơm nồng nàn hoa sữa, từng bàn tay nhỏ nhắn thơm hương cốm xanh, ngay cả những bước chân người đi trên hè phố cũng bất giác vương vương thơm mùi cốm sữa. Xa Hà Nội, nhưng những gì thuộc về Hà Nội vẫn không rời, cứ vấn vương như một nỗi niềm: "Hà Nội mùa thu, mùa thu Hà Nội/Mùa hoa sữa về, thơm từng ngọn gió/Mùa cốm xanh về, thơm bàn tay nhỏ/Cốm sữa vỉa hè, thơm bước chân qua". - Trong khổ ba, hình ảnh Hồ Tây vào buổi chiều thu hiện lên huyền ảo và nên thơ như một bức tranh thủy mặc được nhà danh họa vừa phác vẽ xong. Mặt nước hồ lay động dưới ánh chiều vàng như thể đang xuyến xao, rung cảm theo tiếng mời gọi của bờ xa. Màu sương mờ lãng đãng, giăng giăng như niềm nhớ thương da diết; từng bầy sâm cầm tránh rét đang bay về hướng mặt trời tìm hơi ấm cuối thu. - Bài thơ sử dụng nhiều hình ảnh đặc trưng của Hà nội, các phép điệp ngữ, điệp cấu trúc, ngôn ngữ gợi cảm... trong lời thơ gợi lên tình cảm lưu luyến, bâng khuâng và cả nỗi nhớ thiết tha trong tâm hồn tác giả. - Bài thơ làm chúng ta ngỡ ngàng khi nhận được tín hiệu tình yêu thiết tha, bỏng cháy của Trịnh Công Sơn dành cho con người nơi đây. Bắt đầu là tình yêu đối với một người khi "đi giữa mọi người". Nỗi nhớ ở đây vừa hiện hữu, cụ thể về "một người" nhưng lại hoàn toàn vô hình, vô danh tính. Chính nét khơi gợi nhiều mông lung ấy đã được sự chia sẻ, đồng cảm của nhiều bạn đọc yêu thơ, các thế hệ yêu nhạc Trịnh Công Sơn, yêu mùa thu Hà Nội.	3.0
	d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, suy nghĩ sâu sắc, sáng tạo.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,25

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I LỚP 8:

Thời gian làm bài: 90 phút

MA TRẬN

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	- Truyện	5	0	3	1	0	1	0		60
2	Viết	- Bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng số câu			5	1*	3	1*	0	1*	0	1*	11
Tổng điểm			2,5	0.5	1.5	2.0	0	2.5	0	1.0	10
Tỉ lệ %			30%		35%		25%		10%		100

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức

		thức / Kĩ năng		**Nhận biết**	**Thông hiểu**	**Vận Dụng**	**Vận dụng cao**
1	**ĐỌC HIỂU**	**Truyện**	**Nhận biết:** - Nhận biết được phương thức biểu đạt trong truyện. - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian, nội dung - Xác định được câu ghép **Thông hiểu:** - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. **Vận dụng:** - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về sự việc trong văn bản.	5TN	3TN 1TL	1 TL	
2.	**VIẾT**	**Viết** bài văn tự sự kết hợp	Viết được bài văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm				

		với miêu tả và biểu cảm					
Tổng				**5 TN**	**3 TN** **1 TL**	**1** **TL**	**1** **TL***
Tỉ lệ %				**30%**	**35%**	**25%**	**10%**
Tỉ lệ chung				**65%**		**35%**	

* Ghi chú: Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 8

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:

NGƯỜI CHẠY CUỐI CÙNG

Cuộc đua ma ra tông hàng năm ở thành phố tôi thường diễn ra vào mùa hè. Nhiệm vụ của tôi là ngồi trong xe cứu thương, theo sau các vận động viên, phòng khi có ai đó cần được chăm sóc y tế. Anh tài xế và tôi ngồi trong xe, phía sau hàng trăm con người, chờ tiếng súng lệnh vang lên.

Khi đoàn người tăng tốc, nhóm chạy đầu tiên vượt lên trước. Chính lúc đó hình ảnh một người phụ nữ đập vào mắt tôi. Tôi biết mình vừa nhận diện được "người chạy cuối cùng". Bàn chân chị ấy cứ chụm vào mà đầu gối cứ đưa ra. Đôi chân tật nguyền của chị tưởng chừng như không thể nào bước đi được, chứ đừng nói là chạy.

Nhìn chị chật vật đặt bàn chân này lên trước bàn chân kia mà lòng tôi tự dưng thở giùm cho chị, rồi reo hò cổ động cho chị tiến lên. Tôi nửa muốn cho chị dừng lại nửa cầu mong chị tiếp tục. Người phụ nữ vẫn kiên trì tiến tới, quả quyết vượt qua những mét đường cuối cùng.

Vạch đích hiện ra, tiếng người la ó ầm ĩ hai bên đường. Chị chầm chậm tiến tới, băng qua, giật đứt hai đầu sợi dây cho nó bay phấp phới sau lưng tựa như đôi cánh.

Kể từ hôm đó, mỗi khi gặp phải tình huống quá khó khăn tưởng như không thể làm được, tôi lại nghĩ đến "người chạy cuối cùng". Liền sau đó mọi việc trở nên nhẹ nhàng đối với tôi.

(Theo John Ruskin)

1. Lựa chọn đáp án đúng cho các câu từ 1 đến 8:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản?

A. Miêu tả

B. Tự sự

C. Biểu cảm

D. Nghị luận

Câu 2. Cuộc thi chạy hàng năm ở thành phố tác giả thường tổ chức vào mùa nào?

A. Mùa xuân

B. Mùa hè

C. Mùa thu

D. Mùa đông

Câu 3: Nhiệm vụ của nhân vật "tôi" trong bài là:

A. Đi thi chạy.

B. Đi diễu hành.

C. Đi cổ vũ.

D. Chăm sóc y tế cho vận động viên.

Câu 4: "Người chạy cuối cùng" trong cuộc đua có đặc điểm gì?

A. Là một em bé.

B. Là một cụ già.

C. Là một người phụ nữ có đôi chân tật nguyền.

D. Là một người đàn ông mập mạp.

Câu 5: Dấu ngoặc kép trong câu văn sau có công dụng gì: *Kể từ hôm đó, mỗi khi gặp phải tình huống quá khó khăn tưởng như không thể làm được, tôi lại nghĩ đến "người chạy cuối cùng".*

A. Đánh dấu từ ngữ,câu, đoạn dẫn trực tiếp.

B. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt

C. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa hàm ý mỉa mai.

D. Đánh dấu tên các tác phẩm, tờ báo, tập san… dẫn trong câu văn.

Câu 6: Khoanh vào chữ cái trước từ đồng nghĩa với từ "kiên trì"?

A. nhẫn nại

B. chán nản

C. dũng cảm

D. hậu đậu

Câu 7: Đoạn văn sau có mấy câu ghép:

Vạch đích hiện ra, tiếng người la ó ầm ĩ hai bên đường. Chị chầm chậm tiến tới, băng qua, giật đứt hai đầu sợi dây cho nó bay phấp phới sau lưng tựa như đôi cánh.

A. 1 câu

B. 2 câu

C. 3 câu

D. 4 câu

Câu 8: Nội dung chính của văn bản là:

A.Ca ngợi người phụ nữ đã vượt qua được khó khăn, vất vả giành chiến thắng trong cuộc thi.

B.Ca ngợi người phụ nữ có đôi chân tật nguyền có nghị lực và ý chí đã giành chiến thắng trong cuộc thi chạy.

C. Ca ngợi tinh thần chịu thương, chịu khó của người phụ nữ.

D.Ca ngợi sự khéo léo của người phụ nữ.

2. Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu sau:

Câu 9: Mỗi khi gặp phải tình huống quá khó khăn tưởng như không thể làm được, tác giả lại nghĩ đến ai?

Câu 10: Em rút ra bài học gì khi đọc xong bài văn trên?

II. VIẾT (4.0 điểm)

ĐỀ : Kể lại chuyến đi thăm quan (di tích lịch sử) đáng nhớ (VD : HỒ GƯƠM)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I- NGỮ VĂN 8

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc hiểu	1	C	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	A	0,5
	8	B	0,5
	9	- Tác giả nghĩ đến người phụ nữ có đôi chân tật nguyền đã chiến thắng cuộc thi . (Trả lời khác nhưng đúng ý vẫn cho điểm tối đa)	0,5 0,5
	10	- Bài học rút ra là cần phải quyết tâm vượt qua mọi khó khăn để chiến thắng bản thân, có như vậy mọi công việc sẽ đạt kết quả tốt đẹp. (Trả lời khác nhưng đúng ý vẫn cho điểm tối đa)	1,0
II. Viết	*a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.* Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề		0,25
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể về một kỷ niệm khiến em nhớ mãi		0,25
	c. Triển khai vấn đề: Viết bài văn tự sự có yếu tố miêu tả và biểu cảm theo gợi ý sau:		2.5
	Mở bài:		

	- Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa: + Đất nước Việt Nam có rất nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng, để lại những dấu ấn sâu sắc trong lòng người yêu thích khám phá, trải nghiệm. + Thủ đô Hà Nội có Hồ Gươm (Hồ Hoàn Kiếm) với cả nét đẹp về thiên nhiên và văn hóa, lịch sử. **- Bày tỏ cảm xúc của em khi được trực tiếp tham gia chuyến đi:** Em rất háo hức và mong chờ chuyến đi. **Thân bài:** **1. Chuyến đi thăm quan do ai tổ chức - Mục đích của chuyến tham quan** - Nhân dịp nghỉ hè, nhóm bạn thân của chúng em đã được các bố mẹ tổ chức cho đi thăm Hồ Gươm. - Chuyến đi diễn ra nhằm mục đích trải nghiệm, du lịch, khám phá những nét đẹp về phong cảnh thiên nhiên cũng như nét đẹp lịch sử, văn hóa của Hồ Gươm. **2. Chuyến đi bắt đầu như thế nào - Trên đường đi** - Chuyến đi bắt đầu từ tờ mờ sáng, vào một ngày tháng 6 hứa hẹn sẽ có nắng đẹp. - Sáng sớm chúng em đã thức dậy chuẩn bị, thời tiết thật đẹp, những chú chim đang hót líu lo đón chào tia nắng đầu tiên của ngày mới. - Hai bên đường, những hàng cây cao vút đang rì rào như đón chào chúng em. Nhiều người dân đang tập thể dục trên đường, những hàng quán đã nhộn nhịp chuẩn bị mở cửa. - Chúng em gồm 3 gia đình, xuất phát trên một xe ô tô 16 chỗ. Trên đường, chúng em hát hò vui vẻ, chơi trò chơi… - Chẳng mấy chốc, chúng em đã đặt chân đến Hồ Gươm. **3. Diễn biến chuyến tham quan** ***a. Quang cảnh chung và cảm xúc khi mới đặt chân đến Hồ Gươm*** - Em rất háo hức khi đặt chân đến hồ Gươm, mọi mệt mỏi dường như tan biến hết.	

	- Hồ Gươm rất rộng, em cảm giác như một chiếc gương khổng lồ. Chung quanh Hồ Gươm được soi bóng bởi các hàng cây to, xanh mát. - Quanh hồ Gươm là rất đông người, hàng quán. Đặc biệt, chúng em được gặp khá nhiều du khách nước ngoài. ***b. Đi thăm Tháp Rùa*** - Địa điểm đầu tiên mà gia đình em ghé thăm đó chính là Tháp Rùa. - Tháp Rùa cổ kính, uy nghi đứng trên gò đất xanh rì cỏ nổi giữa mặt hồ. Tháp Rùa cho chúng em cảm giác cổ kính, rêu phong, mang đậm dấu ấn lịch sử. - Tháp Rùa cũng chính là một nhân chứng lịch sử nước ta. Nó đã chứng kiến nước ta bị xâm lược, đã chứng kiến nước ta giải phóng và bây giờ đang trên đà phát triển. Nó cũng là nơi đầu tiên cắm chiếc cờ đỏ sao vàng của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. ***c. Đi thăm đền Ngọc Sơn*** - Rời Tháp Rùa, chúng em đến thăm đền Ngọc Sơn. - Nối hồ Gươm với đền Ngọc Sơn là chiếc cầu Thê Húc cong cong như con tôm và cũng là chiếc cầu duy nhất sơn màu đỏ chon chót, bóng bẩy nhìn rất đặc biệt. - Ngay trước cửa đền Ngọc Sơn là hàng chữ đẹp của Nguyễn Siêu - thần đồng nổi tiếng Việt Nam. Sát bên trái cửa đền là ngọn Tháp bút cao sừng sững mà theo nhiều người quan niệm là hàng ngày vẫn đưa những việc làm tốt của mọi người báo lên trời cao. - Đi sát vào đền ta còn có thể chiêm ngưỡng cụ Rùa to hơn cả bàn của cô giáo ở lớp em. ***d. Đi thăm tháp Hòa Phong*** - Tháp Hòa Phong nằm trên bờ hồ phía Đông của Hồ Gươm. - Tháp Hòa Phong là di tích còn sót lại duy nhất của chùa Báo Ân sau khi bị thực dân Pháp phá dỡ năm 1898. - Tháp được xây dựng kiên cố gồm 3 tầng với tầng 1 được mở cửa theo 4 hướng.	

	- Chúng em vui vẻ chụp ảnh ở tháp Hòa Phong cùng các du khách khác. **4. Trải nghiệm những hoạt động văn hóa tại địa điểm văn hóa** - Nhóm chúng em được giới thiệu và thưởng thức món bún chả nổi tiếng của Hà Nội. - Chúng em tận hưởng sự mát mẻ ở phố Tràng Tiền, trong hàng kem nổi tiếng để xua đi cái nóng nực mùa hè. - Chúng em đi bộ ngang qua phố Đinh Lễ ngay cạnh bờ Hồ. Đây là con phố chuyên bán sách. - Chúng em tìm thấy rất nhiều sách hay và thú vị. **5. Kết thúc chuyến đi và suy nghĩ, tình cảm của em** - Trên đường về, em nhớ mãi những ấn tượng vui vẻ về chuyến đi vừa qua. - Những trải nghiệm tại đây đã giúp em hiểu thêm về văn hóa, lịch sử; thêm cảm phục công lao của ông cha đã gìn giữ bảo vệ đất nước. **Kết bài:** **- Nêu cảm xúc, suy nghĩ của em về chuyến tham quan:** Chuyến đi kết thúc để lại trong em biết bao ấn tượng sâu sắc bởi nó đã cho bản thân em những bài học đáng quý **- Liên hệ bản thân (Mong muốn, lời hứa):** Em tự nhủ phải chăm chỉ học tập, cố gắng rèn luyện, tiếp tục có những chuyến trải nghiệm thú vị để khám phá nhiều cảnh đẹp của Việt Nam chúng ta.	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NGỮ VĂN 8:

Thời gian làm bài: 90 phút

MA TRẬN

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	- Truyện	5	0	3	1	0	1	0		60
2	Viết	Văn tự sự	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng số câu			5	1*	3	1*	0	1*	0	1*	11
Tổng điểm			2,5	0.5	1.5	2.0	0	2.5	0	1.0	10
Tỉ lệ %			30%		35%		25%		10%		100

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức / Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận	Thông	Vận	Vận

				biết	hiểu	dụng	dụng cao
1	**ĐỌC HIỂU**	**Truyện**	**Nhận biết:** - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện. - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện. - Xác định được từ đơn, từ phức, từ láy và biện pháp tu từ. **Thông hiểu:** - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của biện pháp tu từ. **Vận dụng:** - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm. - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng	5TN	3TN 1TL	1 TL	

			tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm.				
2.	**VIẾT**	Văn tự sự	**Nhận biết:** **Thông hiểu:** **Vận dụng:** **Vận dụng cao:** Viết được bài văn tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.				
Tổng				**5 TN**	**3 TN** **1 TL**	**1** **TL**	**1** **TL***
Tỉ lệ %				**30%**	**35%**	**25%**	**10%**
Tỉ lệ chung				**65%**		**35%**	

* Ghi chú: Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 8

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:

ĐÔI TAI CỦA TÂM HỒN

Một cô bé vừa gầy vừa thấp bị thầy giáo loại ra khỏi dàn đồng ca. Cũng chỉ tại cô bé ấy lúc nào cũng chỉ mặc mỗi một bộ quần áo vừa bẩn, vừa cũ, lại rộng nữa.

Cô bé buồn tủi khóc một mình trong công viên. Cô bé nghĩ: "Tại sao mình lại không được hát? Chẳng lẽ mình hát tồi đến thế sao?". Cô bé nghĩ mãi rồi cô cất giọng hát khe khẽ. Cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả mới thôi.

"Cháu hát hay quá!" – Một giọng nói vang lên: "Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ, cháu đã cho ta cả một buổi chiều vui vẻ". Cô bé ngẩn người. Người vừa khen cô bé là một ông cụ tóc bạc trắng. Ông cụ nói xong liền đứng dậy và chậm

rãi bước đi. Hôm sau, khi cô bé đến công viên đã thấy cụ già ngồi ở chiếc ghế đá hôm trước, khuôn mặt hiền từ, mỉm cười chào cô bé. Cô bé lại hát, cụ già vẫn chăm chú lắng nghe. Cụ vỗ tay nói lớn: "Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ của ta, cháu hát hay quá!". Nói xong cụ già lại chậm rãi một mình bước đi.

Cứ như vậy nhiều năm trôi qua, cô bé giờ đây đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng. Cô gái vẫn không quên cụ già ngồi tựa lưng vào thành ghế đá trong công viên nghe cô hát. Một buổi chiều mùa đông, cô đến công viên tìm cụ nhưng ở đó chỉ còn lại chiếc ghế đá trống không.

"Cụ già ấy đã qua đời rồi. Cụ ấy điếc đã hơn hai mươi năm nay" – một người trong công viên nói với cô. Cô gái sững người, bật khóc. Hóa ra, bao nhiêu năm nay, tiếng hát của cô luôn được khích lệ bởi một đôi tai đặc biệt: Đôi tai của tâm hồn.

(Theo Hoàng Phương – Sống đẹp)

1. Lựa chọn đáp án đúng cho các câu từ 1 đến 8:

Câu 1: Văn bản trên được viết theo thể loại gì?

A. Truyện

B. Kí

C. Tuỳ bút

D. Tản văn

Câu 2. Vì sao cô bé buồn tủi khóc một mình trong công viên?

A. Vì cô bé không có bạn chơi cùng.

B. Vì cô bé bị loại ra khỏi dàn đồng ca.

C. Vì cô không có quần áo đẹp.

D. Vì cô bé luôn mặc bộ quần áo rộng cũ và bẩn.

Câu 3. Chỉ ra biện pháp tu từ đặc sắc trong câu văn: *Cô gái sững người, bật khóc. Hóa ra, bao nhiêu năm nay, tiếng hát của cô luôn được khích lệ bởi một đôi tai đặc biệt: đôi tai của tâm hồn.*

A. Nhân hoá

B. So sánh

C. Hoán dụ

D. Ẩn dụ

Câu 4. Cụ già đã làm gì cho cô bé?

A. Cụ nói: "Cháu hát hay quá! Cháu đã cho ta cả một buổi chiều thật vui vẻ".

B. Cụ khuyên cô bé cố gắng tập luyện để hát tốt hơn.

C. Cụ trở thành người người thân của cô bé, dạy cô bé hát.

D. Cụ khuyên cô bé rồi một ngày nào con sẽ trở thành ca sĩ.

Câu 5. Tình tiết bất ngờ gây xúc động nhất trong câu chuyện là gì?

A. Cô bé không hề biết cụ già vẫn lắng nghe và động viên cô bé hát.

B. Cụ già tốt bụng.

C. Cô bé đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng.

D. Một người nói với cô "Cụ già đó qua đời rồi. Cụ ấy điếc đã hơn 20 năm nay".

Câu 6. Cuối cùng, trong công viên, cô bé đã làm gì?

A. Suy nghĩ và khóc một mình.

B. Gặp gỡ và trò chuyện với một cụ già.

C. Cất giọng hát khe khẽ hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả.

D. Một mình ngồi khóc xong rồi tiếp tục chơi.

Câu 7. Nhận xét nào đúng nhất để nói về cụ già trong câu chuyện?

a. Là một người kiên nhẫn.

b. Là một con người hiền hậu.

c. Là một con người nhân hậu, luôn biết quan tâm, chia sẻ, động viên người khác.

d. Là một người biết lắng nghe.

Câu 8. Nguyên nhân nào trong các nguyên nhân sau khiến cô bé trở thành một ca sĩ?

a. Vì cô bé bị loại ra khỏi dàn đồng ca.

b. Vì có lời khen, động viên của ông cụ tóc bạc trắng.

c. Vì cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả mới thôi.

d. Vì cô bé rất thích hát.

2. Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu sau:

Câu 9. Nêu ý nghĩa của tình huống bất ngờ trong văn bản trên?

Câu 10: Bài học mà em tâm đắc nhất khi đọc xong văn bản? (Viết câu trả lời bằng 3 đến 5 dòng)

II. VIẾT (4.0 điểm)

ĐỀ : Kể lại chuyến thăm quan lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I- NGỮ VĂN 8

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc hiểu	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	D	0,5
	4	A	0,5
	5	D	0,5
	6	C	0,5
	7	C	0,5
	8	B	0,5
	9	- Tình huống bất ngờ trong câu chuyện trên là: Cô gái sững người khi nhận ra người bấy lâu nay luôn khích lệ, động viên cho giọng hát của cô lại là một ông cụ bị điếc. -Ý nghĩa của tình huống: Ông cụ đã nghe giọng hát của cô gái không phải bằng đôi tai thông thường mà bằng tâm hồn và trái tim của mình – tâm hồn và trái tim giàu tình yêu thương	1,0
	10	- HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học. - Lí giải được lí do nêu bài học ấy. + Trước khó khăn, thử thách con người cần có niềm tin, nghị lực vượt lên hoàn cảnh để chiến thắng hoàn cảnh.	1,0

		+ Tình yêu thương sẽ làm nên những điều kì diệu đối với con người. + Phải luôn nỗ lực, rèn luyện chăm chỉ, tin vào bản thân thì mới có thể đạt được thành công ..... - ……	
II. Viết		*a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn* Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: văn tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm về một kỉ niệm tuổi thơ em nhớ mãi Mở bài: - Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa: + Bác Hồ là người Cha già kính yêu của dân tộc Việt Nam, Bác đã mang đến ánh sáng của tự do, độc lập cho dân tộc Việt Nam. + Em vẫn luôn mong được một lần đến thăm nơi Bác yên nghỉ. - Bày tỏ cảm xúc của em khi được trực tiếp tham gia chuyến đi: Em rất háo hức và mong chờ chuyến đi để được gặp người lãnh tụ vĩ đại của dân tộc. Thân bài: 1. Chuyến đi thăm quan do ai tổ chức - Mục đích của chuyến tham quan - Trường em tổ chức cho các lớp đi thăm lăng Bác. - Chuyến đi nhằm mục đích giúp chúng em hiểu thêm về công lao, cuộc sống, phong cách làm việc của Bác - Người lãnh tụ vĩ đại của dân tộc. 2. Chuyến đi bắt đầu như thế nào - Trên đường đi - Sáng sớm em đã thức dậy chuẩn bị, thời tiết thật đẹp, những chú chim đang hót líu lo đón chào tia nắng đầu tiên của ngày mới. - Em được mẹ đưa đến trường, tập trung theo lớp và lên xe ô tô đã phân công sẵn theo từng lớp. - Đoàn xe đã bắt đầu chạy. Hai bên đường, những hàng cây cao vút đang rì rào như đón chào chúng em. Nhiều người dân đang tập	0,25

	thể dục trên đường, những hàng quán đã nhộn nhịp chuẩn bị mở cửa. - Trên xe, chúng em hát những bài hát về Bác và được chơi một số trò chơi để hiểu thêm về cuộc sống, tính cách… của Bác. - Sau khoảng 2 tiếng, đoàn chúng em đã có mặt ở lăng Bác. 3. Diễn biến chuyến tham quan *a. Quang cảnh chung và cảm xúc khi mới đặt chân đến lăng Bác* - Em rất vui mừng khi đặt chân đến lăng Bác, bao mệt mỏi dường như tan biến hết. - Trước cửa lăng rất đông người, nhưng không khí rất yên tĩnh, trang nghiêm. - Lăng Bác nằm trên một khoảng đất rộng lớn và rợp mát bằng các vạt cỏ xanh. *b. Chuẩn bị vào thăm lăng* - Trước lăng có hàng chữ "Chủ tịch Hồ Chí Minh", hai bên là hai hàng tre cao thẳng và vững chãi như thể chính mỗi người dân Việt Nam đang ngày đêm đứng bên Bác - Xung quanh lăng là Quảng trường Ba Đình mênh mông, có cột cờ với màu cờ đỏ sao vàng đang tung bay theo gió. - Trước cửa đi vào lăng Bác có những chú bộ đội trong cảnh phục đứng canh gác nghiêm trang. - Chúng em và các đoàn du khách vào thăm lăng Bác yên lặng xếp hàng trong không khí trang nghiêm, thành kính. Không ai bảo ai, chúng em đều im lặng và xếp hàng nghiêm chỉnh chờ đến lượt vào thăm Bác. *c. Đi vào thăm lăng Bác* - Cửa lăng rộng rãi và sạch sẽ, quanh co đưa chúng em vào với Bác. - Không khí trong Lăng tĩnh lặng và trang nghiêm, thành kính. - Dòng người chậm rãi di chuyển, mắt hướng về nơi Bác đang an nghỉ. Bác nằm đó, bình yên trong giấc ngủ, vẻ mặt an tĩnh. - Em cảm thấy thật xúc động. Em thấy mọi người đều nghẹn ngào khi được gần Bác đến thế.	

	- Chúng em dường như cảm nhận được lời nhắc nhở của Bác đang vang vọng đâu đây. *d. Đi thăm Phủ Chủ tịch* - Rời Lăng, mấy anh chị hướng dẫn viên đưa đoàn vào thăm Phủ Chủ tịch. Con đường mát rượi với nhiều cây cối, có cây đã được Bác trồng khi còn sống. - Ngôi nhà sàn Bác Hồ được làm bằng gỗ, ao cá Bác Hồ có rất nhiều những chú cá vàng đang bơi lội. - Nhà Bảo tàng có các dụng cụ sinh hoạt của Bác như: đôi dép cao su, cây gậy tre, cái mũ cối, bộ quần áo vải sờn, chiếc giường Bác ngủ, chiếc bàn ăn, chiếc ghế Bác ngồi... 4. Trải nghiệm những hoạt động văn hóa tại địa điểm văn hóa - Chúng em được nghe hướng dẫn viên kể lại từng câu chuyện liên quan đến cuộc sống, sinh hoạt của Bác. - Chúng em được xem lại từng đoạn phim tư liệu quý giá về cuộc đời của Bác. Như thể Bác vẫn còn đang ở quanh đây với chúng em vậy. 5. Kết thúc chuyến đi và suy nghĩ, tình cảm của em - Trên đường về, em nhớ mãi những cảm xúc thành kính và tự hào trong chuyến đi vừa qua. - Những trải nghiệm tại đây đã giúp em hiểu thêm về con người, cuộc sống sinh hoạt giản dị của Bác; về sự vĩ đại của Bác. Kết bài: - Nêu cảm xúc, suy nghĩ của em về chuyến tham quan: Chuyến đi kết thúc để lại trong em biết bao ấn tượng sâu sắc bởi nó đã cho bản thân em những bài học đáng quý. Em càng thêm yêu quý, tự hào vì đã được là một người dân Việt Nam, là một người cháu ngoan của Bác Hồ vĩ đại. - Liên hệ bản thân (Mong muốn, lời hứa): Em tự nhủ phải chăm chỉ học tập, cố gắng rèn luyện, noi gương Bác Hồ kính yêu.	
	c. Triển khai vấn đề đảm bảo các yêu cầu sau:	2.5

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NGỮ VĂN 8:

Thời gian làm bài: 90 phút

MA TRẬN

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	**Đọc hiểu**	- Truyện	5	0	3	1	0	1	0		60
2	**Viết**	Văn tự sự	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng số câu			5	1*	3	1*	0	1*	0	1*	11

Tổng điểm	2,5	0.5	1.5	2.0	0	2.5	0	1.0	10
Tỉ lệ %	30%		35%		25%		10%		100

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức / Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**ĐỌC HIỂU**	**Truyện**	**Nhận biết:** - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện. - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện. - Xác định được từ đơn, từ phức, từ láy và biện pháp tu từ. **Thông hiểu:** - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.	5TN	3TN 1TL	1 TL	

			- Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của biện pháp tu từ. **Vận dụng:** - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm. - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm.				
2.	**VIẾT**	Văn tự sự	**Nhận biết:** **Thông hiểu:** **Vận dụng:** **Vận dụng cao:** Viết được bài văn tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.				
Tổng				**5 TN**	**3 TN** **1 TL**	**1** **TL**	**1** **TL***
Tỉ lệ %				**30%**	**35%**	**25%**	**10%**
Tỉ lệ chung				**65%**		**35%**	

* Ghi chú: Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 8

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Hôm sau, lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay:
- Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!
- Cụ bán rồi?
- Bán rồi? Họ vừa bắt xong.
Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện:
- Thế nó cho bắt à?
Mặt lão đột nhiên co dúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...
- Khốn nạn... Ông giáo ơi! Nó có biết gì đâu! Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng. Tôi cho nó ăn cơm. Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau nó dốc ngược nó lên. Cứ thế là thằng Mục với thằng Xiển, hai thằng chúng nó chỉ loay hoay một lúc đã trói chặt cả bốn chân nó lại. Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết! ...

... Luôn mấy hôm, tôi thấy lão Hạc chỉ ăn khoai, rồi thì khoai cũng hết. Bắt đầu từ đấy, lão chế tạo được món gì, ăn món ấy... Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc, hôm thì ăn rau má, với thỉnh thoảng một vài của rảy, hay bữa trai, bữa ốc. Tôi nói chuyện lão với vợ tôi. Thị gạt phắt đi:
- Cho lão chết! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ! Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ! Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão? Chính con mình cũng đói...

... Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm. Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế. Họ dễ tủi thân nên rất hay chạnh lòng. Ta khó mà ở cho vừa ý họ... Một hôm, tôi phàn nàn về việc ấy với Binh Tư. Binh Tư là một người láng giềng khác của tôi. Hắn làm nghề ăn trộm nên vốn không ưa lão hạc bởi vì lão lương thiện quá. Hắn bĩu môi và bảo:
- Lão làm bộ đấy! Thật ra thì lão chỉ tâm ngẩm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu. Lão vừa xin tôi một ít bả chó...

Tôi trố to đôi mắt, ngạc nhiên. Hắn thì thầm:
- Lão bảo có con chó nhà nào cứ đến vườn nhà lão... Lão định cho nó xơi một bữa. Nếu trúng, lão với tôi uống rượu.
Hỡi ơi lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết... Một

người như thế ấy!... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó!... Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ một ngày một thêm đáng buồn...

Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhốn nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mải mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xồng xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thình lình như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu.

Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn: "Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết! chứ không chịu bán đi một sào...".

(Lão Hạc, Nam Cao -Ngữ văn 8 tập 1).

1. Lựa chọn đáp án đúng cho các câu từ 1 đến 8:

Câu 1: Truyện ngắn Lão Hạc đã được nhà văn Nam Cao sáng tác theo thể loại nào?

A. Tiểu thuyết

B. Truyện ngắn

C. Hồi kí

D. Truyện dài

Câu 2: Nội dung chính của đoạn trích viết về vấn đề gì?

A. Số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và những phẩm chất quý báu tiềm tàng của họ.

B. Cuộc sống thiếu thốn, nghèo khổ đến cùng cực của người nông dân.

C. Tình cảm cảm động của con người đối với con vật trong hoàn cảnh cuộc sống khó khăn.

D. Tình cảm của người cha luôn quan tâm và thương yêu con hết mực.

Câu 3: Trong đoạn trích Lão Hạc, nhân vật lão Hạc được khắc họa là một người như thế nào?

A. Là một người nông dân sống ích kỉ, chỉ lo cho bản thân mình, sẵn sàng bán rẻ người khác.

B. Là một người nông dân có số phận đau thương, yêu thương con tha thiết và có những phẩm chất vô cùng cao quý.

C. Là một người nông dân có thái độ sống cao thượng, sẵn sàng giúp đỡ mọi người.

D. Là một người nông dân gàn dở, ngu ngốc, bần tiện.

Câu 4: Nhân vật nào đã trở thành chỗ dựa tinh thần, trở thành bạn thân của lão Hạc?

A. Binh Tư và thằng Xiên.

B. Thằng Xiên và thang Mục.

C. Ông giáo và con Vàng.

D. Ông giáo và Binh Tư.

Câu 5: Lúc về già nhân vật lão Hạc *không* gặp phải khó khăn nào sau đây?

A. Lão bị một trận ốm thập tử nhất sinh, người trở nên gầy yếu hơn.

B. Con trai lão đòi cưới vợ nhưng lão không đủ tiền lo cho nó.

C. Trận bão phá sạch hoa màu trong vườn mà lão bỏ bao công sức để vun trồng.

D. Không ai thuê mướn lão nữa vì lão đã quá già yếu, vì thế lão không có cái ăn.

Câu 6: Sự xuất hiện của nhân vật Binh Tư có tác dụng nêu bật đức tính gì ở lão Hạc?

A. Lão rất biết tận dụng thời cơ để cải thiện đời sống.

B. Lão Hạc rất hiền lành, không quan tâm đến chuyện hàng xóm.

C. Lão Hạc trước sau vẫn sống một cuộc đời đạm bạc, thật thà và lương thiện.

D. Lão Hạc rất yêu thương con và yêu thương con chó Vàng.

Câu 7: Đoạn văn sau có từ tượng hình nào: "*Mặt lão đột nhiên co dúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...*"

A. co rúm, nghẹo, móm mém.

B. hu hu, co rúm, nghẹo, móm mém.

C. hu hu, co rúm, móm mém.

D. co rúm, móm mém.

Câu 8: Nguyên nhân sâu xa nào khiến lão Hạc quyết định chọn cái chết bằng cách ăn bả chó?

A. Lão Hạc quá ân hận vì đã trót lừa bán đi con chó thân thiết.

B. Lão Hạc không có tiền để nộp thuế cho bọn quan lại.

C. Vì lão Hạc không còn tiền để sinh sống và không muốn làm phiền mọi người.

D. Vì lão Hạc rất thương con, lão nghĩ mình chết đi sẽ dành dụm được thêm cho anh con trai một số vốn.

2. Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu sau:

Câu 9. Thái độ, tình cảm của nhân vật "tôi" đối với lão Hạc như thế nào qua đoạn kết trên?

Câu 10: Cảm nhận của em về tâm trạng của lão Hạc được thể hiện trong đoạn văn trên (Trình bày 3- 5 câu)

II. VIẾT (4.0 điểm)

ĐỀ : Viết bài văn kể lại chuyến thăm quan khu di tích lịch sử đáng nhớ

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I- NGỮ VĂN 8

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc hiểu	1	B	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	C	0,5
	5	B	0,5
	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	D	0,5
	9	Thái độ, tình cảm của nhân vật "tôi" đối với lão Hạc qua đoạn kết trên; đồng cảm, xót xa trước cái chết đau đớn của lão Hạc, trân trọng nhân cách của lão Hạc...	1,0
	10	- HS cảm nhận được tâm trạng của lão Hạc: Tập trung nêu cảm nhận về tâm trạng đau đớn, buồn khổ của lão Hạc khi bán cậu Vàng….	1,0

II. Viết	*a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn* Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: văn tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm về một lần em mắc lỗi với thầy cô giáo - Biết kết hợp tốt với các yếu tố miêu tả, biểu cảm khi kể chuyện.	0,25
	c. Triển khai vấn đề đảm bảo các yêu cầu sau:	2.5
	Bài viết tham khảo Cuộc đời mỗi con người là những chuyến đi dài ngắn khác nhau. Sau mỗi chuyến đi ấy, chúng ta lại đón nhận thêm được nhiều điều mới mẻ. Tôi may mắn được tham gia rất nhiều chuyến tham quan, nhưng chuyến tham quan mà tôi nhớ nhất là chuyến tham quan Mai Châu – Hòa Bình năm ngoái. Chuyến đi giúp chúng tôi khám phá vẻ đẹp quê hương đất nước và bồi dưỡng tình cảm với mảnh đất xinh đẹp này. Thời điểm cuối tháng 11, đầu tháng 12 năm học lớp 7, lớp chúng tôi tổ chức một chuyến đi tham quan xa 2 ngày 1 đêm. Thông báo đột ngột đến khiến cả lớp bất ngờ và vô cùng vui sướng. Đứa nào đứa ấy đều nôn nóng, rối rít chuẩn bị đồ đạc. Hai ngày sau đó, chúng tôi xuất phát. Xe du lịch chầm chậm rời khỏi nội thành thủ đô, ánh nắng khuất dần sau những tòa nhà cao chót vót. Khói bụi và tiếng còi xe ồn ào cũng biến mất dần ở phía sau, xe đưa chúng tôi băng qua những con đường bóng cây xanh rợp mắt. Đến gần trưa, núi đồi và những rừng cây xanh mát nhanh chóng choáng ngợp trước tầm mắt háo hức của chúng tôi. Hòa Bình đã chập chững bước chân sang mùa đông nên càng lên cao, những hạt mưa li ti càng lất phất. Chúng tôi nghỉ chân tại Đào Thung Khe (Đèo đá trắng). Đứng trên đèo nhìn xuống, tôi nhìn thấy toàn cảnh thung lũng Mai Châu từ trên cao. Bác tài còn nói, một ngày ở Thung Khe cũng như trải qua 4 mùa trong năm vậy. Xe lại lăn bánh, bác tài xế vừa cẩn thận cầm lái vừa giải thích một chút địa hình nơi này, những dãy núi đá đỏ gạch kia, mỗi lần mưa bão lại sụp xuống, gây bao nguy hiểm cho người đi đường và người dân nơi đây. Xe đi qua những dãy đồi trồng mía, trồng cam – giống cam Cao Phong nổi tiếng, những ngôi nhà sàn rồi dừng lại ở một dãy nhà sàn được dùng cho du khách đến tham quan. Dưới sự hướng dẫn	

của cô chủ nhiệm, thầy phụ trách và các bác phụ huynh, chúng tôi thu dọn đồ đạc và nghỉ ngơi một chút.

Chiều đến, một thiếu nữ xinh xắn mặc trang phục người Mèo đến hướng dẫn đoàn tham quan chúng tôi. Chị ấy mặc váy xòe rực rỡ, nói giọng miền Bắc lại vô cùng tốt. Lần lượt dẫn chúng tôi đến các điểm tham quan. Mai Châu vào tháng 10, 11, 12 ngập tràn những cánh rừng hoa đào, hoa mận trắng xóa. Địa điểm đầu tiên là Bản Lác và bản Poom Coọng - 2 làng du lịch lớn nhất và đông đúc nhất ở Mai Châu. Đến đây, chúng tôi được thưởng thức đặc sản Mai Châu, mua quà lưu niệm và khám phá những nét văn hóa, đời sống, lễ hội của người dân Mai Châu. Đi hết hai bản này trời cũng sập tối, đoàn trở về nhà sàn, ăn uống, vui chơi. Trong đêm hôm ấy, lũ chúng tôi lần đầu tiên nằm cạnh bên nhau, thì thầm nhỏ to những câu chuyện bí mật.

Sáng sớm hôm sau, tôi giật mình nghe tiếng gà như tiếng gà ở những miền quê, không khí Mai Châu yên bình và trong lành vô cùng. Chúng tôi đánh răng, rửa mặt, ăn sáng rồi lại lên những chiếc xe điện, tiếp tục tham quan. Nơi chúng tôi đến là Hang Mỏ Luông và Hang Chiều - 2 quần thể hang động lớn và đặc sắc ở Mai Châu. Bước vào hang động, tôi ngỡ ngàng nhìn ngắm những nhũ đá hàng nghìn năm tuổi, nhiều hình thù và màu sắc cực đẹp, không thua gì nhũ đá ở Phong Nha Kẻ Bàng.

Xe điện chầm chậm chạy qua những bản làng của người dân tộc, những cánh đồng lúa bao la dần ngả vàng, người dân nơi đây dõi mắt theo xe. Cuộc sống của họ còn rất nhiều khó khăn. Nhìn những thiếu nữ còn ít tuổi đã hai tay ôm hai đứa trẻ, lòng tôi trào dâng niềm thương cảm. Trên con đường về nhà sàn, chúng tôi gặp cả những gia đình người nước ngoài, họ vui vẻ đạp xe, thân thiện vẫy tay chào chúng tôi.

Cuộc vui nào cũng đến hồi kết, chúng tôi dạo quanh những khu bán đồ của người dân địa phương, mua quà lưu niệm. Những ống cơm lam thơm ngọt ngào, những vật dụng, trang phục thổ cẩm xinh đẹp khiến mọi người nhìn không chớp mắt. Tạm biệt Mai Châu, xe ngược đường quay lại thủ đô. Điều đặc biệt trong chuyến đi ấy là trên đường về, chúng tôi còn được tự tay vào những vườn cam Cao Phong, hái những quả cam tươi để mang về.

Hà Nội náo nhiệt lại gần ngay trước mắt. Chúng tôi mỗi người ôm một món quà của Mai Châu, mang theo một ấn tượng riêng về thiên nhiên và con người Mai Châu, lòng tự nhủ sẽ lần nữa

	về tham quan nơi bản làng xinh đẹp ấy.	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I LỚP 8:

Thời gian làm bài: 90 phút

MA TRẬN

TT	**Kĩ năng**	**Nội dung/đơn vị kiến thức**	**Mức độ nhận thức**								**Tổng % điểm**
			Nhận biết		**Thông hiểu**		**Vận dụng**		**Vận dụng cao**		
			TNKQ	**TL**	**TNKQ**	**TL**	**TNKQ**	**TL**	**TNKQ**	**TL**	
1	**Đọc hiểu**	- Truyện	5	0	3	1	0	1	0		60
2	**Viết**	- Bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng số câu			5	1*	3	1*	0	1*	0	1*	11

Tổng điểm	2,5	0.5	1.5	2.0	0	2.5	0	1.0	10
Tỉ lệ %	30%		35%		25%		10%		100

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	**Kĩ năng**	**Đơn vị kiến thức / Kĩ năng**	**Mức độ đánh giá**	**Số câu hỏi theo mức độ nhận thức**			
				Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận Dụng**	**Vận dụng cao**
1	**ĐỌC HIỂU**	**Truyện**	**Nhận biết:** - Nhận biết được phương thức biểu đạt trong truyện. - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian, nội dung - Xác định được câu ghép **Thông hiểu:** - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. **Vận dụng:** - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra	5TN	3TN 1TL	1 TL	

			trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về sự việc trong văn bản.				
2.	**VIẾT**	**Viết** bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm	Viết được bài văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm				
Tổng				**5 TN**	**3 TN** **1 TL**	**1** **TL**	**1** **TL***
Tỉ lệ %				**30%**	**35%**	**25%**	**10%**
Tỉ lệ chung				**65%**		**35%**	

* Ghi chú: Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 8

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:

NGƯỜI CHẠY CUỐI CÙNG

Cuộc đua ma ra tông hàng năm ở thành phố tôi thường diễn ra vào mùa hè. Nhiệm vụ của tôi là ngồi trong xe cứu thương, theo sau các vận động viên, phòng khi có ai đó cần được chăm sóc y tế. Anh tài xế và tôi ngồi trong xe, phía sau hàng trăm con người, chờ tiếng súng lệnh vang lên.

Khi đoàn người tăng tốc, nhóm chạy đầu tiên vượt lên trước. Chính lúc đó hình ảnh một người phụ nữ đập vào mắt tôi. Tôi biết mình vừa nhận diện được

"người chạy cuối cùng". Bàn chân chị ấy cứ chụm vào mà đầu gối cứ đưa ra. Đôi chân tật nguyền của chị tưởng chừng như không thể nào bước đi được, chứ đừng nói là chạy.

Nhìn chị chật vật đặt bàn chân này lên trước bàn chân kia mà lòng tôi tự dưng thở giùm cho chị, rồi reo hò cổ động cho chị tiến lên. Tôi nửa muốn cho chị dừng lại nửa cầu mong chị tiếp tục. Người phụ nữ vẫn kiên trì tiến tới, quả quyết vượt qua những mét đường cuối cùng.

Vạch đích hiện ra, tiếng người la ó ầm ĩ hai bên đường. Chị chầm chậm tiến tới, băng qua, giật đứt hai đầu sợi dây cho nó bay phấp phới sau lưng tựa như đôi cánh.

Kể từ hôm đó, mỗi khi gặp phải tình huống quá khó khăn tưởng như không thể làm được, tôi lại nghĩ đến "người chạy cuối cùng". Liền sau đó mọi việc trở nên nhẹ nhàng đối với tôi.

(Theo John Ruskin)

1. Lựa chọn đáp án đúng cho các câu từ 1 đến 8:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản?

A. Miêu tả

B. Tự sự

C. Biểu cảm

D. Nghị luận

Câu 2. Cuộc thi chạy hàng năm ở thành phố tác giả thường tổ chức vào mùa nào?

A. Mùa xuân

B. Mùa hè

C. Mùa thu

D. Mùa đông

Câu 3: Nhiệm vụ của nhân vật "tôi" trong bài là:

A. Đi thi chạy.

B. Đi diễu hành.

C. Đi cổ vũ.

D. Chăm sóc y tế cho vận động viên.

Câu 4: "Người chạy cuối cùng" trong cuộc đua có đặc điểm gì?

A. Là một em bé.

B. Là một cụ già.

C. Là một người phụ nữ có đôi chân tật nguyền.

D. Là một người đàn ông mập mạp.

Câu 5: Dấu ngoặc kép trong câu văn sau có công dụng gì: Kể từ hôm đó, mỗi khi gặp phải tình huống quá khó khăn tưởng như không thể làm được, tôi lại nghĩ đến "người chạy cuối cùng".

A. Đánh dấu từ ngữ,câu, đoạn dẫn trực tiếp.

B. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt

C. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa hàm ý mỉa mai.

D. Đánh dấu tên các tác phẩm, tờ báo, tập san… dẫn trong câu văn.

Câu 6: Khoanh vào chữ cái trước từ đồng nghĩa với từ "kiên trì"?

A. nhẫn nại

B. chán nản

C. dũng cảm

D. hậu đậu

Câu 7: Đoạn văn sau có mấy câu ghép:

Vạch đích hiện ra, tiếng người la ó ầm ĩ hai bên đường. Chị chầm chậm tiến tới, băng qua, giật đứt hai đầu sợi dây cho nó bay phấp phới sau lưng tựa như đôi cánh.

A. 1 câu

B. 2 câu

C. 3 câu

D. 4 câu

Câu 8: Nội dung chính của văn bản là:

A.Ca ngợi người phụ nữ đã vượt qua được khó khăn, vất vả giành chiến thắng trong cuộc thi.

B.Ca ngợi người phụ nữ có đôi chân tật nguyền có nghị lực và ý chí đã giành chiến thắng trong cuộc thi chạy.

C. Ca ngợi tinh thần chịu thương, chịu khó của người phụ nữ.

D.Ca ngợi sự khéo léo của người phụ nữ.

2. Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu sau:

Câu 9: Mỗi khi gặp phải tình huống quá khó khăn tưởng như không thể làm được, tác giả lại nghĩ đến ai?

Câu 10: Em rút ra bài học gì khi đọc xong bài văn trên?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Kể về một kỷ niệm khiến em nhớ mãi.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I- NGỮ VĂN 8

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc hiểu	1	C	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	A	0,5
	8	B	0,5
	9	- Tác giả nghĩ đến người phụ nữ có đôi chân tật nguyền đã chiến thắng cuộc thi . (Trả lời khác nhưng đúng ý vẫn cho điểm tối đa)	0,5 0,5
	10	- Bài học rút ra là cần phải quyết tâm vượt qua mọi khó khăn để chiến thắng bản thân, có như vậy mọi công việc sẽ đạt kết quả tốt đẹp. (Trả lời khác nhưng đúng ý vẫn cho điểm tối đa)	1,0
II. Viết	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận. Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề		0,25

	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể về một kỷ niệm khiến em nhớ mãi	0,25
	c. Triển khai vấn đề: Viết bài văn tự sự có yếu tố miêu tả và biểu cảm theo gợi ý sau:	2.5
	– Giới thiệu kỷ niệm sâu sắc làm em nhớ mãi. – Thời gian, không gian diễn ra kỷ niệm. – Những chi tiết, diễn biến xung quanh kỷ niệm đó. – Kỷ niệm đó mang lại cho em suy nghĩ gì? – Kỷ niệm của em có phải là hồi ức đẹp không? – Những suy nghĩ hiện tại của em về kỷ niệm.	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5

3.THƠ SÁU CHỮ, BẢY CHỮ

MA TRẬN ĐỀ THI

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ sáu chữ, bảy chữ	2	1	2	1	0	2	0	0	50
2	Viết	Viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội.	0	1*	0	1*	0	1*	0	2*	50
Tổng			20	10	20	10	0	20	0	20	100%
Tỉ lệ %			30%		30%		20%		20%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Đọc hiểu**	Thơ sáu chữ, bảy chữ	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố hình thức của thơ sáu chữ, bảy chữ (số chữ ở mỗi dòng; vần, nhịp; từ ngữ, hình ảnh; bố cục, mạch cảm xúc;…). - Nhận biết được sắc thái nghĩa của từ ngữ và hiệu quả lựa chọn từ ngữ. **Thông hiểu**: - Phân tích được một số yếu tố hình thức của thơ sáu chữ, bảy chữ (số chữ ở mỗi dòng; vần, nhịp; từ ngữ, hình ảnh; bố cục, mạch cảm xúc;…)	2TN 1TL	2TN 1TL	2TL	

			và tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ. **Vận dụng:** - Vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào đọc hiểu văn bản thơ.				
2	**Viết**	Viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội.	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội. - Xác định được bố cục bài văn. **Thông hiểu:** - Giới thiệu được lí do mục đích của chuyến tham quan. - Kể diễn biến chuyến tham quan. - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích.				1TL*

			Vận dụng: - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân để viết được bài văn kể lại một chuyến đi hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của để (sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài viết). - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao:** - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để kể lại cụ thể chuyến đi. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				
Tổng số câu				**2TN**	**2TN**	**2TL**	**1TL**

		1TL	1TL		
Tỉ lệ (%)		30%	30%	20%	20%
Tỉ lệ chung		60%		40%	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN

……..

ĐỀ SỐ

ĐỀ THI

Năm học: 20… – 20…

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (5,0) điểm

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Thăm cõi Bác xưa

Tố Hữu

Anh dắt em vào cõi Bác xưa
Đường xoài hoa trắng nắng đu đưa
Có hồ nước lặng sôi tăm cá
Có bưởi cam thơm, mát bóng dừa.

Có rào râm bụt đỏ hoa quê
Như cổng nhà xưa Bác trở về
Có bốn mùa rau tươi tốt lá
Như những ngày cháo bẹ măng tre.

Nhà gác đơn sơ, một góc vườn
Gỗ thường mộc mạc, chẳng mùi sơn
Giường mây chiếu cói, đơn chăn gối
Tủ nhỏ, vừa treo mấy áo sờn.

Máy chữ thôi reo, nhớ ngón đàn
Thong dong chiếc gậy gác bên bàn

Còn đôi dép cũ, mòn quai gót

Bác vẫn thường đi giữa thế gian...

Câu 1. Phương thức biểu đạt của bài thơ trên là gì?

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Biểu cảm

D. Thuyết minh

Câu 2. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ 6 chữ

B. Thơ 7 chữ

C. Thơ tự do

D. Thơ lục bát

Câu 3. Biện pháp nghệ thuật nổi bật nào được sử dụng trong đoạn thơ thứ ba?

A. Nhân hóa

B. So sánh

C. Ẩn dụ

D. Liệt kê

Câu 4. Bài thơ trên thể hiên đức tính nào của Bác?

A. Lòng yêu nước

B. Tinh thần hiếu học

C. Sự giản dị

D. Tinh thần đoàn kết

Câu 5 (0,5 điểm) Nêu nội dung chính của bài thơ trên.

Câu 6 (1,0 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ trên.

Câu 7 (1,0 điểm) Nhà Bác qua bước chân "anh" và "em" hiện lên như thế nào? Tình cảm của nhà thơ dành cho Bác được thể hiện ra sao qua bài thơ.

Câu 8 (0,5 điểm) Qua bài thơ trên, em học tập được những đức tính tốt đẹp nào của Bác?

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một chuyến hoạt động xã hội ý nghĩa nhất đối với em.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	C. Biểu cảm	0,5 điểm
Câu 2	B. Thơ 7 chữ	0,5 điểm
Câu 3	D. Liệt kê	0,5 điểm
Câu 4	C. Sự giản dị	0,5 điểm
Câu 5	- Nội dung đoạn thơ là miêu tả về nơi ở khi trước của Bác qua đó nêu lên những nét đáng quý của Bác. - Sự thương nhớ của nhân vật trữ tình với Bác.	0,5 điểm
Câu 6	- Biện pháp liệt kê: "có hồ nước lặng … măng tre" - Tác dụng: + Gợi những hình ảnh gần gũi, đơn sơ, quen thuộc trong cõi Bác xưa. + Tạo nhịp điệu, tăng sức biểu đạt cho câu thơ.	1,0 điểm
Câu 7	- Nhà Bác hiện lên qua bước chân "anh" và "em": gần gũi, giản dị với hình ảnh quả xoài, bưởi, nắng đu đủ, hồ nước cá, góc vườn đơn sơ,… - Tình cảm của nhà thơ với Bác: Sự tiếc thương, ngậm ngùi khi về thăm nhà Bác.	1,0 điểm
Câu 8	Những đức tính: sự giản dị, mộc mạc của Bác.	0,5 điểm

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm

	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn kể lại một hoạt động xã hội Mở bài giới thiệu được hoạt động xã hội. Thân bài triển khai được chi tiết hoạt động đó. Kết bài nêu được cảm nghĩ của bản thân về hoạt động đó.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại một hoạt động xã hội mà em được tham gia.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** - Giới thiệu được hoạt động: Lí do, mục đích của hoạt động xã hội đó. **2. Thân bài** - Kể diễn biến hoạt động (sự chuẩn bị cho hoạt động, diễn biến hoạt động, hoạt động kết thúc như thế nào?…) - Nêu được ấn tượng về hoạt động xã hội đó. **3. Kết bài** Thể hiện được cảm xúc và suy nghĩ về hoạt động mà em đã tham gia.	4,0 điểm
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ sáu chữ, bảy chữ	2	1	2	1	0	2	0	0	50
2	Viết	Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ	0	1*	0	1*	0	1*	0	2*	50
Tổng			20	10	20	10	0	20	0	20	100%
Tỉ lệ %			30%		30%		20%		20%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI

T	Chương/	Nội	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận

T	chủ đề	dung/ đơn vị kiến thức		thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Đọc hiểu**	Thơ sáu chữ, bảy chữ	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố hình thức của thơ sáu chữ, bảy chữ (số chữ ở mỗi dòng; vần, nhịp; từ ngữ, hình ảnh; bố cục, mạch cảm xúc; …). - Nhận biết được sắc thái nghĩa của từ ngữ và hiệu quả lựa chọn từ ngữ. **Thông hiểu**: - Phân tích được một số yếu tố hình thức của thơ sáu chữ, bảy chữ (số chữ ở mỗi dòng; vần, nhịp; từ ngữ, hình ảnh; bố cục, mạch cảm xúc; …) và tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện	2TN 1TL	2TN 1TL	2TL	

			qua bài thơ. **Vận dụng:** - Vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào đọc hiểu văn bản thơ.				
2	**Viết**	Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài viết đoạn văn nghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ. - Xác định được bố cục đoạn văn. **Thông hiểu:** - Giới thiệu được tác giả và bài thơ (nội dung chính bài thơ) - Nêu được các yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc trong bài thơ gây ấn tượng và gợi cảm xúc, suy nghĩ. **Vận dụng:**				1TL*

			- Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân để viết được đoạn văn đáp ứng yêu cầu đề bài. - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao:** - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố bình luận trong đoạn văn. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				
Tổng số câu				**2TN** **1TL**	**2TN** **1TL**	**2TL**	**1TL**
Tỉ lệ (%)				**30%**	**30%**	**20%**	**20%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN

……..

ĐỀ SỐ

ĐỀ THI

Năm học: 20… – 20…

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (5,0) điểm

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Quê hương

Đỗ Trung Quân

Quê hương là chùm khế ngọt
Cho con trèo hái mỗi ngày
Quê hương là đường đi học
Con về rợp bướm vàng bay

Quê hương là cầu tre nhỏ
Mẹ về nón lá nghiêng che
Là hương hoa đồng cỏ nội
Bay trong giấc ngủ đêm hè

Quê hương là vàng hoa bí
Là hồng tím giậu mồng tơi
Là đỏ đôi bờ dâm bụt
Màu hoa sen trắng tinh khôi

Quê hương mỗi người chỉ một
Như là chỉ một mẹ thôi
Quê hương nếu ai không nhớ
Sẽ không lớn nổi thành người.

Câu 1. Bài thơ *Quê hương* của Đỗ Trung Quân được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ 6 chữ

B. Thơ 7 chữ

C. Thơ lục bát

D. Thơ tự do

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên là gì?

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Biểu cảm

D. Thuyết minh

Câu 3. Chủ đề của bài thơ trên là?

A. Mẹ

B. Dòng sông

C. Cánh diều

D. Quê hương

Câu 4. Biện pháp tu từ nổi bật nào được sử dụng trong bài thơ?

A. Nhân hóa

B. Ẩn dụ

C. So sánh

D. Liệt kê

Câu 5 (0,5 điểm) Nêu nội dung chính của bài thơ.

Câu 6 (1,0 điểm) Viết về quê hương tác giả đã lựa chọn những hình ảnh nào? Những hình ảnh đó có ý nghĩa gì?

Câu 7 (1,0 điểm) Em hiểu như thế nào về hai câu thơ:

Quê hương nếu ai không nhớ

Sẽ không lớn nổi thành người

Câu 8 (0,5 điểm) Nhận xét về tình cảm của tác giả dành cho quê hương mình.

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Hãy viết đoạn văn bộc lộ cảm nghĩ của em sau khi đọc bài thơ *Quê hương* của Đỗ Trung Quân.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	A. Thơ 6 chữ	0,5 điểm
Câu 2	C. Biểu cảm	0,5 điểm
Câu 3	D. Quê hương	0,5 điểm
Câu 4	C. So sánh	0,5 điểm
Câu 5	Nội dung chính: Định nghĩa giản dị, gần gũi về quê hương và tình cảm thiêng liêng của tác giả dành cho quê hương mình.	0,5 điểm
Câu 6	- Viết về quê hương, nhà thơ đã lựa chọn những hình ảnh: chùm khế ngọt, đường đi học, cầu tre nhỏ, hương hoa đồng cỏ nội, vàng hoa bí, giậu mùng tơi, bờ dâm bụt, sen trắng tinh khôi, mẹ,… - Ý nghĩa: Gợi tả hình ảnh chân thực, giản dị, gần gũi, thân thương về quê hương, giúp người đọc cảm nhận được cảnh vật, thiên nhiên bình yên và tình người ấm áp, chân thành và giàu yêu thương.	1,0 điểm
Câu 7	Hai câu thơ có ý nghĩa: - Tình yêu đối với quê hương, cội nguồn - Trân trọng tấm lòng, biết ơn công lao dưỡng dục, sinh thành của cha mẹ. - Quê hương gắn liền với khúc hát du, kí ức tuổi thơ tuyệt đẹp và tình yêu thương, sự hi sinh to lớn của gia đình. - Dù đi đâu ta cũng phải luôn khắc ghi, biết ơn quê hương đã nuôi dưỡng giáo dục ta nên người. - Sự trưởng thành, thành công chỉ đến với những người	1,0 điểm

	yêu quý quê hương mình. - Lời khuyên, nhắn nhủ, giáo dục sâu sắc đến mọi người, hãy luôn nhớ về nguồn cội – nơi bắt đầu sự sống, nuôi dưỡng ước mơ, khát vọng,…	
Câu 8	Tình cảm của tác giả dành cho quê hương: + Tác giả thể hiện tấm lòng yêu quý, tự hào về vẻ đẹp quê hương. + Không chỉ vậy ông còn trân trọng những vẻ đẹp mộc giản, giản dị mà đầy ấm áp, yêu thương ấy.	0,5 điểm

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ Mở đoạn giới thiệu được tác giả và văn bản. Thân đoạn triển khai các yếu tố về nội dung và nghệ thuật. Kết đoạn nêu được cảm nghĩ của bản thân về bài thơ.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết đoạn văn bộc lộ cảm nghĩ của em khi đọc bài thơ Quê hương – Đỗ Trung Quân.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở đoạn** Nêu cảm nghĩ chung về yếu tố nội dung hay nghệ thuật ở dòng, khổ, đoạn và bài thơ. **2. Thân đoạn** - Nêu cảm nhận của em về nội dung bài thơ cũng như phong	4,0 điểm

	cách nghệ thuật của nhà thơ Đỗ Trung Quân đã sử dụng cho bai thờ; Đồng thời qua đó thể hiện tình cảm của bạn dành cho hình ảnh quê hương qua bài thơ. **3. Kết đoạn** Khái quát lại cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật đã trình bày.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ sáu chữ, bảy chữ	2	1	2	1	0	2	0	0	50
2	Viết	Viết đoạn văn ghi lại	0	1*	0	1*	0	1*	0	2*	50

		cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ									
Tổng			**20**	**10**	**20**	**10**	**0**	**20**	**0**	**20**	**100%**
Tỉ lệ %			**30%**		**30%**		**20%**		**20%**		
Tỉ lệ chung			**60%**				**40%**				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI

TT	**Chương/ chủ đề**	**Nội dung/ đơn vị kiến thức**	**Mức độ đánh giá**	**Số câu hỏi theo mức độ nhận thức**			
				Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận dụng**	**Vận dụng cao**
1	**Đọc hiểu**	Thơ sáu chữ, bảy chữ	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố hình thức của thơ sáu chữ, bảy chữ (số chữ ở mỗi dòng; vần, nhịp; từ ngữ, hình ảnh; bố cục, mạch cảm xúc;…). - Nhận biết được sắc	2TN 1TL	2TN 1TL	2TL	

			thái nghĩa của từ ngữ và hiệu quả lựa chọn từ ngữ. **Thông hiểu**: - Phân tích được một số yếu tố hình thức của thơ sáu chữ, bảy chữ (số chữ ở mỗi dòng; vần, nhịp; từ ngữ, hình ảnh; bố cục, mạch cảm xúc;…) và tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ. **Vận dụng:** - Vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào đọc hiểu văn bản thơ.				
2	**Viết**	Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài viết đoạn văn nghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ. - Xác định được bố cục đoạn văn.				1TL*

		bài thơ sáu chữ, bảy chữ	**Thông hiểu:** - Giới thiệu được tác giả và bài thơ (nội dung chính bài thơ) - Nêu được các yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc trong bài thơ gây ấn tượng và gợi cảm xúc, suy nghĩ. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân để viết được đoạn văn đáp ứng yêu cầu đề bài. - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao:** - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố bình luận trong đoạn văn. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				

Tổng số câu		**2TN 1TL**	**2TN 1TL**	**2TL**	**1TL**
Tỉ lệ (%)		**30%**	**30%**	**20%**	**20%**
Tỉ lệ chung		**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN

……..

ĐỀ SỐ 7

ĐỀ THI

Năm học: 20… – 20…

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (5,0) điểm

Bác ơi!

Tố Hữu

Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa
Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa…
Chiều nay con chạy về thăm Bác
Ướt lạnh vườn rau, mấy gốc dừa!

Con lại lần theo lối sỏi quen
Đến bên thang gác, đứng nhìn lên
Chuông ôi chuông nhỏ còn reo nữa?
Phòng lặng, rèm buông, tắt ánh đèn!

Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!
Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời
Miền Nam đang thắng, mơ ngày hội
Rước Bác vào thăm thấy Bác cười!

Trái bưởi kia vàng ngọt với ai

Thơm cho ai nữa, hỡi hoa nhài!

Còn đâu bóng Bác đi hôm sớm

Quanh mặt hồ in mây trắng bay…

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là?

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Biểu cảm

D. Nghị luận

Câu 2. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ 6 chữ

B. Thơ 7 chữ

C. Thơ lục bát

D. Thơ tự do

Câu 3. Câu thơ nào Tố Hữu ca ngợi lòng yêu nước thương dân, tình nhân ái bao la của chủ tịch Hồ Chí Minh?

A. Bác nhớ miền Nam, nỗi nhớ nhà

Miền Nam mong Bác, nỗi mong cha

B. Bác ơi, tim Bác mênh mông thế

Ôm cả non sông, mọi kiếp người

C. Bác nghe từng bước trên tiền tuyến

Lắng mỗi tin mừng, tiếng súng xa

D. Bác sống như trời đất của ta

Yêu từng ngọn cỏ, mỗi nhành hoa

Câu 4. Câu thơ "Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!" nhà thơ sử dụng phép tu từ gì?

A. Nói giảm nói tránh

B. Nhân hóa

C. Nói quá

D. Hoán dụ

Câu 5 (0,5 điểm) Cảm xúc của tác giả trong đoạn thơ trên là gì? Cảm xúc đó được bộc lộ như thế nào?

Câu 6 (1,0 điểm) Giữa khung cảnh bên ngoài và lòng người có điểm gì tương phản với nhau. Sự tương phản ấy có tác dụng gì trong việc biểu đạt cảm xúc của nhà thơ?

Câu 7 (1,0 điểm) Xác định biện các pháp tu từ và tác dụng của chúng trong những câu thơ sau:

- Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa…
- Ướt lạnh vườn rau, mấy gốc dừa!

Câu 8 (0,5 điểm) Nội dung chính của bài thơ là gì?

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Hãy viết đoạn văn bộc lộ cảm nghĩ của em sau khi đọc bài thơ *Bác ơi* của Tố Hữu.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	C. Biểu cảm	0,5 điểm
Câu 2	B. Thơ 7 chữ	0,5 điểm
Câu 3	B. Bác ơi, tim Bác mênh mông thế Ôm cả non sông, mọi kiếp người	0,5 điểm
Câu 4	A. Nói giảm nói tránh	0,5 điểm
Câu 5	Cảm xúc của tác giả trong đoạn thơ trên là: Nỗi đau xót lớn lao và niềm tiếc thương vô hạn của nhà thơ trước sự kiện Bác Hồ qua đời.	0,5 điểm
Câu 6	Giữa khung cảnh bên ngoài và lòng người có điểm gì tương phản với nhau. Sự tương phản ấy có tác dụng gợi bao nỗi day dứt về tính chất phi lí không thể chấp nhận được của sự mất mát. Cuộc đời càng đẹp đẽ, hấp dẫn thì sự	1,0 điểm

	ra đi của Bác càng gợi bao nỗi đau xót nhức nhối tâm can.	
Câu 7	- Câu thơ "*Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa…*" đã tạo ra sự so sánh cặp đôi không tương phản mà tạo ra sự trùng điệp: "Đời tuôn nước mắt" – "trời tuôn mưa". Người dân khóc Bác không cầm được nước mắt, còn thiên nhiên trời đất cũng thương khóc Bác theo cách của mình. Trời đất ở đây được nhân cách hóa, để từ đó nỗi đau trở nên lớn lao, đau xót vô hạn. - Câu thơ "*Ướt lạnh vườn rau, mấy gốc dừa*!" đã sử dụng biện pháp đảo ngữ (không nói vườn rau ướt lạnh, gốc dừa ướt lạnh). Cách đảo ngữ đã tạo ra hiệu quả nhấn mạnh như là một sự rùng mình trước tổn thất lớn lao ấy, tạo ra nỗi đau thấm thía (cả thiên nhiên cỏ cây cũng lạnh lẽo thật ngậm ngùi, đơn côi).	1,0 điểm
Câu 8	Nhà thơ thể hiện tâm trạng xót xa, đau đớn, thẫn thờ, bàng hoàng, tê dại trong lòng khi nghe tin Bác Hồ từ trần.	0,5 điểm

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ Mở đoạn giới thiệu được tác giả và văn bản. Thân đoạn triển khai các yếu tố về nội dung và nghệ thuật. Kết đoạn nêu được cảm nghĩ của bản thân về bài thơ.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết đoạn văn bộc lộ cảm nghĩ của em khi đọc bài thơ Bác ơi – Tố Hữu.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau:	4,0 điểm

	1. Mở đoạn Nêu cảm nghĩ chung về yếu tố nội dung hay nghệ thuật ở dòng, khổ, đoạn và bài thơ. **2. Thân đoạn** Nêu cụ thể cảm nhận, suy nghĩ của em về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đã xác định ở mở đoạn. - Nội dung: Bài thơ như một tiếng khóc tiễn biệt, một "điếu văn bi hùng" bằng thơ. Thông qua tiếng khóc đau xót, bài thơ đã khắc hoạ hình tượng Bác Hồ. Một con người sống có lí tưởng cao cả, giàu tình nhân ái, ân nghĩa, sống khiêm tốn, giản dị và quên mình. Đồng thời bài thơ còn là sự bày tỏ tình cảm của mọi người Việt Nam trước sự ra đi của Bác. - Nghệ thuật: Nghệ thuật biểu hiện của bài thơ đậm đà bản sắc dân tộc. Bài thơ được viết theo thể thơ có tám tiếng, có nhiều hình ảnh so sánh, phép chuyển nghĩa quen thuộc với tâm hồn người Việt, đồng thời những câu thơ ấy cũng đạt đến sự cô đúc, chính xác và giản dị như một chân lí. **3. Kết đoạn** Khái quát lại cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật đã trình bày.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm

	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ sáu chữ, bảy chữ	2	1	2	1	0	2	0	0	50
2	Viết	Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ	0	1*	0	1*	0	1*	0	2*	50
Tổng			20	10	20	10	0	20	0	20	100%
Tỉ lệ %			30%		30%		20%		20%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Đọc hiểu**	Thơ sáu chữ, bảy chữ	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố hình thức của thơ sáu chữ, bảy chữ (số chữ ở mỗi dòng; vần, nhịp; từ ngữ, hình ảnh; bố cục, mạch cảm xúc; …). - Nhận biết được sắc thái nghĩa của từ ngữ và hiệu quả lựa chọn từ ngữ. **Thông hiểu**: - Phân tích được một	2TN 1TL	2TN 1TL	2TL	

			số yếu tố hình thức của thơ sáu chữ, bảy chữ (số chữ ở mỗi dòng; vần, nhịp; từ ngữ, hình ảnh; bố cục, mạch cảm xúc; …) và tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ. **Vận dụng:** - Vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào đọc hiểu văn bản thơ.				
2	**Viết**	Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ,	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài viết đoạn văn nghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ. - Xác định được bố cục đoạn văn. **Thông hiểu:** - Giới thiệu được tác giả và bài thơ (nội dung chính bài thơ)				1TL*

		bảy chữ	- Nêu được các yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc trong bài thơ gây ấn tượng và gợi cảm xúc, suy nghĩ. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân để viết được đoạn văn đáp ứng yêu cầu đề bài. - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao:** - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố bình luận trong đoạn văn. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				
Tổng số câu				**2TN** **1TL**	**2TN** **1TL**	**2TL**	**1TL**

Tỉ lệ (%)		**30%**	**30%**	**20%**	**20%**
Tỉ lệ chung		**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN

……..

ĐỀ SỐ 6

ĐỀ THI GIỮA

Năm học: 20… – 20…

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Dặn con

Trần Nhuận Minh

Chẳng ai muốn làm hành khất
Tội trời đày ở nhân gian
Con không được cười giễu họ
Dù họ hôi hám úa tàn

Nhà mình sát đường họ đến
Có cho thì có là bao
Con không bao giờ được hỏi
Quê hương họ ở nơi nào

Con chó nhà mình rất hư
Cứ thấy ăn mày là cắn
Con phải răn dạy nó đi
Nếu không thì con đem bán

Mình tạm gọi là no ấm

Ai biết cơ trời vần xoay
Lòng tốt gửi vào thiên hạ
Biết đâu nuôi bố sau này.

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là?

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Biểu cảm

D. Nghị luận

Câu 2. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ 6 chữ

B. Thơ 7 chữ

C. Thơ lục bát

D. Thơ tự do

Câu 3. Từ Hán Việt "*hành khất*" có sắc thái nghĩa như thế nào?

A. Gần gũi

B. Trang trọng

C. Chê bai

D. Coi thường

Câu 4. Vì sao tác giả lại dặn: "*Con không bao giờ được hỏi/Quê hương họ ở nơi nào*"?

A. Vì họ không có quê quán

B. Vì với họ nơi đâu cũng là quê hương

C. Vì họ sợ bị người ta kì thị

D. Vì hỏi quê quán là chạm vào nỗi đau của họ, khiến họ thêm tủi nhục

Câu 5 (0,5 điểm) Chỉ ra những từ ngữ được sử dụng theo nghĩa chuyển trong khổ thơ thứ nhất và giảng giải ngắn gọn ý nghĩa của từ ngữ đó gắn với văn cảnh trong bài thơ?

Câu 6 (1,0 điểm) Việc lặp lại: "Con không…Con không…" ở khổ 1, 2 thể hiện thái độ gì của nhân vật trữ tình?

Câu 7 (0,5 điểm) Xúc cảm của em về hai dòng thơ cuối:

Lòng tốt gửi vào thiên hạ

Biết đâu nuôi bố sau này…

Câu 8 (1,0 điểm) Em có suy nghĩ gì về bài học rút ra mà người cha nói với con qua bài thơ?

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Hãy viết đoạn văn bộc lộ cảm nghĩ của em sau khi đọc bài thơ *Dặn con* của Trần Nhuận Minh.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	C. Biểu cảm	0,5 điểm
Câu 2	A. Thơ 6 chữ	0,5 điểm
Câu 3	B. Trang trọng	0,5 điểm
Câu 4	D. Vì hỏi quê quán là chạm vào nỗi đau của họ, khiến họ thêm tủi nhục	0,5 điểm
Câu 5	- Từ được sử dụng với nghĩa chuyển ở khổ thơ thứ nhất là từ "úa tàn" - Ý nghĩa: rách rưởi, nghèo khổ, mỏi mệt…	0,5 điểm
Câu 6	Việc lặp lại "Con không… Con không…" ở khổ 1,2 là những câu khẳng định có ý nghĩa mệnh lệnh thể hiện thái độ nghiêm khắc dặn dò con của nhân vật trữ tình. Người cha muốn khắc sâu trong con những điều tuyệt đối không được làm khi gặp những người hành khất tránh gây nên sự tổn thương về ý thức cho họ.	1,0 điểm
Câu 7	HS có thể có những cảm nhận khác nhau, song phải hướng tới trị giá chân chính mà tác giả gửi gắm.	0,5 điểm

	Người cha muốn nhắn nhủ tới con về bài học cho và nhận – gửi lòng tốt, tình yêu thương, sự sẻ chia, đùm bọc cho thiên hạ đó chính là nguồn hạnh phúc nuôi dưỡng chúng ta. vì vậy hãy biết sống thật ý nghĩa.	
Câu 8	Bài học rút ra: + Cần tôn trọng ,đồng cảm, sẻ chia, viện trợ nhau trong cuộc sống. + Cần phải có tình yêu thương con người, biết quý trọng con người. Không chỉ viện trợ những con người hành khất về vật chất, một người biết yêu thương cần phải biết đồng cảm, sẻ chia, thấu hiểu để không gây ra những tổn thương ý thức cho họ. + Người cha đã đánh thức lòng trắc ẩn, tình yêu thương, khơi dậy lòng tốt không chỉ của con mình mà con của nhiều người khác.	1,0 điểm

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ Mở đoạn giới thiệu được tác giả và văn bản. Thân đoạn triển khai các yếu tố về nội dung và nghệ thuật. Kết đoạn nêu được cảm nghĩ của bản thân về bài thơ.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết đoạn văn bộc lộ cảm nghĩ của em khi đọc bài thơ Dặn con – Trần Nhuận Minh.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau:	4,0 điểm

	1. Mở đoạn Nêu cảm nghĩ chung về yếu tố nội dung hay nghệ thuật ở dòng, khổ, đoạn và bài thơ. **2. Thân đoạn** Nêu cụ thể cảm nhận, suy nghĩ của em về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đã xác định ở mở đoạn. - Nội dung: Là lời dặn dò chân thành, thiết tha của người cha đối với con. Người cha mong muốn biết cảm thương, đồng cảm, chia sẻ và tôn trọng những người khó khăn hơn mình, tránh thái độ kì thị, khinh miệt, thương hại; biết sống một cách khoan dung và nhân ái. - Nghệ thuật: + Sử dụng các biện pháp tu từ + Lối viết tâm tình thủ thỉ "Dặn con" mà như tự độc thoại với mình về một kinh nghiệm sống, một bài học đạo lý làm người. **3. Kết đoạn** Khái quát lại cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật đã trình bày.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA
Môn: Ngữ văn 8

TT	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	**Đọc - hiểu**	Thơ sáu chữ, bảy chữ	4	0	4	1	0	1	0	0	**60**
2	**Viết Đoạn văn**	Ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ tự do	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	**40**
Tổng			**20**	**5**	**20**	**25**	**0**	**20**	**0**	**10**	**100**
Tỉ lệ (%)			**25**		**45**		**20**		**10**		
Tỉ lệ chung			**70**				**30**				
***Lưu ý**: Câu hỏi phần Viết sẽ bao gồm cả 4 mức độ: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao*											

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Phần I.	**Đọc-hiểu**	Thơ Tự do	***Nhận biết:** - Xác định được thể thơ/ phương thức biểu đạt. - Nhận biết nhân vật trữ tình/ đối tượng trữ tình trong bài thơ. - Nhận biết biện pháp tu từ, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh cụ thể.	4TN	4TN 1TL	1TL	

			- Nhận biết cách ngắt nhịp/vần trong bài thơ ***Thông hiểu:** - Hiểu được hình ảnh trong thơ; đặc sắc nghệ thuật trong thơ. - Hiểu được cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ.				
Phần II.	**Viết đoạn văn**	Đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ tự do	**Nhận biết**: - Xác định được kiểu bài biểu cảm. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, cảm xúc chung về bài thơ tự do **Thông hiểu**: - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ hoặc khía cạnh độc đáo của bài thơ mà đề bài đã nêu. - Lí giải được một số đặc điểm tâm trạng của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ. **Vận dụng**: - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để bộc lộ cảm xúc về bài thơ. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ. **Vận dụng cao**: - So sánh với tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; thông điệp bài thơ gửi gắm trong cuộc sống.				1TL*
Tổng				**4TN**	**4TN, 1TL**	**1TL**	**1TL***
Tỉ lệ (%)				**20**	**30**	**10**	**40**
Tỉ lệ chung				**60**			**40**

B. ĐỀ BÀI

ĐỀ KIỂM TRA

Môn: Ngữ văn 8

(*Thời gian làm bài: 90 phút*)

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi :

Lưu bút hồng *(Nguyễn Như Mây)*	*Chưa bao giờ bọn mình hò hẹn* *Để rồi cùng đưa mắt nhìn nhau!*

Tóc con gái đợi ngày hè đến *Nghiêng nửa vai để thấy môi hồng* *Rủ nhau ngồi trắng hết bờ sông* *Và chép tặng những lời hoa cỏ.* *Ai cũng hái theo cành phượng đỏ* *Để hoá trang nhân vật của mình* *Chín mười năm ngồi ghế học sinh* *Giờ lưu bút, viết sao cho hết!* *Nước mắt ai để dành trang viết* *Chờ thả dòng mực tím bâng khuâng* *Nắng chiều hè rưng rức bên sông* *Quên nhuộm tím áo dài bè bạn*	*Ai viết xong trước, hãy chiêm bao* *Cho lưu bút lắng hồn mực tím.* *Ai còn cầm viết và bịn rịn* *Xin trao mình một nửa môi cười* *Còn nửa kia... mai mốt xa xôi* *Đành gói nửa vầng trăng thương nhớ...* *(Nguồn: thivien.net)*

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A. Sáu chữ B. Bảy chữ C. Lục bát D. Tự do

Câu 2. Bài thơ có cách ngắt nhịp chủ yếu là:

A. Ngắt nhịp 3/3 hoặc 4/3. B. Ngắt nhịp 2/2/3 hoặc 3/2/2

C. Ngắt nhịp 2/5 hoặc 5/2 D. Ngắt nhịp 1/3/2 hoặc 1/2/3

Câu 3. Nội dung chính của bài thơ là:

A. Cảm xúc lưu luyến, bịn rịn của tác giả về những dòng lưu bút khi xưa

B. Cảm xúc lưu luyến, bịn rịn của tác giả khi viết những dòng lưu bút trong giờ phút chia tay

C. Cảm xúc lưu luyến, bịn r!ịn của nhân vật trữ tình khi chia tay nửa kia...mai mốt xa xôi

D. Cảm xúc lưu luyến, bịn rịn của tác giả khi mùa hè đến, hoa phượng nở

Câu 4. Em hiểu như thế nào về từ *"lưu bút"* trong bài thơ?

A. Những chiếc bút được lưu lại trong quãng đời ngồi trên ghế học sinh

B. Những tâm sự, nỗi niềm hàng ngày của mình được viết vào trong một cuốn sổ

C. Những lời chúc mừng được viết cho bạn bè trong ngày chia tay

D. Những lời kỉ niệm, tâm sự hoặc chúc mừng được viết để lại khi chia tay

Câu 5. Trong bài thơ, tác giả nhắc đến "cành phượng đỏ" gắn với điều gì?

A. Học sinh thường dùng hoa phượng ép khô vào trang lưu bút

B. Mỗi khi học sinh viết lưu bút thường ngắm hoa phượng đỏ

C. Học sinh hái cành phượng đỏ để hóa trang nhân vật của mình

D. Hoa phượng đỏ báo hiệu mùa hè đến gợi mùa chia tay của các cô, cậu học sinh

Câu 6. Ý nào nói đúng nhất về cách hiểu của từ "hồng" trong nhan đề "lưu bút hồng" của bài thơ?

A. Cuốn sổ lưu bút có màu hồng.

B. Cuốn số viết toàn những điều tốt đẹp về cuộc sống (cuộc sống màu hồng)

C. Cuốn sổ viết ở quãng thời gian tuổi hồng (tuổi trẻ)

D. Cuốn sổ khiến con người yêu đời hơn, thấy cuộc sống màu hồng hơn

Câu 7. Dấu "..." trong các câu thơ sau có tác dụng gì:

Còn nửa kia... mai mốt xa xôi

Đành gói nửa vầng trăng thương nhớ...

A. Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết

B. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng

C. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt

D. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng

Câu 8. Hai câu thơ sau sử dụng biện pháp tu từ gì?

Nắng chiều hè rưng rức bên sông
Quên nhuộm tím áo dài bè bạn

A. So sánh B. Ẩn dụ C. Nói quá D. Nhân hóa

Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Nhận xét về cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ. Những từ ngữ, hình ảnh nào trong bài thơ thể hiện điều đó?

Câu 10. Tưởng tượng em đang là học sinh cuối cấp và sắp chia tay bạn thân của mình, em sẽ viết những dòng lưu bút để kỉ niệm bạn ấy trước lúc chia tay. Hãy chia sẻ những dòng lưu bút ấy bằng một đoạn văn từ 7 – 10 dòng.

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Viết đoạn văn khoảng 18 – 20 dòng ghi lại cảm xúc của em về *tình cảm gia đình* trong bài thơ *Nói với con* của Y Phương:

Nói với con *(Y Phương)* *Chân phải bước tới cha* *Chân trái bước tới mẹ* *Một bước chạm tiếng nói* *Hai bước tới tiếng cười* *Người đồng mình[1] yêu lắm con ơi* *Đan lờ[2] cài nan hoa* *Vách nhà ken[3] câu hát* *Rừng cho hoa* *Con đường cho những tấm lòng* *Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới* *Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.*	*Người đồng mình thương lắm con ơi* *Cao đo nỗi buồn* *Xa nuôi chí lớn* *Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn* *Sống trên đá không chê đá gập ghềnh* *Sống trong thung[4] không chê thung nghèo đói* *Sống như sông như suối* *Lên thác xuống ghềnh* *Không lo cực nhọc* *Người đồng mình thô sơ da thịt* *Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con* *Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương* *Còn quê hương thì làm phong tục* *Con ơi tuy thô sơ da thịt* *Lên đường* *Không bao giờ nhỏ bé được* *Nghe con.* ***(Thơ Việt Nam 1945-1985, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1985)*** ****Chú thích:*** *[1] Người đồng mình: người vùng mình, người miền mình. Đây có thể hiểu cụ thể là những người cùng sống trên một miền đất, cùng quê hương, cùng một dân tộc.* *[2] Lờ: một loại dụng cụ dùng để đặt bắt cá, được đan bằng những nan tre vót tròn.* *[3] Ken: làm cho thật kín bằng cách đệm*

	thêm vào những chỗ hở. Người miền núi thường dùng nhiều tấm ván gỗ dựng chắc sát nhau thành vách nhà. Ken ở đây là động từ, được hiểu như đan cài, kết. *[4] Thung (thung lũng): dải đất trũng và kéo dài nằm giữa hai sườn đồi, núi.*

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (6.0 ĐIỂM)		
Câu	**Đáp án**	**Điểm**
1->8	**1 2 3 4 5 6 7 8** **B A B D C C B D**	**Mỗi ý đúng 0.5 điểm**
9	- Cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ: Bâng khuâng, lưu luyến, bịn rịn, nuối tiếc. - Những từ ngữ, hình ảnh thể hiện cảm xúc đó: *Nước mắt, bâng khuâng, rưng rức, lắng hồn mực tím, bịn rịn, thương nhớ,...*	**0.5 điểm** **0.5 điểm**
10	- Hình thức: đoạn văn, dung lượng 7 – 10 dòng - Nội dung: Viết lưu bút kỉ niệm người bạn thân trước khi chia tay năm cuối cấp. HS tự chia sẻ suy nghĩ của bản thân. Gợi ý: Trang lưu bút đó có thể chia sẻ những kỉ niệm đáng nhớ với bạn thân, những lời chúc mừng, những lời hứa hẹn. Đoạn văn tham khảo: Đã bao lần muốn nhắn nhủ với bạn điều này, nhưng phải đợi đến khi viết lưu bút mình mới thổ lộ được chỉ vì mình hơi ngại bày tỏ. Những năm học qua được học cùng bạn là một niềm vui với mình. Dù bạn không học giỏi như bạn A, không bảnh bao như bạn B, nhưng bạn lại có nụ cười tỏa nắng, sự chu đáo đối với các bạn gái. Ngày chia tay sắp đến, mình cũng có chút bùi ngùi khi sắp phải xa trường, xa bạn bè và cả bạn nữa. Mong bạn thì tốt và lớp mình luôn đoàn kết, đầy đủ trong những lần họp lớp nhé!	**0.25 điểm** **0.75 điểm**

II	**PHẦN VIẾT (4.0 ĐIỂM)**		
	1.Yêu cầu chung: HS kết hợp được kiến thức và kĩ năng để đoạn văn ghi lại cảm nhận về một nét độc đáo của một bài thơ. Bài viết phải diễn đạt trôi chảy, văn phong trong sáng giàu cảm xúc,cảm xúc chân thành, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.		
	2. Yêu cầu cụ thể		
	2.1. Hình thức	Đoạn văn, dung lượng khoảng 18 – 20 dòng	0,25
	2.2. Nội dung	***Mở đoạn:*** *Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả và khái quát về bài thơ. Cảm nhận chung về tình cảm gia đình trong bài thơ.*	0,25
		Thân đoạn: *Lưu ý: đề bài yêu cầu nêu cảm nhận về một khía cạnh trong nội dung của bài thơ (Tình cảm gia đình)*	2,25

		- Trình bày cảm xúc theo trình tự hợp lí. *- Làm rõ cảm xúc, suy nghĩ bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ* *Có thể tham khảo cách triển khai sau: HS có thể ghi lại cảm xúc về tình cảm gia đình, cụ thể là tình cha con qua những lời cha dạy con trong bài thơ: - Qua bài thơ Nói với con của Y Phương, người đọc nhận thấy tình cảm và mong ước của một người cha dành cho con, một thứ tình cảm nồng ấm và thiêng liêng, giản dị: + Bài học lớn nhất cha dạy con là phải yêu quê hương, yêu lấy cội nguồn gốc rễ của mình và yêu lấy "người đồng mình": Thời gian trôi qua, con trưởng thành và khôn lớn trong nhịp sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình của quê hương. + Không chỉ gợi cho con về nguồn sinh dưỡng, cha còn nói với con về những đức tính cao đẹp của "người đồng mình": Đó là lòng yêu lao động, hăng say lao động với cả tấm lòng. Đó là sức sống bền bỉ, mạnh mẽ, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ. + Người cha còn nhắn nhủ đến con phải có nghĩa tình, thuỷ chung với quê hương, biết chấp nhận những khó khăn, vất vả để có thể "Sống trên đá không chê đá gập ghềnh/ Sống trong thung không chê thung nghèo đói". Bài thơ nhắc nhở chúng ta về tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương, của dân tộc. => Qua lời nói với con, ta phần nào hiểu rõ hơn, cảm nhận sâu sắc hơn những tình cảm của người cha dành cho con.	
		Kết đoạn: Khẳng định lại cảm nghĩ và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân: Đó là những lời nhắn nhủ yêu thương của cha dành cho con, là bài học đầu đời để con khắc ghi về tình yêu với thiên nhiên và con người quê hương chan chứa nghĩa tình.	0,25
	2.3. Liên hệ, kết nối	Biết liên hệ kết nối trong quá trình biểu cảm.	0,25
	2.4. Sáng tạo	Văn viết có giọng điệu, diễn đạt độc đáo và sáng tạo.	0,25
	2.5. Chữ viết, chính tả, trình bày	Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2.6. Xưng hô	Xưng hô nhất quán trong quá trình biểu cảm (dùng ngôi thứ nhất để trình bày cảm nghĩ về bài thơ (*Tôi nghĩ, tôi ấn tượng, tôi xúc động với,...)*	0,25

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Môn: Ngữ văn 8

TT	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	**Đọc - hiểu**	Thơ sáu chữ, bảy chữ	3	0	5	1	0	1	0	0	**60**
2	**Viết đoạn văn**	Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	**40**
Tổng			**15**	**5**	**25**	**20**	**0**	**20**	**0**	**15**	**100**
Tỉ lệ (%)			**20**		**45**		**20**		**15**		
Tỉ lệ chung			**65**				**35**				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Phần I.	**Đọc-hiểu**	Thơ sáu chữ, bảy chữ	***Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố hình thức của thơ sáu chữ, bảy chữ (số chữ ở mỗi dòng; vần, nhịp; từ ngữ, hình ảnh; bố cục, mạch cảm xúc;...), tình cảm, cảm xúc của tác giả.. **Thông hiểu:** - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản. - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản. - Hiểu được tác dụng của phép tu từ, sắc thái nghĩa của từ ngữ, …có trong văn bản *** Vận dụng.** - Nêu được những thông điệp, thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản. - Vận dụng những hiểu biết về vai trò của tưởng tượng trong tiếp	3TN	5TN 1TL	1TL	

			nhận văn học để đánh giá giá trị của bài thơ.				
Phần II.	**Viết bài văn**	Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ	***Nhận biết:** Nhận biết được đối tượng biểu cảm, định hướng được cách làm. ***Thông hiểu:** Đảm bảo cấu trúc, xác định đúng yêu cầu đề. ***Vận dụng:** Biết ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ ***Vận dụng cao:** Viết được ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ. Thể hiện được những ấn tượng, suy nghĩ và tình cảm sâu sắc của mình về yếu tố nội dung hay nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ. Biết lí giải cho cảm xúc đó.	1*	1*	1*	1TL*
Tổng				**3TN** **1TL***	**5TN,** **1TL** **1TL***	**1TL** **1TL***	**1TL***
Tỉ lệ (%)				**20**	**45**	**20**	**15**
Tỉ lệ chung				**65**		**35**	

B. ĐỀ BÀI

ĐỀ KIỂM TRA

Môn: Ngữ văn 8

(*Thời gian làm bài: 90 phút*)

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

BÁC ƠI

Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa
Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa...
Bác chẳng buồn đâu, Bác chỉ đau
Nỗi đau dân nước, nỗi năm châu

Chiều nay con chạy về thăm Bác
Ướt lạnh vườn rau, mấy gốc dừa!

Con lại lần theo lối sỏi quen
Đến bên thang gác, đứng nhìn lên
Chuông ôi chuông nhỏ còn reo nữa?
Phòng lặng, rèm buông, tắt ánh đèn!

Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!
Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời
Miền Nam đang thắng, mơ ngày hội
Rước Bác vào thăm, thấy Bác cười!

Trái bưởi kia vàng ngọt với ai
Thơm cho ai nữa, hỡi hoa nhài!
Còn đâu bóng Bác đi hôm sớm
Quanh mặt hồ in mây trắng bay...

Ôi, phải chi lòng được thảnh thơi
Năm canh bớt nặng nỗi thương đời
Bác ơi, tim Bác mênh mông thế
Ôm cả non sông, mọi kiếp người.

Chỉ lo muôn mối như lòng mẹ
Cho hôm nay và cho mai sau...

Bác sống như trời đất của ta
Yêu từng ngọn lúa, mỗi cành hoa
Tự do cho mỗi đời nô lệ
Sữa để em thơ, lụa tặng già.

Bác nhớ miền Nam, nỗi nhớ nhà
Miền Nam mong Bác, nỗi mong cha
Bác nghe từng bước trên tiền tuyến
Lắng mỗi tin mừng, tiếng súng xa.

Bác vui như ánh buổi bình minh
Vui mỗi mầm non, trái chín cành
Vui tiếng ca chung hoà bốn biển
Nâng niu tất cả, chỉ quên mình.

Bác để tình thương cho chúng con
Một đời thanh bạch, chẳng vàng son
Mong manh áo vải hồn muôn trượng
Hơn tượng đồng phơi những lối mòn.

(Tố Hữu, *Ra trận, NXB Văn học, 1972)*

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1 (0,5 điểm): Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ lục bát
B. Thơ tự do
C. Thơ 7 chữ
D. Thơ 8 chữ

Câu 2 (0,5 điểm): Em hiểu sắc thái tình cảm của người nói thể hiện qua từ "đi" trong câu thơ "*Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!*" là gì?

A. Giảm bớt cảm giác đau buồn, mất mát, giúp câu thơ trở nên nhẹ nhàng hơn.
B. Sắc thái lịch sự, nhã nhặn
C. Thân mật, gần gũi
D. Lễ phép, kính trọng

Câu 3 (0,5 điểm): Cảm xúc bao trùm toàn bài thơ "*Bác ơi*" là:

A. Biết ơn, ngợi ca công lao của Bác với đất nước nhân dân.
B. Sự ngậm ngùi, tiếc thương của tác giả trước giờ phút tiễn đưa Bác.
C. Tự hào của nhà thơ về Chủ tịch Hồ Chí Minh.
D. Sự ngậm ngùi, tiếc thương của tác giả khi về thăm lại nhà Bác.

Câu 4 (0,5 điểm): Tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ trong hai câu thơ sau là gì?

"Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa
Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa..."

A. Thể hiện nỗi buồn đau của dân tộc trước sự ra đi của Bác
B. Thể hiện nỗi buồn đau của nhà thơ trước sự ra đi của Bác
C. Diễn tả khung cảnh bi thương và sự đau xót của toàn dân tộc trước sự ra đi của Bác
D. Miêu tả khung cảnh thiên nhiên ngày đưa tiễn Bác.

Câu 5 (0,5 điểm): Câu thơ "*Bác đã đi rồi sao, Bác ơi*!" thể hiện cảm xúc gì của tác giả?

A. Cảm xúc nhớ thương, đau xót khi Bác ra đi.
B. Đau xót, chưa muốn tin vào sự thật Bác ra đi.
C. Tiếng gọi Bác từ sự đau xót, tiếc thương khi Bác ra đi.
D. Tất cả các ý trên.

Câu 6 (0,5 điểm): Câu thơ nào Tố Hữu ca ngợi lòng yêu nước thương dân, tình nhân ái bao la của chủ tịch Hồ Chí Minh?

A. "Bác nhớ miền Nam, nỗi nhớ nhà
Miền Nam mong Bác, nỗi mong cha"
B. "Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa
Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa..."
C. "Bác nghe từng bước trên tiền tuyến
Lắng mỗi tin mừng, tiếng súng xa"
D. "Bác sống như trời đất của ta
Yêu từng ngọn lúa, mỗi cành hoa"

Câu 7 (0,5 điểm): Đáp án nào dưới đây <u>không</u> phải giá trị nghệ thuật của bài thơ "*Bác ơi*!"?

A. Bài thơ có kết cấu ba phần rõ ràng.
B. Giọng điệu trữ tình đặc trưng, ngọt ngào, thiết tha của tình thương mến.
C. Nghệ thuật biểu hiện của bài thơ đậm đà bản sắc dân tộc.
D. Kết hợp hài hòa giữa hai yếu tố thơ và nhạc về cấu tứ; sức gợi mở đa dạng, phong phú về hình ảnh và sự mới mẻ về ngôn từ.

Câu 8 (0,5 điểm): Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

A. Biểu cảm
B. Tự sự
C. Miêu tả
D. Nghị luận

Trả lời câu hỏi/Thực hiện các yêu cầu:

Câu 9 (1,0 điểm): Em hiểu câu thơ "*Bác sống như trời đất của ta*" như thế nào?

Câu 10 (1,0 điểm): Từ bài thơ trên, em rút ra bài học gì về cách biểu đạt cảm xúc khi tập làm thơ sáu chữ, bảy chữ?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ mà em yêu thích.

ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN

<table>
<tr><th>Phần</th><th>Câu</th><th>Nội dung</th><th>Điểm</th></tr>
<tr><td>I</td><td></td><td>ĐỌC HIỂU</td><td>6,0</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="3">Câu 1- 8: Mỗi câu đúng (0,5 điểm)
<table>
<tr><td>Câu</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td></tr>
<tr><td>Đáp án</td><td>D</td><td>A</td><td>B</td><td>C</td><td>B</td><td>D</td><td>D</td><td>A</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td></td><td>9</td><td>- “Trời đất của ta” là quê hương đất nước, là xứ sở thân yêu của ta vô cùng tươi đẹp, rộng lớn và vĩnh hằng. Cuộc đời của Bác được so sánh với “trời đất của ta” nhằm ca ngợi tầm vóc lớn lao và cao cả của Người. Đó là sự nghiệp cách mạng cứu nước cứu dân, là lí tưởng và đạo đức cách mạng của Bác Hồ. Đó là một tâm hồn trong sáng, thanh cao, thoát khỏi mọi ràng buộc của danh lợi vươn tới cái vô cùng, cái cao cả.
- Câu thơ đã ca ngợi công lao và trái tinh yêu thương của Bác, khẳng định sự trường tồn bất diệt của Bác với đất nước, nhân dân.
- Câu thơ gửi gắm niềm yêu kính, biết ơn vô hạn của nhà thơ cũng như nhân dân ta đối với Bác
- với đất nước, nhân dân.
Hướng dẫn chấm:
- Trả lời được 2-3 ý như đáp án: 1,0 điểm.
- Trả lời được 1 ý như đáp án: 0,5 điểm</td><td>1,0</td></tr>
<tr><td></td><td>10</td><td>Dưới đây là một vài gợi ý:
- Biểu đạt cảm xúc trực tiếp trước sự việc, con người, câu chuyện được nói tới bằng các từ ngữ như thán từ “Chao ôi, Than ôi, thay, sao…: hoặc các động từ như xúc động, đau, buồn, vui, …
- Biểu đạt cảm xúc gián tiếp qua thông qua từ ngữ, hình ảnh miêu tả thiên nhiên, con người, …hoặc các biện pháp tu từ, …
Hướng dẫn chấm:</td><td>1,0</td></tr>
</table>

		- Mỗi ý đạt 0,5 điểm. Hoặc có quan điểm phù hợp sáng tạo vẫn cho điểm. *- HS không trả lời hoặc trả lời nhưng lí giải không phù hợp: không cho điểm.*	
II		**LÀM VĂN**	**4,0**
		***Viết** đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ mà em yêu thích.*	
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn biểu cảm Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn.	0,5
		b. Xác định đúng đối tượng cần biểu cảm: một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ (có thể là một đoạn thơ, một khía cạnh nội dung, nghệ thuật của bài thơ mà HS có ấn tượng sâu sắc)	0,25
		c. Triển khai nội dung bài viết thành các đoạn văn Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng nắm chắc các yêu cầu của dạng bài viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ đã đọc. *** Mở đoạn:** Nêu cảm nghĩ chung về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc về bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ. *** Thân đoạn:** - Nêu cụ thể cảm nhận, suy nghĩ của em về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc đã xác định ở mở đoạn. - Nêu rõ cảm xúc, suy nghĩ, liên tưởng trong em khi đọc bài thơ đó. - Lí giải được tại sao em có cảm xúc đó. *** Kết đoạn:** Khái quát lại cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật đặc sắc đã trình bày.	2,5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện nhìn nhận, cảm xúc tích cực bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ.	0,5
Tổng điểm			**10,0**

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KỲ I

(BỘ SÁCH NGỮ VĂN 8 CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ bảy chữ	3	0	5	0	0	2	0	0	60
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	10	25	10	0	30	0	10	100%
Tỉ lệ %			25%		35%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HỌC KỲ I

TT	Chương / chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ bảy chữ	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ bảy chữ như: bố cục, vần, nhịp, đối. - Nhận biết được đặc điểm của biện pháp tu từ đảo ngữ từ tượng hình, từ tượng thanh. **Thông hiểu**:	3TN	5TN	2TL	

			- Hiểu được cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản. - Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh. **Vận dụng:** - Biết trân quý, trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống.				
2	**Viết**	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài nghị luận về một hiện tượng đời sống. - Xác định được bố cục bài văn, văn bản cần nghị luận. **Thông hiểu:** - Trình bày rõ ràng các khía cạnh của văn bản. - Nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân về những trải nghiệm văn học để viết được bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề. - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao**: - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý của bản thân với vấn đề cần bàn				1TL*

			luận. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				
Tổng số câu				**3TN**	**5TN**	**2TL**	**1 TL**
Tỉ lệ (%)				**25%**	**35%**	**30%**	**10%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN
……..

ĐỀ SỐ 40

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I
Năm học: 20…. – 20….
Môn: Ngữ văn – Lớp 8
(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

XUÂN VỀ

Đã thấy xuân về với gió đông,
Với trên màu má gái chưa chồng.
Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm
Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong.

Từng đàn con trẻ chạy xun xoe,
Mưa tạnh giời quang, nắng mới hoe.
Lá nõn, nhành non ai tráng bạc?
Gió về từng trận, gió bay đi…

Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,
Lúa thì con gái mượt như nhung
Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,
Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.

Trên đường cát mịn, một đôi cô,
Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,
Tay lần tràng hạt miệng nam vô.

1937

Nguyễn Bính

Câu 1. (0,5 điểm) Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?

A. Bốn chữ

B. Năm chữ

C. Sáu chữ

D. Bảy chữ

Câu 2. (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Biểu cảm

D. Nghị luận

Câu 3. (0,5 điểm) Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì?

A. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

B. Phong cách ngôn ngữ chính luận.

C. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

D. Phong cách ngôn ngữ báo chí.

Câu 4. (0,5 điểm) Xác định nội dung chính của văn bản?

A. Bức tranh mùa xuân tươi sáng, trong lành, đầy sức sống.

B. Bức tranh mùa xuân thanh bình, yên ả.

C. Bức tranh mùa xuân buồn bã, tĩnh vắng.

D. Bức tranh mùa xuân đơn sơ, mộc mạc.

Câu 5. (0,5 điểm) Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu *"Lúa thì con gái mượt như nhung"*.

A. So sánh

B. Nhân hóa

C. Ẩn dụ

D. Hoán dụ

Câu 6. (0,5 điểm) Cảm xúc của tác giả trong câu thơ: "Lá nõn, nhành non ai tráng bạc?" là:

A. Bồi hồi, xúc động.

B. Buồn thương, nuối tiếc.

C. Lưu luyến, vấn vương.

D. Ngỡ ngàng, vui sướng.

Câu 7. (0,5 điểm) Chọn câu đúng nhất về tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ:

"Lúa thì con gái mượt như nhung".

A. Gợi hình, gợi cảm. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.

B. Gợi hình ảnh sinh động về cây lúa.

C. Gợi cảm xúc về tình yêu đối với cây lúa.

D. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.

Câu 8. (0,5 điểm) Ý nghĩa của hình ảnh đôi mắt người thiếu nữ trong câu "Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong".

A. Vẻ đẹp đôi mắt của cô gái.

B. Sự quyến rũ, thơ mộng của cô gái.

C. Vẻ đẹp trong xanh của bầu trời.

D. Vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng của cô gái.

Câu 9 (1,0 điểm). Trình bày nét đẹp văn hóa làng quê Việt Nam qua hai câu thơ:

"Trên đường cát mịn, một đôi cô,

Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa."

Câu 10 (1,0 điểm)**.** Anh/ Chị rút ra được thông điệp tích cực gì sau khi đọc văn bản?

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận về hiện tượng bạo lực học đường.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	D. Bảy chữ	0,5 điểm
Câu 2	C. Biểu cảm	0,5 điểm
Câu 3	C. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.	0,5 điểm
Câu 4	A. Bức tranh mùa xuân tươi sáng, trong lành, đầy sức sống.	0,5 điểm
Câu 5	A. So sánh	0,5 điểm
Câu 6	D. Ngỡ ngàng, vui sướng.	0,5 điểm
Câu 7	A. Gợi hình, gợi cảm. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.	0,5 điểm
Câu 8	D. Vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng của cô gái.	0,5 điểm
Câu 9	Qua bài thơ "Xuân về" của Nguyễn Bính, em thấy thêm trân trọng những nét đẹp về văn hóa của Việt Nam. Mong rằng những truyền thống này sẽ được giữ gìn và phát triển lâu dài.	1,0 điểm
Câu 10	Qua bài thơ "Xuân về" của Nguyễn Bính, em thấy thêm trân trọng những nét đẹp về văn hóa của Việt Nam. Mong rằng những truyền thống này sẽ được giữ gìn và phát triển lâu dài.	1,0 điểm

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống Mở bài giới thiệu được vấn đề cần nghị luận. Thân bài phân tích đưa ra nguyên nhân, biện pháp… thông qua các lí lẽ và dẫn chứng… Kết bài khẳng định lại vấn đề cần nghị luận.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn nghị luận về hiện tượng bạo lực học đường.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: vấn đề bạo lực học đường. Lưu ý: Học sinh tự lựa chọn cách dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp	2,5 điểm

tùy thuộc vào khả năng của mình.

2. Thân bài

a. Thực trạng

- Ở trong trường học, hiện tượng các em học sinh chửi bới, lăng mạ, sỉ nhục bạn bè hiện nay khá phổ biến.
- Bên cạnh việc lăng mạ, xúc phạm người khác thì hiện tượng đánh nhau giữa học sinh cũng không phải khó gặp, thậm chí có nhiều trường hợp công an phải vào cuộc.
- Tình trạng bạo lực học đường không chỉ xảy ra giữa các bạn nam mà hiện nay còn xảy ra ở các bạn nữ.

b. Nguyên nhân

- Chủ quan: do ý thức của các bạn học sinh còn kém, muốn thể hiện bản thân mình hơn người nên dùng bạo lực và ngôn ngữ không đứng đắn để chứng minh.
- Khách quan: do sự quản lí còn lỏng lẻo của gia đình và nhà trường, chưa định hướng cho các em tư duy đúng đắn dẫn đến những hành động lệch lạc.

c. Hậu quả

- Hình thành thói hung hăng, tính cách không tốt cho người thực hiện hành vi bạo lực; gây tổn hại, ảnh hưởng về sức khỏe, về tâm lí cho người bị hành hung.
- Gây ra những hình ảnh xấu cho học sinh, nhà trường và gia đình.
- Vấn đề bạo lực học đường sau này sẽ ảnh hưởng đến quá trình phát triển nhân cách của các em học sinh, khiến cho các em dễ trở thành người xấu.

d. Giải pháp

- Mỗi học sinh cần có nhận thức đúng đắn, sống chan hòa với mọi người, hướng đến những điều tốt đẹp, không dùng bạo lực để giải quyết vấn đề.
- Gia đình cần quan tâm đến con em của mình nhiều hơn, giáo dục về ý thức, tư duy cho các em.

	• Nhà trường cần có những biện pháp nghiêm khắc để xử lí những hành vi bạo lực học đường để răn đe và không cho các em tái phạm. **3. Kết bài** Khái quát lại vấn đề cần nghị luận: vấn đề bạo lực học đường đồng thời rút ra bài học, liên hệ bản thân.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,5 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KỲ I

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ bảy chữ	3	0	1	1	0	1	0	0	50
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống	0	1*	0	1*	0	1*	0	2*	50
Tổng			15	5	10	30	0	30	0	10	100%
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HỌC KỲ I

TT	Chương / chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Đọc hiểu**	Thơ bảy chữ	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ bảy chữ như: bố cục, vần, nhịp, đối. - Nhận biết được đặc điểm của biện pháp tu từ đảo ngữ từ tượng hình, từ tượng thanh. **Thông hiểu**: - Hiểu được cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản. - Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh. **Vận dụng:** - Biết trân quý, trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống.	3TN	1TN 1TL	1TL	
2	**Viết**	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài nghị luận về một hiện tượng đời sống. - Xác định được bố cục bài văn, văn bản cần nghị				1TL*

		sống	luận. **Thông hiểu:** - Trình bày rõ ràng các khía cạnh của văn bản. - Nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân về những trải nghiệm văn học để viết được bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề. - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao**: - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý của bản thân với vấn đề cần bàn luận. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				
Tổng số câu				**3TN**	**1TN** **1TL**	**1TL**	**1 TL**
Tỉ lệ (%)				**20%**	**40%**	**30%**	**10%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN
……..

ĐỀ SỐ 37

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I
Năm học: 20…. – 20….
Môn: Ngữ văn – Lớp 8
(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Mũi Cà Mau

Mũi Cà Mau: mầm đất tươi non
Mấy trăm đời lấn luôn ra biển;
Phù sa vạn dặm tới đây tuôn,
Đứng lại; và chân người bước đến.
Tổ quốc tôi như một con tàu,
Mũi thuyền ta đó - mũi Cà Mau.
Những dòng sông rộng hơn ngàn thước.
Trùng điệp một màu xanh lá đước.
Đước thân cao vút, rễ ngang mình
Trổ xuống nghìn tay, ôm đất nước!
Tổ quốc tôi như một con tàu,
Mũi thuyền ta đó - mũi Cà Mau.

(Xuân Diệu, 10-1960)

Câu 1 (0,5 điểm). Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?

A. Bốn chữ

B. Năm chữ

C. Sáu chữ

D. Bảy chữ

Câu 2 (0,5 điểm)**.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Biểu cảm

D. Nghị luận

Câu 3 (0,5 điểm)**.** Các từ: trăm, vạn, ngàn, nghìn là từ loại gì?

A. Lượng từ

B. Số từ

Câu 4 (0,5 điểm)**.** Việc sử dụng số từ góp phần tăng hiệu quả biểu đạt nội dung của văn bản như thế nào?

A. Ca ngợi, tự hào về vùng đất Cà Mau tươi đẹp, trù phú, tràn trề nhựa sống.

B. Thể hiện quá trình phát triển lâu dài và bền vững của đất nước.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu 5 (1,5 điểm)**.** Xác định các dạng của phép điệp trong văn bản trên và nêu hiệu quả nghệ thuật của chúng.

Câu 6. (1,5 điểm)**.** Văn bản trên gợi cho anh/ chị cảm xúc gì đối với quê hương, Tổ quốc? (nêu cảm nhận ngắn gọn trong 4 - 6 dòng)

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận về hiện tượng nghiện internet.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	D. Bảy chữ	0,5 điểm
Câu 2	B. Miêu tả	0,5 điểm
Câu 3	B. Số từ	0,5 điểm
Câu 4	C. Cả A và B đều đúng.	0,5 điểm
Câu 5	- Các dạng của phép điệp trong văn bản: điệp ngữ (mũi Cà Mau…), điệp kết cấu giữa hai đoạn (Tổ quốc…mũi Cà Mau) - Hiệu quả nghệ thuật: tạo sự cân xứng, nhịp nhàng, điệp đi điệp lại nhằm nhấn mạnh vị trí của Cà Mau trên dáng hình Việt Nam: nếu đất nước là con tàu thì Cà Mau	1,5 điểm

	chính là mũi của con tàu ấy. Mũi tàu luôn đi trước, luôn hứng chịu gian lao thử thác trước và rẽ sóng mở đường cho thân…	
Câu 6	- Đảm bảo được hình thức đoạn văn. - Trình bày cảm xúc cá nhân đối với quê hương đất nước: xúc động, yêu quý, tự hào…	1,5 điểm

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống. Mở bài giới thiệu được vấn đề cần nghị luận. Thân bài phân tích đưa ra nguyên nhân, biện pháp… thông qua các lí lẽ và dẫn chứng… Kết bài khẳng định lại vấn đề cần nghị luận.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn nghị luận về hiện tượng nghiện internet.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận: Bên cạnh những mặt tốt mà Internet mang lại, việc lạm sử dụng nó sẽ dẫn đến hiện tượng nghiêm trọng đó là hiện tượng nghiện Internet trong giới trẻ hiện nay. **2. Thân bài** – Giải thích: Internet là gì? là một loại phương tiện công nghệ của xã hội. Tại đó, con người có thể trao đổi thông tin, tìm kiếm thông tin, dùng nó cho nhiều mục đích khác nhau. – Thực trạng: – Nó trở thành một căn bệnh khó chữa của giới trẻ hiện nay. + Quên ăn, quên ngủ, xao nhãng trong mọi công việc + Nhiều người trẻ hiện nay lâm vào tình trạng nghiện game.	3,5 điểm

	– Nguyên nhân: Do con người không kiểm soát được bản thân, lười học ham chơi. – Hậu quả: + Bỏ học, dẫn đến nhiều hành vi xấu khác như cướp vặt, đánh nhau… + Ảnh hưởng đến sức khỏe: gây cận thị, bệnh tự kỷ… – Biện pháp: Cần định hướng đúng đắn cho giới trẻ về Internet để tận dụng lợi ích của nó mang lại. **3. Kết bài** – Liên hệ: Bản thân cần biết sắp xếp thời gian học tập, giải trí cho phù hợp… – Mở rộng, kết luận lại vấn đề.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,5 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KỲ I

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ bảy chữ	4	0	4	0	0	2	0	0	60
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			20	5	20	15	0	30	0	10	100%
Tỉ lệ %			25%		35%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HỌC KỲ I

TT	Chương / chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Đọc hiểu**	Thơ bảy chữ	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ bảy chữ như: bố cục, vần, nhịp, đối. - Nhận biết được đặc điểm của biện pháp tu từ đảo ngữ từ tượng hình, từ tượng thanh. **Thông hiểu**: - Hiểu được cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản. - Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh. **Vận dụng:** - Biết trân quý, trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống.	4TN	4TN	2TL	
2	**Viết**	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài nghị luận về một hiện tượng đời sống. - Xác định được bố cục bài văn, văn bản cần nghị luận. **Thông hiểu:** - Trình bày rõ ràng các khía cạnh của văn bản. - Nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ				1TL*

			thuật được dùng trong tác phẩm. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân về những trải nghiệm văn học để viết được bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề. - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao**: - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý của bản thân với vấn đề cần bàn luận. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				
Tổng số câu				**4TN**	**4TN**	**2TL**	**1 TL**
Tỉ lệ (%)				**25%**	**35%**	**30%**	**10%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN

……..

ĐỀ SỐ 1

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 20… – 20…

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

NÚI ĐÔI

… Bỗng cuối mùa chiêm quân giặc tới
Ngơ chùa cháy đỏ những thân cau
Mới ngỏ lời thôi, đành lỗi hẹn
Đâu ngờ từ đó bặt tin nhau.

Anh vào bộ đội, lên Đông Bắc
Chiến đấu quên mình năm lại năm
Mấy bận dân công về lại hỏi
Ai người Xuân Dục, núi Đôi chăng?

Anh nghĩ, quê ta giặc chiếm rồi
Trăm nghìn căm uất bao giờ nguôi
Mỗi tin súng nổ vành đai địch
Sương trắng người đi lại nhớ người.

Đồng đội có nhau thường nhắc nhở
Trung du làng nước vẫn chờ trông
Núi Đôi bốt dựng kề ba xóm
Em vẫn đi về những bến sông?

Náo nức bao nhiêu ngày trở lại
Lệnh trên ngừng bắn, anh về xuôi
Hành quân qua tắt đường sang huyện
Anh ghé thăm nhà, thăm núi Đôi.

Mới tới đầu ao, tin sét đánh

Giặt giết em rồi, dưới gốc thông
Giữa đêm bộ đội vây đồn Thửa
Em sống trung thành, chết thuỷ chung!

Anh ngước nhìn lên hai dốc núi
Hàng thông bờ có con đường quen.
Nắng lụi bỗng dưng mờ bóng khói
Núi vẫn đôi mà anh mất em!

Dân chợ Phù Linh ai cũng bảo:
Em còn trẻ lắm, nhất làng trong;
Mấy năm cô ấy làm du kích
Không hiểu vì sao chẳng lấy chồng?

Từ núi qua thôn, dường nghẽn lối
Xuân Dục, Đoài Đông cỏ ngút đầy
Sân biến thành ao, nhà đổ chái
Ngổn ngang bờ bụi cánh dơi bay

Cha mẹ đưa nhau về nhận đất
Tóc bạc thương từ mỗi gốc cau
Nứa gianh nửa mái lều che tạm
Sương nắng khuây dần chuyện xót đau.

Anh nghe có tiếng người qua chợ:
Ta gắng: mùa sau lúa sẽ nhiều
Ruộng thấm mồ hôi từng nhát cuốc
Làng ta rồi đẹp biết bao nhiêu!

Nhưng núi còn kia, anh vẫn nhớ.
Oán thù còn đó, anh còn đây
Ở đâu cô gái làng Xuân Dục
Đã chết vì dân giữa đất này!

Ai viết tên em thành liệt sĩ
Bên những hàng bia trắng giữa đồng
Nhớ nhau anh gọi em: đồng chí
Một tấm lòng trong vạn tấm lòng.

Anh đi bộ đội sao trên mũ
Mãi mãi là sao sáng dẫn đường
Em sẽ là hoa trên đỉnh núi
Bốn mùa thơm mãi cánh hoa thơm.

(Vũ Cao - Thơ tình thế kỉ XX)

Câu 1. Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?

A. Bốn chữ

B. Năm chữ

C. Sáu chữ

D. Bảy chữ

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Biểu cảm

D. Nghị luận

Câu 3. Xác định biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong 2 câu thơ sau:

Em mãi là hoa trên đỉnh núi
Bốn mùa thơm mãi cánh hoa thơm.

A. So sánh

B. Nhân hóa

C. Ẩn dụ

D. Hoán dụ

Câu 4. Những từ ngữ, hình ảnh thể hiện sự khốc liệt của chiến tranh.

A. mùa chiêm quân giặc tới, lỗi hẹn.

B. ngơ chùa cháy đỏ những thân cau, lỗi hẹn, bặt tin.

C. lỗi hẹn, bặt tin, mùa chiêm quân giặc tới.

D. Ý kiến khác

Câu 5. Nội dung tác giả đề cập đến thông qua 2 câu thơ cuối là gì?

A. Nhấn mạnh niềm tự hào về vẻ đẹp lí tưởng của phẩm chất cách mạng.

B. Ca ngợi vẻ đẹp của con người và thiên nhiên trong thời chiến.

C. Ca ngợi vẻ đẹp của con người trong thời chiến.

D. A và C

Câu 6. Nội dung chính của bài thơ trên đề cập đến vấn đề gì?

A. Diễn tả câu chuyện tình yêu xúc động thời kháng chiến.

B. Thể hiện sự mất mát, đau thương nhưng không bi lụy.

C. Tưởng nhớ những người đã ngã xuống với sự yêu thương và tấm lòng trân trọng.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 7. Cụm từ "tin sét đánh" thể hiện điều gì?

A. Sự ngạc nhiên

B. Sự bàng hoàng

C. Sự đau đớn

D. Ý kiến khác

Câu 8. Từ tâm trạng của người chiến sĩ qua hai câu thơ, tác giả muốn đề cập đến điều gì?

Những đêm dài hành quân nung nấu

Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu

A. Vẻ đẹp tâm hồn người chiến sĩ luôn gắn liền với tình yêu quê hương.

B. Tâm hồn người chiến sĩ luôn tồn tại một không gian hoài niệm, nhưng nhớ về người mình yêu.

C. Cả A và B

D. Ý kiến khác

Câu 9 (1,0 điểm). Trình bày suy nghĩ của em về một câu thơ mà em thích nhất trong bài "Núi Đôi" – Vũ Cao.

Câu 10 (1,0 điểm)**.** Viết đoạn văn khoảng 5 dòng đến 7 dòng nêu suy nghĩ của anh/chị về vai trò, lí tưởng của tuổi trẻ sau khi đọc đoạn thơ trên.

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận về hiện tượng ô nhiễm môi trường.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	D. Bảy chữ	0,5 điểm
Câu 2	C. Biểu cảm	0,5 điểm
Câu 3	A. So sánh	0,5 điểm
Câu 4	B. ngơ chùa cháy đỏ những thân cau, lỗi hẹn, bặt tin.	0,5 điểm
Câu 5	D. A và C	0,5 điểm
Câu 6	D. Tất cả các ý trên.	0,5 điểm
Câu 7	B. Sự bàng hoàng	0,5 điểm
Câu 8	C. Cả A và B	0,5 điểm
Câu 9	- Viết được câu thơ mà em cho là hay nhất. - Chỉ ra được cái hay, cái đẹp về nội dung của câu thơ thông qua các từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu.	1,0 điểm

Câu 10	- Đảm bảo đúng hình thức - Trình bày được biểu hiện, vai trò lí tưởng của tuổi trẻ: + Tuổi trẻ là măng non tương lai của đất nước, đất nước có phát triển phồn thịnh hay không là do sự cống hiến của những người trẻ sau này. + Chính vì thế, mỗi người trẻ cần sống có ước mơ, lí tưởng, hướng đến những điều tốt đẹp và cố gắng trau dồi, hoàn thiện bản thân nhất có thể. + … = > Khẳng định lại vai trò lí tưởng của tuổi trẻ đối với quê hương đất nước.	1,0 điểm

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Mở bài giới thiệu được vấn đề cần nghị luận. Thân bài phân tích đưa ra nguyên nhân, biện pháp… thông qua các lí lẽ và dẫn chứng… Kết bài khẳng định lại vấn đề cần nghị luận.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn nghị luận về hiện tượng ô nhiễm môi trường.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** Giới thiệu và dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận: vấn đề ô nhiễm môi trường. **2. Thân bài** a. Giải thích vấn đề Ô nhiễm môi trường là hiện trạng môi trường xuất hiện những chất độc, chất hại dẫn đến thay đổi nhanh chóng và gây tác hại xấu đến cuộc sống con người. b. Thực trạng - Hàng ngày có hàng tấn rác thải được đổ ra biển, các chất độc hại ngày càng tích lũy và ảnh hưởng xấu tới môi sinh và các sinh vật biển. Bên cạnh đó, môi trường nước ngọt cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng.	2,5 điểm

	- Môi trường không khí bị ô nhiễm nặng nề do khí thải công nghiệp, khí thải xe cộ và mùi rác thải sinh hoạt của con người. - Diện tích rừng bị chặt phá ngày càng tăng. c. Nguyên nhân - Chủ quan: Do ý thức kém của con người. - Khách quan: Do hiện tượng cực đoan của xã hội; do sự quản lí của nhà nước hoạt động của các doanh nghiệp trong việc xử lí. d. Hậu quả - Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người. - Mất đi các nguồn lợi từ biển: các hải sản, du lịch biển. - Mất cân bằng đa dạng sinh học của môi trường sống. e. Giải pháp - Mỗi người cần có ý thức bảo vệ môi trường sống quanh mình, thay đổi từ những thói quen nhỏ nhất để khiến cho môi trường được cải thiện tốt hơn. - Nhà nước cần tăng cường sự quản lí cũng như xử phạt nghiêm minh đối với những trường hợp vi phạm làm ô nhiễm môi trường. - Tiến hành áp dụng công nghệ khoa học để giải quyết hiện trạng ô nhiễm nước thải ... hiện nay. **3. Kết bài** Khái quát lại vấn đề cần nghị luận: hiện tượng ô nhiễm môi trường; đồng thời rút ra bài học và liên hệ bản thân.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,5 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

Phòng Giáo dục và Đào tạo ...

Năm học 2023 - 2024

Môn: Ngữ văn lớp 8

Thời gian làm bài: phút

(Đề số 1)

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

CỬA SÔNG

Là cửa nhưng không then khóa

Cũng không khép lại bao giờ

Mênh mông một vùng sóng nước

Mở ra bao nỗi đợi chờ.

Nơi những dòng sông cần mẫn

Gửi lại phù sa bãi bồi

Để nước ngọt ùa ra biển

Sau cuộc hành trình xa xôi.

Nơi biển tìm về với đất

Bằng con sóng nhớ bạc đầu

Chất muối hòa trong vị ngọt

Thành vũng nước lợ nông sâu.

Nơi cá đối vào đẻ trứng

Nơi tôm rảo đến búng càng

Cần câu uốn cong lưỡi sóng

Thuyền ai lấp lóa đêm trăng.

Nơi con tàu chào mặt đất

Còi ngân lên khúc giã từ

Cửa sông tiễn người ra biển

Mây trắng lành như phong thư.

Dù giáp mặt cùng biển rộng

Cửa sông chẳng dứt cội nguồn

Lá xanh mỗi lần trôi xuống

Bỗng… nhớ một vùng núi non

(theo Quang Huy)

Câu 1. Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?

A. Bốn chữ

B. Năm chữ

C. Sáu chữ

D. Bảy chữ

Câu 2. Trong khổ thơ đầu, tác giả dùng những từ ngữ nào để nói về nơi sông chảy ra biển?

Là cửa nhưng không then khóa

Cũng không khép lại bao giờ

Mênh mông một vùng sóng nước

Mở ra bao nỗi đợi chờ

A. Không then khóa, vùng sóng nước, mở ra

B. Không then khóa, không khép lại, mở ra

C. Không khéo lại, vùng sóng nước, mở ra

D. Không khéo lại, vùng sóng nước, nỗi đợi chờ

Câu 3. “Cách giới thiệu ấy vô cùng đặc biệt, tác giả đã khéo léo sử dụng biện pháp chơi chữ. Mượn cái tên “cửa sông” để chơi chữ. Cửa sông cũng là một cái cửa nhưng lại không giống những cái cửa bình thường khác. Cái cửa đó không có then cũng chẳng có khóa. Lại chẳng khép lại bao giờ, giữa mênh mông muôn trùng sóng nước mở ra bao nhiêu nỗi niềm riêng.” Nhận định trên đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 4. Đoạn thơ cuối bài sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

“Dù giáp mặt cùng biển rộng
Cửa sông chẳng dứt cội nguồn
Lá xanh mỗi lần trôi xuống
Bỗng… nhớ một vùng núi non…”

A. Nhân hóa

B. Liệt kê

C. So sánh

D. Điệp từ

Câu 5. Đâu không phải là đặc điểm của cửa sông?

A. Nơi biển cả tìm về với đất liền

B. Nơi nước ngọt chảy vào biển rộng

C. Nơi nước ngọt của những con sông và nước mặn của biển hòa lẫn vào nhau.

D. Nơi những người thân được gặp lại nhau

Câu 6. Cho đoạn thơ:

“Dù giáp mặt cùng biển rộng

Cửa sông chẳng dứt cội nguồn

Lá xanh mỗi lần trôi xuống

Bỗng… nhớ một vùng núi non”

Đoạn thơ trên nói lên điều gì về tấm lòng của sông?

A. sông không giờ quên cội nguồn

B. sông không bao giờ quên biển

C. sông không bao giờ xa biển

D. sông luôn gắn bó với núi non

Câu 7. Phép nhân hóa ở khổ thơ cuối giúp tác giả nói lên điều gì về “tấm lòng” của cửa sông đối với cội nguồn?

A. “Tấm lòng” của cửa sông không quên cội nguồn.

B. “Tấm lòng” của cửa sông đã dứt được cội nguồn để vươn ra biển lớn.

C. “Tấm lòng” của cửa sông day dứt vì phải xa rời cội nguồn.

D. “Tấm lòng” của cửa sông ân hận vì đã rời xa cội nguồn.

Câu 8. Ý nghĩa của bài thơ Cửa sông?

A. Miêu tả trình tự sông chảy ra biển, hồ hoặc một dòng sông khác tại cửa sông.

B. Cho thấy cửa sông là một nơi rất độc đáo, thú vị.

C. Qua hình ảnh cửa sông, tác giả ngợi ca tình cảm thủy chung, luôn nhớ về cội nguồn.

D. Cho nên mọi vùng biển đều bắt nguồn từ sông.

Câu 9 (1,0 điểm). Qua đoạn trích, tác giả muốn gửi gắm đến chúng ta thông điệp gì?

Câu 10 (1,0 điểm). Viết đoạn văn khoảng 6-8 câu, trình bày suy nghĩ của em về tình yêu quê hương đất nước có sử dụng ít nhất một từ tượng hình hoặc tượng thanh.

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	C. Thơ sáu chữ	0,5 điểm
Câu 2	B. Không then khóa, không khép lại, mở ra	0,5 điểm
Câu 3	A. Đúng	0,5 điểm
Câu 4	A. Nhân hóa	0,5 điểm
Câu 5	D. Nơi những người thân được gặp lại nhau	0,5 điểm
Câu 6	A. sông không giờ quên cội nguồn	0,5 điểm
Câu 7	A. "Tấm lòng" của cửa sông không quên cội nguồn.	0,5 điểm
Câu 8	C. Qua hình ảnh cửa sông, tác giả ngợi ca tình cảm thủy chung, luôn nhớ về cội nguồn.	0,5 điểm

Câu 9	Bài thơ vừa miêu tả vẻ đẹp cửa sông với nhiều đặc trưng độc đáo, đồng thời tác giả gửi gắm một tình yêu sâu sắc đối với cội nguồn, ngợi ca tình nghĩa thủy chung sắt son của con người trong cuộc sống.	1,0 điểm
Câu 10	- Đảm bảo đúng hình thức - Có sử dụng và chỉ ra một từ tượng hình hoặc tượng thanh - Trình bày được biểu hiện về tình yêu quê hương đất nước: + Tình thân gia đình + Tình làng xóm + Sự gắn bó với làng quê + Bảo vệ và giữ gìn nét đẹp truyền thống + … - Trình bày được vai trò của tình yêu quê hương đất nước: + Là yếu tố quan trọng không thể thiếu trong mỗi con người. + Giúp cho mỗi người sống tốt hơn + Thúc đẩy sự phát triển của bản thân và cống hiến cho cộng đồng.	1,0 điểm

	- Trình bày được bài học cá nhân. => Khẳng định lại ý nghĩa của quê hướng đối với mỗi người.	

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn cảm nghĩ về một bài thơ tự do: Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. Dùng ngôi thứ nhất để trình bày cảm nghĩ về bài thơ,…	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: 1. Mở đoạn: - Giới thiệu được nhan đề, tác giả và cảm nghĩ chung của người viết về bài thơ. 2. Thân đoạn: - Trình bày cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ; làm rõ cảm xúc, suy nghĩ bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ. 3. Kết đoạn: Khẳng định lại cảm nghĩ về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.	2,5 điểm

	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,5 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

Ma trận đề thi giữa học kì 1 môn Ngữ văn 8

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổn % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ	4	0	2	0	0	2	0		50
2	Viết	Viết bài văn kể lại một chuyến đi	0	1*	0	1*	0	2*	0	1*	50
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	
Tỉ lệ %			20%		40%		30		10%		100
Tỉ lệ chung			60%				40%				

Đề thi Giữa kì 1 - Cánh diều

Năm học 2023 - 2024

Môn: Ngữ văn lớp 8

Thời gian làm bài: phút

(Đề số 1)

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

MÙA XUÂN CHÍN

Trong làn nắng ửng: khói mơ tan,
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.
Sột soạt gió trêu tà áo biếc,
Trên giàn thiên lý. Bóng xuân sang.

Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời
Bao cô thôn nữ hát trên đồi;
- Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...

Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi,
Hổn hển như lời của nước mây,
Thầm thĩ với ai ngồi dưới trúc,
Nghe ra ý vị và thơ ngây...

Khách xa gặp lúc mùa xuân chín,
Lòng trí bâng khuâng sực nhớ làng:
- "Chị ấy, năm nay còn gánh thóc
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?"

(Hàn Mặc Tử)

Câu 1. Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?

A. Thơ sáu chữ

B. Thơ bảy chữ

C. Thơ lục bát

D. Thơ tự do

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên là?

A. Biểu cảm

B. Tự sự

C. Miêu tả

D. Thuyết minh

Câu 3. Thiên nhiên và con người trong bức tranh mùa xuân được thể hiện như thế nào trong bài?

A. Mang vẻ đẹp cổ điển

B. Ảm đạm, cô đơn, đườm đượm buồn

C. Tâm trạng buồn tủi

D. Trẻ trung, hồn nhiên và tràn đầy sức sống

Câu 4. Trạng thái "chín" của mùa xuân trong bài thơ được thể hiện bằng những từ ngữ nào sau đây?

A. Làn nắng ửng, khói mơ tan

B. Lấm tấm vàng, bóng xuân sang

C. Sóng cỏ xanh tươi, mùa xuân chín

D. Tất cả các đáp án trên

Câu 5 (0,5 điểm) Con người trong bài thơ được thể hiện qua những hình ảnh nào? Hình ảnh nào gắn với nhân vật trữ tình?

Câu 6 (0,5 điểm) Ngôn từ của bài thơ đã gợi lên một khung cảnh mùa xuân như thế nào?

Câu 7 (1,0 điểm) Chỉ ra và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ đầu tiên?

Câu 8 (1,0 điểm) Từ bài thơ trên, em có suy nghĩ gì về trách nhiệm của con người trong việc bảo vệ thiên nhiên.

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Em hãy viết một bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội đáng nhớ nhất của em.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	B. Thơ bảy chữ	0,5 điểm
Câu 2	A. Biểu cảm	0,5 điểm
Câu 3	D. Trẻ trung, hồn nhiên và tràn đầy sức sống	0,5 điểm
Câu 4	D. Tất cả các đáp án trên	0,5 điểm
Câu 5	- Con người trong bài thơ thể hiện qua những hình ảnh: cô thôn nữ, tiếng ca vắt vẻo, ai ngồi dưới trúc, khách xa, chị ấy. - Hình ảnh gắn liền với nhân vật trữ tình: khách xa.	0,5 điểm
Câu 6	- Ngôn từ được sử dụng trong bài thơ: khói mơ tan, bóng xuân sang, sóng cỏ, tiếng ca vắt vẻo, mùa xuân chín. à Ngôn từ trong bài thơ đã gợi lên một khung cảnh mùa xuân rực rỡ, tràn ngập ánh sáng, tươi đẹp, căng tràn sức sống.	0,5 điểm
Câu 7	- Các biện pháp tu từ: + Nhân hóa: gió (trêu) + Câu đặc biệt: Trên dàn thiên lí + Đảo ngữ: Sột soạt gió trêu tà áo biếc. à Hiệu quả nghệ thuật: Gợi cái nhìn tinh tế về sự chuyển mùa, nhà thơ như nhìn thấy sự hiện diện trong mỗi bước xuân sang. Qua đó khung cảnh đầy sức sống, gửi gắm niềm yêu đời của nhà thơ.	1,0 điểm
Câu 8	HS bày tỏ quan điểm cá nhân, có thể theo hướng. - Môi trường hiện đang bị ô nhiễm nghiêm trọng nên việc cấp thiết ngay lúc này là chung tay bảo vệ môi trường, bảo vệ nơi sinh sống của chính chúng ta. - Bảo vệ môi trường là nhiệm vụ tất yếu không chỉ của riêng ta, là vấn đề sống còn của nhân loại. - …	1,0 điểm

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm

	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn kể lại một chuyến đi Mở bài giới thiệu được chuyến đi. Thân bài triển khai được chi tiết chuyến đi. Kết bài nêu được cảm nghĩ của bản thân về chuyến đi.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa).	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** - Giới thiệu được chuyến đi: Lí do, mục đích của chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa. **2. Thân bài** - Kể diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,…) - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc,…). **3. Kết bài** Thể hiện được cảm xúc và suy nghĩ về chuyến đi.	3,5 điểm
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,5 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

.....

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II NGỮ VĂN 8:

Thời gian làm bài: 90 phút

MA TRẬN

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	- Thơ	5	0	3	1	0	1	0		60
2	Viết	Văn thuyết minh	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng số câu			5	1*	3	1*	0	1*	0	1*	11
Tổng điểm			2,5	0.5	1.5	2.0	0	2.5	0	1.0	10
Tỉ lệ %			30%		35%		25%		10%		100

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức / Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	ĐỌC	Thơ	Nhận biết:	5TN	3TN	1 TL	

	HIỂU		- Nhận biết được thể thơ, phương thức biểu đạt - Xác định được biện pháp tu từ trong văn bản. **Thông hiểu:** - Nêu được chủ đề, thông điệp, mà văn bản muốn gửi đến người đọc. **Vận dụng:** - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về sự việc trong văn bản.		1TL		

2.	**VIẾT**	Văn thuyết minh	**Nhận biết:** **Thông hiểu:** **Vận dụng:** **Vận dụng cao:** Viết được bài văn thuyết minh giới thiệu một cuốn sách				
Tổng				**5 TN**	**3 TN** **1 TL**	**1** **TL**	**1** **TL***
Tỉ lệ %				**30%**	**35%**	**25%**	**10%**
Tỉ lệ chung				**65%**		**35%**	

* Ghi chú: Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II

Môn Ngữ văn lớp 8

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Quê hương

Quê hương là chùm khế ngọt

Cho con trèo hái mỗi ngày

Quê hương là đường đi học

Con về rợp bướm vàng bay.

Quê hương là con diều biếc

Tuổi thơ con thả trên đồng

Quê hương là con đò nhỏ

Êm đềm khua nước ven sông.

Quê hương là cầu tre nhỏ

Mẹ về nón lá nghiêng che

Quê hương là đêm trăng tỏ

Hoa cau rụng trắng ngoài hè.

Quê hương mỗi người chỉ một

Như là chỉ một mẹ thôi

Quê hương nếu ai không nhớ

Sẽ không lớn nổi thành người.

Theo ĐỖ TRUNG QUÂN

1. Lựa chọn đáp án đúng cho các câu từ 1 đến 8:

Câu 1. Bài thơ "Quê hương" gợi em nhớ đến một văn bản cùng tên đã học trong chương trình Ngữ văn 8 của tác giả nào?

A. Đỗ Trung Quân

B. Nguyễn Khoa Điềm

C. Nguyễn Thi

D. Tế Hanh

Câu 2. Chỉ ra phương thức biểu đạt cơ bản của bài thơ ?

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Biểu cảm

D. Nghị luận

Câu 3. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A. Tự do

B. Năm chữ

C. Sáu chữ

D. Bảy chữ

Câu 4. Cụm từ được nhắc lại nhiều nhất trong bài thơ là?

A. Con đò

B. Chùm khế

C. Diều biếc

D. Quê hương

Câu 5. Dòng thơ nào không nói về tình cảm quê hương?

A. Anh đi anh nhớ quê nhà

Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương

Nhớ ai dãi nắng dầm sương

Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao

B. Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày nên sỏi đá

(Chính Hữu, Đồng chí)

C. Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ

Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa

Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa

Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa

(Chế Lan Viên, Tiếng hát con tàu)

D. Thuở còn thơ ngày hai buổi đến trường

Yêu quê hương qua từng trang sách nhỏ

Ai bảo chăn trâu là khổ?

Tôi mơ màng nghe chim hót trên cao

(Giang Nam, Quê hương)

Câu 6. Vì sao quê hương được so sánh với mẹ?

A. Vì đó là nơi ta sinh ra và được nuôi dưỡng khôn lớn, trưởng thành.

B. Vì đó là nơi mà ta hằng mơ ước được đặt chân tới.

C. Vì đó là nơi mà ta có những người bạn thân.

D. Tất cả các ý trên

Câu 7. Nội dung của bài thơ Quê hương là gì?

A. Tình yêu quê hương là tình cảm tự nhiên, sâu sắc khiến ta khôn lớn, trưởng thành.

B. Tình cảm gia đình là tình cảm tự nhiên, sâu sắc khiến ta có động lực, cảm hứng...

C. Tình yêu quê hương, đất nước là tình yêu gắn với những gì gần gũi, thân thuộc, bình dị nhất.

D. Tất cả các ý trên

Câu 8. Tình cảm của nhà thơ đối với quê hương?

A. Tự hào về vẻ đẹp của quê hương

B. Yêu mến vẻ đẹp của quê hương

C. Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương

D. Ca ngợi vẻ đẹp của quê hương

2. Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu sau:

Câu 9. Xác định biện pháp tu từ cơ bản của đoạn thơ và nêu tác dụng của nó.

Câu 10. Viết đoạn văn (khoảng từ 5 đến 7 câu) bày tỏ tình cảm của anh/ chị với quê hương đất nước.

(II. VIẾT (4.0 điểm)

Thuyết minh giới thiệu một cuốn sách em yêu thích

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II- NGỮ VĂN 8

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc hiểu	**1**	D	0,5
	2	C	0,5
	3	C	0,5
	4	D	0,5
	5	C	0,5
	6	A	0,5

	7	D	0,5
	8	C	0,5
	9	- Xác định biện pháp tu từ cơ bản của đoạn thơ: So sánh **- Tác dụng:** Nhấn mạnh tình yêu tha thiết, sự gắn bó sâu nặng với quê hương của tác giả. Đồng thời đã làm nổi bật hình ảnh quê hương thật bình dị, mộc mạc nhưng cũng thật ấm áp, gần gũi, thân thương, máu thịt, thắm thiết.	0,5 0,5
	10	**- Tình yêu quê hương:** quê hương chính là nguồn cội, nơi chôn rau cắt rốn, nơi gắn bó, nuôi dưỡng sự sống, đặc biệt là đời sống tâm hồn mỗi người. + Quê hương là bến đỗ bình yên, là điểm tựa tinh thần của con người trong cuộc sống. Dù đi đâu ở đâu hãy luôn nhớ về nguồn cội **- Bàn luận:** Tình cảm đối với quê hương sẽ gợi nhắc đến tình yêu đất nước. Hướng về quê hương không có nghĩa là chỉ hướng về mảnh đất nơi mình sinh ra mà phải biết hướng tới tình cảm lớn lao, thiêng liêng bao trùm là Tổ quốc. **- Bài học nhận thức và hành động:** Có nhận thức đúng đắn về tình cảm đối với quê hương; có ý thức tu dưỡng, học tập, phấn đấu xây dựng quê hương; xây đắp bảo vệ quê hương, phát huy những truyền thống tốt đẹp của quê hương là trách nhiệm, là nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi con người.	1,0
II. Viết	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh **1. Mở bài** - Thuyết minh về đối tượng thuyết minh (sách giáo khoa ngữ văn lớp 8 tập 1) **2. Thân bài** - Nguồn gốc của sách giáo khoa ngữ văn lớp 8: nhà xuất bản giáo dục đều do các tiến sĩ, giáo sư đầu ngành của bộ môn ngữ văn biên soạn.	0,25 0,25 2.5 0,5

	a. Giới thiệu về hình thức - Quyển sách có bìa bên ngoài màu lòng tôm(hồng), trên cuốn sách có chữ in hoa ” BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO”. Tiếp đến là chữ ” Ngữ văn” được viết bằng chữ in hoa to mềm mại màu xanh dương. Dưới hai chữ đó là số 8 màu vàng làm nổi bật trang bìa. Trên bìa trang trí một khóm hoa màu vàng với những chiếc lá… dưới bìa sách là lô gô của Bộ giáo dục. Trang sau cuốn sách là bìa, bên trái bìa là huân chương Hồ Chí Minh-> niềm tự hào của dân tộc, góc phải của lô gô của bộ giáo dục màu đỏ. - Tiếp dưới là phần giới thiệu toàn bộ sách giáo khoa lớp 8 được viết trong khung Hồ Chí Minh xanh, dưới cùng là tem với giá tiền. **b. Giới thiệu chung về nội dung** * Cuốn sách giáo khoa ngữ văn gồm ? bài, mỗi bài gồm 3 phân môn: văn bản, Tiếng Việt, tập làm văn. - Phần văn bản + Về hình thức: Cung cấp trước dữ liệu của phần văn bản truyện, thơ. Sau văn bản là phần chú thích về tác giả, tác phẩm, các từ ngữ khó hiểu được chú thích, Câu hỏi của văn bản, muốn học tốt thì học sinh phải soạn bài, trả lời câu hỏi ở nhà, đến ghi nhớ để chốt lại kiến thức -> luyện tập. + Về nội dung: Cung cấp kiến thức về văn học Việt Nam, nước ngoài. Cho ta hiểu về những tác phẩm tác giả tiêu biểu được chọn lọc: ” tôi đi học” của Thanh Tịnh, Ta đi tới của Tố Hữu…. + Học sinh không chỉ biết đến những văn học nổi tiếng trong nước mà còn biết đến những tg nước ngoài…… + Ngoài ra còn có một số tác phẩm như thơ hay - Phần Tiếng Việt: + Về hình thức: cung cấp kiến thức đi theo diễn dịch cung cấp dữ liệu, đến nhận xét và chốt lại kiến thức bằng bảng khung ghi nhớ, để thực hành ứng dụng luôn bài học có phần luyện tập + Nội dung: Cung cấp hiểu biết về các loại câu, loại từ và	

	dấu câu. - Phần tập làm văn: + Cũng theo cấu trúc như phần Tiếng Việt. + Nội dung: cung cấp kiến thức về văn tự sự và một kiểu bài văn mới là văn thuyết minh -> giúp học sinh viết văn hay. * Cách sử dụng bảo quản. - Bảo vệ giữ gìn quyển sách - Bảo vệ quyển sách, không làm ướt sách. **3. Kết bài** - Khẳng định vai trò của sách.	
	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5

4.THƠ ĐƯỜNG LUẬT

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	**Đọc hiểu thơ Đường luật**	Đọc hiểu văn bản thơ Đường luật	3	0	4	1	0	2	0	0	**60**
2	**Viết**	Viết bài văn phân tích một tác phẩm	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40

		văn học (một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)									
Tổng			***15***	***5***	***25***	***15***	***0***	***30***	***0***	***10***	
Tỉ lệ %			**20%**		**40%**		**30%**		**10%**		**100**
Tỉ lệ chung			**60%**				**40%**				

BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	**Nội dung kiến thức/kĩ năng**	**Đơn vị kiến thức/kĩ năng**	**Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá**	**Số câu hỏi theo mức độ nhận thức**				**Tổng**
				Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận dụng**	**Vận dụng cao**	
1	**ĐỌC HIỂU**	Đọc hiểu văn bản thơ Đường luật	**Nhận biết:** - Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, đối và các biện pháp tu từ trong bài thơ. - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ. - Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ - Nhận biết được nhịp điệu, giọng điệu trong bài thơ. **Thông hiểu:** - Hiểu và lí giải được tình	3TN	4TN 1TL	2TL	0	10

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ. - Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mĩ của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ. - Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. **Vận dụng:** Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân do bài thơ gợi ra. **Vận dụng cao:** - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong bài thơ để lí giải ý nghĩa, thông điệp của bài thơ. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.					
2	**LÀM**	Viết bài	**Nhận biết**:	1*	1*	1*	1TL*	

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
	VĂN	văn phân tích một tác phẩm văn học (một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)	- Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,… của tác phẩm. - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học. **Thông hiểu**: - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. **Vận dụng**: - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm. - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm). **Vận dụng cao**: - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.					1

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			- Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.					
Tổng				**3 TN**	**4TN, 1TL**	**2 TL**	**1 TL**	**11**
Tỉ lệ %				***20***	***40***	***30***	***10***	***100***
Tỉ lệ chung				**60**		**40**		**100**

Ghi chú: Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

ĐỀ BÀI

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

CẢNH NGÀY HÈ

Rồi(1) *hóng mát thuở ngày trường,*
Hòe lục đùn đùn tán rợp giương(2)*.*
Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ(3)*,*
Hồng liên trì đã tiễn mùi hương(4)*.*
Lao xao chợ cá làng ngư phủ(5)
Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương(6)
Dễ có Ngu cầm đàn một tiếng(7)
Dân giàu đủ khắp đòi(8) *phương.*

NGUYỄN TRÃI

(Nguyễn Trãi *toàn tập*, Đào Duy Anh, NXB Khoa học xã hội, 1976)

Chú giải:

(1) *Rồi:* ở đây là rỗi rãi.

(2) *Lục*: màu xanh; *hoè lục:* màu xanh của cây hoè; *tán rợp giương*: tán giương lên che rợp.

(3) *Thức* (từ cổ): màu vẻ, dáng vẻ. Ý cả câu thơ: cây thạch lựu ở hiên nhà đang phu màu đỏ

(4) *Tiễn mùi hương*: ngát mùi hương (tiễn: từ Hán Việt, có nghĩa là dư ra). Ý cả câu: sen hồng trong ao đã ngát mùi hương.

(5) *Làng ngư phủ*: làng chài lưới.

(6) *Dắng dỏi* (từ cổ): có nghĩa là inh ỏi. *Cầm ve*: tiếng ve kêu như tiếng đàn. *Lầu tích dương*: lầu (nhà cao) lúc mặt trời sắp lặn.

(7) *Dẽ có*: lẽ ra nên có; *Ngu cầm*: là đàn của vua Ngu Thuấn – vị vua làm nên triều đại lí tưởng, xã hội thanh bình, nhân dân hạnh phúc theo thần thoại Trung Quốc. Vua Ngu Thuấn có khúc hát *Nam phong*, trong đó có câu*: Nam phong chi thì hề khả dĩ phụ ngô dân chi tài hề* (Gió nam thuận thì có thể làm cho dân ta thêm nhiều của). Ý cả câu: Hãy để ta có cây đàn của vua Thuấn để đàn một khúc *Nam phong*.

(8) *Đời*: nhiều.

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Ý nào sau đây **không** đúng về bài thơ "Cảnh ngày hè" của Nguyễn Trãi?

A. Là một bài thơ Nôm của Nguyễn Trãi

B. Phương thức biểu đạt chính là biểu cảm

C. Bài thơ có 8 câu, không có hình ảnh

D. Bài thơ có 2 câu lục ngôn (câu 1, 6)

Câu 2. Cảnh sắc thiên nhiên trong bài thơ là?

A. Buổi sáng hè nhẹ nhàng, tươi tắn.

B. Buổi trưa hè nồng nàn rực rỡ.

C. Buổi chiều hè sinh động, tràn đầy sức sống.

D. Một đêm hè thanh tĩnh, bình yên.

Câu 3. Cách tác giả dùng các động từ ***đùn đùn, giương, phun*** trong bài thơ cho ta cảm nhận gì về cảnh mùa hè ?

A. Sự nóng nực của mùa hè.

B. Sự tươi mát của thiên nhiên.

C. Sự nứt nẻ vì nóng của cây cối.

D. Sự sống mạnh mẽ của thiên nhiên.

Câu 4. Những câu thơ lục ngôn trong bài *Cảnh ngày hè* là:

A. Câu 1 và 5

B. Câu 1 và 6

C. Câu 1 và 7

D. Câu 1 và 8

Câu 5. Từ nào dưới đây **không** phải là từ Hán - Việt?

A. *Mùi hương*

B. *Ngư phủ*

C. *Hồng liên*

D. *Tịch dương*

Câu 6. Những âm thanh trong hai câu luận gợi không khí như thế nào về bức tranh cuộc sống?

A. Thanh bình, yên tĩnh

B. Tưng bừng, náo nhiệt

C. Rộn ràng, tấp nập

D. Sống động, ồn ào

Câu 7. Dòng nào **không phải** là thành công nghệ thuật của bài thơ ?

A. Sử dụng từ ngữ giản dị, quen thuộc, giàu sức biểu cảm.

B. Nhiều điển cố Hán học sâu sắc, hàm súc dư ba.

C. Hình ảnh trong sáng, hài hòa màu sắc, âm thanh cuộc sống.

D. Câu thơ thất ngôn xen lục ngôn, từ láy độc đáo.

Trả lời các câu hỏi:

Câu 8. Chỉ ra và nêu tác dụng của các từ tượng thanh trong 2 câu thơ sau:

Lao xao chợ cá làng ngư phủ

Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương

Câu 9 . Nhận xét thấy tấm lòng của Nguyễn Trãi dành cho nhân dân ở hai câu thơ cuối.

Câu 10. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 - 10 dòng) nêu suy nghĩ của em về vai trò của thiên nhiên đối với đời sống tinh thần của con người.

GỢI Ý

PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị phân tích bài thơ "*Cảnh ngày hè*" (Nguyễn Trãi).

ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN

<table>
<tr><th>Phần</th><th>Câu</th><th>Nội dung</th><th>Điểm</th></tr>
<tr><td>I</td><td></td><td>ĐỌC HIỂU</td><td>6.0</td></tr>
<tr><td rowspan="2"></td><td>1 - 7</td><td>
<table>
<tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td></tr>
<tr><td>C</td><td>C</td><td>D</td><td>D</td><td>A</td><td>C</td><td>B</td></tr>
</table>
Hướng dẫn chấm: Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.</td><td>3.5</td></tr>
<tr><td>8</td><td>*Sử dụng các từ tượng thanh: lao xao, dắng dỏi (0.25 điểm)
*Tác dụng (0.5 điểm):
+ Từ lao xao gợi âm thanh tiếng mua bán, trao đổi đan xen nhau, nghe không rõ, không đều từ chợ cá nơi làng xa vọng lại. (0.25 điểm)
+ Từ dắng dỏi gợi âm thanh inh ỏi của tiếng ve phát ra nơi lầu cao khi mặt trời sắp lặn. (0.25 điểm)
Hướng dẫn chấm:
- Trả lời như đáp án: 0.75 điểm
- Ở ý tác dụng: Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng: 0.25 điểm</td><td>0.75</td></tr>
</table>

		- Không trả lời: 0 điểm	
	9	- Tấm lòng của Nguyễn Trãi: mong muốn có được cây đàn của vua Ngu Thuấn để gảy khúc *Nam phong* cầu mong mưa thuận gió hoà để mùa màng tươi tốt, nhân dân ấm no. - Đó là tấm lòng yêu nhân dân của Nguyễn Trãi, luôn mong nhân dân có cuộc sống thái bình, hạnh phúc. Dù cáo quan về ở ẩn, trong lúc thảnh thơi ngắm cảnh vẫn không quên nghĩ tới nhân dân. ***Hướng dẫn chấm***: *- Trả lời 2 ý như đáp án: 0.75 điểm* *- Chỉ trả lời được 1 ý: 0.5 điểm.* *- Không trả lời: 0 điểm*	0.75
	10	HS viết đoạn văn *** Hình thức:** đảm bảo hình thức đoạn văn, dung lượng, chính tả: 0.25 điểm. *** Nội dung đoạn văn:** Vai trò của thiên nhiên với đời sống tinh thần của con người: Thiên nhiên giúp tâm hồn con người trở nên nhẹ nhàng, thư thái hơn, xoá bỏ muộn phiền, cân bằng cảm xúc, giúp con người sống khỏe,... Thiên nhiên là người bạn tốt của con người. *- Đưa ra 3 ý trở lên: 0,75 điểm* *- Đưa ra 2 ý: 0,5 điểm.* *- Chỉ đưa ra 1 ý: 0.25 điểm*	1.0
II		**LÀM VĂN**	**4.0**
		Viết bài văn nghị luận phân tích bài thơ "*Cảnh ngày hè*" (Nguyễn Trãi)	
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Phân tích bài thơ "*Cảnh ngày hè*" (Nguyễn Trãi).	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
		**Giới thiệu tác giả Nguyễn Trãi và bài thơ *Cảnh ngày hè* trong tập *Quốc âm thi tập.*	0.5

		Phân tích nội dung của bài thơ:** ***(1) Hoàn cảnh sống của Nguyễn Trãi trong những ngày về ở ẩn: + "Rồi": Là một từ cổ có nghĩa là rảnh rỗi, nhàn hạ + "Ngày trường": Ngày dài, chỉ khoảnh thời gian rảnh rỗi. + Hóng mát: Hoạt động an nhàn, tĩnh tại, thư thái => Tâm thế an nhàn, thảnh thơi của tác giả. Nguyễn Trãi một đời bận rộn, tận tâm vì đất nước, đây là những giây phút hiếm hoi của cuộc đời. **(2*) Bức tranh cảnh ngày hè:*** ***- Bức tranh thiên nhiên ngày hè rực rỡ, đầy sức sống:*** + Cây hòe có sức sống mãnh liệt giờ tán là xanh che phủ cả khoảng không gian + Sắc đỏ của cây thạch lựu tô đậm thêm cho khung cảnh ngày hè + Hương hoa sen tỏa ngát bay theo làn gió => Cảnh vật ngày hè tươi tắn, tràn đầy sức sống, tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên của của Nguyễn Trãi ***- Vẻ đẹp bức tranh cuộc sống con người:*** + Nguyễn Trãi dùng nhiều từ Hán Việt như *ngư phủ, cầm ve, tịch dương* kết hợp nhuần nhuyễn với những từ thuần Việt tạo nên vẻ đẹp vừa mộc mạc, bình dị, vừa trang trọng tao nhã. + Cuộc sống được cảm nhận bằng âm thanh: Âm thanh từ làng chợ cá, của tiếng ve râm ran mỗi độ hè về + Từ láy tượng thanh *lao xao, dắng dỏi.* Nhà thơ sử dụng hai từ láy tượng thanh "lao xao" – âm thanh của những phiên chợ cá, "dắng dỏi" – diễn tả âm thanh của tiếng ve, kết hợp với nghệ thuật đảo cấu trúc câu nhằm nhấn mạnh những âm thanh bao trùm làng quê. => Cuộc sống sôi động, ồn ão, tràn đầy sức sống và âm thanh. => Cả thiên nhiên và con người đều hiện lên tràn đầy sức sống, tâm hồn lạc quan, yêu đời, tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên, tha thiết với cuộc sống quê nhà của nhà thơ Nguyễn Trãi. Nhà thơ đã cảm nhận cái tinh tế, thú vị của ngày hè qua thị	1.75

		giác và thính giác: Nhà thơ nhìn những tán lá xanh cây hòe, màu đỏ rực của thạch lựu, tiếng ve kêu ran cả khoảng không gian và hình ảnh người dân làng chài mỗi sớm thức dậy và bóng người kéo lưới buổi chiều ta. Ngày hè cảm nhận qua thính giác khi nhà thơ thấy được hương sen thoảng theo gió => Tâm hồn nhà thơ Nguyễn Trãi được hòa vào thiên nhiên, nói lên được tác giả là người rất yêu đời, yêu cuộc sống. ***(3) Tình yêu nước thương dân của Nguyễn Trãi:*** + "Dẽ" là từ cổ nghĩa là lẽ, lẽ ra "Ngu cầm" là cây đàn của vua Nghiêu vua Thuấn. Đây là điển cố quen thuộc của Trung Hoa kể về thời đại Nghiêu Thuấn – những ông vua nhân từ đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Hằng ngày vua Nghiêu Thuấn thường đem đàn ra gảy khúc nam phong ngợi ca cảnh thái bình trên xứ sở này Thể hiện ước muốn có được cây đàn để ca ngợi khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp và cuộc sống vui tươi trên quê hương ông, niềm vui sướng, hạnh phúc của tác giả khi được sống hòa hợp cùng thôn quê. + Câu thơ cuối cùng thể hiện rõ ràng, cụ thể ước mơ được thấy cảnh thanh bình, ấm no trên đất nước. => Nguyễn Trãi dù sống trong cảnh thanh nhàn nhưng vẫn nặng lòng với dân với nước. Ông ước mơ về cuộc sống no đủ, ấm áp sung túc không chỉ trên quê hương ông mà còn trải khắp đất nước. ***Phân tích nghệ thuật của bài thơ:** + Giọng điệu trữ tình, sâu lắng, bút pháp tả sinh động + Thể thơ sáng tạo thất ngôn xen lục ngôn + Ngôn ngữ thơ phong phú, đa dạng vừa có lớp từ Hán Việt vừa có lớp từ thuần Việt tạo nên vẻ đẹp vừa trang trọng vừa bình dị + Sử dụng các điển tích, điển cố ***Hướng dẫn chấm:** - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1,5 điểm – 1,75 điểm. - Phân tích đầy đủ nhưng có ý chưa sâu hoặc phân tích sâu	

		nhưng chưa thật đầy đủ: 1,0 điểm – 1,25 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm..	
		- Khẳng định ý nghĩa và vị trí của bài thơ. - Nêu thông điệp rút ra từ bài thơ (nếu có). ***Hướng dẫn chấm**:* *- Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.* *- Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.*	0.5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. ***Hướng dẫn chấm:** Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.*	0.25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, giàu hình ảnh, cảm xúc. ***Hướng dẫn chấm**:* *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.* *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.*	0.5
Tổng điểm			**10,0**

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I
(BỘ SÁCH NGỮ VĂN 8 KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ Đường luật	2	1	2	1	0	2	0	0	50
2	Viết	Viết bài	0	1*	0	1*	0	1*	0	2*	50

		văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)									
Tổng			**20**	**10**	**20**	**10**	**0**	**20**	**0**	**20**	**100%**
Tỉ lệ %			**30%**		**30%**		**20%**		**20%**		
Tỉ lệ chung			**60%**				**40%**				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

TT	**Chương/ chủ đề**	**Nội dung/ đơn vị kiến thức**	**Mức độ đánh giá**	**Số câu hỏi theo mức độ nhận thức**			
				Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận dụng**	**Vận dụng cao**
1	**Đọc hiểu**	Thơ Đường luật	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối. - Nhận biết được đặc điểm của biện pháp tu	2TN 1TL	2TN 1TL	2TL	

			từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh. **Thông hiểu**: - Hiểu được cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản. - Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh. **Vận dụng:** - Biết trân quý, trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống.				
2	**Viết**	Viết bài văn kể lại một chuyến đi	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa). - Xác định được bố cục bài văn. **Thông hiểu:** - Giới thiệu được lí do mục đích của chuyến tham quan. - Kể diễn biến chuyến				1TL*

			tham quan. - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân để viết được bài văn kể lại một chuyến đi hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề (sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài viết). - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao:** - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để kể lại cụ thể chuyến đi. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				

Tổng số câu		**2TN** **1TL**	**2TN** **1TL**	**2TL**	**1TL**
Tỉ lệ (%)		**30%**	**30%**	**20%**	**20%**
Tỉ lệ chung		**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN

……..

ĐỀ SỐ 30

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 20…. – 20….

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Nhàn

Nguyễn Bỉnh Khiêm

Một mai, một cuốc, một cần câu
Thơ thẩn dầu ai vui thú nào
Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ
Người khôn, người đến chốn lao xao
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao
Rượu đến gốc cây, ta sẽ nhắp
Nhìn xem phú quý, tựa chiêm bao

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn bát cú đường luật

B. Thất ngôn tứ tuyệt đường luật

C. Thất ngôn xen lục ngôn

D. Song thất lục bát

Câu 2. Trong bài thơ, thú Nhàn của Nguyễn Bình Khiêm được thể hiện qua những hình ảnh nào?

A. Ăn, tắm, uống rượu

B. Ăn, tắm, ngắm trăng

C. Tắm, uống rượu, chơi đàn

D. Uống rượu, ăn, chơi cờ

Câu 3. Bài thơ Nhàn không đề cập đến phương diện nào trong chân dung con người Nguyễn Bỉnh Khiêm?

A. Sự nghiệp

B. Nhân cách

C. Cuộc sống sinh hoạt

D. Trí tuệ

Câu 4. Từ "thơ thẩn" trong bài thơ có nghĩa là gì?

A. Lặng lẽ, chậm rãi, thư thái trong lòng

B. Tinh thần không ổn định, vẩn vơ

C. Từ từ, chậm rãi, không vội vàng

D. Lặng lẽ như có điều gì đang suy nghĩ vẩn vơ lan man

Câu 5 (0,5 điểm) Xác định nhịp thơ ở câu thơ đầu tiên. Nêu tác dụng của cách ngắt nhịp ấy.

Câu 6 (1,0 điểm) Chỉ ra và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ thứ 3 và thứ 4.

Câu 7 (0,5 điểm) Triết lí sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm được thể hiện như thế nào qua hai câu cuối bài thơ?

Câu 8 (1,0 điểm) Em hiểu như thế nào là nhàn? Quan niệm về chữ nhàn của tác giả trong bài thơ trên?

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Em hãy viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan di tích lịch sử, văn hóa) mà mình ấn tượng nhất.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	A. Thất ngôn bát cú đường luật	0,5 điểm
Câu 2	A. Ăn, tắm, uống rượu	0,5 điểm
Câu 3	A. Sự nghiệp	0,5 điểm
Câu 4	A. Lặng lẽ, chậm rãi, thư thái trong lòng	0,5 điểm
Câu 5	- Nhịp thơ ở câu thơ 1 là 2/2/3. - Tác dụng của cách ngắt nhịp: cho thấy cái chủ động, sẵn sàng, thanh thản của Trạng Trình với cuộc sống điền dã, có chút ngông ngạo trước thói đời.	0,5 điểm
Câu 6	- Biện pháp nghệ thuật tu từ trong câu thơ 3 và 4: Phép đối (Ta dại - Người khôn; nơi vắng vẻ - chốn lao xao - Hiệu quả nghệ thuật của phép đối đó: vừa để khẳng định sự lựa chọn phương châm sống, cách ứng xử của tác giả - chọn lối sống tĩnh tại, an nhàn, không tranh giành, vừa thể hiện sắc thái châm biếm, mỉa mai đối với cách sống mưu cầu danh lợi, ham danh vọng, phú quý của một bộ phận người.	1,0 điểm
Câu 7	Danh vọng, tiền tài cũng chỉ là phù du, hư vô. Tất cả sẽ vô nghĩa sau một cái khép mắt khẽ khàng. Đó là cái nhìn của một bậc đại nhân, đại trí.	0,5 điểm
Câu 8	Chữ nhàn được hiểu là: - Nhàn là có ít hoặc không có việc gì phải làm, phải lo nghĩ đến - Quan niệm về chữ nhàn của Nguyễn Bỉnh Khiêm (0,5 điểm) + Là không tranh đua, không màng danh lợi, không bon	1,0 điểm

	chen, không cơ mưu, tự dục. + Là sống thanh thản, an nhiên, tự tại bởi những thú vui riêng của mình.	

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn kể lại một chuyến đi Mở bài giới thiệu được chuyến đi. Thân bài triển khai được chi tiết chuyến đi. Kết bài nêu được cảm nghĩ của bản thân về chuyến đi.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa).	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** - Giới thiệu được chuyến đi: Lí do, mục đích của chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa. **2. Thân bài** - Kể diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi, …) - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc,…). **3. Kết bài** Thể hiện được cảm xúc và suy nghĩ về chuyến đi.	4,0 điểm

	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,5 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KỲ I
(BỘ SÁCH NGỮ VĂN 8 KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	**Đọc hiểu**	Thơ Đường luật	**3**	**0**	**5**	**0**	**0**	**2**	**0**	**0**	**60**
2	**Viết**	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học	**0**	**1***	**0**	**1***	**0**	**1***	**0**	**1***	**40**
Tổng			**15**	**5**	**25**	**15**	**0**	**30**	**0**	**10**	**100%**
Tỉ lệ %			**20%**		**40%**		**30%**		**10%**		
Tỉ lệ chung			**60%**				**40%**				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HỌC KỲ I

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Đọc hiểu**	Thơ Đường luật	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối. - Nhận biết được đặc điểm của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh. **Thông hiểu**: - Hiểu được cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản. - Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh. **Vận dụng:**	3TN	5TN	2TL	

			- Biết trân quý, trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống.				
2	**Viết**	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài nghị luận văn học. - Xác định được bố cục bài văn, văn bản cần nghị luận. **Thông hiểu:** - Trình bày rõ ràng các khía cạnh của văn bản. - Nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân về những trải nghiệm văn học để viết được bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của				1TL*

			để. - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao**: - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý của bản thân với vấn đề cần bàn luận. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				
Tổng số câu				**3TN**	**5TN**	**2TL**	**1TL**
Tỉ lệ (%)				**20%**	**40%**	**30%**	**10%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN **ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I**

……..

ĐỀ SỐ 31

Năm học: 20…. – 20….

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Tĩnh dạ tứ

(Lý Bạch)

Sàng tiền minh nguyệt quang,
Nghi thị địa thượng sương.
Cử đầu vọng minh nguyệt,
Đê đầu tư cố hương.

Câu 1. Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?

A. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

B. Thất ngôn bát cú Đường luật

C. Ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật

D. Ngũ ngôn bát cú Đường luật

Câu 2. Phương thức biểu đạt của bài thơ là?

A. Biểu cảm

B. Tự sự

C. Miêu tả

D. Nghị luận

Câu 3. Chủ đề của bài thơ là gì?

A. Đăng sơn hữu ức (lên núi nhớ bạn)

B. Vọng nguyệt hoài hương (trông trăng nhớ quê hương)

C. Sơn thủy hữu tình (non nước hữu tình)

D. Tức cảnh sinh tình (trước cảnh sinh tình)

Câu 4. Chữ "*vọng*" trong bài thơ có nghĩa là gì?

A. Trông xa

B. Cúi xuống

C. Cảm nghĩ

D. Ánh sáng

Câu 5. Hai câu đầu bài thơ miêu tả cảnh gì?

A. Miêu tả hình ảnh ánh trăng trong đêm thanh tĩnh

B. Miêu tả hình ảnh trăng và sương

C. Miêu tả nhân vật ngắm trăng

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 6. Dòng nào nêu đúng nội dung của hai câu cuối bài thơ?

A. Thể hiện tình cảm của tác giả nhớ mong quê hương, chốn cũ

B. Thể hiện nhẹ nhàng mà thấm thía tình quê hương của một người sống xa nhà trong cảnh đêm trăng thanh tĩnh

C. Nỗi nhớ mong quê hương, chốn cũ trong lòng tác giả

D. Cảnh đêm trăng đẹp, huyền ảo, nhiều mộng mị

Câu 7. Biện pháp nghệ thuật nào nổi bật nhất trong bài thơ?

A. Phép đối

B. Phép tương phản

C. Phép điệp

D. Phép so sánh

Câu 8. Vầng trăng sáng trong thơ Lí Bạch thể hiện ý nghĩa nào sau đây?

A. Biểu hiện tình yêu thiên nhiên

B. Biểu hiện tình yêu quê hương sâu nặng

C. Biểu hiện tình quê của Lí Bạch trong sáng, đầy ắp, nguyên vẹn như vầng trăng

D. Tất cả đều đúng.

Câu 9 (1,0 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ.

Câu 10 (1,0 điểm) Em hãy chỉ ra sự thống nhất, liền mạch của suy tư, cảm xúc trong bài thơ qua các động từ nghi (ngỡ là), cử (ngẩng), đê (cúi), tư(nhớ).

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Em hãy bài văn phân tích bài thơ Tĩnh dạ tứ của Lý Bạch ở phần đọc hiểu.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	C. Ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật	0,5 điểm
Câu 2	A. Biểu cảm	0,5 điểm
Câu 3	B. Vọng nguyệt hoài hương (trông trăng nhớ quê hương)	0,5 điểm
Câu 4	A. Trông xa	0,5 điểm
Câu 5	A. Miêu tả hình ảnh ánh trăng trong đêm thanh tĩnh	0,5 điểm
Câu 6	B. Thể hiện nhẹ nhàng mà thấm thía tình quê hương của một người sống xa nhà trong cảnh đêm trăng thanh tĩnh	0,5 điểm
Câu 7	B. Phép tương phản	0,5 điểm
Câu 8	D. Tất cả đều đúng.	0,5 điểm
Câu 9	- Tác giả sử dụng phép đối ở hai câu cuối: "Ngẩng đầu nhìn trăng sáng / Cúi đầu nhớ cố hương". - Phép đối có tác dụng làm cho người đọc thấy được rõ hơn sự nhớ quê hương, chìm đắm trong nỗi nhớ, trăng thấm đẫm buồn của nhà thơ.	1,0 điểm
Câu 10	- Bốn động từ "nghi, cử, đê, tư" cho chúng ta thấy được mạch cảm xúc của bài thơ. Đó là chủ thể trữ tình, chủ thể hành động ở đây chính là tác giả. - Cảm xúc vận động rất nhanh: nhân vật trữ tình bị tỉnh giấc thì nhận ra ánh trăng lọt vào khe cửa, ngỡ như là sương rồi ngẩng lên như là một hành động xác nhận. Nhưng rồi chính khoảnh khắc ngẩng đầu lại là giây phút nhà thơ nhớ về quê hương.	1,0 điểm

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học Mở bài giới thiệu được tác giả và bài thơ. Thân bài phân tích được đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Kết bài khẳng định vị trí	0,25 điểm

	và ý nghĩa của bài thơ.	
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Phân tích bài thơ Tĩnh dạ tứ của Lý Bạch.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung về bài thơ. **2. Thân bài** - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ. - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ,…);…). **3. Kết bài** Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.	3,0 điểm
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ Đường luật	2	1	2	1	0	2	0	0	50
2	Viết	Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)	0	1*	0	1*	0	1*	0	2*	50
Tổng			20	10	20	10	0	20	0	20	100%
Tỉ lệ %			30%		30%		20%		20%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ Đường luật	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm,	2TN 1TL	2TN 1TL	2TL	

			luật, vần, nhịp, đối. - Nhận biết được đặc điểm của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh. **Thông hiểu**: - Hiểu được cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản. - Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh. **Vận dụng:** - Biết trân quý, trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống.				
2	**Viết**	Viết bài văn kể lại một chuyến đi	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa). - Xác định được bố cục bài văn. **Thông hiểu:** - Giới thiệu được lí do mục đích của chuyến tham quan. - Kể diễn biến chuyến tham quan.				1TL*

			- Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân để viết được bài văn kể lại một chuyến đi hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề (sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài viết). - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao:** - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để kể lại cụ thể chuyến đi. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				
Tổng số câu				**2TN 1TL**	**2TN 1TL**	**2TL**	**1TL**
Tỉ lệ (%)				**30%**	**30%**	**20%**	**20%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN

……..

ĐỀ SỐ 32

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 20.... – 20.....

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Bánh trôi nước

(Hồ Xuân Hương)

Thân em vừa trắng lại vừa tròn
Bảy nổi ba chìm với nước non
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn
Mà em vẫn giữ tấm lòng son

Câu 1. Dòng nào dưới đây thể hiện đúng đặc điểm bài thơ Bánh trôi nước của Hồ Xuân Hương?

A. Bài thơ được viết bằng chữ Quốc ngữ theo thể thơ thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

B. Bài thơ được viết bằng chữ Hán theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật

C. Bài thơ được viết bằng chữ Nôm theo thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật

D. Bài thơ được viết bằng chữ Nôm theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

Câu 2. Qua hình ảnh chiếc bánh trôi nước, Hồ Xuân Hương muốn nói gì về người phụ nữ?

A. Vẻ đẹp tâm hồn.

B. Vẻ đẹp hình thể.

C. Vẻ đẹp và số phận long đong.

D. Số phận bất hạnh.

Câu 3. Trong nghĩa thứ nhất của bài thơ Bánh trôi nước, chiếc bánh trôi nước được miêu tả như thế nào?

A. Chiếc bánh được làm từ bột nếp, nhào nặn thành viên tròn, màu trắng, bên trong chứa nhân, khi cho vào nước thì vừa chìm vừa nổi.

B. Chiếc bánh được nhào nặn, bên trong chứa nhân, bánh có màu đỏ và nổi trên mặt nước khi luộc.

C. Chiếc bánh có hình vuông, màu trắng và bên trong chứa nhân, khi cho vào nước thì vừa chìm vừa nổi.

D. Chiếc bánh được làm từ bột gạo, có hình ống với nhiều màu sắc khác nhau.

Câu 4. Nhận xét nào đúng khi nói về những đặc sắc trong nội dung và nghệ thuật của bài thơ Bánh trôi nước?

A. Bài thơ vừa tả thực về chiếc bánh trôi, vừa thể hiện vẻ đẹp hình thức và tấm lòng nhân hậu cao đẹp của người phụ nữ, vừa cảm thông cho thân phận chìm nổi của họ.

B. Bài thơ đã thể hiện sâu sắc vẻ đẹp hình thức và tấm lòng nhân hậu, son sắt, thủy chung của người phụ nữ.

C. Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp hình thức của chiếc bánh trôi và vẻ đẹp bên ngoài của người phụ nữ.

D. Bài thơ đã miêu tả sinh động hình ảnh chiếc bánh trôi, một món ăn độc đáo của dân tộc.

Câu 5 (1,0 điểm) Ở nghĩa thứ hai (lớp nghĩa hàm ẩn) trong bài thơ Bánh trôi nước, hình ảnh người phụ nữ được miêu tả như thế nào?

Câu 6 (0,5 điểm) Em hãy nêu nhận xét về ngôn ngữ trong bài thơ Bánh trôi nước của Hồ Xuân Hương.

Câu 7 (0,5 điểm) Nêu chủ đề của bài thơ Bánh trôi nước, từ đó kể tên một tác phẩm (ghi rõ tên tác giả) có chung chủ đề ấy.

Câu 8 (1,0 điểm) Qua bài thơ Bánh trôi nước, em có cảm nghĩ gì về thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ?

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Em hãy viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa) mà mình ấn tượng nhất.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	D. Bài thơ được viết bằng chữ Nôm theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật	0,5 điểm
Câu 2	C. Vẻ đẹp và số phận long đong.	0,5 điểm
Câu 3	A. Chiếc bánh được làm từ bột nếp, nhào nặn thành viên tròn, màu trắng, bên trong chứa nhân, khi cho vào nước thì vừa chìm vừa nổi.	0,5 điểm
Câu 4	A. Bài thơ vừa tả thực về chiếc bánh trôi, vừa thể hiện vẻ đẹp hình thức và tấm lòng nhân hậu cao đẹp của người phụ nữ, vừa cảm thông cho thân phận chìm nổi của họ.	0,5 điểm
Câu 5	Lớp nghĩa thứ hai: Là người phụ nữ xinh đẹp, da trắng, thân hình cân đối nhưng số phận lại long đong ba chìm bảy nổi, và dù sống trong cảnh tối tăm nhưng người phụ nữ ấy vẫn giữ được phẩm chất tốt đẹp của mình.	1,0 điểm
Câu 6	Nhận xét về ngôn ngữ: Ngôn ngữ bình dị, giàu hình ảnh, gắn liền với cuộc sống.	0,5 điểm
Câu 7	- Chủ đề: Thân phận người phụ nữ - Bài thơ cùng chủ đề: Thương vợ - Trần Tế Xương	0,5 điểm
Câu 8	Thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ: Xinh đẹp nhưng khổ cực, lận đận, truân chuyên (HS triển khai thành một đoạn văn ngắn)	1,0 điểm

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn kể lại một chuyến đi Mở bài giới thiệu được chuyến đi. Thân bài triển khai được chi tiết chuyến đi. Kết bài nêu được cảm nghĩ của bản thân về chuyến đi.	0,25 điểm

	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa).	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** - Giới thiệu được chuyến đi: Lí do, mục đích của chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa. **2. Thân bài** - Kể diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi, …) - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc,…). **3. Kết bài** Thể hiện được cảm xúc và suy nghĩ về chuyến đi.	3,5 điểm
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,5 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KỲ I

TT	Kĩ	Nội dung	Mức độ nhận thức	Tổng

	năng		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		% điểm
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ Đường luật	3	0	5	0	0	2	0	0	60
2	Viết	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100%
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HỌC KỲ I

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ Đường luật	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm,	3TN	5TN	2TL	

			luật, vần, nhịp, đối. - Nhận biết được đặc điểm của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh. **Thông hiểu**: - Hiểu được cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản. - Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh. **Vận dụng:** - Biết trân quý, trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống.				
2	**Viết**	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài nghị luận văn học. - Xác định được bố cục bài văn, văn bản cần nghị luận. **Thông hiểu:** - Trình bày rõ ràng các khía cạnh của văn bản.				1TL*

			- Nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân về những trải nghiệm văn học để viết được bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề. - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao**: - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý của bản thân với vấn đề cần bàn luận. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng				

			điệu riêng.				
Tổng số câu				**3TN**	**5TN**	**2TL**	**1TL**
Tỉ lệ (%)				**20%**	**40%**	**30%**	**10%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN

……..

ĐỀ SỐ 28

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 20…. – 20….

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Thu vịnh

Nguyễn Khuyến

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông như tầng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.
Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào?
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn bát cú đường luật

B. Thất ngôn tứ tuyệt đường luật

C. Thất ngôn xen lục ngôn

D. Song thất lục bát

Câu 2. Những phương thức biểu đạt nào được sử dụng trong bài thơ?

A. Miêu tả, tự sự

B. Biểu cảm, tự sự

C. Biểu cảm, miêu tả

D. Tự sự, nghị luận

Câu 3. Đặc điểm gieo vần của bài thơ Thu vịnh là:

A. Gieo vần chân

B. Vần bằng

C. Vần "ao" được gieo ở tiếng thứ 7 của các câu 1, 2, 4, 6, 8

D. Cả ba đáp án trên

Câu 4. Điểm nhìn để đón nhận cảnh thu của Nguyễn Khuyến trong bài thơ Thu vịnh là:

A. Điểm nhìn từ trên cao

B. Điểm nhìn từ dưới thấp

C. Điểm nhìn từ gần đến cao xa, từ cao xa trở về gần

D. Điểm nhìn từ cao xa, về gần thấp rồi lại đến cao xa

Câu 5. Hình ảnh nào xuất hiện trong cả hai bài thơ Thu vịnh và Thu điếu?

A. Trời thu

B. Ao thu

C. Trăng thu

D. Lá thu

Câu 6. Dòng nào nêu lên bức tranh thu được miêu tả trong bài thơ?

A. Bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, tráng lệ

B. Bức tranh thiên nhiên ảm đạm, hiu hắt

C. Bức tranh thiên nhiên đẹp, thanh sơ, yên bình nhưng tĩnh lặng, gợi buồn

D. Bức tranh thiên nhiên mới mẻ, kì thú, đậm chất phương xa, xứ lạ

Câu 7. Tâm trạng của chủ thể trữ tình trong bài thơ như thế nào?

A. Cảnh nhớ nhung, sầu muộn

B. Cô đơn, u hoài

C. Chán chường, ngán ngẩm

D. U buồn, tủi hổ

Câu 8. Dòng nào sau đây không biểu đạt nội dung của bài thơ?

A. Vẻ đẹp thanh sơ, tĩnh lặng của cảnh vật mùa thu.

B. Nỗi niềm u uẩn của nhà thơ.

C. Vẻ đẹp tâm hồn thanh cao, bình dị, gắn bó với quê hương, đất nước của Nguyễn Khuyến.

D. Những chiêm nghiệm của tác giả trong một lần làm thơ về mùa thu.

Câu 9 (1,0 điểm) Xác định biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ sau, nêu tác dụng:

Nước biếc trông như tầng khói phủ

Song thưa để mặc bóng trăng vào.

Câu 10 (1,0 điểm) Qua các hình ảnh về mùa thu trong bài thơ, tác giả thể hiện tình cảm gì với thiên nhiên.

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Em hãy bài văn phân tích bài thơ Thu vịnh của Nguyễn Khuyến ở phần đọc hiểu.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	A. Thất ngôn bát cú đường luật	0,5 điểm
Câu 2	C. Biểu cảm, miêu tả	0,5 điểm
Câu 3	D. Cả ba đáp án trên	0,5 điểm
Câu 4	D. Điểm nhìn từ cao xa, về gần thấp rồi lại đến cao xa	0,5 điểm
Câu 5	A. Trời thu	0,5 điểm
Câu 6	C. Bức tranh thiên nhiên đẹp, thanh sơ, yên bình nhưng tĩnh lặng, gợi buồn	0,5 điểm

Câu 7	D. U buồn, tủi hổ	0,5 điểm
Câu 8	D. Những chiêm nghiệm của tác giả trong một lần làm thơ về mùa thu.	0,5 điểm
Câu 9	- Biện pháp nghệ thuật: + So sánh: nước biếc như tầng khói phủ + Đối: nước biếc >< song thưa; tầng khói phủ >< bóng trăng vào. - Tác dụng: + Các biện pháp nghệ thuật sử dụng trong hai câu thơ trên góp phần tạo ấn tượng về bức tranh thiên nhiên đẹp huyền ảo, thơ mộng. + Đồng thời tăng tính gợi hình, tạo sự cân đối, nhịp nhàng cho bài thơ	1,0 điểm
Câu 10	Tình cảm của tác giả với thiên nhiên: - Yêu thiên nhiên đắm say, mãnh liệt. Yêu thiên nhiên, ông cảm nhận thiên nhiên, ông cảm nhận thiên nhiên mùa thu bằng những vần thơ đẹp, giàu hình ảnh, cảm xúc của một tâm hồn nhạy cảm. - Yêu thiên nhiên chính là yêu quê hương, đất nước – đây là vẻ đẹp trong thơ Nguyễn Khuyến. Tình yêu yêu quê hương đất nước không ồn ào phô trương mà lặng kẽ, sâu sắc, mãnh liệt.	1,0 điểm

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học Mở bài giới thiệu được tác giả và bài thơ. Thân bài phân tích	0,25

	được đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Kết bài khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.	điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Phân tích bài thơ Thu vịnh của Nguyễn Khuyến.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung về bài thơ. **2. Thân bài** - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ. - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ,…);…). **3. Kết bài** Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.	3,0 điểm
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KỲ I

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ Đường luật	3	0	5	0	0	2	0	0	60
2	Viết	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100%
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HỌC KỲ I

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao

1	**Đọc hiểu**	Thơ Đường luật	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối. - Nhận biết được đặc điểm của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh. **Thông hiểu**: - Hiểu được cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản. - Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh. **Vận dụng:** - Biết trân quý, trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống.	3TN	5TN	2TL	
2	**Viết**	Viết bài văn phân tích	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài nghị luận văn học. - Xác định được bố				1TL*

		một tác phẩm văn học	cục bài văn, văn bản cần nghị luận. **Thông hiểu:** - Trình bày rõ ràng các khía cạnh của văn bản. - Nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân về những trải nghiệm văn học để viết được bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề. - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao**: - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết				

			hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý của bản thân với vấn đề cần bàn luận. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				
Tổng số câu				**3TN**	**5TN**	**2TL**	**1TL**
Tỉ lệ (%)				**20%**	**40%**	**30%**	**10%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN

……..

ĐỀ SỐ 26

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 20…. – 20….

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

THU ẨM

Nguyễn Khuyến

Năm gian nhà cỏ thấp le te
Ngõ tối đêm sâu đóm lập lòe
Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt
Làn ao lóng lánh bóng trăng loe
Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?

Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe

Rượu tiếng rằng hay, hay chả mấy

Độ năm ba chén đã say nhè.

Câu 1. Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?

A. Thất ngôn bát cú đường luật

B. Thất ngôn tứ tuyệt đường luật

C. Thất ngôn trường thiên

D. Thất ngôn xen lục ngôn

Câu 2. Bài thơ Uống rượu mùa thu mang những đặc điểm của thơ Thất ngôn bát cú Đường luật trên các phương diện nào?

A. Bài thơ có 8 câu, mỗi câu 7 tiếng

B. Gieo vần bằng ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8

C. Các tiếng 2 – 4 – 6 của câu 1 và 8, câu 2 và 3, câu 4 và 5, câu 6 và 7 cùng phối thanh B – T – B; hoặc T – B – T.

D. Cả A, B, C

Câu 3. Tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong 2 câu thực và 2 câu luận là:

A. Phép đảo ngữ có tác dụng tô đậm vẻ đẹp của cảnh mùa thu;

B. Phép đối có tác dụng tô đậm vẻ đẹp của cảnh thu, nỗi lòng của thi nhân và khiến lời thơ thêm cân xứng, hài hòa.

C. Sử dụng câu hỏi tu từ với đại từ "ai" nhấn mạnh màu xanh của bầu trời

D. Biện pháp nghệ thuật nói quá "da trời ai nhuộm", "xanh ngắt" nhấn mạnh màu xanh của bầu trời.

Câu 4. Những hình ảnh nào đồng thời xuất hiện xả trong bài thơ Thu ẩm và Thu điếu?

A. Ngõ, ao, khói;

B. Nhà, ao, trăng;

C. Ao, trời, ngõ;

D. Thuyền, khói, mây.

Câu 5. Tâm trạng của nhà thơ được thể hiện rõ nhất qua hình ảnh nào?

A. Hình ảnh "đôi mắt";

B. Hình ảnh "đêm sâu";

C. Hình ảnh "khói nhạt";

D. Hình ảnh "rượu".

Câu 6. Qua sự miêu tả của Nguyễn Khuyến, hình ảnh làng quê trong Thu ẩm hiện lên như thế nào?

A. Kì vĩ, tráng lệ;

B. Thanh bình, yên ả;

C. Nghèo đói, xác xơ;

D. Tiêu điều, hiu hắt.

Câu 7. Hình ảnh đôi mắt của Nguyễn Khuyến biểu đạt điều gì?

A. Sự thờ ơ không chú tâm vào việc uống rượu;

B. Nỗi buồn ngưng đọng thành nước mắt;

C. Sự mệt mỏi, đau yếu của tuổi già;

D. Sự tác động của men rượu.

Câu 8. Bút pháp nào được Nguyễn Khuyến sử dụng trong bài thơ trên?

A. Bút pháp ước lệ tượng trưng

B. Bút pháp cổ điển

C. Bút pháp tả cảnh ngụ tình

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 9 (1,0 điểm) Hãy xác định biện pháp tu từ trong hai dòng thơ và nêu hiệu quả biểu đạt của chúng?

Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt,

Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.

Câu 10 (1,0 điểm) Bài thơ bồi đắp tình cảm gì với quê hương của mình? Hãy trình bày trong khoảng 5-7 dòng.

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn phân tích bài thơ Thu ẩm của Nguyễn Khuyến được nêu ra ở phần đọc hiểu.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	A. Thất ngôn bát cú đường luật	0,5 điểm
Câu 2	D. Cả A, B, C	0,5 điểm
Câu 3	B. Phép đối có tác dụng tô đậm vẻ đẹp của cảnh thu, nỗi lòng của thi nhân và khiến lời thơ thêm cân xứng, hài hòa.	0,5 điểm
Câu 4	C. Ao, trời, ngõ;	0,5 điểm
Câu 5	A. Hình ảnh "đôi mắt";	0,5 điểm
Câu 6	B. Thanh bình, yên ả;	0,5 điểm
Câu 7	B. Nỗi buồn ngưng đọng thành nước mắt;	0,5 điểm
Câu 8	C. Bút pháp tả cảnh ngụ tình	0,5 điểm
Câu 9	- Biện pháp tu từ: so sánh "Làn ao lóng lánh bóng trăng loe" - Tác dụng: thể hiện quan sát và cảm nhận của thi sĩ rất tinh tế: sương thu như màu khói nhạt phủ quanh lưng giậu. Bóng trăng soi trên mặt ao lăn tăn gợn sóng, lúc tụ lại, lúc tản ra, tạo cảm giác là bóng trăng loe.	1,0 điểm
Câu 10	Bài thơ gợi cho người đọc nhớ đến hình ảnh quê hương, gắn với những gì bình dị nhất. Đó là những hình ảnh hết sức thân thuộc mà gần gũi. Từng câu thơ như khơi dậy cảm xúc nhớ quê hương trong tâm trí của những người con xa quê. Quê hương là nơi con người gắn bó, là điểm tựa tinh thần, là nơi nâng đỡ những bước chân đầu tiên của con người trong cuộc hành trình vạn dặm.	1,0 điểm

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm

	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học Mở bài giới thiệu được tác giả và bài thơ. Thân bài phân tích được đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Kết bài khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Phân tích bài thơ Thu ẩm của Nguyễn Khuyến.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung về bài thơ. **2. Thân bài** - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ. - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ,…);…). **3. Kết bài** Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.	3,0 điểm
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm

	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I
(BỘ SÁCH NGỮ VĂN 8 KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ Đường luật	2	1	2	1	0	2	0	0	50
2	Viết	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học	0	1*	0	1*	0	1*	0	2*	50
Tổng			20	10	20	10	0	20	0	20	100%
Tỉ lệ %			30%		30%		20%		20%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

TT	Chương / chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Đọc hiểu**	Thơ Đường luật	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối. - Nhận biết được đặc điểm của biện pháp tu từ đảo ngữ từ tượng hình, từ tượng thanh. **Thông hiểu**: - Hiểu được cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.	2TN 1TL	2TN 1TL	2TL	

			- Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ từ tượng hình, từ tượng thanh. **Vận dụng:** - Biết trân quý, trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống.				
2	**Viết**	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài nghị luận văn học. - Xác định được bố cục bài văn, văn bản cần nghị luận. **Thông hiểu:** - Trình bày rõ ràng các khía cạnh của văn bản. - Nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ				1TL*

			năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân về những trải nghiệm văn học để viết được bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề. - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao**: - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý của bản thân với vấn đề cần bàn luận. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				
Tổng số câu				**2TN** **1TL**	**2TN** **1TL**	**2TL**	**1TL**
Tỉ lệ (%)				**30%**	**30%**	**20%**	**20%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN

……..

ĐỀ SỐ 23

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 20…. – 20….

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (5 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

THƯƠNG VỢ

Quanh năm buôn bán ở mom sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.
Một duyên, hai nợ, âu đành phận,
Năm nắng, mười mưa, dám quản công.
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc:
Có chồng hờ hững cũng như không!

Câu 1. Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?

A. Thất ngôn bát cú đường luật

B. Thất ngôn tứ tuyệt đường luật

C. Thất ngôn xen lục ngôn

D. Song thất lục bát

Câu 2. Dòng nào sau đây được xem là chủ đề của bài thơ *Thương vợ*?

A. *Thương vợ* là bài thơ thành công trong cách vận dụng và sáng tạo ca dao và thành ngữ. Đây là bài thơ trữ tình hay nhất của thơ văn trung đại viết về người vợ.

B. *Thương vợ* là bài thơ tỏ niềm cảm thông sâu sắc với thân phận người phụ nữ Việt Nam thời phong kiến không có niềm hạnh phúc gia đình "một duyên hai nợ".

C. *Thương vợ* là bức chân dung chân thực về người vợ đảm đang, chịu thương, chịu khó, là hình tượng tiêu biểu cho người phụ nữ truyền thống Việt Nam: tháo vát, cần cù, lam lũ và giàu đức hy sinh. Đồng thời thể hiện tình cảm thương quý, biết ơn của nhà thơ đối với vợ.

D. *Thương vợ* bộc lộ nỗi đau thầm kín của nhà thơ vì vỡ mộng công danh, đành để vợ con vất vả, nghèo khổ.

Câu 3. Tú Xương gửi gắm tâm sự gì qua hai câu thơ "Một duyên hai nợ âu đành phận/ Năm nắng mười mưa dám quản công"?

A. Tình yêu chung thủy của ông đối với người vợ của mình.

B. Sự biết ơn của ông Tú đối với công lao của bà Tú.

C. Sự trân trọng của ông đối với tình yêu chung thủy của bà Tú.

D. Sự trân trọng của ông đối với tấm lòng và đức độ của bà Tú.

Câu 4. Nghĩa của từ "hờ hững" trong câu "Có chồng hờ hững cũng như không" là:

A. Chỉ có cái vẻ bên ngoài hoặc trên danh nghĩa, chứ sự thật không phải.

B. (Làm việc gì) tỏ ra chỉ là làm lấy có, không có sự chú ý.

C. (Làm việc gì) chỉ vừa đến mức được cái vẻ như đã làm.

D. Tỏ ra lạnh nhạt trong quan hệ tình cảm, không chút để ý đến.

Câu 5 (1,0 điểm) Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ:

Lặn lội thân cò khi quãng vắng

Eo sèo mặt nước buổi đò đông.

Câu 6 (0,5 điểm) Từ ngữ nào trong câu thơ "Lặn lội thân cò khi quãng vắng" có giá trị miêu tả ngoại hình bà Tú? Ý nghĩa của hình ảnh đó?

Câu 7 (0,5 điểm) Câu "Nuôi đủ năm con với một chồng" diễn tả nỗi vất vả của bà Tú như thế nào?

Câu 8 (1,0 điểm) Từ hình tượng bà Tú trong văn bản *Thương vợ* em có suy nghĩ gì về hình ảnh người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Hãy viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học là bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật mà em đã đọc hoặc đã học.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	A. Thất ngôn bát cú đường luật	0,5 điểm
Câu 2	C. *Thương vợ* là bức chân dung chân thực về người vợ đảm đang, chịu thương, chịu khó, là hình tượng tiêu biểu cho người phụ nữ truyền thống Việt Nam: tháo vát, cần cù, lam lũ và giàu đức hy sinh. Đồng thời thể hiện tình cảm thương quý, biết ơn của nhà thơ đối với vợ.	0,5 điểm
Câu 3	D. Sự trân trọng của ông đối với tấm lòng và đức độ của bà Tú.	0,5 điểm
Câu 4	D. Tỏ ra lạnh nhạt trong quan hệ tình cảm, không chút để ý đến.	0,5 điểm
Câu 5	Nghệ thuật của 2 câu thơ *Lặn lội thân cò khi quãng vắng,* *Eo sèo mặt nước buổi đò đông.* - Sử dụng lối nói dân gian một cách sáng tạo. - Sử dụng từ láy giàu giá trị gợi hình biểu cảm. - Sử dụng biện pháp đảo ngữ và nghệ thuật đối. → Tác dụng: Thể hiện sự hoá thân của đối tượng trữ tình thành "thân cò", làm nổi bật cái vất vả đảm đang của bà Tú và ẩn sau câu chữ vẫn là tấm lòng nhà thơ với cái nhìn ái ngại, cảm thông.	1,0 điểm

Câu 6	- Từ ngữ có giá trị miêu tả ngoại hình bà Tú: thân cò (lam lũ, vất vả, chịu thương, có phần xót xa, tội nghiệp xuất hiện trong cái rợn ngợp của cả không gian và thời gian). - Trong ca dao hình ảnh con cò thường dùng để chỉ người phụ nữ trong xã hội cũ. Ở đây Tú Xương đã sử dụng hình ảnh ẩn dụ để chỉ sự lam lũ cực nhọc của bà Tú.	0,5 điểm
Câu 7	Nuôi năm đứa con đã vô cùng vất vả, lại thêm người chồng với đầy đủ nhu cầu ăn, mặc, và cả những thú phong lưu kẻ sĩ của ông, ngần ấy làm oằn đôi vai của bà Tú.	0,5 điểm
Câu 8	Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam qua hình ảnh bà Tú: - Người phụ nữ Việt Nam luôn cần cù, chăm chỉ lao động trong cuộc sống dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, có khó khăn đến đâu. - Dù cuộc sống, công việc của họ có gặp phải nhiều khó khăn nhưng ở họ vẫn luôn giữ được tinh thần lạc quan, sự cần mẫn, chăm chỉ vốn có của mình. - Họ là những người không được lựa chọn cuộc đời, số phận cho mình, họ chỉ được cách chấp nhận số phận của mình được người khác sắp đặt và cố gắng hòa nhập với cuộc sống ấy. - Người phụ nữ Việt Nam dù có gặp phải người chồng hờ hững hay tệ bạc cũng vẫn luôn giữ cho mình nhân phẩm cao đẹp vốn có để chấp nhận và cùng chung sống.	1,0 điểm

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm

	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học Mở bài giới thiệu được tác giả và bài thơ. Thân bài phân tích được đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Kết bài khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Phân tích một tác phẩm thơ thất ngôn bát cú hoặc thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung về bài thơ. **2. Thân bài** - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ. - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ,…);…). **3. Kết bài** Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.	3,5 điểm
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,5 điểm

	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I
(BỘ SÁCH NGỮ VĂN 8 KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	**Đọc hiểu**	Thơ Đường luật	**2**	**1**	**2**	**1**	**0**	**2**	**0**	**0**	**50**
2	**Viết**	Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)	**0**	**1***	**0**	**1***	**0**	**1***	**0**	**2***	**50**
Tổng			**20**	**10**	**20**	**10**	**0**	**20**	**0**	**20**	**100%**
Tỉ lệ %			**30%**		**30%**		**20%**		**20%**		
Tỉ lệ chung			**60%**				**40%**				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

TT	Chương / chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Đọc hiểu**	Thơ Đường luật	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối. - Nhận biết được đặc điểm của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh. **Thông hiểu**: - Hiểu được cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản. - Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh.	2TN 1TL	2TN 1TL	2TL	

			Vận dụng: - Biết trân quý, trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống.				
2	**Viết**	Viết bài văn kể lại một chuyến đi	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa). - Xác định được bố cục bài văn. **Thông hiểu:** - Giới thiệu được lí do mục đích của chuyến tham quan. - Kể diễn biến chuyến tham quan. - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích. **Vận dụng:** - Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân để viết				1TL*

			được bài văn kể lại một chuyến đi hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề (sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài viết). - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao:** - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để kể lại cụ thể chuyến đi. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				
Tổng số câu				**2TN** **1TL**	**2TN** **1TL**	**2TL**	**1TL**
Tỉ lệ (%)				**30%**	**30%**	**20%**	**20%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN

……..

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 20…. – 20….

ĐỀ SỐ 24

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

HỒI HƯƠNG NGẪU THƯ

Thiếu tiểu ly gia, lão đại hồi,
Hương âm vô cải, mấn mao tồi.
Nhi đồng tương kiến, bất tương thức,
Tiếu vấn, khách tòng hà xứ lai?

Câu 1. Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?

A. Thất ngôn bát cú đường luật

B. Thất ngôn tứ tuyệt đường luật

C. Thất ngôn xen lục ngôn

D. Song thất lục bát

Câu 2. Dòng nào nêu lên tâm trạng của tác giả trong bài thơ?

A. Vui mừng, háo hức khi trở về quê

B. Buồn thương trước cảnh quê hương có nhiều thay đổi

C. Ngậm ngùi, hụt hẫng khi trở thành khách lạ giữa quê hương

D. Đau đớn, luyến tiếc khi phải rời xa chốn kinh thành

Câu 3. Biện pháp nghệ thuật nào không sử dụng trong bài thơ Hồi hương ngẫu thư?

A. Biểu cảm qua tự sự và miêu tả

B. Phép tương phản

C. Phép đối

D. Ẩn dụ

Câu 4. Nhận định nào sau đây không đúng với bài thơ?

A. Hai câu đầu có giọng điệu nhẹ nhàng, bình thản, khách quan song pha lẫn nỗi buồn ngậm ngùi

B. Thể hiện tình yêu quê hương thắm thiết của một người lữ khách nhớ về cố hương.

C. Hai câu sau là giọng điệu hóm hỉnh, bi hài chứa đựng một nỗi buồn ngậm ngùi, cô đơn của tác giả khi về đến quê nhà.

D. Bài thơ sử dụng phép tiểu đối thành công, góp phần thể hiện sâu sắc những tâm tư, tình cảm của tác giả.

Câu 5 (1,0 điểm) Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ đầu.

Câu 6 (0,5 điểm) Nhà thơ đã thể hiện tâm trạng gì qua câu thơ "Tiếu vấn khách tòng hà xứ lai"?

Câu 7 (1,0 điểm) Sự biểu hiện tình quê hương ở hai câu trên và hai câu dưới có gì khác nhau về giọng điệu?

Câu 8 (0,5 điểm) Em hãy kể tên một số bài thơ đường luật viết về quê hương mà mình biết.

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Em hãy viết một bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa) mà mình nhớ nhất.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	B. Thất ngôn tứ tuyệt đường luật	0,5 điểm
Câu 2	C. Ngậm ngùi, hụt hẫng khi trở thành khách lạ giữa quê hương	0,5 điểm
Câu 3	D. Ẩn dụ	0,5 điểm
Câu 4	B. Thể hiện tình yêu quê hương thắm thiết của một người lữ khách nhớ về cố hương.	0,5 điểm
Câu 5	- Phép đối: thiếu tiểu – lão đại' li gia – đại hồi; hương âm vô cải – mấn mao tồi.	1,0 điểm

	- Tác dụng: Nhấn mạnh tình yêu quê hương nên tác giả trở về quê hương.	
Câu 6	Câu thơ "Tiếu vấn khách tòng hà xứ lai" thể hiện niềm chua xót, u buồn của tác giả khi trở về quê: Đây chính là quê hương ông nhưng ông bị coi là khách lạ. Khách lạ ngay chính quê hương mình. Đây là qui luật tự nhiên, giờ bạn ông chắc đã còn. Song, tự đáy lòng ông rất tủi buồn vì tình yêu quê hương dồn nén hơn 50 năm giờ được đáp đền là thế. Nên nhi đồng hớn hở bao nhiêu thì nhà thơ sầu muộn bấy nhiêu.	0,5 điểm
Câu 7	- Hai câu đầu giọng điệu chân thực, sâu sắc, hai câu cuối hình ảnh âm thanh tươi vui. - Ý nghĩa: Câu thơ sử dụng những hình ảnh, âm thanh vui tươi để thể hiện nỗi ngậm ngùi, buồn tủi, xót xa của tác giả.	1,0 điểm
Câu 8	HS nêu tên tác giả, tá phẩm: Qua Đèo Ngang – Bà Huyện Thanh Quan, Chiều hôm nhớ nhà – Bà Huyện Thanh Quan, …	0,5 điểm

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn kể lại một chuyến đi Mở bài giới thiệu được chuyến đi. Thân bài triển khai được chi tiết chuyến đi. Kết bài nêu được cảm nghĩ của bản thân về chuyến đi.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa).	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau:	3,5 điểm

	1. Mở bài - Giới thiệu được chuyến đi: Lí do, mục đích của chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa. **2. Thân bài** - Kể diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi, …) - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc,…). **3. Kết bài** Thể hiện được cảm xúc và suy nghĩ về chuyến đi.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,5 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	

1	**Đọc hiểu**	Thơ Đường luật	**3**	**0**	**5**	**0**	**0**	**2**	**0**		**60**
2	**Viết**	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			***15***	***5***	***25***	***15***	***0***	***30***	***0***	***10***	**100**
Tỉ lệ %			**20%**		**40%**		**30**		**10%**		
Tỉ lệ chung			**60%**				**40%**				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận dụng**	**Vận dụng cao**
1	**Đọc hiểu**	Thơ Đường luật	**Nhận biết:** - Nhận biết được thể thơ - Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú Đường luật như: số tiếng, số câu, cách gieo vần, tạo nhịp, bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối. - Nhận biết được các biện pháp tu từ. **Thông hiểu**: - Hiểu được giá trị nội dung của văn bản - Hiểu được giá trị nghệ thuật của văn bản - Phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản. - Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh. - Hiểu được một số đặc	3 TN	5 TN	2TL	

			trưng của thơ Đường luật được thể hiện trong văn bản **Vận dụng:** - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản. - Biết trân quý giá trị văn hoá, văn học truyền thống				
2	**Viết**	Phân tích một tác phẩm văn học	**Nhận biết:** - Xác định kiểu bài: phân tích (một bài thơ thất ngôn bát cú) - Xác định được cấu trúc, bố cục của bài văn phân tích - Xác định được những nội dung cơ bản, một số nét đặc sắc về nghệ thuật - Nêu cảm nghĩ khái quát về câu chuyện. **Thông hiểu:** Viết bài văn phân tích tác phẩm văn học đảm bảo các yếu tố cơ bản: giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ, phân tích được được những nội dung cơ bản, một số nét đặc sắc về nghệ thuật; khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ **Vận dụng:** Viết được bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú **Vận dụng cao:** Có sự sáng tạo trong dùng từ, diễn đạt, cảm nhận. Qua bài thơ, rút ra được ý nghĩa của bài thơ				1TL*
Tổng				**3 TN**	**5TN**	**2 TL**	**1 TL**
Tỉ lệ %				***20***	***40***	***30***	***10***
Tỉ lệ chung				**60**		**40**	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
Năm học: 2023-2024
Môn: NGỮ VĂN - LỚP 8

Thời gian làm bài: 90 phút
(Đề này gồm 02 trang)

Phần I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện yêu cầu:

CHẠY TÂY

Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây
Một bàn cờ thế phút sa tay
Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy
Mất ổ bầy chim dáo dác bay
Bến Nghé của tiền tan bọt nước
Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây
Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng?
Nỡ để dân đen mắc nạn này!

Câu 1 : Bài thơ Chạy giặc được viết theo thể thơ nào?
A. Thất ngôn tứ tuyệt
B. Thất ngôn trường thiên
C. Thất ngôn
D. Thất ngôn bát cú

Câu 2 :
"Tan chợ vưa nghe tiếng súng Tây,"
"Súng Tây" là chỉ tiếng súng của ai?
A. Thực dân Pháp
B. Đế quốc Mĩ
C. Thực dân Anh
D. Tất cả đều sai

Câu 3 : Thời điểm khi diễn ra cuộc tàn sát của thực dân Pháp?
A. Tan học
B. Tan chợ
C. Tan ca
D. Tất cả các đáp án trên đều sai

Câu 4 : Trong bài thơ Chạy giăc, hình ảnh nào lần đầu tiên xuất hiện trong văn học Việt Nam?
A. Bầy chim
B. Dân đen
C. Tan chợ
D. Súng Tây

Câu 5 : Hai câu thơ nào sau đây trong hài Chạy giặc của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện rõ nét nhất sự hoảng hốt, ngơ ngác, mất phương hướng của nhân dân khi giặc Pháp xâm lược?
A. Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây, / Một bàn cờ thế phút sa tay"
B. "Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy, / Mất ổ đàn chim dáo dác bay"
C. "Bến Nghé của tiền tan bọt nước / Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây"
D. "Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng / Nỡ để dân đen mắc nạn này?"

Câu 6 : Nội dung chính của các câu thơ dưới đây là gì?

Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,
Một bàn cờ thế phút sa tay.
Bỏ nhà lũ trẻ lơ thơ chạy,
Mất ổ bầy chim dáo dác bay.
Bến Nghé của tiền tan bọt nước,
Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây

A. Cảnh đất nước và nhân dân khi thực dân Pháp đến xâm lược
B. Tâm trạng, thái độ của tác giả trước cảnh nước mất, nhà tan
C. Cả hai đáp án trên đều đúng
D. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 7 : Đáp án **không phải** nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ Chạy giặc?
A. Các biện pháp tu từ: từ láy, phép đối
B. Vận dụng sáng tạo hình ảnh, thành ngữ dân gian
C. Hình ảnh thơ gợi hình gợi cảm
D. Ngôn ngữ thơ tinh tế, giàu cảm xúc

Câu 8 :
"Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,
Mất ổ đàn chim dáo dác bay"
Hai câu thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?
A. Ẩn dụ
B. Hoán dụ
C. Nhân hóa
D. Đảo ngữ

Câu 9: Bài thơ gửi đến chúng ta thông điệp gì?
Câu 10: Em hãy kể một việc làm thể hiện tinh thần yêu nước
II. VIẾT (4,0 điểm) Viết bài văn phân tích bài thơ "Chạy Tây" của Nguyễn Đình Chiểu

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
Năm học: 2023-2024
Môn: NGỮ VĂN - LỚP 8

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0

	1	**C**	0,5
	2	**A**	0,5
	3	**A**	0,5
	4	**C**	0,5
	5	**A**	0,5
	6	**A**	0,5
	7	**C**	0,5
	8	**D**	0,5
	9	1. Lời kêu gọi tha thiết lòng yêu nước trong mỗi người để hành động chống kẻ thù xâm lược. 2. Cảnh trù phú, tươi đẹp, bình yên trước kia đã bị hủy diệt đến kiệt cùng, tan hoang. 3. Giặc đến tàn phá cuộc sống yên bình của nhân dân. Đất nước rơi vào cảnh khốn cùng. 4. Cảnh chạy giặc trong nỗi kinh hoàng của nhân dân.	0,25 0,25 0,25 0,25
	10	- HS kể một vài việc làm thể hiện tinh thần yêu nước	1,0
II		**VIẾT**	**4,0**
		a.Đảm bảo cấu trúc bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ Đường luật) - Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. Phân tích được nội dung cơ bản và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ - Trình bày sạch đẹp, chữ viết rõ ràng.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Phân tích một tác phẩm văn học	0,25
		HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: **1. Mở bài** – Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác: Năm 1859, thực dân Pháp đánh chiếm Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu viết bài **Chạy giặc**. – Dẫn đề (ghi lại bài thơ). – Chuyển mạch: phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của bài thơ. **2. Thân bài** *** Hai câu đề** – Từ chính xác, gợi tả, hình ảnh thực, sinh động: tan chợ, vừa, tiếng súng Tây, cờ thế, phút sa tay. – Tiếng súng của giặc Pháp đột ngột nổ vang, phá tan cuộc sống yên lành của nhân dân ta và đẩy nước nhà đến chỗ	0,25

		nguy nan, thất bại hoàn toàn. – Cảm xúc mở đầu bài thơ: bàng hoàng, tuyệt vọng. *** Hai câu thực** – Biện pháp ẩn dụ, đảo ngữ, những trạng từ gợi hình ảnh loạn li, tan tác của nhân dân ta: lơ xơ, dáo dác. – Cách ngắt nhịp chẵn – lẻ của thơ Đường luật thể hiện lời than thở xót xa: Bỏ nhà / lũ trẻ / lơ xơ chạy, Mất ổ / đàn chim / dáo dác bay. – Nỗi khổ của nhân dân ta trong cảnh chạy giặc. ***Hai câu luận** – Biện pháp đảo ngữ được tiếp tục sử dụng, hình ảnh gợi tả: quê hương thân yêu Bến Nghé, Đồng Nai, bị giặc thiêu huỷ, cướp bóc, của tiền tan bọt nước, tranh ngói nhuốm màu mây. – Sự tố cáo tội ác của giặc vừa cụ thể vừa khái quát bằng giọng thơ u uất, căm hờn. – Tội ác dã man của giặc xâm lược. ***Hai câu kết** – Ngôn ngữ châm biếm sắc cạnh (rày đâu vắng, nỡ để dân đen), than oán triều đình nhà Nguyễn sợ giặc, bỏ mặc dân tình khổ ải. – Nỗi cảm khái trước cảnh điêu linh của nhân dân. **3. Kết luận** – Giá trị hiện thực: tái hiện cảnh chạy giặc của người dân trong những ngày thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Nam Bộ. – Giá trị tư tưởng, tình cảm: biểu lộ lòng yêu nước, thương dân tha thiết, lòng căm thù giặc xâm lược bạo tàn.	2,5 0,25
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, chặt chẽ, có cảm xúc, sáng tạo.	0,25

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
NĂM HỌC 2023-2024

MÔN NGỮ VĂN – LỚP 8

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

TT	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ (Ngoài SGK)	4	0	4	1	0	1	0	0	60
2	Viết	Viết được một văn bản nghị luận về tác phẩm truyện/ thơ (Ngoài SGK)	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			*20*	*5*	*20*	*15*	*0*	*30*	*0*	*10*	100
Tỉ lệ %			25%		35 %		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I

Thời gian làm bài: 90 phút

TT	Chương / Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng

		kiến thức					cao
1	Đọc hiểu	Thơ (Văn bản ngoài SGK)	Nhận biết: - Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ. - Nhận biết được phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt. - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ. Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Hiểu được nội dung chính của văn bản. - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Hiểu được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ… Vận dụng: - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. -Thông điệp từ văn bản....	4 TN	4TN 1TL	1TL	0

2	Viết	Viết bài văn nghị luận về tác phẩm thơ hoặc truyện được rút ra từ văn bản (Ngoài SGK)	Viết văn bản nghị luận phân tích,đánh giá một tác phẩm thơ/truyện *Nhận biết: – Xác định được cấu trúc bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ/truyện – Xác định được kiểu bài phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ/truyện; vấn đề nghị luận (chủ đề, những đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) – Giới thiệu tác giả, tác phẩm. *Thông hiểu: – Những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ/truyện. – Lí giải được một số đặc điểm của thể loại qua tác phẩm. - Phân tích cụ thể, rõ ràng về tác phẩm thơ/truyện (chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) với những cứ liệu sinh động. *Vận dụng: – Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép	1*	1*	1*	1TL*

			liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm thơ/truyện. – Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm thơ/truyện; vị trí, đóng góp của tác giả. *Vận dụng cao: – So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. – Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.				
Tổng				4 TN 1TL	4TN 1TL	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				*25*	*35*	*30*	*10*
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ BÀI

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ

Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,
Tiếng ốc xa đưa lẩn trống đồn.
Gác mái, ngư ông về viễn phố,
Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,
Dặm liễu sương sa khách bước dồn.
Kẻ chốn trang đài, người lữ thứ,
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?

(Bà Huyện Thanh Quan)

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 8:

Câu 1: Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A.Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

B. Thất ngôn bát cú Đường luật

C. Ngũ ngôn

D. Lục bát

Câu 2: Bài thơ được gieo vần gì?

A.Vần lưng

B. Vần chân

C. Vần liền

D. Vần cách

Câu 3:Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ là gì?

A.Vui mừng, phấn khởi

B. Xót xa, sầu tủi

C. Buồn, ngậm ngùi

D. Cả ba phương án trên

Câu 4: Bài thơ sử dụng phương thức biểu đạt nào?

A.Nghị luận kết hợp biểu cảm

B. Biểu cảm kết hợp tự sự

C. Miêu tả kết hợp tự sự

D. Biểu cảm kết hợp miêu tả

Câu 5: Nội dung của bài thơ là gì?

A. Tâm trạng buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái của người lữ khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết.

B. Tâm trạng hân hoan, vui sướng khi nhớ về quê nhà

C. Nhớ tiếc một thời vàng son của Thăng Long cũng là trở về cội nguồn của dân tộc, tự hào về sức sống và nền văn hiến Đại Việt

D. Hoài niệm về những tàn dư thủa trước

Câu 6: Nhận định nào sau đây đúng nhất về thơ của Bà Huyện Thanh Quan?

A.Trang nhã, đậm chất bác học và thấm đẫm niềm hoài cổ.

B.Trẻ trung, mạnh mẽ đầy hơi thở dân gian.

C. Ngôn ngữ bình dị, gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày.

D.Trang nhã, đậm chất bác học.

Câu 7: Em có nhận xét gì về nghệ thuật đặc sắc của bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà*?

A. Kết cấu bài thơ phù hợp với tâm trạng chủ thể trữ tình

B. Thủ pháp nghệ thuật phóng đại được sử dụng hiệu quả

C. Lời thơ trang nhã, sử dựng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ

D. Ngôn ngữ thơ Nôm bình dị, hình ảnh gợi cảm, giàu màu sắc, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc

Câu 8: Căn cứ vào nội dung bài thơ cho thấy rõ nhất điều gì ở nhân vật trữ tình?

A. Lòng tự trọng

B. Yêu nhà, yêu quê hương

C. Sự hoài cổ

D. Cả ba ý trên

Câu 9: Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong các câu thơ sau:

Gác mái, ngư ông về viễn phố,
Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.

Câu10: Từ nội dung của bài thơ, em hãy nêu rõ vai trò của quê hương đối với mỗi người. (Trả lời khoảng 5-7 dòng)

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà* của Bà Huyện Thanh Quan .

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	A	0,5
	7	C	0,5
	8	B	0,5
	9	- Mức tối đa:HS chỉ rõ và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ : Động từ "gác mái" biểu đạt một tâm thế nhàn của ngư ông đang sống ở miền quê, đã thoát vòng danh lợi: Đảo vị ngữ " Gác mái" càng nhấn mạnh sự nghỉ ngơi thư thái của ngư ông. " Gõ sừng" cũng được đảo ra phía trước để nhấn mạnh cử động của mục tử (người chăn trâu) nhưng là cử động trở về, nghỉ ngơi . Tóm lại, hai câu thực đã thể hiện một cách tài hoa chủ đề " chiều hôm nhớ nhà"=> tạo nên không khí tĩnh lặng, cảnh chiều thêm tĩnh mịch và ẩn chứa một nỗi niềm man mác, bâng khuâng của lòng người - Mức chưa tối đa: GV căn cứ vào bài làm của HS để cho điểm phù hợp. - Mức chưa đạt: HS không có câu trả lời hoặc trả lời sai hoàn toàn.	1,0 0.5 0.5 <1,0 0
	10	- Mức tối đa: HS đọc kĩ bài thơ và nêu được vai trò của quê hương đối với mỗi người .Ví dụ: - Quê hương chính là nơi chôn nhau cắt rốn của ta, là nơi nuôi ta lớn lên với biết bao kỉ niệm chẳng thể phai nhòa. - Quê hương dạy ta biết lớn khôn và trưởng thành . Quê hương cho ta những năm tháng tuổi thơ tuyệt vời mà suốt hành hình trình trưởng thành ta không bao giờ tìm lại được.	1,0

		- Quê hương ấy, những con người quen thuộc ấy sẽ theo dấu chân ta trên suốt quãng đời của mình ... - Mức chưa tối đa: GV căn cứ vào bài làm của HS để cho điểm phù hợp. - Mức chưa đạt: HS không có câu trả lời hoặc trả lời sai hoàn toàn.	<1,0 0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo về hình thức : một bài văn phân tích một tác phẩm thơ ,bố cục 3 phần : MB , TB , KB	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề : Phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật.	0,25
		C. . Hs có trình bày theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	3.0

		Mở bài:Giới thiệu khái quát về Bà Huyện Thanh Quan (những nét chính về con người, cuộc đời, sự nghiệp sáng tác, …).
		
		Giới thiệu khái quát về bài thơ Chiều hôm nhớ nhà (hoàn cảnh sáng tác hoặc tóm tắt nội dung)
		
		Ví dụ: thông qua tác phẩm Chiều hôm nhớ nhà của Bà Huyện Thanh Quan đã khẳng định tài hoa thơ phú của mình. Bài thơ chứa một niềm tâm sự hoài cổ, nuối tiếc thời xưa được thể hiện qua nghệ thuật miêu tả cảnh để bộc lộ tình của tác giả.
		Thân bài
		
		• Nội dung:
		  • Ở bài thơ, ta bắt gặp một quang cảnh buồn, hoang vắng, cô tịch. Đó là cảnh buổi hoàng hôn tím sẫm, cái khoảng không gian và thời gian buồn, gợi nhớ nhất trong một ngày.
		  • Xuất hiện hình ảnh con người nhưng chỉ thoáng bóng thôi, và quang cảnh chỉ có thế. Đó là những người dân lao động nghèo, vất vả làm ăn, sinh hoạt của họ thật tẻ nhạt, thiếu sinh động.
		  • Bà luôn hoài cổ để chối bỏ thực tại và bày tỏ sự
			0.5
			
			1.5

		chán ghét thực tại. Đó là nỗi nhớ nước, nhớ nhà bà luôn giấu kín trong lòng. • Trước cảnh, bà bộc lộ được niềm tâm sự của mình, một tâm sự hoài cổ, đầy nuối tiếc, muốn níu giữ những kỉ niệm xa xưa. • Nghệ thuật • Bài thơ đã đạt đến sự chuẩn mực trong việc sử dụng thể thơ Đường luật. • Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình được sử dụng tài năng và đem đến hiệu quả nghệ thuật to lớn. • Nghệ thuật đảo ngữ, chơi chữ cùng việc sử dụng các từ láy. Kết bài: Khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ Chiều hôm nhớ nhà và cảm nghĩ của em về bài thơ.	0.5 0.5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát , dùng phương tiện liên kết câu ...	0,25

"CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ" là một trong những kiệt tác thơ thất ngôn bát cú Đường luật của Bà Huyện Thanh Quan

"Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,

Tiếng ốc xa đưa lẫn trống dồn.

Gác mái, ngư ông về viễn phố

Gõ sừng, mục tử lại cô thôn

Ngàn mai gió cuốn, chim bay mỏi

Dặm liễu sương sa, khách bước dồn.

Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ,

Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?".

Hai câu đầu 1 và 2 (Mở đề - giới thiệu về thời gian, không gian, sự vật, sự việc).

Câu thơ đầu (phá đề) "Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn" tả một cảnh hoàng hôn êm đềm. Hai chữ "bảng lảng" như con mắt của câu thơ, tạo nên hình ảnh đặc sắc, đó là ánh sáng nhạt nhòa lúc trời sắp tối, khi gần khi xa, khiến ta thấy nét buồn của buổi chiều tà.

Câu thơ thứ hai (thừa đề, chuyển tiếp ý để đi vào phần sau) " Tiếng ốc xa đưa vẳng trống dồn". Đối với người xa nhà thì khoảnh khắc hoàng hôn thật là buồn. Nỗi buồn ấy lại được tăng lên bởi tiếng ốc (tù và) và tiếng trống dồn vang lên trong lòng . Ta như còn thấy cả không gian rộng lớn: Chiều dài (tiếng ốc), chiều cao (tiếng trống trên chòi cao) gieo vào lòng người lữ khách một nỗi buồn xa xăm, một niềm sầu thương tê tái. Câu thơ vừa có ánh sáng (bảng lảng) vừa có âm thanh (tiếng ốc, trống dồn) tạo cho cảnh hoàng hôn một màu sắc riêng của miền quê.

Hai câu thực 3 và 4 (Trình bày, mô tả sự vật, sự việc giải thích rõ ý đầu bài)

"Gác mái, ngư ông về viễn phố/Gõ sừng, mục tử lại cô thôn".

Chiều xuống, ngư ông cùng con thuyền trở về viễn phố (nghĩa là bến xa) với tâm trạng của một ông chài sau một ngày làm việc tự thấy được nghỉ ngơi nhàn hạ, thoải mái. Động từ "gác mái" tức là gác mái chèo, biểu đạt một tâm thế nhàn tản của ngư ông.

Đồng thời trong cảnh là lũ trẻ chăn trâu đưa trâu về nhà, trở lại "cô thôn". Động tác "gõ sừng" của các mục đồng như gõ nhịp câu hát, thật thanh thản, hồn nhiên, yêu đời.

Hai câu luận 5 và 6 (Luận - bình luận 2 câu thực diễn tả suy nghĩ, thái độ, cảm xúc về sự vật, hiện tượng.)

"Ngàn mai, gió cuốn chim bay mỏi/Dặm liễu, sương sa khách bước dồn". Ta như nghe "ngàn mai" xào xạc trong "gió cuốn" và thấy chim mỏi cánh bay gấp

về tổ nơi rừng xanh. Trong “sương sa” mù mịt “dặm liễu” ấy, người lữ khách thì một mình một bóng đang "bước dồn" về nơi mình cần đi tới.

Tác giả mượn cảnh để tả tình, đó là cái sự cô đơn, bơ vơ của người lữ khách trên nẻo đường tha hương nghìn dặm. Hai hình ảnh "chim bay mỏi" và "khách bước dồn" là hai nét vẽ đối nhau, đặc tả sự mỏi mệt, cô đơn. Hai câu luận đã mở rộng thêm ý tứ của hai câu thực để lại nhiều ám ảnh trong lòng người đọc. Nữ sĩ sử dụng đảo ngữ: Lẽ ra là chim bay mỏi vào ngàn mai gió cuốn, thì tác giả đưa ngàn mai gió cuốn lên đầu. Cũng như vậy : Lẽ ra là Khách bước dồn vào dặm liễu sương sa thì tác giả lại đưa Dặm liễu sương sa lên đầu. Dụng ý làm nổi bật lên cái nẻo đường xa của miền đất lạ và sự vất vả của khách bộ hành, cánh chim bay.

Về ký thuật ta thấy hai câu 3 và 4 "đối" nhau và hai câu 5, 6 cũng "đối" nhau. Đối thường được hiểu là sự tương phản (về nghĩa kể cả từ đơn, từ ghép, từ láy) bao gồm cả sự tương đương trong cách dùng các từ ngữ. Đối chữ: danh từ đối danh từ, động từ đối động từ. Đối cảnh: trên đối dưới, cảnh động đối cảnh tĩnh, từ Hán Việt đối với từ hán Việt...

Hai câu Thực:

Gác mái đối với Gõ sừng (“gác” và “gõ” là động từ, “mái” và “sừng” là danh từ)

ngư ông đối với mục tử (danh từ Hán Việt đối với danh từ Hán Việt)

về viễn phố đối với lại cô thôn(“về” và “lại” là động từ, “viễn phố” và “cô thôn” là danh từ Hán Việt đối với danh từ Hán Việt)

Hai câu Luận:

Ngàn mai đối với Dặm liễu

gió cuốn đối với sương sa (“gió” và “sương” là danh từ, “cuốn” và “sa”là động từ)

chim bay mỏi đối với khách bước dồn (“chim” và “khách” là danh từ, “bay” và “bước” là động từ “mỏi” và “dồn” là trạng từ).

Nếu một bài thơ Đường luật mà các câu 3, 4 không đối nhau, các câu 5, 6 không đối nhau thì gọi là “Thất đối)

Hai câu cuối 7 và 8 (kết thúc ý toàn bài, khái quát toàn bộ nội dung bài theo hướng mở rộng và nâng cao “Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ/Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?".

Hai câu này của nữ sĩ như hội tụ, dồn nén lại tình thương, nỗi nhớ của mình. Ở đây có sự đối nhau "Kẻ Chương Đài - Người lữ thứ". Chương Đài là điển tích nói về chuyện li biệt, nhớ thương, tan hợp của lứa đôi Hàn Hoành và Liễu thị đời nhà Hán xa xưa. Xin nhắc ra điển tích này để độc giả rõ."Chương Đài" là tên một con đường ở thành Trường An bên Tàu. Đời nhà Đường, Hàn Hoành tuổi trẻ nổi tiếng là một người tài danh. Nhà nghèo kiết, lấy một nàng kỵ nữ họ Liễu ở Chương Đài.Mấy năm sau, quan Tiết độ sứ ở châu Thanh là Hầu Hy Dật mến tài, tâu vua xin Hàn Hoành làm người giúp việc. Bấy giờ, đương lúc nhiễu loạn, Hàn không dám đem Liễu đi theo, để nàng ở lại kinh đô, định chờ dịp tiện sẽ về đón. Nhưng trải qua ba năm trời, Hàn vẫn không về đón được. Nhân lấy vàng đựng vào một cái túi gởi về cho Liễu, kèm theo một bài thơ:

"Liễu ơi, hỡi Liễu Chương Đài,

Ngày xưa xanh biếc, hỏi nay có còn?

Ví tơ buông vẫn xanh rờn,

Hay vào tay khác, khó còn nguyên xưa!"

Liễu được thơ cũng đáp lại:

"Xanh non cành liễu đương tươi,

Năm năm luống để tặng người biệt ly.

Thu sang quyện lá vàng đi,

Chàng về biết có còn gì bẻ vin!"

Sự đối lập "Chương Đài" và "lữ thứ" gợi ra cho ta một cảnh tượng về nỗi buồn biệt li của của du khách nhớ nhà, nhớ quê hương, nhớ người thân yêu . Đó cũng là một tiếng than thở của tác giả được diễn tả dưới hình thức câu hỏi tu từ. "Ai" là đại từ phiếm chỉ, nhưng chúng ta hiểu đó là chồng, con, những người thân thương của nữ sĩ. "Hàn ôn" là nóng lạnh, "nỗi hàn ôn" là nỗi niềm tâm sự.

Ở đây Người lữ thứ là Bà Huyện Thanh Quan trong chiều tha hương, thấy mình bơ vơ nơi xa xôi, nỗi buồn thương không sao kể xiết.

Bà Huyện Thanh Quan, với tài sáng tạo vô song về chọn từ, tạo hình ảnh, đối câu, đối từ, đối thanh, tỏ rõ là một hồn thơ tài hoa, một ngòi bút trang nhã. Cảnh vật và tạo hình của nữ sĩ trở nên gần gũi, thân thuộc với mọi con người Việt Nam, mang tâm hồn đậm đà bản sắc dân tộc.Bài thơ "Chiều hôm nhớ nhà" của nữ sĩ là một bông hoa nghệ thuật chứa chan tình thương, nỗi nhớ, làm bâng khuâng xao xuyến lòng ta.

Thơ của Bà Huyện Thanh Quan thấm một nỗi buồn li biệt hoặc hoài cổ, hay nói đến hoàng hôn, lời thơ trang nhã, sử dụng nhiều từ Hán Việt (bảng lảng, hoàng hôn, ngư ông, viễn phố...) tạo nên phong cách trang trọng, cổ kính, nhạc điệu trầm bổng hấp dẫn. "Chiều hôm nhớ nhà" là một bông hoa nghệ thuật chứa chan tình thương nhớ, bâng khuâng.

Ai đã từng đọc "Truyện Kiều" chắc không thể nào quên được câu thơ của Nguyễn Du nói về hoàng hôn:

"Sông sa vò võ phương trời,
Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng".

Cũng nói về hoàng hôn và nỗi buồn của kẻ tha hương, bài thơ "Chiều hôm nhớ nhà" của Bà Huyện Thanh Quan là một kiệt tác của nền thơ Nôm Việt Nam trong thế kỉ XIX:

"Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,
Tiếng ốc xa đưa vẳng trống đồn.
Gác mái, ngư ông về viễn phố,
Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,
Dặm liễu sương sa khách bước dồn.
Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ,
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?".

Câu thơ đầu tả ánh hoàng hôn một buổi chiều viễn xứ. Hai chữ "bảng lảng" có giá trị tạo hình đặc sắc: ánh sáng lờ mờ lúc sắp tối, mơ hồ gần xa, tạo cho bức tranh một buổi chiều thấm buồn:

"Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn".

Hai chữ "bảng lảng" là nhãn tự - như con mắt của câu thơ. Nguyễn Du cũng có lần viết:

"Trời tây bảng lảng bóng vàng" (Truyện Kiều)

Chỉ qua một vần thơ, một câu thơ, một chữ thôi, người đọc cũng cảm nhận được ngòi bút thơ vô cùng điêu luyện của Bà Huyện Thanh Quan.

Đối với người đi xa, khoảnh khắc hoàng hôn, buồn sao kể hết được? Nỗi buồn ấy lại được nhân lên khi tiếng ốc (tù và) cùng tiếng trống đồn "xa đưa vẳng" lại. Chiều dài (tiếng ốc), chiều cao (tiếng trống đồn trên chòi cao) của không gian được diễn tả qua các hợp âm ấy, đã gieo vào lòng người lữ khách một nỗi buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái. Câu thơ vừa có ánh sáng (bảng lảng) vừa có

âm thanh (tiếng ốc, trống đồn) tạo cho cảnh hoàng hôn miền đất lạ mang màu sắc dân dã:

"Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,
Tiếng ốc xa đưa vẳng trống đồn "

Phần thực và phần luận, các thi liệu làm nên cốt cách bài thơ được chọn lựa tinh tế, biểu đạt một hồn thơ giàu cảm xúc. Ngư ông, mục tử, lữ khách... thế giới con người được nói đến. Cảnh vật thì có ngàn mai, có gió và sương, có "chim bay mỏi" ... Những thi liệu ấy mang tính chất ước lệ của thi pháp cổ (người thì có: ngư, tiều; cảnh vật, cây cỏ, hoa lá thì có: phong, sương, mai, liễu, cánh chim chiều...) nhưng với tài sáng tạo vô song: chọn từ, tạo hình ảnh, đối câu, đối từ, đối thanh, ở phương diện nào, nữ sĩ cũng tỏ rõ một hồn thơ tài hoa, một ngòi bút trang nhã. Vì thế cảnh vật trở nên gần gũi, thân thuộc với mọi con người Việt Nam. Cảnh vật mang hồn người đậm đà bản sắc dân tộc.

Chiều tà, ngư ông cùng con thuyền nhẹ trôi theo dòng sông về viễn phố (bến xa) với tâm trạng của một "ngư ông" - ông chài nhàn hạ, thoải mái. Động từ "gác mái" biểu đạt một tâm thế nhàn của ngư ông đang sống ở miền quê, đã thoát vòng danh lợi:

"Gác mái, ngư ông về viễn phố".

Cùng lúc đó, lũ trẻ đưa trâu về chuồng, trở lại "cô thôn", cử chỉ "gõ sừng" của mục đồng thật hồn nhiên, vô tư, yêu đời.

"Gõ sừng mục tử lại cô thôn".

Đó là hai nét vẽ về con người, hai bức tranh tuyệt đẹp nơi thôn dã vô cùng thân thuộc đáng yêu.

Hai câu luận tiếp theo mượn cảnh để tả cái lạnh lẽo, cô liêu, bơ vơ của người lữ khách trên nẻo đường tha hương nghìn dặm. Trời sắp tối. Ngàn mái xào xạc trong "gió cuốn"; gió mỗi lúc một mạnh. Cánh chim mỏi bay gấp về rừng tìm tổ. Sương sa mù mịt dặm liễu. Và trên con đường sương gió ấy, lạnh lẽo ấy chỉ có một người lữ khách, một mình một bóng đang "bước dồn" tìm nơi nghỉ trọ. Hai hình ảnh "chim bay mỏi" và "khách bước dồn" là hai nét vẽ đăng đối, đặc tả sự mỏi mệt, cô đơn. Con người như bơ vơ, lạc lõng giữa ”gió cuốn" và "sương sa", đang sống trong khoảnh khắc sầu cảm, buồn thương ghê gớm. Câu thơ để lại nhiều ám ảnh trong lòng người đọc. Đảo ngữ làm nổi bật cái bao la của nẻo đường xa miền đất lạ:

"Ngàn mai, gió cuốn chim bay mỏi,
Dặm liễu, sương sa khách bước dồn".

Bằng sự trải nghiệm của cuộc đời, đã sống những khoảnh khắc hoàng hôn ở nơi đất khách quê người, nữ sĩ mới viết được những câu thơ rất thực miêu tả cảnh ngộ lẻ loi của kẻ tha hương hay đến thế!

Hai câu kết hội tụ, dồn nén lại tình thương nhớ. Nữ sĩ cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết. Câu thứ bảy gồm hai vế tiểu đối, lời thơ cân xứng đẹp: "Kẻ chốn

Chương Đài người lữ thứ". Chương Đài là điển tích nói về chuyện li biệt, nhớ thương, tan hợp của lứa đôi Hàn Hoành và Liễu thị đời nhà Hán xa xưa. Bà Huyện Thanh Quan đã vận dụng điển tích ấy một cách sáng tạo. "Chương Đài" và "lữ thứ" trong văn cảnh gợi ra một trường liên tưởng về nỗi buồn li biệt của khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết. Khép lại bài thơ là một tiếng than giãi bày một niềm tâm sự được diễn tả dưới hình thức câu hỏi tu từ. "Ai" là đại từ phiếm chỉ, nhưng ai cũng biết đó là chồng, con, những người thân thương của nữ sĩ. "Hàn ôn" là nóng lạnh, "nỗi hàn ôn" là nỗi niềm tâm sự. Người lữ thứ trong chiều tha hương thấy mình bơ vơ nơi xa xôi, nỗi buồn thương không sao kể xiết:

"Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ,
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?".

"Chiều hôm nhớ nhà" và "Qua Đèo Ngang" hai kiệt tác thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Đó là chùm thơ của Bà Huyện Thanh Quan sáng tác trong những tháng ngày nữ sĩ trên đường thiên lí vào kinh đô Huế nhận chức nữ quan trong triều Nguyễn. Có thể coi đó là những bút kí - thơ vô cùng độc đáo. Thơ của Bà Huyện Thanh Quan thấm một nỗi buồn li biệt hoặc hoài cổ, hay nói đến hoàng hôn, lời thơ trang nhã, sử dụng nhiều từ Hán Việt (bảng lảng, hoàng hôn, ngư ông, viễn phố...) tạo nên phong cách trang trọng, cổ kính, nhạc điệu trầm bổng hấp dẫn. "Chiều hôm nhớ nhà" là một bông hoa nghệ thuật chứa chan tình thương nhớ, bâng khuâng,...

UBND HUYỆN NAM SÁCH
TRƯỜNG THCS AN BÌNH

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM 2023 – 2024
MÔN: NGỮ VĂN 8
Thời gian kiểm tra: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	**Đọc hiểu**	Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật	**5**	**0**	**3**	**0**	**0**	**2**	**0**		**60**
2	**Viết**	Bài văn nghị luận xã hội: Bàn về một vấn đề trong đời sống	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			***25***	***5***	***15***	***15***	***0***	***30***	***0***	***10***	**100**
Tỉ lệ %			**30%**		**30%**		**30%**		**10%**		
Tỉ lệ chung			**60%**				**40%**				

UBND HUYỆN NAM SÁCH
TRƯỜNG THCS AN BÌNH

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM 2023 – 2024
MÔN: NGỮ VĂN 8
Thời gian kiểm tra: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Đọc hiểu**	Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật	**Nhận biết:** - Nhận biết được đặc điểm cơ bản của bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật.(1) - Nhận biết được đề tài, nội dung phản ánh, các dấu hiệu nghệ thuật của bài thơ.(2) - Xác định được từ tượng hình, tượng thanh.(3) **Thông hiểu:** - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản. (4) - Chỉ ra được vai trò của các chi tiết nghệ thuật trong việc thể hiện cảm xúc của một tác phẩm thơ. (5) - Chỉ ra được nội dung của văn bản (nhân vật trữ tình, cảm xúc, tư tưởng, giá trị …). (6) - Giải thích được ý nghĩa của các từ ngữ, hình ảnh đặc sắc (7) **Vận dụng**: - Đánh giá được tác dụng biểu đạt của một biện pháp tu từ trong bài thơ. (8) - Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. (9)	5 TN	3TN	2TL	
2	**Viết**	Bài văn nghị luận xã hội: Bàn về một vấn đề trong đời sống.	**Nhận biết:** **Thông hiểu:** **Vận dụng:** **Vận dụng cao:** Viết được bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống, xã hội.	1*	1*	1*	1TL*
Tổng				**5TN**	**3TN**	**2 TL**	**1 TL**
Tỉ lệ %				***30***	***30***	***30***	***10***
Tỉ lệ chung				**60**		**40**	

UBND HUYỆN NAM SÁCH
TRƯỜNG THCS AN BÌNH

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM 2023 – 2024
MÔN: NGỮ VĂN 8
Thời gian kiểm tra: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới

QUA ĐÈO NGANG

Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi, tiều vài chú
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia.
Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng, ta với ta.

(Bà Huyện Thanh Quan – *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam,* NXB Văn hoá, Hà Nội, 1963)

Câu 1: Em hãy cho biết bài thơ "Qua Đèo Ngang" được viết theo thể thơ nào?
A. Lục bát
B. Thất ngôn tứ tuyệt
C. Thất ngôn bát cú
D. Tự do

Câu 2: Bố cục của bài thơ "Qua Đèo Ngang" gồm mấy phần?
A. Gồm 2 phần: Đề, kết.
B. Gồm 4 phần: Khai, thừa, chuyển, hợp.
C. Gồm 4 phần: Đề, thực, luận, kết.
D. Không có bố cục cụ thể.

Câu 3: Những từ tượng hình có trong bài là:
A. Lom khom, lác đác.
B. Lom khom, lác đác, quốc quốc, gia gia.
C. Quốc quốc, gia gia.
D. Không có từ nào.

Câu 4: Hai câu thơ "*Lom khom dưới núi, tiều vài chú/ Lác đác bên sông, chợ mấy nhà*" sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?
A. Điệp ngữ và đảo ngữ
B. Đối và điệp ngữ
C. Đối và đảo ngữ
D. Đảo ngữ và so sánh

Câu 5: Cách ngắt nhịp của bài thơ?
A. 3/4
B. 4/3
C. 2/2/3
D. 3/2/2

Câu 6: Nội dung chính bài thơ "Qua Đèo Ngang" thể hiện là gì ?

A. Khung cảnh trên Đèo Ngang.

B. Lòng yêu nước, thương nhà của tác giả.

C. Sự heo hút, cô quạnh của canh tượng Đèo Ngang.

D. Khung cảnh thiên nhiên trên Đèo Ngang và nỗi lòng của tác giả.

Câu 7: Bài thơ "Qua Đèo Ngang" khắc họa khung cảnh thiên nhiên như thế nào?

A. Cảnh thiên nhiên về chiều tối ảm đạm, thê lương.

B. Cảnh thiên nhiên về chiều tối heo hút, hoang sơ.

C. Cảnh thiên nhiên buổi ban ngày hùng tráng, bi ai.

D. Cảnh thiên nhiên về chiều tối u buồn, tĩnh lặng

Câu 8: Nhân vật trữ tình trong bài thơ có tâm trạng như thế nào?

A. Cô đơn, buồn vì nhớ nước, thương nhà.

B. Mệt mỏi vì phải chèo đèo.

C. Buồn sầu vì không gian heo hút, không thấy bóng người.

D. Cô đơn giữa thiên nhiên hùng vĩ, rộng lớn.

Câu 9: Chỉ rõ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong 2 câu thơ:

"Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia."

Câu 10: Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ "Qua Đèo Ngang" của Bà Huyện Thanh Quan.

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Viết một bài văn kể về chuyến đi tham quan một di tích lịch sử, văn hoá ở địa phương em.

UBND HUYỆN NAM SÁCH
TRƯỜNG THCS AN BÌNH

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM 2023 – 2024
MÔN: NGỮ VĂN 8
Thời gian kiểm tra: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6,0**
	1	C	0,5
	2	C	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	B	0,5
	6	D	0,5
	7	B	0,5
	8	A	0,5
	9	- Biện pháp tu từ đối: nhớ nước – thương nhà; biện pháp đảo ngữ. - Tác dụng: khắc hoạ sâu sắc nỗi lòng của một con người yêu nước: nhớ nước, thương nhà. Đồng thời thể hiện tài năng của tác giả khi mượn thanh âm tên loài vật để nói lên nỗi lòng của mình với nước nhà.	0,25 0,75
	10	HS phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ "Qua Đèo Ngang" của Bà Huyện Thanh Quan qua các ý sau: - Nghệ thuật sử dụng từ ngữ để miêu tả thời gian, không gian. - Sử dụng từ tượng hình kết hợp với biện pháp đảo ngữ miêu tả cảnh vật; chơi chữ để nói lên nỗi lòng của nhà thơ.	0,5 0,5
II		**VIẾT**	**4,0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Mở bài, thân bài, kết bài	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: kể lại chuyến đi tham quan khu di tích lịch sử, văn hoá tại địa phương.	0,25
		c. Triển khai bài văn theo trình tự hợp lí HS triển khai bài văn theo bố cục mở bài, thân bài, kết bài. Bài viết cần có lối diễn đạt rõ ràng, mạch lạc; ngôn ngữ phong phú, dễ hiểu; nói được cảm xúc và sự tự hào về lịch sử dân tộc và giữ gìn vẻ đẹp của dân tộc, quê hương nơi mình sinh sống. Dưới đây là một số gợi ý	
		MB: - Giới thiệu lí do, mục đích của chuyến tham quan, bày tỏ khái quát cảm xúc ban đầu **TB:** - Kể được diễn biến chuyến đi: cảnh vật trên đường đi, trình	0,5

		tự chuyến tham quan, những hoạt động chính trong chuyến đi… - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích: phong cảnh, công trình,… **KB:** - Thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của bản thân: tự hào, yêu mến, biết ơn,…	2,0 0,5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn cảm xúc, sinh động, sáng tạo.	0,25

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	**Đọc hiểu**	Thơ Đường luật	**3**	**0**	**5**	**0**	**0**	**2**	**0**		**60**
2	**Viết**	Viết bài văn kể lại một chuyến đi	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			***15***	***5***	***25***	***15***	***0***	***30***	***0***	***10***	**100**
Tỉ lệ %			**20%**		**40%**		**30**		**10%**		
Tỉ lệ chung			**60%**				**40%**				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Đọc hiểu**	Thơ Đường luật	**Nhận biết:** - Nhận biết được thể thơ - Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú Đường luật như: số tiếng, số câu, cách gieo vần, tạo nhịp, bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối. - Nhận biết được các biện pháp tu từ. **Thông hiểu**: - Hiểu được giá trị nội dung của văn bản - Hiểu được giá trị nghệ thuật của văn bản - Phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản. - Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh. - Hiểu được một số đặc trưng của thơ Đường luật được thể hiện trong văn bản **Vận dụng:** - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản. - Biết trân quý giá trị văn hoá, văn học truyền thống	3 TN	5 TN	2TL	

2	**Viết**	Kể lại một chuyến đi.	**Nhận biết:** - Xác định kiểu bài: kể chuyện. (Kể lại một chuyến đi) - Xác định được cấu trúc, bố cục của bài văn kể chuyện về một chuyến đi. - Xác định chính xác, dẫn dắt tự nhiên câu chuyện kể về một chuyến đi. - Nêu cảm nghĩ khái quát về câu chuyện. **Thông hiểu:** Viết bài kể chuyện đảm bảo các yếu tố cơ bản: giới thiệu sự việc, nhân vật, kể đầy đủ trình tự các sự việc theo một trình tự hợp lí. **Vận dụng:** Viết được bài văn kể chuyến đi. Có thể sử dụng ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba, kể bằng ngôn ngữ của mình trên cơ sở tôn trọng cốt truyện của dân gian. **Vận dụng cao:** Có sự sáng tạo trong dùng từ, diễn đạt, chi tiết, lời kể chuyện.... Qua câu chuyện rút ra được bài học cuộc sống.				1TL*
Tổng				**3 TN**	**5TN**	**2 TL**	**1 TL**
Tỉ lệ %				***20***	***40***	***30***	***10***
Tỉ lệ chung				**60**		**40**	

TRƯỜNG THCS CHÍ MINH

V-DH01-GKI-2324

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
Năm học: 2023-2024
Môn: NGỮ VĂN - LỚP 8

Thời gian làm bài: 90 phút
(Đề này gồm 02 trang)

Phần I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện yêu cầu:

Chiều xuân ở thôn Trừng Mại

Phân phất mưa phùn xâm xẩm bay
Mặc manh áo ngắn giục trâu cày
Nàng dâu sớm đã gieo dưa đó
Bà lão chiều còn xới đậu đây
Mía cạnh giậu tre đang nảy ngọn
Khoai trong đám cỏ đã xanh cây
Điền viên nghĩ thật nguồn vui thú
Dẫu chẳng "hành môn" đói cũng khuây.

(Nguyễn Bảo)

Câu 1. Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?
A. Thất ngôn tứ tuyệt B. Ngũ ngôn
C. Thất ngôn bát cú D. Song thất lục bát

Câu 2. Hai câu thơ đầu của bài thơ gieo vần nào?
A. Vần chân, vần liền B. Vần lưng, vần liền
C.Vân chân, vần cách D. Vần lưng, vần cách

Câu 3. Bài thơ có thể chia bố cục theo thứ tự nào?
A. Đề, thực, luận, kết B. Luận, kết, đề, thực
C. Đề, luận, kết, thực D. Thực, luận, đề, kết

Câu 4. Câu thơ sau sử dụng biện pháp tu từ nào?

Phân phất mưa phùn xâm xẩm bay

A. Nhân hoá B. So sánh
C. Đảo ngữ D. Điệp ngữ

Câu 5. Theo em, việc sử dụng các biện pháp tu từ trong câu thơ (trong câu hỏi 3) có tác dụng gì?
A. Gợi bức tranh mùa xuân thôn dã thật bình dị với mưa xuân hoà vào không khí thật nhẹ nhàng
B. Gợi trạng thái mưa đầu xuân.
C. Gợi bức tranh lao động đầu xuân.
D. Đầu xuân có mưa phùn khiến cây cối đâm chồi nảy lộc.

Câu 6. Em hiểu thế nào là *"thú điền viên"*?
A. Thú vui nơi thôn dã, ruộng vườn, thường để chỉ những vị quan lui về ở ẩn.
B. Thú vui nơi thôn dã, ruộng vườn của các nho gia.
C. Thú vui ở ẩn của các vị quan sau khi thôi chốn quan trường.
D. Thú vui ở ẩn của các vị vua sau khi nhường ngôi.

Câu 7. Theo em, đâu là nội dung chính của bài thơ?
A. Thể hiện tình yêu với những vần thơ giản dị, chân chất.
B. Thể hiện tình cảm dành dành cho cảnh quê.
C. Thể hiện tình yêu quê hương, đất nước; yêu cuộc sống, con người của tác giả.
D. Thể hiện vẻ đẹp của bức tranh lao động bình dị trong một gia đình dân cày.

Câu 8. Tình cảm, cảm xúc tác giả gửi gắm trong bài thơ là gì?
A. Thương người dân cày vất vả, lam lũ.
B. Nhớ cảnh mưa phùn của quê hương tác giả.
C. Nhớ cảnh điền viên khi ở quê nhà.
D. Tình cảm yêu thương, gắn bó tha thiết với quê hương của tác giả.
Câu 9. Bức tranh quê hương được tác giả vẽ lên là bức tranh thôn dã bình dị và lồng trong đó là sự gắn kết giữa nhà thơ và người làm ruộng, là bức tranh lao động bình dị của một gia đình dân cày. Em có đồng ý với ý kiến đó không, tại sao?
Câu 10. Từ văn bản trên hãy viết đoạn văn khoảng 5 đến 7 câu nêu ý nghĩa của việc sống hòa hợp với thiên nhiên. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 1 phép liên kết (Gạch chân dưới từ ngữ thể hiện phép liên kết).
II. VIẾT (4,0 điểm) Kể lại một chuyến đi của em với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen.

TRƯỜNG THCS CHÍ MINH **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**
Năm học: 2023-2024
Môn: NGỮ VĂN - LỚP 8
(Hướng dẫn chấm gồm: 02 trang)

A.YÊU CẦU CHUNG
- Giám khảo phải nắm được nội dung trình bày trong bài làm của học sinh để đánh giá một cách khái quát, tránh đếm ý cho điểm. Vận dụng linh hoạt hướng dẫn chấm điểm, khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.
- Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách nhưng phải đảm bảo được các yêu cầu cơ bản của đề, diễn đạt tốt vẫn cho đủ điểm.
- Điểm bài thi là tổng điểm thành phần (có thể lẻ đến 0,25 điểm)

B. YÊU CẦU CỤ THỂ

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6,0**
	1	**C**	0,5
	2	**A**	0,5
	3	**A**	0,5
	4	**C**	0,5
	5	**A**	0,5
	6	**A**	0,5
	7	**C**	0,5
	8	**D**	0,5
	9	- HS đưa ra ý kiến và lí giải hợp lí vẫn cho điểm. Gợi ý: - Đồng ý - Gia đình nơi thôn quê ấy tuy vất vả với *"manh áo ngắn", "giục trâu cày"* trong thời tiết "*phân phất mưa phùn*" nhưng người đọc thấy được sự gắn kết giữa những con người trong một gia đình dân cày. - Tác giả hòa cùng nhịp sống của người quê để cảm nhận sâu sắc hồn quê.	 0,25 0,5 0,25
	10	- Đảm bảo bố cục đoạn văn độ dài khoảng 5 đến 7 câu. - Viết đoạn văn nêu ý nghĩa của việc sống hòa hợp với thiên nhiên. - Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 1 phép liên kết (Gạch chân dưới từ ngữ thể hiện phép liên kết). Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 0,5 0,25
II		**VIẾT**	**4,0**
		a.Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự - Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Trình bày sạch đẹp, chữ viết rõ ràng.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại một chuyến đi của em với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen.	0,25
		HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: **Mở bài:** Giới thiệu về chuyến đi của bản thân với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen. **Thân bài:** - Giới thiệu chung về chuyến đi đó. - Kể lại chuyến đi của bản thân theo một trình tự hợp lí: + Chuyến đi đó bắt đầu bằng hoạt động nào của em? + Sau đó, những điều gì đã xảy ra? Có gì đó đặc biệt khác với mọi ngày dẫn đến việc em có một chuyến đi khó quên? + Em đã làm gì trong chuyến đi đó? + Chuyến đi đó đã tác động đến em và mọi người xung	 0,25 2,5

		quanh như thế nào? + Em có những suy nghĩ gì sau chuyến đi đó xảy ra? **Kết bài:** Nêu những ý nghĩa của chuyến đi đó đối với bản thân em (quan trọng, khó quên)	0,25
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, có cảm xúc, sáng tạo.	0,25

Người ra đề

Trương Thị Tươi

5.TRUYỆN CƯỜI:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 8

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	**Đọc hiểu**	Truyện cười	**3**	**0**	**5**	**0**	**0**	**2**	**0**		**60**
2	**Viết**	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			***15***	***5***	***25***	***15***	***0***	***30***	***0***	***10***	**100**
Tỉ lệ %			**20%**		**40%**		**30%**		**10%**		
Tỉ lệ chung			**60%**				**40%**				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương / Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Đọc hiểu**	Truyện cười	**Nhận biết**: - Nhận biết được thể loại của văn bản. - Nhận biết được phương thức biểu đạt của văn bản. - Nhận diện được ngôi kể trong truyện cười. **Thông hiểu**: - Mục đích mà nội dung truyện đề cập đến. - Xác định được nghĩa của các yếu tố Hán Việt. - Nội dung nghĩa hàm ẩn trong truyện - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. - Trình bày được tính cách nhân vật qua lời của người kể chuyện. **Vận dụng:** - Rút ra được thông điệp / bài học / lời khuyên cho bản thân và người khác từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện. - Thể hiện được ý kiến, thái độ của bản thân đối với bài học được thể hiện qua tác phẩm.	3 TN	5TN	2TL	
2	**Viết**	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống	**Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận. **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…) **Vận dụng:** Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc				1TL*

			sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được cảm xúc của bản thân trước vấn đề cần bàn luận. **Vận dụng cao:** Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.				
Tổng				**3TN**	**5TN**	**2 TL**	**1 TL**
Tỉ lệ %				***20***	***40***	***30***	***10***
Tỉ lệ chung				**60**		**40**	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 8
Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

HAI KIỂU ÁO

Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luồn cúi quan trên, hách dịch với dân, người thợ may bèn hỏi :

- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ ?

Quan lớn ngạc nhiên :

- Nhà ngươi biết để làm gì ?

Người thợ may đáp :

- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.

Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bảo :

- Thế thì nhà ngươi may cho ta cả hai kiểu.

(Theo Trường Chính - Phong Châu)

Câu 1 (0.5 điểm). Truyện *"Hai kiểu áo"* thuộc thể loại nào?

A. Truyện cười. B. Truyện đồng thoại. C. Truyện cổ tích D. Truyện ngụ ngôn.

Câu 2 (0.5 điểm): Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm D. Nghị luận

Câu 3 (0.5 điểm): Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 4 (0.5 điểm). Nội dung được đề cập trong câu chuyện trên nhằm mục đích gì?
A. Mua vui, giải trí.
B. Phê phán sự coi thường của người dân đối với quan.
C. Phê phán thói hư, tật xấu của quan lại .
D. Phê phán thói keo kiệt, bủn xỉn của quan.
Câu 5 (0.5 điểm): Em hiểu thế nào về nghĩa của từ *"hách dịch"*?
A. Thể hiện thái độ hòa nhã, coi trọng của cấp dưới đối với cấp trên.
B. Thể hiện thái độ ưu ái, quan tâm đến của cấp trên đối với cấp dưới.
C. Thể hiện thái độ ra oai, hạch sách người khác do cậy mình có quyền thế.
D. Thể hiện thái độ nhân nhượng của cấp trên đối với cấp dưới.
Câu 6 (0.5 điểm): Nội dung nghĩa hàm ẩn trong câu *"... Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại."* là gì?
A. Khi gặp quan trên, ngài sẽ luồn cúi, nên vạt trước chùng lại
B. Khi gặp dân, vị quan này là người vênh váo, hách dịch nên vạt trước sẽ hớt lên.
C. Vị quan là người hai mặt, trên thì nịnh hót, dưới thì chèn ép.
D. Cả A và B
Câu 7 (0.5 điểm): Chi tiết người thợ may hỏi quan lớn may chiếc áo này để tiếp ai có ý nghĩa gì?
A. Có ý nịnh nọt quan để được thưởng.
B. Có ý để quan may thêm một cái áo nữa.
C. Thể hiện thái độ kính trọng đối với quan.
D. Có ý mỉa mai người quan luôn hách dịch với nhân dân và nịnh nọt quan trên.
Câu 8 (0.5 điểm): Viên quan trong câu chuyện là người như thế nào?
A. Tính cách hèn hạ đối với cấp trên và hách dịch đối với kẻ dưới.
B. Đối xử không công bằng với kẻ dưới.
C. Hay nịnh nọt cấp trên.
D. Khinh ghét người nghèo khổ.
Câu 9 (1 điểm): Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với em rút ra từ văn bản trên.
Câu 10 (1 điểm): Qua câu chuyện, tác giả dân gian đã phê phán kiểu người nào trong xã hội bấy giờ?

II. VIẾT. (4,0 điểm)

Viết bài văn nêu suy nghĩ của em về tình yêu thương trong cuộc sống.

---------- HẾT----------

Họ tên học sinh:……Số báo danh:……..
Chữ kí giám thị 1: …… Chữ kí giám thị 2:…….

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: NGỮ VĂN 8
(Hướng dẫn chấm gồm 03 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc hiểu	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	C	0,5
	5	C	0,5
	6	D	0,5
	7	D	0,5
	8	A	0,5
	9	Bài học: - Nên có thái độ với những người quan chuyên đi đối xử tồi tệ với dân. - Chúng ta nên có thái độ hòa nhã với tất cả mọi người chứ không nên phân biệt đối xử.	0,5 0,5
	10	Tác giả phê phán kiểu người trong xã hội bấy giờ: - Một số quan lại luôn tìm cách xu nịnh, luồn lách để được thăng tiến, vơ vét của cải của dân lành về làm giàu cho mình - Thói khinh bỉ, bắt nạt, coi thường những người dân đen nghèo khổ.	0,5 0,5
II. Viết		a. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. *Xác định đúng yêu cầu của đề.* Tình yêu thương trong cuộc sống.	

		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: **<u>Mở bài</u>** : + Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận. + Nêu vấn đề: Tình yêu thương trong cuộc sống. **<u>Thân bài</u>** : **+ Nêu quan niệm về tình yêu thương?** – ***Tình yêu thương*** là sự quan tâm, chăm sóc, che chở, lo lắng cho nhau giữa con người với con người. **+ Nêu biểu hiện của tình yêu thương trong đời sống (HS nêu được từ 3-4 biểu hiện GV cho điểm tối đa)** - Trong gia đình ông bà cha mẹ anh chị em yêu thương đùm bọc nhau. - Cha mẹ hi sinh, chấp nhận những khó khăn gian khổ để đổi lấy cuộc sống ấm no hạnh phúc cho con. - Con cái biết hiếu thảo với ông bà, cha mẹ và yêu thương anh chị em. - Ngoài xã hội: Tình yêu thương được biểu hiện ở hành động nhường chỗ trên xe bus cho cụ già, chia sẻ phần ăn sáng của mình cho em bé đang đói bụng, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, quan tâm chia sẻ với họ cả vật chất lẫn tinh thần… **+ Phân tích ý nghĩa của tình yêu thương:** - Tình yêu thương thể hiện phẩm chất đạo đức cần có ở mỗi chúng ta. - Tình yêu thương sẽ khiến cho con người trở nên tốt đẹp hơn. - Là cơ sở tạo nên mối quan hệ tốt đẹp, lành mạnh giữa con người với con người. - Thúc đẩy tinh thần tương thân tương ái trong cộng đồng. - Yêu thương còn tạo sức mạnh cảm hóa kì diệu đối với những người lầm đường lạc lối, mang lại niềm hạnh phúc, niềm tin để họ sống tốt đẹp hơn. - Tình yêu thương con người còn là cơ sở để hình thành nên những phẩm chất tốt đẹp khác như lòng biết ơn, dũng cảm, vị tha…Chúng ta cần có tình yêu thương còn bởi nó là truyền thống tốt đẹp của dân tộc VN... **+ Dẫn chứng về tình yêu thương** - Trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, nhân dân ta đã biết yêu thương đùm bọc nhau để chống lại kẻ thù xâm lược, có biết bao nhiêu bà mẹ VN nuôi giấu bộ đội như con đẻ của mình, biết bao nhiêu chiến sĩ coi đồng đội của	3,5 0,5 0,25 0,25 1,0 0,5

		mình như anh em ruột thịt, sẵn sàng đồng cam cộng khổ, thậm chí hi sinh cả tính mạng của mình để cứu đồng đội. Và chính có tình yêu thương, đoàn kết đó mà nhân dân ta đã dành lại được độc lập, tự do. - Ngày nay, nhân dân ta thể hiện tình yêu thương qua những hành động cụ thể như giúp đỡ nhau để xoá đói giảm nghèo, chia sẻ kinh nghiệm làm giàu, giúp nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Hay mỗi khi một vùng nào trong cả nước gặp thiên tai hạn hán, lũ lụt thì nhân nhân cả nước cũng như kiều bào ở nước ngoài cùng chung tay giúp đỡ chia sẻ vật chất, động viên tinh thần để họ có thể ổn định cuộc sống. - Nhiều phong trào nhân đạo được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng như "*Trái tim cho em*", "*Lục lạc vàng*", "*Vì bạn xứng đáng*", "*Cặp lá yêu thương*", "*Hiến máu nhân đạo*"... *** Phản biện:** Bên cạnh những người sống có tình yêu thương thì trong XH vẫn còn những người sống vô cảm, ích kỉ, chỉ nghĩ đến bản thân mình, nhận vào thật nhiều nhưng không muốn cho đi, không quan tâm, giúp đỡ người khác. Hay những người thể hiện tình yêu thương mà thiếu đi sự chân thành… Những người đó cần phải lên án và phê phán. *** Liên hệ bản thân** - Tiếp theo cần có ý thức rèn luyện tình yêu thương ở mọi lúc mọi nơi bằng những hành động thiết thực trong cuộc sống. - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ người khác lúc gặp khó khăn. - Học tập theo những tấm gương có tình yêu thương con người. - Sống có trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình và những người xung quanh. - Tham gia các phong trào ủng hộ, các hoạt động từ thiện: chăm sóc người già yếu, bệnh tật, an ủi người đau thương, giúp đỡ trẻ mồ côi, đồng bào bị thiên tai, dịch bệnh... **<u>Kết bài</u>** : + Khẳng định vai trò của tình yêu thương. + Nêu suy nghĩ về hướng rèn luyện của em.	0,25 0,25 0,5
		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo, mới mẻ trong sử dụng từ ngữ, hình ảnh.	

6.VĂN NGHỊ LUẬN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 8

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Văn bản nghị luận văn học	3	0	5	1	0	1	0	0	60
		Tỉ lệ %	10	0	10	15	0	15	0	0	
2	Viết	Viết bài văn nghị luận	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
		Tỉ lệ %	0	5	0	20	0	15	0	10	
Tổng điểm %			15%		45%		30%		10%		100
			60%				40%				

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương / Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Đọc hiểu**	Văn bản nghị luận văn học (ngữ liệu ngoài SGK)	**Nhận biết**: - Nhận biết được đề tài, chủ đề của văn bản. - Xác định được các kiểu câu. **Thông hiểu**: - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, các nét đặc sắc nghệ thuật của văn bản. - Hiểu được nội dung văn bản đề cập. **Vận dụng:** - Nhận xét được nội dung phản ánh của tác giả trong văn bản. - Nêu suy nghĩ của bản thân sau khi đọc văn bản.	4 TN	4TN 1TN	1TL	
2	**Viết**	Viết bài văn nghị luận	**Nhận biết:** Đủ bố cục 3 phần, đúng dạng bài văn nghị luận **Thông hiểu:** Nêu được chủ đề và biết phân tích các biểu hiệ để làm rõ chủ đề của tác phẩm. Biết sử dụng lí lẽ, chứng cứ từ tá phẩm để làm rõ luận điểm **Vận dụng:** Bài viết nêu được chủ đề và phan tích được từng biểu hiện để làm rõ chủ đề của tác phẩm, xây dựng được lí lẽ, dẫn chứng có hệ thống phù hợp, bước đầu thể hiện kĩ năng lập luận mạch lạc, rõ ràng. **Vận dụng cao:** Bài viết nêu rõ chủ đề và phân tích tốt từng biểu hiện để làm sáng tỏ chủ đề tác phẩm, sử	1*TL	1*TL	1*TL	1*TL

			dụng hệ thống lí lẽ, dẫn chứng đa dạng phong phú, có kĩ năng lập luận tốt, thuyết phục.				
Tổng				**4TN** 1*TL	**4TN** 2*TL	**2* TL**	**1 *TL**
Tỉ lệ %				***15***	***40***	***35***	***10***

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 8
Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

TRẦN ĐĂNG KHOA: TÁC GIẢ CỦA TUỔI THƠ TRONG TRẺO

Được biết đến là cây bút nổi bật trong giới thi ca Việt Nam, Trần Đăng khoa là người có nét riêng xuất sắc trog số các nhà thơ đương đại trước năm 1975. Ông luôn có cái nhìn bao quát về cuộc sống, những chất liệu được dệt trong các tác phẩm hầu hết là sự quen thuộc xung quanh.

Suốt hơn năm mươi năm sáng tác, Trần Đăng Khoa đã cho ra đời hơn hia mươi tập thơ và trường ca như *Khúc hát người anh hùng, Bên cửa sổ may bay* hay *Chân dung và đối thoại,* chưa kể đến một số tập bút kí và tiểu luận phê bình. Tuy nhiên nổi trội nhất vẫn là *Góc sân và khoảng trời* hay.

Bằng những đặc sắc trong ngòi bút, Trần Đăng Khoa đã ghi dấu ấn trong lòng người đọc bao kí ức về miền tuổi thơ với chất thơ nhẹ nhàng, hồn nhiên mà đầy chân thật nhưng cũng không kém phần sâu sắc với nhiều tầng ý nghĩa.

Mười tuổi ông đã có những câu thơ vo cùng trong trẻo và xúc động chạm đến trái tim người đọc. Qua lăng kính của một cậu bé, hạt gạo hiện lên trong bức tranh đầy màu sắc cùng với giọt mồ hôi và nỗi khó nhọc của người nông dân. Không những thế, tác phẩm *Hạt gạo làng ta* còn chứa đựng cả hình ảnh tảo tần của những người phụ nữ hậu phương. Bao nhiêu hạt gạo là bấy nhiêu chân tình cùng nỗi nhớ nhung khắc khoải của quê hương dành cho tiền tuyến....[*Hạt gạo làng ta*]

Quê hương và thiên nhiên luôn hiện hữu trong các tác phẩm của Trần Đăng Khoa như một hình tượng nghệ thuật giau sức gợi, được cảm nhận bằng tấm lòng cảu một người con đã gắn bó với mảnh đất mình sinh ra và lớn lên.... [*Trăng ơi từ đâu đến?]*

Thơ của Trần Đăng Khoa không chỉ hồn nhiên, trong sáng mà còn du dương như một bản đồng giao với cách gieo chữ có hồn, có nhịp. Trong thơ của

ông, nhạc điệu không chỉ là giai điệu của tâm hồn mà còn khả năng tạo hình, tạo nghĩa tinh tế. Thế giới âm thanh giàu tiết tấu trong từng vần thơ của cậu bé mười bốn tuổi đã phần nào khẳng định tài năng xuất chúng với trình độ thượng thừa trong cách chơi chữ xứng đáng với danh xưng "thần đồng" thi ca. Kông những thế nahf thơ còn lồng ghép linh hoạt nhiều phép nghệ thuật như ẩn dụ, nhân hóa hay từ láy khiến thơ của ông không những hóm hỉn, vui nhộn mà còn vô cùng có chiều sâu và đầy tinh tế...[*Cây dừa*]

Điều khiến thơ ông khác lạ so với những nhà thơ cùng độ tuổi lúc bấy giờ là cách đưa thế giới xung quanh vào tác phâm bằng một tâm hồn sâu sắc cùng đôi mắt quan sát nhạy bén. Từng vần thơ Trần Đăng Khoa đã thể hiện trọn vẹn vẻ đẹp hồn nhiên, chân thực của trẻ thơ nên dễ dàng chạm đến trái tim của độc giả và để lại trong họ miền kí ức tươi đẹp của những ngày còn thơ bé. Dù có phủ bao nhiêu lớp bụi của thời gian thì thơ Trần Đăng Khoa vẫn luôn sống mãi trong dòng chảy văn chương bởi những nội dung, nghệ thuật đặc sắc chứa đựng trong từng câu chữ...

Cho đến tận hôm nay, Trần Đăng Khoa vẫn mãi là tinh tú trên bầu trời văn học Việt Nam. Các tác phẩm của ông không chỉ đóng góp cho thơ ca nước nhà những áng thơ bay bổng mà còn giúp người đọc lưu giữ miền kí ức tuổi thơ vào sâu trong tâm khảm.

(Theo Thiên Nhi, https://revologuecom/tac-gia-tran-dang-khoa)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại văn bản nào?

A. Nghị luận văn học. B. Nghị luận xã hội.

C. Văn bản thơ D. Văn bản truyện trưởng.

Câu 2. Chất liệu làm nên tác phẩm thơ Trần Đăng Khoa là gì?

A. Con người và các mối quan hệ

B. Những sự vật giải dị, quen thuộc xung quanh

C. Những vấn đề trong cuộc sống hàng ngày

D. Những vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên

Câu 3. Tác giả bài viết đã nhận định phong cách thơ Trần Đăng Khoa như thế nào?

A. Châm biếm, đả kích B. Hài hước vui vẻ, tự nhiên

C. Mạnh mẽ, mãnh liệt D. Nhẹ nhàng hồn nhiên nhưng sâu sắc

Câu 4. Để chứng minh thơ Trần Đăng Khoa trog veo và xúc động, chạm tới trái tim người đọc, tác giả bài viết đã phân tích những bài nào?

A. Cây dừa. B. Đám ma bác giun. C. Hạt gạo làng ta. D. Trăng ơi từ đâu đến?.

Câu 5. Tác giả bài viết đã lấy bài thơ nào làm dẫn chứng cho chủ đề gắn bó với quê hương và thiên nhiên trong thơ Trần Đăng Khoa?

A. Cây dừa. B. Đám ma bác giun. C. Hạt gạo làng ta. D. Trăng ơi từ đâu đến?

Câu 6. Câu 6. Đánh dấu X vào đặc trưng nghệ thuật của thơ Trần Đăng Khoa được nhắc đến trong văn bản?

STT	Đặc trưng nghệ thuật	Đánh dấu
1	Du dương với cách gieo chữ có vần nhịp	
2	Hình ảnh thơ hoành tráng, kì vĩ	

3	Nghệ thuật tương phản đối lập sử dụng triệt để	
4	Sử dụng linh hoạt nhiều biện pháp nghệ thuật như ẩn dụ, nhân hóa, từ láy	

Câu 7. Văn bản được kết thúc bằng nội dung nào?

A. Khẳng định vẻ đẹp trong phong cách và giá trị thơ ca của Trần Đăng Khoa

B. Bàn về những tác phẩm mới xuất bản của Trần Đăng Khoa.

C. Phát biểu cảm nghĩ về con người Trần Đăng Khoa thể hiện trong thơ ca.

D. Nói về con người Trần Đăng Khoa ở thời điểm hiện tại.

Câu 8. Câu "Trăng ơi...từ đâu đến?" thuộc kiểu câu nào?

A. Câu hỏi

B. Câu cầu khiến

C. Câu cảm thán.

D. Câu kể.

Câu 9. Chọn và viết một đoạn thơ giàu tính nhạc của Trần Đăng Khoa?

Câu 10. Liệt kê danh sách những bài thơ của Trần Đăng Khoa mà em đã học?

II. VIẾT. (4,0 điểm)

Phân tích nhân vật trong thơ Trần Đăng Khoa mà em thích nhất.

---------- HẾT----------

Họ tên học sinh:……Số báo danh:……..

Chữ kí giám thị 1: …… Chữ kí giám thị 2:…….

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II
MÔN: NGỮ VĂN 8

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc hiểu	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	D	0,5
	4	C	0,5

	5	D	0,5
	6	1,4	0,5
	7	A	0,5
	8	A	0,5
	9	Học sinh chọn và viết một đoạn thơ giàu tính nhạc của Trần Đăng Khoa. VD: *Mưa, Mẹ ốm, Trăng ơi từ đâu đến?*	1,0
	10	Học sinh liệt kê những bài thơ đã học của Trần Đăng Khoa theo trí	1,0
II. Viết		a. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. *Xác định đúng yêu cầu của đề.* Phân tích nhân vật trong thơ Trần Đăng Khoa mà em thích nhất dựa trên hoạt động, ngôn ngữ, cử chỉ của nhân vật.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: - Giới thiệu về bài thơ, tác giả Trần Đăng Khoa và nhân vật - Phân tích các đặc điểm của nhân vật, các đoạn văn cần nêu đủ ý kiến, lí lẽ, và dẫn chứng cụ thể minh họa - Phân tích nghệ thuật xây dựng tâm lí nhân vật và các nghệ thuật tiêu biểu khác - Khái quát, đánh giá chung về đặc điểm của nhân vật trong bài thơ của Trần Đăng Khoa	0,5 1,0 1,0 0,5
		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo, mới mẻ trong sử dụng từ ngữ, hình ảnh.	0,25

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	

1	**Đọc hiểu**	Văn bản nghị luận	**2**	**0**	**0**	**2**	**0**	**2**	**0**	**0**	**60**
2	**Viết**	Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do.	**0**	**1***	**0**	**1***	**0**	**1***	**0**	**1***	**40**
Tổng			**10**	**10**	**0**	**40**	**0**	**20**	**0**	**20**	**100 %**
Tỉ lệ %			**20%**		**40%**		**20%**		**20%**		
Tỉ lệ chung			**60%**				**40%**				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

TT	**Chương/ chủ đề**	**Nội dung/ đơn vị kiến thức**	**Mức độ đánh giá**	**Số câu hỏi theo mức độ nhận thức**			
				Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận dụng**	**Vận dụng cao**
1	**Đọc hiểu**	Văn bản nghị luận	**Nhận biết:** - Nhận biết được vấn đề nghị luận trong văn bản. - Xác định được các lí lẽ, dẫn chứng được tác giả sử dụng trong văn bản nghị luận. **Thông hiểu**: - Phân tích được vấn đề nghị luận. - Phân tích được tác dụng và hiệu quả của các lí lẽ, dẫn chứng được sử dụng trong văn bản để làm thuyết phục người đọc, người nghe. **Vận dụng:** - Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông, có tinh thần trách nhiệm đối với đất	2TN	2TL	2TL	

			nước.				
2	**Viết**	Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do.	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do. **Thông hiểu:** - Trình bày rõ ràng các khía cạnh khi cảm nhận về một bài thơ tự do. - Nêu và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong bài thơ. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản để viết được bài cảm nhận ghi lại cảm xúc của mình về một bài thơ tự do. **Vận dụng cao**: - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				1TL*
Tổng số câu				**2TN**	**2TL**	**2TL**	**1TL**
Tỉ lệ (%)				**20%**	**40%**	**20%**	**20%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN

……..

ĐỀ SỐ 42

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 20…. – 20….

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

"Bản lĩnh là khi bạn dám nghĩ, dám làm và có thái độ sống tốt. Muốn có bản lĩnh bạn cũng phải kiên trì luyện tập. Chúng ta thường yêu thích những người có bản lĩnh sống. Bản lĩnh đúng nghĩa chỉ có được khi bạn biết đặt ra mục tiêu và phương pháp để đạt được mục tiêu đó. Nếu không có phương pháp thì cũng giống như bạn đang nhắm mắt chạy trên con đường có nhiều ổ gà.

Cách thức ở đây cũng rất đơn giản. Đầu tiên, bạn phải xác định được hoàn cảnh và môi trường để bản lĩnh được thể hiện đúng lúc, đúng nơi, không tùy tiện. Thứ hai bạn phải chuẩn bị cho mình những tài sản bổ trợ như sự tự tin, ý chí, nghị lực, quyết tâm... Điều thứ ba vô cùng quan trọng chính là khả năng của bạn. Đó là những kỹ năng đã được trau dồi cùng với vốn tri thức, trải nghiệm. Một người mạnh hay yếu quan trọng là tùy thuộc vào yếu tố này.

Bản lĩnh tốt là vừa phục vụ được mục đích cá nhân vừa có được sự hài lòng từ những người xung quanh. Khi xây dựng được bản lĩnh, bạn không chỉ thể hiện được bản thân mình mà còn được nhiều người thừa nhận và yêu mến hơn."

(Tuoitre.vn - Xây dựng bản lĩnh cá nhân)

Câu 1 (0,5 điểm). Văn bản trên thuộc thể loại nào?

A. Văn bản nghị luận

B. Văn bản thông tin

C. Hành chính công vụ

D. Ý kiến khác

Câu 2 (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản?

A. Nghị luận

B. Miêu tả

C. Tự sự

D. Biểu cảm

Câu 3 (0,5 điểm). Chỉ ra tác dụng của bản lĩnh sống được nêu trong đoạn trích.

Câu 4 (1,0 điểm). Theo tác giả, những cách thức nào giúp bạn xây dựng được bản lĩnh sống?

Câu 5 (1,5 điểm)**.** Theo anh/chị, vì sao tác giả lại cho rằng: "Bản lĩnh tốt là vừa phục vụ được mục đích của cá nhân vừa có được sự hài lòng từ những người xung quanh"?

Câu 6 (2,0 điểm). Theo anh/chị, một người có bản lĩnh sống phải là người như thế nào?

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	A. Văn bản nghị luận	0,5 điểm
Câu 2	A. Nghị luận	0,5 điểm
Câu 3	Tác dụng của bản lĩnh sống: vừa phục vụ được mục đích cá nhân vừa có được sự hài lòng từ những người xung quanh.	0,5 điểm
Câu 4	Theo tác giả, cách thức xây dựng bản lĩnh sống là: Đầu tiên, bạn phải xác định được hoàn cảnh và môi trường để bản lĩnh được thể hiện đúng lúc, đúng nơi, không tùy tiện. Thứ hai bạn phải chuẩn bị cho mình những tài sản bổ trợ như sự tự tin, ý chí, nghị lực, quyết tâm… Điều thứ ba vô cùng quan trọng chính là khả năng của bạn.	1,0 điểm
Câu 5	Bởi vì: – Có bản lĩnh mới thực hiện được mục đích, ước mơ, hoài bão… Đó là chìa khóa để thành công trong cuộc sống. – Có bản lĩnh sẽ góp phần bảo vệ và giúp đỡ những người xung quanh, mang lại niềm tự hào, hạnh phúc cho người thân, gia đình và xã hội.	1,5 điểm
Câu 6	- Phải trau dồi tri thức, kinh nghiệm, kĩ năng - Phải dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm - Phải có ý chí, quyết tâm, nghị lực - Phải có chính kiến riêng trong mọi vấn đề. Người bản lĩnh dám đương đầu với mọi thử thách để đạt điều mong muốn.	2,0 điểm

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm

	a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do: Mở đoạn giới thiệu được tác giả và bài thơ. Thân đoạn phân tích được đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Kết bài khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở đoạn** - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung về bài thơ. **2. Thân đoạn** - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ. - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ…) …). **3. Kết đoạn** Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.	2,5 điểm
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,5 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Văn bản nghị luận	2	0	0	2	0	2	0	0	60
2	Viết	Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			10	10	0	40	0	20	0	20	100 %
Tỉ lệ %			20%		40%		20%		20%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI

TT	Chương / chủ đề	Nội dung / đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Đọc hiểu**	Văn bản nghị luận	**Nhận biết:** - Nhận biết được vấn đề nghị luận trong văn bản. - Xác định được các lí lẽ, dẫn chứng được tác giả sử dụng trong văn bản nghị luận. **Thông hiểu**: - Phân tích được vấn đề nghị luận. - Phân tích được tác dụng và hiệu quả của các lí lẽ, dẫn chứng được sử dụng trong văn bản để làm thuyết phục người đọc, người nghe. **Vận dụng:**	2TN	2TL	2TL	

			- Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông, có tinh thần trách nhiệm đối với đất nước.				
2	**Viết**	Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do.	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do. **Thông hiểu:** - Trình bày rõ ràng các khía cạnh khi cảm nhận về một bài thơ tự do. - Nêu và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong bài thơ. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản để viết được bài cảm nhận ghi lại cảm xúc của mình về một bài thơ tự do. **Vận dụng cao**: - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				1TL*
Tổng số câu				**2TN**	**2TL**	**2TL**	**1TL**
Tỉ lệ (%)				**20%**	**40%**	**20%**	**20%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN **ĐỀ THI Năm học: 20… – 20….**

…….. **Môn: Ngữ văn – Lớp 8**

(Thời gian làm bài: 90 phút)

ĐỀ SỐ 5

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

"Chúng ta ai cũng khao khát thành công. Tuy nhiên mỗi người định nghĩa thành công theo cách riêng. Có người gắn thành công với sự giàu có về tiền bạc, quyền lực, tài cao học rộng; có người lại cho rằng có một gia đình êm ấm, con cái nên người là thành công...vv. Chung qui lại, có thể nói thành công là đạt được những điều mong muốn, hoàn thành mục tiêu của mình.

Nhưng nếu suy ngẫm kỹ, chúng ta sẽ nhận ra rằng thật ra câu hỏi quan trọng không phải là "Thành công là gì?" mà là "Thành công để làm gì?". Tại sao chúng ta khát khao thành công? Suy cho cùng, điều chúng ta muốn không phải bản thân thành công mà là cảm giác mãn nguyện và dễ chịu mà thành công mang lại, khi chúng ta đạt được mục tiêu của mình. Chúng ta nghĩ rằng đó chính là hạnh phúc. Nói cách khác, đích cuối cùng mà chúng ta nhắm tới thật ra là hạnh phúc, còn thành công chỉ là phương tiện.

Quan niệm cho rằng thành công hơn sẽ giúp chúng ta hạnh phúc hơn chỉ là sự ngộ nhận, ảo tưởng.

Bạn hãy để hạnh phúc trở thành nền tảng cuộc sống, là khởi nguồn giúp bạn thành công hơn chứ không phải điều ngược lại! Đó chính là "bí quyết" để bạn có một cuộc sống thực sự thành công."

(Theo: http://songhanhphuc.net/tintuc)

Câu 1 (0,5 điểm). Văn bản trên thuộc thể loại nào?

A. Văn bản nghị luận

B. Văn bản thông tin

C. Hành chính công vụ

D. Ý kiến khác

Câu 2 (0,5 điểm). Chỉ ra đích cuối cùng mà con người hướng tới trong cuộc sống qua đoạn trích.

A. Niềm vui

B. Thành công

C. Hạnh phúc

D. Tiền bạc

Câu 3 (1.0 điểm). Theo tác giả, điều nào quan trọng hơn: "Thành công là gì?" hay "Thành công để làm gì?"

Câu 4 (1,0 điểm). Vì sao tác giả cho rằng: Quan niệm thành công hơn sẽ giúp chúng ta hạnh phúc hơn chỉ là sự ngộ nhận, ảo tưởng?

Câu 5 (1,0 điểm)**.** Anh/chị có đồng tình với quan niệm "Hạnh phúc là nền tảng cuộc sống" không? Vì sao?

Câu 6 (2.0 điểm). Anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về mối quan hệ giữa thành công và hạnh phúc.

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	A. Văn bản nghị luận	0,5 điểm
Câu 2	C. Hạnh phúc	0,5 điểm
Câu 3	"Thành công để làm gì?" Nghĩa là theo tác giả, lợi ích của thành công quan trọng hơn. Đó là cảm giác mãn nguyện và dễ chịu mà thành công đem lại, khi chúng ta đạt được mục tiêu của mình.	1,0 điểm
Câu 4	Vì thành công không phải lúc nào cũng đi liền với hạnh phúc bởi thực tế biết bao người giàu, nổi tiếng, thành công hơn người vẫn bất hạnh, trầm cảm, thậm chí bế tắc đến độ tìm đến cái chết.	1,0 điểm
Câu 5	Nêu rõ quan điểm đồng tình hay không đồng tình, có lí giải hợp lí thuyết phục	1,0 điểm
Câu 6	a. Đảm bảo về hình thức đoạn văn - Đoạn văn 200 chữ, có bố cục 3 phần: Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn - Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, qui nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành. b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Mối quan hệ giữa thành công và hạnh phúc. c. Triển khai vấn đề nghị luận - Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách. Có thể theo hướng sau: + Lí giải: Thế nào là thành công, thế nào là hạnh phúc?	2,0 điểm

	+ Bàn về mối quan hệ hai chiều giữa thành công và hạnh phúc. Thành công có giúp chúng ta hạnh phúc? Hạnh phúc có phải là sự thành công? Đánh giá xem thành công hay hạnh phúc giữ vai trò nền tảng, là yếu tố quan trọng hơn, là cái đích hướng đến. + Bài học nhận thức và hành động: Làm gì để có thành công và hạnh phúc d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt e. Sáng tạo Suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do: Mở đoạn giới thiệu được tác giả và bài thơ. Thân đoạn phân tích được đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Kết bài khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở đoạn** - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung về bài thơ. **2. Thân đoạn** - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ. - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn	3,5 điểm

	ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ…) …). **3. Kết đoạn** Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,5 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Văn bản nghị luận	2	1	2	1	0	2	0	0	50
2	Viết	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học	0	1*	0	1*	0	1*	0	2*	50
Tổng			20	10	20	10	0	20	0	20	100%
Tỉ lệ %			30%		30%		20%		20%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

TT	Chương / chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Văn bản	**Nhận biết:** - Nhận biết được nội	2TN	2TN	2TL	

		nghị luận	dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp; biết vận dụng trong tiếp nhận và tạo lập văn bản. **Thông hiểu**: - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết. **Vận dụng:** - Liên hệ được nội	1TL	1TL		

			dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.				
2	**Viết**	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài nghị luận văn học. - Xác định được bố cục bài văn, văn bản cần nghị luận. **Thông hiểu:** - Trình bày rõ ràng các khía cạnh của văn bản. - Nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. **Vận dụng:** - Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân về				1TL*

			những trải nghiệm văn học để viết được bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề. - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao**: - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý của bản thân với vấn đề cần bàn luận. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				
Tổng số câu				**2TN** **1TL**	**2TN** **1TL**	**2TL**	**1TL**
Tỉ lệ (%)				**30%**	**30%**	**20%**	**20%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN **ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I**

……..

ĐỀ SỐ 25

Năm học: 20…. – 20….

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Giả sử nếu một ngày đẹp trời nào đó, tinh thần trách nhiệm của loài người bị mất đi, hãy hình dung một viễn cảnh của xã hội: Con người không biết mình sống để làm gì. Sống lang thang, bơ vơ, vô định. Tất nhiên lúc đó không còn là sống mà chỉ là tồn tại. Con người sẽ vui chơi ăn uống vô độ, hủy hoại sức khỏe bản thân. Con người sẽ chây lười, chẳng làm gì để giữ gìn bản thân. Thiếu tính trách nhiệm, con người đánh mất chính mình.

[…]

Vì sao ta thiếu trách nhiệm?

Trách nhiệm đồng nghĩa với nguy cơ mình bị tổn thất một điều gì đó. Nếu nói dối, làm sai, gây hại… thì khi nhận trách nhiệm về mình, bạn sẽ bị tổn thất danh dự, tổn thất thời gian khắc phục, tổn thất niềm tin, mất chức, phải bồi thường hoặc chịu một hình phạt nào đó.

Không ai muốn mình phải tổn thất, vì thế nhu cầu an toàn trong mỗi con người khiến họ tìm cách trốn tránh trách nhiệm cá nhân và đùn đẩy nó cho người khác mà tốt nhất là cho tập thể. Vì tập thể sai thì có nghĩa là không ai sai cả, hoặc cái sai đó sẽ được chan đều và tất nhiên trách nhiệm của mình sẽ nhẹ đi đáng kể.

Tôi phạm luật vì ai cũng làm như thế cả, tôi không làm thì sẽ bị thua thiệt. Tôi không có mục đích sống vì chẳng ai cho tôi mục đích. Tôi bị cám dỗ vì xã hội có quá nhiều thứ xấu xa. Tôi học tệ vì thầy cô, vì tôi không đủ điều kiện. Tôi vượt đèn đỏ vì hoàn cảnh bắt buộc. Tôi xấu xa thế này là bởi gia đình…

Hãy đánh thức trách nhiệm với bản thân mình – với gia đình – với xã hội bắt đầu bằng cảm xúc xấu hổ và hành động tự nhận lỗi về mình trước khi đùn đẩy. Hiện tại, điều gì đang khiến chúng ta xấu hổ với chính mình? Điều gì khiến chúng ta hổ thẹn với gia đình và xã hội?

(Trích Sống trách nhiệm - Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là:

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Biểu cảm

D. Nghị luận

Câu 2. Theo văn bản, hiếu tính trách nhiệm, con người sẽ như thế nào?

A. Đánh mất chính mình

B. Bị mọi người xa lánh

C. Không thể đạt được thành công

D. Không biết giữ gìn bản thân

Câu 3. Để không phải chịu tổn thất, con người đã làm gì?

A. Nhận lỗi và tìm cách khắc phục tổn thất.

B. Tìm cách trốn tránh và đùn đẩy nó cho người khác.

C. Tìm cách đùn đẩy trách nhiệm cho cá nhân hoặc tập thể.

D. Tìm cách trốn trách những tổn thất mà mình gây ra.

Câu 4. Dòng nào nêu lên chủ đề của văn bản?

A. Tính trách nhiệm

B. Tính trung thực

C. Hiện tượng đổ lỗi

D. Sự cám dỗ

Câu 5 (0,5 điểm) Theo tác giả, những nguyên nhân nào khiến con người hay thiếu trách nhiệm?

Câu 6 (0,5 điểm) Thiếu tính trách nhiệm sẽ gây ra hậu quả như thế nào?

Câu 7 (1,0 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ cú pháp trong các câu sau: "Tôi bị cám dỗ vì xã hội có quá nhiều thứ xấu xa. Tôi học tệ vì thầy cô, vì tôi không đủ điều kiện. Tôi vượt đèn đỏ vì hoàn cảnh bắt buộc. Tôi xấu xa thế này là bởi gia đình".

Câu 8 (1,0 điểm) Từ quan điểm của tác giả: "Thiếu tính trách nhiệm, con người sẽ đánh mất chính mình", em rút ra bài học gì cho bản thân?

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Em hãy viết bài văn phân tích bài thơ sau:

BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ

Đã bấy lâu nay bác tới nhà.
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả, khôn chài cá,
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.
Cải chửa ra cây, cà mới nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
Bác đến chơi đây ta với ta.

(Nguyễn Khuyến)

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	D. Nghị luận	0,5 điểm
Câu 2	A. Đánh mất chính mình	0,5 điểm
Câu 3	B. Tìm cách trốn tránh và đùn đẩy nó cho người khác.	0,5 điểm
Câu 4	A. Tính trách nhiệm	0,5 điểm
Câu 5	- Những nguyên nhân khiến con người sống thiếu trách nhiệm: + Trách nhiệm đồng nghĩa với nguy cơ mình bị tổn thất một điều gì đó. + Nếu nói dối, làm sai, gây hại…thì khi nhận trách nhiệm về mình, bạn sẽ bị tổn thất danh dự, tổn thất thời gian khắc phục, tổn thất niềm tin, mất chức, phải bồi thường hoặc chịu một hình phạt nào đó.	0,5 điểm

Câu 6	Hậu quả của việc sống thiếu trách nhiệm: - Con người không biết mình sống để làm gì. Sống lang thang, bơ vơ, vô định. - Con người sẽ vui chơi ăn uống vô độ, hủy hoại sức khỏe bản thân. Con người sẽ chây lười, chẳng làm gì để giữ gìn bản thân. Thiếu tính trách nhiệm, con người đánh mất chính mình.	0,5 điểm
Câu 7	Biện pháp tu từ cú pháp: Lặp cấu trúc/ Lặp cú pháp - Tác dụng: + Giúp cho lời văn hài hòa, nhịp nhàng, bổ sung cho nhau. + Nhấn mạnh thái độ sống không có trách nhiệm, luôn đổ lỗi cho người khác, đổ lỗi cho hoàn cảnh.	1,0 điểm
Câu 8	- Khi thiếu trách nhiệm, con người sẽ không biết mình sống để làm gì, thiếu mục đích sống, con người sống buông thả, không giữ gìn bản thân. - Dám nhận trách nhiệm về mình, dám nhận sai và sửa sai. Vì hành vi này sẽ giúp chính chúng ta trở nên cao thượng, có một cuộc sống tốt đẹp. Chúng ta, xin đừng trốn tránh lỗi lầm của bản thân, hãy chân thành, trách nhiệm trong mọi hành động của bạn. Bởi vì có như vậy, bạn mới có một phẩm chất đạo đức tốt đẹp.	1,0 điểm

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học Mở bài giới thiệu được tác giả và bài thơ. Thân bài phân tích được đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Kết bài khẳng định vị trí	0,25 điểm

	và ý nghĩa của bài thơ.	
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Phân tích bài thơ Bạn đến chơi nhà của Nguyễn Khuyến.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung về bài thơ. **2. Thân bài** - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ. - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ,…);…). **3. Kết bài** Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.	3,5 điểm
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,5 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Văn bản nghị luận	2	1	2	1	0	2	0	0	50
2	Viết	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học	0	1*	0	1*	0	1*	0	2*	50
Tổng			20	10	20	10	0	20	0	20	100%
Tỉ lệ %			30%		30%		20%		20%		

Tỉ lệ chung	**60%**	**40%**	

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

TT	Chương / chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Đọc hiểu**	Văn bản nghị luận	**Nhận biết:** - Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp;	2TN 1TL	2TN 1TL	2TL	

			biết vận dụng trong tiếp nhận và tạo lập văn bản. **Thông hiểu**: - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết. **Vận dụng:** - Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội				

			đương đại.				
2	**Viết**	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài nghị luận văn học. - Xác định được bố cục bài văn, văn bản cần nghị luận. **Thông hiểu:** - Trình bày rõ ràng các khía cạnh của văn bản. - Nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. **Vận dụng:** - Vận dụng				1TL*

			những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân về những trải nghiệm văn học để viết được bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của để. - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao**: - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý của bản thân với vấn đề cần bàn luận. - Lời văn sinh động, giàu cảm				

			xúc, có giọng điệu riêng.				
Tổng số câu				**2TN** **1TL**	**2TN** **1TL**	**2TL**	**1TL**
Tỉ lệ (%)				**30%**	**30%**	**20%**	**20%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN

……..

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 20…. – 20….

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

(1) Chúng ta ai cũng khao khát thành công. Tuy nhiên, mỗi người định nghĩa thành công theo cách riêng. Có người gắn thành công với sự giàu có về tiền bạc, quyền lực, tài cao học rộng; có người lại cho rằng có một gia đình êm ấm, con cái nên người là thành công, v.v. Chung quy lại, có thể nói thành công là đạt được những điều mong muốn, hoàn thành mục tiêu của mình.

(2) Nhưng nếu suy ngẫm kỹ, chúng ta sẽ nhận ra rằng thật ra, câu hỏi quan trọng không phải là "thành công là gì?" mà là "thành công để làm gì"? Tại sao chúng ta khát khao thành công? Suy cho cùng, điều chúng ta muốn không phải bản thân thành công mà là cảm giác mãn nguyện và dễ chịu mà thành công đem lại, khi chúng ta đạt được mục tiêu của mình. Chúng ta nghĩ rằng đó chính là hạnh phúc. Nói cách khác, đích cuối cùng mà chúng ta nhắm tới thật ra là hạnh phúc, còn thành công chỉ là phương tiện. Quan niệm cho rằng thành công hơn sẽ giúp chúng ta hạnh phúc hơn chỉ là sự ngộ nhận, là ảo tưởng. Bạn hãy để hạnh phúc trở thành nền tảng cuộc sống, là khởi nguồn giúp bạn thành công hơn chứ không phải điều ngược lại! Đó chính là "bí quyết" để bạn có một cuộc sống thực sự thành công.

(Theo: songhanhphuc.net)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Nghị luận

D. Biểu cảm

Câu 2. Theo văn bản, thành công là gì?

A. Thành công là đạt được những điều mong muốn, hoàn thành mục tiêu của mình.

B. Thành công là sự giàu có về tiền bạc, quyền lực, tài cao học rộng.

C. Thành công là có một gia đình êm ấm, con cái nên người.

D. Thành công là được làm những gì mình muốn.

Câu 3. Đoạn (2) được triển khai theo kiểu đoạn văn nào?

A. Diễn dịch

B. Quy nạp

C. Song song

D. Kết hợp

Câu 4. Nội dung chính của đoạn (2) là gì?

A. Mục đích của sự thành công

B. Bí quyết để có một cuộc sống thành công

C. Vai trò của thành công

D. Giải thích thành công là gì

Câu 5 (0,5 điểm) Theo tác giả, điều nào quan trọng hơn: thành công là gì hay thành công để làm gì?

Câu 6 (0,5 điểm) Phép liên kết nào được sử dụng trong đoạn (1), nêu tác dụng.

Câu 7 (1,0 điểm) Theo em, vì sao tác giả cho rằng: quan niệm thành công hơn sẽ giúp chúng ta hạnh phúc hơn chỉ là sự ngộ nhận, là ảo tưởng?

Câu 8 (1,0 điểm) Em có đồng tình với quan niệm *Hạnh phúc là nền tảng cuộc sống, là khởi nguồn giúp bạn thành công hơn chứ không phải điều ngược lại* không? Vì sao?

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Em hãy viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật) mà em đã được học, được nghe.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	C. Nghị luận	0,5 điểm
Câu 2	A. Thành công là đạt được những điều mong muốn, hoàn thành mục tiêu của mình.	0,5 điểm
Câu 3	B. Quy nạp	0,5 điểm
Câu 4	B. Bí quyết để có một cuộc sống thành công	0,5 điểm
Câu 5	Theo tác giả, thành công để làm gì quan trọng hơn.	0,5 điểm
Câu 6	- Phép liên kết: + Phép nối: Tuy nhiên + Phép lặp: Thành công - Tác dụng: + Làm tăng sức biểu đạt cho đoạn văn. + Giúp người đọc hiểu được định nghĩa của sự thành công.	0,5 điểm
Câu 7	Tác giả cho rằng: quan niệm thành công hơn sẽ giúp chúng ta hạnh phúc hơn chỉ là sự ngộ nhận, là ảo tưởng vì: Trên thực tế, có nhiều người thành công nhưng không hạnh phúc.	1,0 điểm
Câu 8	HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau:	1,0 điểm

	- Nêu rõ quan điểm đồng tình hay không đồng tình; lí giải hợp lí, thuyết phục. Gợi ý: + Hạnh phúc là động lực thúc đẩy ta hành động tích cực + Hạnh phúc là mục tiêu để ta phấn đấu	

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học Mở bài giới thiệu được tác giả và bài thơ. Thân bài phân tích được đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Kết bài khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Phân tích bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật đã được học, được nghe.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung về bài thơ. **2. Thân bài**	4,0 điểm

	- Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ. - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ,…);…). **3. Kết bài** Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I
(BỘ SÁCH NGỮ VĂN 8 CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	**Đọc hiểu**	Văn bản nghị luận	**3**	**0**	**0**	**2**	**0**	**1**	**0**	**0**	**50**
2	**Viết**	Viết bài văn thuyết	**0**	**1***	**0**	**1***	**0**	**1***	**0**	**2***	**50**

		mình giải thích về một hiện tượng tự nhiên.									
Tổng			**15**	**5**	**0**	**40**	**0**	**20**	**0**	**20**	**100 %**
Tỉ lệ %			**20%**		**40%**		**20%**		**20%**		
Tỉ lệ chung			**60%**				**40%**				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Đọc hiểu**	Văn bản nghị luận	**Nhận biết:** - Nhận biết được vấn đề nghị luận trong văn bản. - Xác định được các lí lẽ, dẫn chứng được tác giả sử dụng trong văn bản nghị luận. **Thông hiểu**: - Phân tích được vấn đề nghị luận. - Phân tích được tác dụng và hiệu quả của các lí lẽ, dẫn chứng được sử dụng trong văn bản để làm thuyết phục người đọc, người nghe. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản để viết được đoạn văn/ bài văn nghị luận văn học đáp ứng yêu cầu của đề bài. - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của	**3TN**	**2TL**	**1TL**	

			bản thân.				
2	**Viết**	Viết bài văn thuyết mình giải thích về một hiện tượng tự nhiên.	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên. - Xác định được bố cục bài văn, đặc điểm của thể loại văn bản. **Thông hiểu:** - Trình bày rõ ràng các khía cạnh của một bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên. - Phân tích được tác dụng của một vài biện pháp, phương tiện phi ngôn ngữ… được sử dụng trong bài thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, để viết được bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên hoàn chỉnh đáp ứng nhu cầu bài học. - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao**: - Có lối viết sáng tạo, kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để bài viết hấp dẫn lôi cuốn. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				1TL*
Tổng số câu				**3TN**	**2TL**	**1TL**	**1TL**
Tỉ lệ (%)				**20%**	**40%**	**20%**	**20%**

Tỉ lệ chung		**60%**	**40%**

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN
……..

ĐỀ SỐ 35

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I
Năm học: 20… – 20…
Môn: Ngữ văn – Lớp 8
(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

"Lòng nhân ái không phải tự sinh ra con người đã có. Lòng nhân ái là một trong những phẩm chất hàng đầu, là văn hóa của mỗi một con người. Lòng nhân ái có được là do sự góp công của mỗi gia đình và nhà trường tạo lập cho các em thông qua các hoạt động trải nghiệm rèn luyện, học tập, sẻ chia, "đau với nỗi đau của người khác" …

…Lòng nhân ái rất cần trong đời sống, đó là nét văn hóa, là cốt cách của mỗi một con người. Các hoạt động từ thiện đã và đang diễn ra tại Trường Quốc tế Global đã góp phần giúp các em học sinh xây dựng tính cộng đồng, tinh thần trách nhiệm, sẻ chia với mọi người và giúp người khi khó khăn hoạn nạn, phát triển toàn diện tri thức và đạo đức để trở thành những công dân ưu tú, có ích cho xã hội, gìn giữ được bản sắc văn hóa Việt Nam."

(Trích Dạy trẻ lòng nhân ái ở trường quốc tế Global – theo Dân trí – ngày 14/ 2/ 2015).

Câu 1 (0,5 điểm). Văn bản trên thuộc thể loại nào?

A. Văn bản nghị luận

B. Văn bản thông tin

C. Hành chính công vụ

D. Ý kiến khác

Câu 2 (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Nghị luận

D. Biểu cảm

Câu 3 (0,5 điểm). Theo tác giả bài viết, "Lòng nhân ái có được" là do những yếu tố nào?

A. "Lòng nhân ái có được là do sự góp công của mỗi gia đình và nhà trường tạo lập cho các em thông qua các hoạt động trải nghiệm rèn luyện, học tập, sẻ chia, "đau với nỗi đau của người khác" …"

B. "Lòng nhân ái không phải tự sinh ra con người đã có. Lòng nhân ái là một trong những phẩm chất hàng đầu, là văn hóa của mỗi một con người."

C. "Lòng nhân ái rất cần trong đời sống, đó là nét văn hóa, là cốt cách của mỗi một con người."

D. Đáp án khác.

Câu 4 (1,0 điểm) Tại sao tác giả bài viết cho rằng "lòng nhân ái rất cần trong đời sống"?

Câu 5 (1,0 điểm)**.** Thông điệp nào của đoạn trích trên có ý nghĩa nhất đối với anh/chị?

Câu 6 (1,5 điểm). Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về giá trị của lòng nhân ái đối với con người.

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Viết bài văn thuyết mình giải thích về một hiện tượng tự nhiên.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	A. Văn bản nghị luận	0,5 điểm
Câu 2	C. Nghị luận	0,5 điểm
Câu 3	A. "Lòng nhân ái có được là do sự góp công của mỗi gia đình và nhà trường tạo lập cho các em thông qua các hoạt động trải nghiệm rèn luyện, học tập, sẻ chia, "đau với nỗi đau của người khác" …"	0,5 điểm
Câu 4	- "Lòng nhân ái rất cần trong đời sống" vì "đó là nét văn hóa, là cốt cách của mỗi một con người." - Lưu ý: Học sinh có những kiến giải khác mà hợp lí và phù hợp với nội dung, tư tưởng của đoạn trích thì vẫn cho điểm.	1,0 điểm
Câu 5	- Thông điệp: Hãy đùm bọc, sẻ chia, cảm thông trước những khó khăn của con người trong cuộc sống, … - Lưu ý: Học sinh có thể trình bày những thông điệp khác nhưng phải hợp lí thì vẫn cho điểm.	1,0 điểm

Câu 6	- Đảm bảo đúng hình thức - Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (nghị luận về lòng nhân ái): Giá trị của lòng nhân ái đối với con người. c. Triển khai vấn đề nghị luận Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ giá trị của lòng nhân ái đối với con người. Có thể theo định hướng sau: * Giải thích: Lòng nhân ái là gì? Lòng nhân ái là tình yêu thương giữa con người với con người. * Tại sao con người cần phải có lòng nhân ái: - Lòng nhân ái là cách con người trao cho nhau tình thương mà không cần sự đền đáp, trả ơn từ người mình đã giúp đỡ. - Lòng nhân ái rất cần trong đời sống, đó là nét văn hóa, là cốt cách của mỗi một con người. – Biểu hiện: + Quan tâm đến những người xung quanh. + Chia sẻ, cảm thông với những nỗi đau của người khác. + Lòng nhân ái của con người trong thời chiến, thời bình (dẫn chứng). * Bàn luận mở rộng để rút ra bài học cho bản thân: – Phê phán những kẻ chỉ biết có mình, ích kỉ, vì lợi ích của bản thân, không quan tâm đến người khác. – Bài học nhận thức và hành động: Mỗi người phải rèn luyện cho mình đức tính tốt đó là: tinh thần yêu thương, san sẻ cho nhau trong cuộc sống; tự bản thân phải sống tốt và ngày càng hoàn thiện mình hơn.	1,5 điểm

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên. Mở bài giới thiệu được hiện tượng. Thân bài triển khai được chi tiết về hiện tượng tự nhiên (giải thích, nguyên nhân…). Kết bài nêu khái quát lại hiện tượng.	0,25 điểm

	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài:** Giới thiệu về hiện tượng tự nhiên mà em muốn trình bày. **2. Thân bài:** - Vì sao hiện tượng tự nhiên đó xuất hiện. - Hiện tượng tự nhiên đó xuất hiện như thế nào? - Hiện tượng tự nhiên đó kết thúc như thế nào? Gây nên kết quả gì - Nhận xét: + Hiện tượng tự nhiên đó có diễn ra thường xuyên không? + Hiện tượng tự nhiên đó có ảnh hưởng, tác động tốt/xấu gì cho con người hay không? **3. Kết bài:** - Tóm tắt lại nội dung đã giải thích. - Khái quát lại về hiện tượng tự nhiên đó.	3,5 điểm
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,5 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức				Tổng %
			Nhận	Thông	Vận	Vận	

	g		biết		hiểu		dụng		dụng cao		điểm
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	**Đọc hiểu**	Văn bản nghị luận	**3**	**0**	**0**	**3**	**0**	**1**	**0**	**0**	**60**
2	**Viết**	Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do.	**0**	**1***	**0**	**1***	**0**	**1***	**0**	**1***	**40**
Tổng			**15**	**5**	**0**	**40**	**0**	**20**	**0**	**20**	**100 %**
Tỉ lệ %			**20%**		**40%**		**20%**		**20%**		
Tỉ lệ chung			**60%**				**40%**				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Đọc hiểu**	Văn bản nghị luận	**Nhận biết:** - Nhận biết được vấn đề nghị luận trong văn bản. - Xác định được các lí lẽ, dẫn chứng được tác giả sử dụng trong văn bản nghị luận. **Thông hiểu**: - Phân tích được vấn đề nghị luận. - Phân tích được tác dụng và hiệu quả của các lí lẽ, dẫn chứng được sử dụng trong văn bản để làm thuyết phục người đọc, người nghe. **Vận dụng:** - Tự hào về truyền	3TN	3TL	1TL	

			thống dựng nước và giữ nước của cha ông, có tinh thần trách nhiệm đối với đất nước.				
2	**Viết**	Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do.	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do. **Thông hiểu:** - Trình bày rõ ràng các khía cạnh khi cảm nhận về một bài thơ tự do. - Nêu và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong bài thơ. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản để viết được bài cảm nhận ghi lại cảm xúc của mình về một bài thơ tự do. **Vận dụng cao**: - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				1TL*
Tổng số câu				**3TN**	**3TL**	**1TL**	**1TL**
Tỉ lệ (%)				**20%**	**40%**	**20%**	**20%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN
……..

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

ĐỀ SỐ 36

Năm học: 20… – 20…

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

"Cái quý giá nhất trên đời mà mỗi người có thể góp phần mang lại cho chính mình và cho người khác đó là "năng lực tạo ra hạnh phúc", bao gồm năng lực làm người, năng lực làm việc và năng lực làm dân.

Năng lực làm người là có cái đầu phân biệt được thiện - ác, chân - giả, chính - tà, đúng - sai..., biết được mình là ai, biết sống vì cái gì, có trái tim chan chứa tình yêu thương và giàu lòng trắc ẩn. Năng lực làm việc là khả năng giải quyết được những vấn đề của cuộc sống, của công việc, của chuyên môn, và thậm chí là của xã hội. Năng lực làm dân là biết được làm chủ đất nước là làm cái gì và có khả năng để làm được những điều đó. Khi con người có được những năng lực đặc biệt này thì sẽ thực hiện được những điều mình muốn. Khi đó, mỗi người sẽ trở thành một "tế bào hạnh phúc", một "nhà máy hạnh phúc" và sẽ ngày ngày "sản xuất hạnh phúc" cho mình và cho mọi người.

Xã hội mở ngày nay làm cho không có ai là "nhỏ bé" trên cuộc đời này, trừ khi tự mình muốn "nhỏ bé". Ai cũng có thể trở thành những "con người lớn" bằng hai cách, làm được những việc lớn hoặc làm những việc nhỏ với một tình yêu cực lớn. Và khi biết chọn cho mình một lẽ sống phù hợp rồi sống hết mình và cháy hết mình với nó, mỗi người sẽ có được một hạnh phúc trọn vẹn. Khi đó, ta không chỉ có những khoảnh khắc hạnh phúc, mà còn có cả một cuộc đời hạnh phúc. Khi đó, tôi hạnh phúc, bạn hạnh phúc và chúng ta hạnh phúc. Đó cũng là lúc ta thực sự "chạm" vào hạnh phúc!"

("Để chạm vào hạnh phúc"- Giản Tư Trung, Thời báo Kinh tế Sài Gòn Online, 3/2/2012)

Câu 1 (0,5 điểm). Văn bản trên thuộc thể loại nào?

A. Văn bản nghị luận

B. Văn bản thông tin

C. Hành chính công vụ

D. Ý kiến khác

Câu 2 (0,5 điểm). Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản?

A. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

B. Phong cách ngôn ngữ chính luận.

C. Phong cách ngôn ngữ báo chí.

D. Phong cách ngôn ngữ khoa học.

Câu 3 (0,5 điểm). Thao tác lập luận chính của văn bản là:

A. Phân tích

B. So sánh

C. Bác bỏ

D. Giải thích

Câu 4 (0,5 điểm). Tìm yếu tố thể hiện năng lực làm người được đề cập trong văn bản.

Câu 5 (1,0 điểm)**.** Nêu nội dung chính của văn bản.

Câu 6 (1,0 điểm). Trong văn bản có nhiều cụm từ in đậm được để trong ngoặc kép, hãy nêu công dụng của việc sử dụng dấu ngoặc kép trong những trường hợp trên. Từ đó, hãy giải thích nghĩa hàm ý của 02 cụm từ "nhỏ bé" và "con người lớn".

Câu 7 (1,0 điểm). Theo quan điểm riêng của mình, anh/chị chọn cách "chạm" vào hạnh phúc bằng việc "làm những việc lớn" hay "làm những việc nhỏ với một tình yêu cực lớn". Vì sao? (Nêu ít nhất 02 lý do trong khoảng 5 - 7 dòng).

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	A. Văn bản nghị luận	0,5 điểm
Câu 2	C. Phong cách ngôn ngữ báo chí.	0,5 điểm
Câu 3	A. Phân tích	0,5 điểm
Câu 4	Yếu tố thể hiện năng lực làm người: phân biệt được thiện - ác, chân - giả, chính - tà, đúng - sai..., biết được mình là ai, biết sống vì cái gì, có trái tim chan chứa tình yêu thương và giàu lòng trắc ẩn.	0,5 điểm
Câu 5	Nội dung chính của văn bản trên: - Con người có năng lực tạo ra hạnh phúc, bao gồm: năng lực làm người, làm việc, làm dân.	1,0 điểm

	- Để chạm đến hạnh phúc con người phải trở thành "con người lớn" bằng hai cách: làm việc lớn hoặc làm việc nhỏ với tình yêu lớn. => Con người tự tạo ra hạnh phúc bằng những vệc làm đúng đắn, phù hợp với yêu cầu của xã hội dù đó là việc lớn hay nhỏ.	
Câu 6	- Công dụng của việc sử dụng dấu ngoặc kép: làm nổi bật, nhấn mạnh đến một ý nghĩa, một cách hiểu khác có hàm ý… - Nghĩa hàm ý của hai cụm từ "nhỏ bé": tầm thường, thua kém, tẻ nhạt… và "con người lớn": tự do thể hiện mình, khẳng định giá trị bản thân, thực hiện những ước mơ, sống cao đẹp, có ích, có ý nghĩa…	1,0 điểm
Câu 7	- Nêu ít nhất 02 lí do thuyết phục để khẳng định lối sống mình chọn theo quan điểm riêng của bản thân. "Làm những việc lớn" gắn với ước mơ, lí tưởng hào hùng, lối sống năng động, nhiệt huyết, tràn đầy khát vọng. Còn "tìm những việc nhỏ với một tình yêu cực lớn" lại chú trọng đến niềm đam mê, cội nguồn của sáng tạo.	1,0 điểm

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do Mở đoạn giới thiệu được tác giả và bài thơ. Thân đoạn phân tích được đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Kết bài khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở đoạn** - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến	3,5 điểm

	chung về bài thơ. **2. Thân đoạn** - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ. - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ…) …). **3. Kết đoạn** Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,5 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	**Đọc hiểu**	Văn bản nghị luận	**3**	**0**	**0**	**2**	**0**	**1**	**0**	**0**	**50**
2	**Viết**	Viết bài văn thuyết minh giải	**0**	**1***	**0**	**1***	**0**	**1***	**0**	**2***	**50**

		thích về một hiện tượng tự nhiên.									
Tổng			**15**	**5**	**0**	**40**	**0**	**20**	**0**	**20**	**100 %**
Tỉ lệ %			**20%**		**40%**		**20%**		**20%**		
Tỉ lệ chung			**60%**				**40%**				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

TT	**Chương / chủ đề**	**Nội dung/ đơn vị kiến thức**	**Mức độ đánh giá**	**Số câu hỏi theo mức độ nhận thức**			
				Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận dụng**	**Vận dụng cao**
1	**Đọc hiểu**	Văn bản nghị luận	**Nhận biết:** - Nhận biết được vấn đề nghị luận trong văn bản. - Xác định được các lí lẽ, dẫn chứng được tác giả sử dụng trong văn bản nghị luận. **Thông hiểu**: - Phân tích được vấn đề nghị luận. - Phân tích được tác dụng và hiệu quả của các lí lẽ, dẫn chứng được sử dụng trong văn bản để làm thuyết phục người đọc, người nghe. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản để viết được đoạn văn/ bài văn nghị luận văn học đáp ứng yêu cầu của đề bài. - Nhận xét, rút ra bài	**3TN**	**2TL**	**1TL**	

			học từ trải nghiệm của bản thân.				
2	**Viết**	Viết bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên.	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên. - Xác định được bố cục bài văn, đặc điểm của thể loại văn bản. **Thông hiểu:** - Trình bày rõ ràng các khía cạnh của một bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên. - Phân tích được tác dụng của một vài biện pháp, phương tiện phi ngôn ngữ… được sử dụng trong bài thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, để viết được bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên hoàn chỉnh đáp ứng nhu cầu bài học. - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao**: - Có lối viết sáng tạo, kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để bài viết hấp dẫn lôi cuốn. - Lời văn sinh động,				1TL*

			giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				
Tổng số câu				**3TN**	**2TL**	**1TL**	**1TL**
Tỉ lệ (%)				**20%**	**40%**	**20%**	**20%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN
……..

ĐỀ SỐ 38

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I
Năm học: 20…. – 20….
Môn: Ngữ văn – Lớp 8
(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

"(...) chúng ta hãy biết trân quý vẻ đẹp tâm hồn, bởi đó là yếu tố tiên quyết làm nên giá trị chân chính của một con người. Con người là tổng hóa của vẻ đẹp hình thức bên ngoài lẫn tâm hồn bên trong (...). Với tôi, vẻ đẹp đáng được nâng niu, trân trọng được ngưỡng mộ hơn hết vẫn là nét đẹp toát lên từ tâm hồn mỗi người.

Vẻ đẹp tâm hồn là vẻ đẹp tổng hòa của cảm xúc, nhận thức, lý trí và khát vọng của lòng nhân ái, bao dung, thấu hiểu và sẻ chia, của sự chân thành, hiểu biết, thái độ, cách suy nghĩ và sự lắng nghe trong cuộc sống. Một tâm hồn đẹp giúp ta biết yêu thương, biết sống đẹp, sống có ích. Vẻ đẹp tâm hồn như người ta vẫn nói, tuy nó không có hình hài nhưng thực sự sâu xa và bền vững. Bởi vậy, đó là cái đẹp đáng được quý trọng nhất.

(...) Giống như lớp vỏ bên ngoài, như bình hoa hay một cô búp bê, khi ngắm mãi, (...) ta cũng sẽ thấy chán. Vẻ đẹp hình thức của một con người cũng vậy. Dẫu đẹp, dấu ấn tượng đến mấy rồi cũng sẽ dễ dàng bị xóa nhòa nếu người đó chỉ là một con người nhạt nhẽo, vô duyên, hay ích kỷ, xấu xa... Nhưng vẻ đẹp tâm hồn thì khác. Nó luôn tạo nên được sức thu hút vô hình và mạnh mẽ nhất, là giá trị thực sự lâu bền của bản thân mỗi người. Một người có tâm hồn đẹp thì vẻ đẹp tâm hồn sẽ càng tôn vinh, bồi đắp cho vẻ đẹp hình thức của người ấy. Và muốn có được vẻ đẹp tâm hồn, mỗi người cần phải trải qua quá trình rèn luyện, tu dưỡng, học hỏi một cách thường xuyên (...)".

(Nguyễn Đình Thi, Trích "Vẻ đẹp tâm hồn")

Câu 1 (0,5 điểm). Văn bản trên thuộc thể loại nào?

A. Văn bản nghị luận

B. Văn bản thông tin

C. Hành chính công vụ

D. Ý kiến khác

Câu 2 (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Nghị luận

D. Biểu cảm

Câu 3 (0,5 điểm). Chỉ ra từ ngữ thể hiện phép nối giữa hai câu văn sau: "Vẻ đẹp tâm hồn như người ta vẫn nói, tuy nó không có hình hài nhưng thực sự sâu xa và bền vững. Bởi vậy, đó là cái đẹp đáng được quý trọng nhất".

A. Tuy…nhưng.

B. Bởi vậy.

C. Cả A và B

D. Đáp án khác

Câu 4 (0,5 điểm) Em hiểu như thế nào về nội dung của câu văn: "Một tâm hồn đẹp giúp ta biết yêu thương, biết sống đẹp, sống có ích"?

Câu 5 (1,0 điểm)**.** Một người có tâm hồn đẹp thì vẻ đẹp tâm hồn sẽ càng tôn vinh, bồi đắp cho vẻ đẹp hình thức của người ấy". Em có đồng tình với quan điểm này của tác giả không? Vì sao?

Câu 6 (2,0 điểm). Viết đoạn văn khoảng 200 chữ bàn về cách thức để con người rèn luyện, tu dưỡng vẻ đẹp tâm hồn.

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Viết bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	A. Văn bản nghị luận	0,5 điểm
Câu 2	C. Nghị luận	0,5 điểm
Câu 3	C. Cả A và B	0,5 điểm
Câu 4	"Một tâm hồn đẹp giúp ta biết yêu thương, biết sống đẹp,	1,0 điểm

	sống có ích" là nhận định chính xác bởi khi có một tâm hồn đẹp con người không chỉ biết yêu thương mà còn biết sẻ chia có thái độ và cách suy nghĩa thấu đáo... nhờ vậy lối sống trở thành sống đẹp, cuộc sống trở nên có ý nghĩa hơn.	
Câu 5	- Đồng tình - Lý giải: Vẻ đẹp tâm hồn tạo nên sức hút vô cùng mạnh mẽ và bền vững. Nó chính là một trong yếu tố quan trọng làm nên vẻ đẹp hình thức hoàn thiện nhất.	1,0 điểm
Câu 6	- Đảm bảo hình thức: đoạn văn - Xác định nội dung: **Mở đoạn**: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: tầm quan trọng của việc nuôi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn. **Thân đoạn:** ***Giải thích vẻ đẹp tâm hồn***: là vẻ đẹp bên trong mỗi con người, là nhân cách, phẩm chất tốt đẹp, những đức tính quý báu mà mỗi chúng ta cần rèn luyện, trau dồi để hoàn thiện bản thân mình. => Khẳng định: con người rèn luyện, tu dưỡng vẻ đẹp tâm hồn. ***Phân tích, chứng minh*** – Mỗi con người có một khả năng riêng, thế mạnh riêng, chúng ta cần phải nhận ra giá trị của bản thân mình và tự tin vào bản thân mình, đó sẽ là động lực quan trọng góp phần giúp ta cố gắng thực hiện những mục tiêu trong cuộc sống và đạt được những điều chúng ta mong muốn. – Con người sống và đối xử với nhau bằng tính cách, bằng suy nghĩ và hành động, không phải bằng vẻ bề ngoài, vì vậy, để trở thành người tốt được mọi người yêu quý, trọng dụng, chúng ta cần phải rèn luyện cho bản thân mình vẻ đẹp tâm hồn và những đức tính tốt đẹp. – Người có đạo đức, nhân phẩm tốt sẽ được mọi người yêu quý, tôn trọng, sẽ có được nhiều cơ hội quý báu hơn trong cuộc sống. ***Chứng minh:*** Học sinh tự lấy dẫn chứng về những con người nuôi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn thành công và trở thành người có ích cho xã hội để minh họa cho bài làm văn của mình. Lưu ý: Dẫn chứng phải tiêu biểu, xác thực và được nhiều người biết đến. ***Bàn luận mở rộng*** Trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người quá tự cao tự đại, ảo tưởng về sức mạnh của bản thân mà không chịu trau dồi, tiến bộ. Lại có những người đề cao vẻ đẹp về ngoại hình, hình thức hơn vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách… những người này đáng bị xã hội thẳng thắn phê phán và chỉ trích. ***Bài học và liên hệ bản thân.*** **Kết đoạn**	1,5 điểm

	Khái quát lại vấn đề nghị luận: tầm quan trọng của việc nuôi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn.	

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên. Mở bài giới thiệu được hiện tượng. Thân bài triển khai được chi tiết về hiện tượng tự nhiên (giải thích, nguyên nhân…). Kết bài nêu khái quát lại hiện tượng.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn thuyết mình giải thích về một hiện tượng tự nhiên.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài:** Giới thiệu về hiện tượng tự nhiên mà em muốn trình bày. **2. Thân bài:** - Vì sao hiện tượng tự nhiên đó xuất hiện. - Hiện tượng tự nhiên đó xuất hiện như thế nào? - Hiện tượng tự nhiên đó kết thúc như thế nào? Gây nên kết quả gì - Nhận xét: + Hiện tượng tự nhiên đó có diễn ra thường xuyên không? + Hiện tượng tự nhiên đó có ảnh hưởng, tác động tốt/xấu gì cho con người hay không? **3. Kết bài:** - Tóm tắt lại nội dung đã giải thích. - Khái quát lại về hiện tượng tự nhiên đó.	3,5 điểm
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5 điểm

	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,5 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

7.VĂN BẢN THÔNG TIN:

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KỲ I

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Văn bản thông tin	2	0	4	0	1	3	0	0	60
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			20	5	20	15	5	25	0	10	100%
Tỉ lệ %			25%		35%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HỌC KỲ I

TT	Chương / chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Văn bản thông tin	**Nhận biết:** - Nhận biết được thông tin trong văn bản. - Xác định được các dữ liệu, sự kiện được tác giả	2TN	4TN	1TN 3TL	

			sử dụng trong văn bản nghị luận. **Thông hiểu:** - Phân tích được dữ liệu, nguồn tin được tác giả sử dụng trong văn bản. - Phân tích được tác dụng và hiệu quả của các thông tin, dữ liệu được tác giả sử dụng. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản để viết được đoạn văn/ bài văn đáp ứng yêu cầu của đề bài. - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân.				
2	**Viết**	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài nghị luận về một hiện tượng đời sống. - Xác định được bố cục bài văn, văn bản cần nghị luận. **Thông hiểu:** - Trình bày rõ ràng các khía cạnh của văn bản. - Nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân về những trải nghiệm văn học để viết được bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề. - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản				1TL*

			thân. **Vận dụng cao**: - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý của bản thân với vấn đề cần bàn luận. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				
Tổng số câu				**2TN**	**4TN**	**1TN 3TL**	**1 TL**
Tỉ lệ (%)				**25%**	**35%**	**30%**	**10%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN

……..

ĐỀ SỐ 39

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 20… – 20….

Môn: Ngữ văn – Lớp 8

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

29/03/2014

Tối nay (29/3), 63 tỉnh thành Việt Nam sẽ cùng cả thế giới hành động trong chiến dịch Giờ Trái Đất, với nhiều hoạt động nhằm sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng và bảo vệ môi trường trước biến đổi khí hậu.

(1) Vào năm 2004, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế của Ô-xtrây-li-a (Australia) tìm kiếm phương pháp truyền thông mới để đưa vấn đề biến đổi khí hậu vào hoạt động tuyên truyền. Tổ chức này đã thảo luận với Công ti quảng cáo Lê-Ô Bớc-nét Xít-ni (Leo Bumett Sydney) về các ý tưởng truyền thông nhằm thu hút sự chú ý của người dân Ô-xtrây-li-a về vấn đề biến đổi khí hậu. Chiến dịch dựa trên niềm hi vọng rằng mỗi cá nhân đều có trách nhiệm với tương lai của Trái Đất nơi chúng ta đang sinh sống.

(2) Sang năm 2005, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế Ô-xtrây-li-a và Công ti Lê-Ô Bớc-nét Xít-ni bắt đầu xây dựng một ý tưởng tắt điện ở quy mô lớn, dự án có tên gọi "Tiếng tắt lớn".

Đến năm 2006, nhà quảng cáo Lê-Ô Bớc-nét được giao một nhiệm vụ khó khăn: đặt tên cho chiến dịch. Từ đó, tên "Giờ Trái Đất" ra đời, kêu gọi các cá nhân và doanh nghiệp tắt điện một tiếng đồng hồ vào tối thứ 7 cuối cùng của tháng 3 hằng năm. Tên gọi Giờ Trái Đất giúp chiến dịch mở rộng từ mục tiêu kêu gọi mọi người tắt đèn và các thiết bị sử dụng điện sang mục tiêu có tính bền vững, lâu dài hơn. Chiến dịch Giờ Trái Đất nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của Thị trưởng thành phố Xít-ni.

Vào ngày 31-3-2007, lễ khai mạc sự kiện Giờ Trái Đất được tổ chức tại Xít-ni, Ô-xtrây-li-a với sự tham gia của 2,2 triệu người dân và 2 100 doanh nghiệp tại đây, sự kiện kéo dài một tiếng đồng hồ từ 19h30 đến 20h30.

Chiến dịch Giờ Trái Đất ban đầu chỉ nằm trong kế hoạch thuộc phạm vi quốc gia của Ô-xtrây-li-a nhưng đã thực sự thu hút sự quan tâm của thế giới và các nước bắt đầu tham gia vào chiến dịch Giờ Trái Đất những năm sau đó.

Vào ngày 29-3-2008, chiến dịch Giờ Trái Đất mở rộng được tổ chức ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.

Một năm sau đó (2009), chiến dịch Giờ Trái Đất đã thu hút sự tham gia của hàng trăm triệu người. Hơn 4 000 thành phố và thị trấn thuộc 88 quốc gia trên thế giới cùng biểu thị tinh thần chống biến đổi khí hậu bằng hành động tắt đèn trong vòng một giờ đồng hồ.

"Giờ Trái Đất không phải chỉ dừng lại ở hành động tắt đèn, mà đây là chiến dịch trong đó tất cả mọi người trên thế giới cùng nhau đoàn kết và thể hiện họ có thể làm gì trong suốt cả năm để bảo vệ hành tinh.

(En-đi Rít-li (Andy Ridley), Giám đốc và là người sáng lập chiến dịch Giờ Trái Đất toàn cầu)."

Câu 1 (0,5 điểm) Văn bản trên thuộc thể loại nào?

A. Văn bản nghị luận

B. Văn bản thông tin

C. Hành chính công vụ

D. Ý kiến khác

Câu 2 (0,5 điểm). Tên ban đầu của chiến dịch Giờ Trái Đất là gì?

A. Giờ tắt lớn.

B. Tắt.

C. Tiếng nổ lớn.

D. Tiếng tắt lớn.

Câu 3 (0,5 điểm) Nội dung chính của đoạn trích dưới đây:

29/3/2014

"Tối nay (29/3), 63 tỉnh thành Việt Nam sẽ cùng cả thế giới hành động trong chiến dịch Giờ Trái Đất, với nhiều hoạt động nhằm sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng và bảo vệ môi trường trước biến đổi khí hậu."

A. Sự ra đời và phát triển của giờ Trái Đất

B. Khởi phát của giờ Trái Đất

C. Khái quát và nêu lên sự kiện thông tin

D. Giờ Trái Đất chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu

Câu 4 (0,5 điểm). Nội dung chính của đoạn trích dưới đây:

"Vào năm 2004, Tổ chức Bảo tồn Thiên Nhiên Quốc tế của Ô-xtrây-li-a (Australia) tìm kiếm phương pháp truyền thông mới để đưa vấn đề biến đổi khí hậu vào hoạt động tuyên truyền. Tổ chức này đã thảo luận với Công ti quảng cáo Lê-ơ Bớc-nét Xít-ni (Leo Bernett Sydney) về các ý tưởng truyền thông nhằm thu hút sự chú ý của người dân Ô-xtrây-li-a về vấn đề biến đổi khí hậu. Chiến dịch dựa trên niềm hi vọng rằng mỗi cá nhân đều có trách nhiệm với tương lai của Trái Đất nơi chúng ta đang sinh sống."

A. Sự ra đời và phát triển của giờ Trái Đất

B. Khởi phát của giờ Trái Đất

C. Khái quát và nêu lên sự kiện thông tin

D. Giờ Trái Đất chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu

Câu 5 (0,5 điểm). Nội dung sau đúng hay sai?

"Văn bản Giờ Trái Đất đã cung cấp đầy đủ thông tin về nguyên nhân, sự hình thành, ý nghĩa và phát triển của chiến dịch này"

A. Đúng

B. Sai

Câu 6 (0,5 điểm). Nghệ thuật được sử dụng trong văn bản *Giờ Trái Đất* là:

A. Sử dụng kết hợp các biện pháp nghệ thuật: so sánh, ẩn dụ, nhân hóa...

B. Kết hợp văn bản truyền thống và hình ảnh, đồ họa…

C. Giọng điệu truyền cảm, thiết tha

D. Tất cả các phương án trên

Câu 7 (0,5 điểm). Giờ Trái Đất có ý nghĩa gì với nhân loại?

A. Giúp mọi người trên thế giới đoàn kết

B. Thể hiện hành động cụ thể để bảo vệ hành tinh

C. Chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc

D. B và C

E. A và B

Câu 8 (0,5 điểm). Ngày Trái Đất được tổ chức hàng năm để bàn về vấn đề gì? Thông tin 141 nước tham gia cho em thấy điều gì?

Câu 9 (1,0 điểm). Phân tích tính thuyết phục của những kiến nghị mà văn bản đã đề xuất. Hãy chỉ ra tác dụng của từ "vì vậy" trong việc liên kết các phần của văn bản.

Câu 10 (1,0 điểm). Em hãy nêu những đề xuất để hạn chế việc ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay?

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận về hiện tượng vô cảm

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	B. Văn bản thông tin	0,5 điểm
Câu 2	D. Tiếng tắt lớn.	0,5 điểm
Câu 3	C. Khái quát và nêu lên sự kiện thông tin	0,5 điểm
Câu 4	B. Khởi phát của giờ Trái Đất	0,5 điểm
Câu 5	A. Đúng	0,5 điểm
Câu 6	B. Kết hợp văn bản truyền thống và hình ảnh, đồ họa…	0,5 điểm
Câu 7	E. A và B	0,5 điểm
Câu 8	Ngày Trái Đất là ngày để nâng cao nhận thức và giá trị của môi trường tự nhiên của Trái Đất. Ngày Trái Đất được tài trợ bởi thượng nghị sĩ Hoa Kỳ Gaylord Nelson như một cuộc hội thảo về môi trường được tổ chức lần đầu tiên vào 22 tháng 4 năm 1970. Trong khi Ngày Trái Đất đầu tiên chỉ được chú ý tại Hoa Kỳ, một tổ chức đã	0,5 điểm

	được thành lập bởi Denis Hayes, nguyên là điều phối viên toàn quốc năm 1970, đưa nó lên tầm quốc tế vào năm 1990 và tổ chức các sự kiện ở 141 quốc gia.	
Câu 9	- Văn bản có tính thuyết phục: + Văn bản chỉ ra nguồn gốc, sự hưởng ứng và chủ đề của ngày Trái Đất. + Văn bản đưa ra được cụ thể những tác hại nghiêm trọng của việc sử dụng bao bì ni lông - được khảo sát từ thực tế. + Những biện pháp được nêu ra vô cùng hợp lý, thuyết phục. - Tác dụng của từ "vì vậy": + Tạo sự liên kết giữa hai phần của văn bản: tác hại và biện pháp. + Tạo ra cách kết thúc vấn đề chặt chẽ hơn, thuyết phục hơn.	1,0 điểm
Câu 10	Một số biện pháp đề xuất: + Trồng nhiều cây xanh + Hạn chế sử dụng túi nilong + Không vứt rác bừa bãi, xử lí các chất thải cách hợp lí khoa học + Hạn chế dùng thuốc trừ sâu + Giáo dục tuyên truyền mọi người cần biết giữ gìn vệ sinh chung + Sử dụng các năng lượng mới không gây ra ô nhiễm môi trường + ….	1,0 điểm

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống Mở bài giới thiệu được vấn đề cần nghị luận. Thân bài phân tích đưa ra nguyên nhân, biện pháp… thông qua các lí lẽ và dẫn chứng… Kết bài khẳng định lại vấn đề cần nghị luận.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn nghị luận về hiện tượng vô cảm.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài**	2,5 điểm

	Giới thiệu và dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận: hiện tượng vô cảm **2. Thân bài** a. Giải thích vấn đề + "Vô cảm": "Vô" (tức "không"), "cảm" (tình cảm, cảm xúc), "vô cảm" có thể hiểu là không có tình cảm, cảm xúc ⇒ căn bệnh này có thể hiểu là sự thờ ơ, không quan tâm đến những sự vật, sự việc xung quanh mình. b. Thực trạng, biểu hiện của căn bệnh vô cảm trong cuộc sống: - Căn bệnh vô cảm ngày càng phổ biến, lan rộng trong xã hội (kết hợp lồng các dẫn chứng trong quá trình phân tích): + Thờ ơ, vô cảm với những hiện tượng trái đạo lí, những hiện tượng tiêu cực trong xã hội: Hiện tượng livestream trên mạng xã hội (hiện tượng học sinh cấp 2 tại Hải Dương), bắt gặp hiện tượng trộm cắp thì im lặng, học sinh thấy các hiện tượng tiêu cực như quay cóp, bạo lực học đường thì coi như không biết … + Thờ ơ, vô cảm với những nỗi buồn, nỗi đau của chính những người đồng bào: Gặp người tai nạn bị tai nạn giao thông xúm vào bàn bạc, quay phim, chụp ảnh. Bỏ qua những lời kêu gọi giúp đỡ của đồng bào miền Trung bão lũ… + Thờ ơ, vô cảm với những vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước: Thờ ơ với những cảnh đẹp quê hương, thiếu ý thức giữ gìn vệ sinh tại các điểm du lịch… + Thờ ơ, vô cảm với chính cuộc sống của bản thân mình: Hiện tượng học sinh đi học muộn, không chú ý học tập. Hiện tượng sinh viên thức rất khuya sử dụng smartphone, thể hiện sự thờ ơ với chính sức khỏe của bản thân… c. Phân tích nguyên nhân - Sự phát triển nhanh chóng của cuộc sống khiến con người phải sống nhanh hơn, không còn thời gian để ý tới những gì xung quanh. - Sự bùng nổ mạnh mẽ của những thiết bị thông minh dẫn đến sự ra đời của các trang mạng xã hội ⇒ con người ngày càng ít giao tiếp trong đời thực - Sự chiều chuộng, chăm sóc, bao bọc quá kĩ lưỡng cha mẹ đối với con cái ⇒ coi mình là trung tâm, không để ý đến điều gì khác nữa - Sự ích kỉ của chính bản thân mỗi người. d. Bình luận về tác hại của hiện tượng - Hậu quả vô cùng to lớn: con người mất đi những chỗ dựa mỗi lúc khó khăn, xã hội tràn đầy những điều xấu, điều ác. - Xa hơn, con người đánh mất đi những giá trị người tốt đẹp của dân tộc, ảnh hưởng, làm lệch lạc những suy nghĩ của thế hệ tương lai. e. Đề xuất các giải pháp phù hợp	

	- Lên án, phê phán những hành vi tiêu cực, thờ ơ vô cảm đối với đời sống xung quanh. - Hạn chế phụ thuộc vào các thiết bị thông minh, thế giới ảo… - Rèn luyện lối sống lành mạnh: Yêu thương, quan tâm, giúp đỡ mọi người… - Tăng cường thực hành, trải nghiệm thực tiễn trong các môn học: Đạo đức, giáo dục công dân để học sinh học cách yêu thương, chia sẻ. f. Liên hệ bản thân: Cần lưu ý liên hệ những hành vi, biểu hiện của căn bệnh vô cảm trong chính môi trường học đường để hiểu và tránh. **3. Kết bài** Khái quát lại vấn đề cần nghị luận: hiện tượng vô cảm.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,5 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KỲ I

TT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	**Đọc hiểu**	Văn bản thông tin	**4**	**0**	**2**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**50**
2	**Viết**	Viết bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên.	**0**	**1***	**0**	**1***	**0**	**1***	**0**	**2***	**50**
Tổng			**20**	**5**	**20**	**15**	**5**	**25**	**0**	**10**	

Tỉ lệ %	**25%**	**35%**	**30%**	**10%**	**100%**
Tỉ lệ chung	**60%**		**40%**		

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HỌC KỲ I

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Đọc hiểu**	Văn bản thông tin	**Nhận biết:** - Nhận biết được thông tin trong văn bản. - Xác định được các dữ liệu, sự kiện được tác giả sử dụng trong văn bản nghị luận. **Thông hiểu:** - Phân tích được dữ liệu, nguồn tin được tác giả sử dụng trong văn bản. - Phân tích được tác dụng và hiệu quả của các thông tin, dữ liệu được tác giả sử dụng. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản để viết được đoạn văn/ bài văn đáp ứng yêu cầu của đề bài. - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của	4TN	2TN	1TL	

			bản thân.				
2	**Viết**	Viết bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên.	**Nhận biết:** - Xác định được kiểu bài thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên. - Xác định được bố cục bài văn, đặc điểm của thể loại văn bản. **Thông hiểu:** - Trình bày rõ ràng các khía cạnh của một bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên. - Phân tích được tác dụng của một vài biện pháp, phương tiện phi ngôn ngữ… được sử dụng trong bài thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên. **Vận dụng:** - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, để viết được bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên hoàn chỉnh đáp ứng nhu cầu bài học. - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. **Vận dụng cao**: - Có lối viết sáng tạo, kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để bài viết hấp dẫn lôi cuốn. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.				1TL*
Tổng số câu				**4TN**	**2TL**	**1TN**	**1 TL**
Tỉ lệ (%)				**25%**	**35%**	**30%**	**10%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN
……..

ĐỀ SỐ 41

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I
Năm học: 20…. – 20….
Môn: Ngữ văn – Lớp 8
(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

HỒ CHÍ MINH VÀ TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

Thứ Bảy, 1-9-2018.

Bằng chính sự gan góc, quyết tâm của cả dân tộc vì một nền Cộng hoà Dân chủ, quyền tự do, độc lập thật sự, Tuyên ngôn Độc lập khẳng định dân tộc Việt Nam phải được tự do và độc lập; "nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập".

[…]

(1) Ngày 4-5-1945, Hồ Chí Minh rời Pác Bó về Tân Trào. Giữa tháng 5, Người yêu cầu Trung uý Giôn, báo vụ của OSS (cơ quan phục vụ chiến lược Mỹ), điện về Côn Minh, đề nghị thả dù cho Người cuốn Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ.

(2) Ngày 22-8-1945, Bác rời Tân Trào về Hà Nội. Tối 25-8, Người vào nội thành, ở tầng 2 nhà 48 Hàng Ngang.

Sáng 26-8-1945, Hồ Chí Minh triệu tập và chủ trì cuộc họp Thường vụ Trung ương Đảng, bàn các vấn đề như chủ trương đối nội, đối ngoại trong tình hình mới; sớm công bố danh sách thành viên Chính phủ lâm thời; chuẩn bị ra Tuyên ngôn Độc lập, tổ chức mít tinh lớn ở Hà Nội để Chính phủ ra mắt nhân dân. Ngày ra mắt Chính phủ lâm thời cũng là ngày nước Việt Nam công bố quyền độc lập và thiết lập chính thể Dân chủ Cộng hoà.

Ngày 27-8-1945, Người tiếp các bộ trưởng mới tham gia Chính phủ và đề nghị đầu tháng 9, Chính phủ ra mắt quốc dân và đọc Tuyên ngôn Độc lập mà Người đã chuẩn bị.

Người đưa bản thảo để các thành viên Chính phủ xét duyệt, đề nghị duyệt kĩ, vì ta sẽ đọc không phải chỉ để đồng bào cả nước ta nghe, mà còn cho cả Chính phủ Pháp và nhân dân Pháp, cho cả các nước đồng minh nghe. […]

Ngày 28 và 29-8, ban ngày, Bác đến làm việc tại 12 Ngô Quyền, trụ sở của Chính phủ lâm thời. Người dành phần lớn thì giờ soạn thảo bản Tuyên ngôn Độc

lập. Buổi tối, tại 48 Hàng Ngang, một căn buồng vừa là phòng ăn, vừa là phòng tiếp khách, Bác tự đánh máy Tuyên ngôn Độc lập ở một cái bàn tròn.

Ngày 30-8, Bác mời một số đồng chí đến trao đổi, góp ý cho bản thảo Tuyên ngôn Độc lập. Người đọc cho mọi người nghe và hỏi ý kiến. Ngày 31-8, Bác bổ sung một số điểm vào bản thảo Tuyên ngôn Độc lập.

(3) 14 giờ ngày 2-9-1945, trong cuộc mít tinh tại vườn hoa Ba Đình, trước hàng chục vạn đồng bào, trên diễn đàn cao và trang nghiêm, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập do Người khởi thảo, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

(Theo baodanang.vn)

Câu 1 (0,5 điểm) Văn bản trên thuộc thể loại nào?

A. Văn bản nghị luận

B. Văn bản thông tin

C. Hành chính công vụ

D. Ý kiến khác

Câu 2 (0,5 điểm). Văn bản Hồ Chí Minh và Tuyên ngôn Độc lập cung cấp thông tin về?

A. Bác Hồ

B. Bản Tuyên ngôn Độc lập

C. Bác Hồ và bản Tuyên ngôn độc lập

D. Bác Hồ và Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến

Câu 3 (0,5 điểm) Văn bản *Hồ Chí Minh và Tuyên ngôn Độc lập* đã cung cấp đầy đủ thông tin về sự kiện ra đời bản *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 4 (0,5 điểm). Hồ Chí Minh rời Pác Bó về Tân Trào vào thời gian nào?

A. 1/5/1945

B. 2/5/1945

C. 3/5/1945

D. 4/5/1945

Câu 5 (0,5 điểm). Nêu nội dung chính của văn bản.

Câu 6 (0,5 điểm). Em thấy thông tin nào trong văn bản cần chú ý nhất? Vì sao?

Câu 7 (2,0 điểm). Viết đoạn văn ngắn (200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về sự tự do.

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Viết bài văn thuyết mình giải thích về một hiện tượng tự nhiên.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	B. Văn bản thông tin	0,5 điểm
Câu 2	C. Bác Hồ và bản Tuyên ngôn độc lập	0,5 điểm
Câu 3	A. Đúng	0,5 điểm
Câu 4	B. 2/5/1945	0,5 điểm
Câu 5	Văn bản Hồ Chí Minh và Tuyên ngôn Độc lập đã cung cấp đầy đủ thông tin về sự kiện ra đời bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.	0,5 điểm
Câu 6	Thông tin cần chú ý nhất là thời gian vì đây là văn bản thông tin, sự kiện lịch sử thì cần làm rõ thời gian của nó.	0,5 điểm
Câu 7	- Đảm bảo hình thức: đoạn văn 200 chữ - Xác định đề bài: + Giới thiệu vấn đề. + Giải thích khái niệm "tự do". Tự do của cá nhân: trong sinh hoạt, học tập, ngôn luận, phát triển bản thân... Tự do sống trong đất nước hòa bình, độc lập… Trong văn học: thơ Hồ Chí Minh, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Tố Hữu... - Ý nghĩa (vai trò) của sự tự do. - Trình bày liên hệ và thông điệp.	2,0 điểm

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên.	0,25 điểm

	Mở bài giới thiệu được hiện tượng. Thân bài triển khai được chi tiết về hiện tượng tự nhiên (giải thích, nguyên nhân…). Kết bài nêu khái quát lại hiện tượng.	
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài:** Giới thiệu về hiện tượng tự nhiên mà em muốn trình bày. **2. Thân bài:** - Vì sao hiện tượng tự nhiên đó xuất hiện. - Hiện tượng tự nhiên đó xuất hiện như thế nào? - Hiện tượng tự nhiên đó kết thúc như thế nào? Gây nên kết quả gì - Nhận xét: + Hiện tượng tự nhiên đó có diễn ra thường xuyên không? + Hiện tượng tự nhiên đó có ảnh hưởng, tác động tốt/xấu gì cho con người hay không? **3. Kết bài:** - Tóm tắt lại nội dung đã giải thích. - Khái quát lại về hiện tượng tự nhiên đó.	3,5 điểm
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,5 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/ đơn	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông	Vận dụng	Vận dụng cao	

					hiểu					
		vị kiến	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL
1	**Đọc - hiểu**	VB thông tin (ngoài sgk)	4	0	4	0	0	2	0	0	**60**
2	**Viết đoạn văn**	Viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	**40**
Tổng			**20**	**5**	**20**	**10**	**0**	**30**	**0**	**15**	**100**
Tỉ lệ (%)			**25**		**30**		**30**		**15**		
Tỉ lệ chung			**55**				**45**				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	**ĐỌC HIỂU**	Đọc hiểu văn bản thông tin (Ngoài SGK)	**Nhận biết:** - Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích. - Nhận biết được văn bản thuật lại sự kiện gì.	4TN	4TN	2TL	0	10

TT	Nội dung kiến thức/kĩ	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			- Nhận biết được một số yếu tố trong văn bản thông tin như nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ in đậm, số thứ tự và dấu gạch đầu dòng trong văn bản. - Nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin. - Chỉ ra thông tin trong văn bản/ đoạn trích. **Thông hiểu:** - Nêu được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. - Chỉ ra được tác dụng của một số yếu tố trong văn bản thông tin. - Nêu được vai trò của các yếu tố phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu,…) trong văn bản thông tin. - Hiểu được đặc					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng. **Vận dụng:** - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản/đoạn trích.					
2	**LÀM VĂN**	Viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên	**Nhận biết**: - Xác định được rõ mục đích, yêu cầu cần viết của bài văn thuyết minh. - Biết rõ đối tượng thuyết minh. **Thông hiểu**: - Xác định được các đặc điểm, khía cạnh của đối tượng cần triển khai - Biết sắp xếp các ý theo trật tự hợp lí để	1*	1*	1*	1TL*	1

TT	Nội dung kiến thức/kĩ	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			làm sáng tỏ đối tượng thuyết minh. **Vận dụng**: Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt,... **Vận dụng cao**: - Lựa chọn cách trình bày sao cho hiệu quả, hấp dẫn. - Có sáng tạo trong diễn đạt làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, giàu sức thuyết phục.					
Tổng				**4 TN**	**4TN**	**2 TL**	**1 TL**	**11**
Tỉ lệ %				***20***	***40***	***30***	***10***	***100***
Tỉ lệ chung				**60**		**40**		**100**

Ghi chú: Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

B. ĐỀ BÀI

ĐỀ KIỂM TRA

Môn: Ngữ văn 8

(*Thời gian làm bài: 90 phút*)

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

VÌ SAO CÓ MƯA ĐÁ, CÁCH PHÒNG TRÁNH THẾ NÀO?

Mưa đá là một trong những hiện tượng thiên nhiên nguy hiểm nhất trên Trái Đất. Tại sao lại có mưa đá và có cách nào phòng tránh mưa đá không?

Mưa đá là gì?

Mưa đá là hiện tượng mưa dưới dạng hạt hoặc cục băng có hình dáng và kích thước khác nhau do đối lưu cực mạnh từ các đám mây dông gây ra. Kích thước có thể từ 5 mm đến hàng chục cm, thường cỡ khoảng một vài cm, có dạng hình cầu không cân đối. Những hạt mưa đá thường rơi xuống cùng với mưa rào.

Mưa đá thường xảy ra ở vùng núi hay khu vực giáp biển, giáp núi (bán sơn địa), còn vùng đồng bằng ít xảy ra hơn. Vì vậy ở Việt Nam mưa đá có thể xảy ra ở khắp các vùng miền và cả trong mùa hè. Riêng ở vùng núi phía bắc Việt Nam, từ tháng 1 đến tháng 5 hàng năm thường có mưa đá, nhiều nhất là từ tháng 3 đến tháng 5.

Tại sao có mưa đá?

Các chuyên gia khí tượng cho biết, mưa đá xảy ra do sự bất ổn định trong không khí giữa luồng khí hậu lạnh và nóng gặp nhau. Khi các đám mây gần mặt đất được các luồng không khí bốc lên cao thì phần trên của mây thường ở nhiệt độ dưới -20 độ C, khiến cho rất nhiều hơi nước trong mây biến thành những hạt băng nhỏ.

Nhưng tầng mây ở dưới thấp hơn, do nhiều nguyên nhân không thể ngưng kết thành băng, lại biến thành các giọt nước có độ lạnh dưới 0 độ C. Các luồng không khí không ngừng bốc lên cao sẽ đưa một khối lượng lớn các giọt nước lạnh này lên tầng trên của đám mây.

Ngay sau đó, chúng đông kết với các hạt băng đang tồn tại ở tầng trên, làm cho thể tích của các hạt băng càng ngày càng lớn hơn, khi trọng lượng tăng đến mức độ nhất định nào đó chúng sẽ rơi xuống.

Khi rơi xuống tầng mây thấp, mặt ngoài của băng lại được bao bọc thêm một lớp màng nước, đồng thời lại bị các luồng nước khi mạnh, khi yếu đang không ngừng bốc lên cao tác động vào. Càng bị các luồng khí tác động lâu thì lớp "áo nước" của băng thể càng va chạm liên tục, dẫn đến dính chặt lẫn nhau, khiến thể tích của băng thể càng lớn hơn. Đến lúc này, các luồng khí không còn có thể "tung hứng" các băng thể được nữa, đành để chúng rơi xuống mặt đất, gây ra những trận mưa đá. Mưa đá thường kết thúc rất nhanh trong vòng 5 -10 phút và cũng có thể kéo dài từ 20 - 30 phút.

[...]

Cách phòng tránh tác hại của mưa đá

Việc dự báo mưa đá và khu vực chính xác sẽ có mưa đá là rất khó. Người dân ở các khu vực hay có mưa đá cần thường xuyên theo dõi thông tin thời tiết

để sớm biết có khả năng xảy ra mưa đá và luôn chuẩn bị sẵn các phương án trú, tránh an toàn cho người, vật nuôi và hạn chế tác hại của mưa đá đối với các vật dụng, đồ dùng, máy móc,… nếu nó xảy ra.

Với cây trồng hoặc hoa màu dễ bị nát dập, bạn có thể dựng giàn che dọc theo luống, và nên làm giàn dạng mái hình tam giác sẽ giúp giảm tác động của hạt mưa đá khi va chạm, đá sẽ rơi xuống hai bên luống cây mà không đâm thủng giàn che, chú ý dựng cọc chống phải chắc chắn.

Với mái nhà, cần thường xuyên kiểm tra tình trạng của mái nhà và gia cố lại mái. Ở những chỗ trọng yếu nên sử dụng các vật liệu có thể chống chịu với va đập. Hiện trên thị trường có loại vật liệu là tấm Polycarbonate rất bền, có khả năng chịu va đập cao, cách âm, kháng cháy và bền trong nhiều năm trong điều kiện môi trường và thời tiết khắc nghiệt, không bị vỡ, trọng lượng nhẹ và kháng tia tử ngoại (tia UV) tốt. Tấm Polycarbonate dày hoặc đa lớp thậm chí có thể được dùng làm cửa sổ chống đạn. Có thể trang bị vật liệu này ở các phần mái lấy sáng, mái che, mái hiên, mái nhà kính, giếng trời, mái nhà xe... để tránh bị vỡ khi có mưa đá.

Làm mái nhà dốc xuống hai bên, cách dựng mái nhà này sẽ làm giảm lực tác động từ mưa đá. Mưa đá va vào mái nhà ở một góc độ 90 độ sẽ gây ra thiệt hại nhiều hơn mưa đá rơi xuống mái nhà theo một góc lệch.

Nếu đang đi ngoài đường mà gặp mưa đá, bạn nên lập tức dừng lại tìm chỗ ẩn, đội mũ bảo hiểm để tránh đá rơi vào đầu, chờ đá trên đường tan hết mới tiếp tục đi để tránh trơn ngã.

(Theo 1001 thắc mắc: *Vì sao có mưa đá? Cách phòng tránh thế nào?,* https://www.tienphong.vn/, ngày 24/03/2020, Châu Anh tổng hợp)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên:

A. Thuyết minh B. Tự sự

C. Miêu tả D. Nghị luận

Câu 2: Mục đích chính của văn bản trên là gì?

A. Giới thiệu mưa đá là một trong những hiện tượng thiên nhiên nguy hiểm nhất trên Trái Đất

B. Giải thích một số vấn đề liên quan đến hiện tượng mưa đá để cung cấp những thông tin sau: khái niệm mưa đá, nguyên nhân và cách phòng tránh tác hại của mưa đá

C. Giới thiệu để người dân nhận biết hiện tượng mưa đá và phòng tránh nó
D. Cung cấp cho người đọc những thông tin khoa học, thú vị
Câu 3: Câu văn nào sau đây nêu lên vấn đề chính được giải thích trong văn bản
A. Mưa đá là một trong những hiện tượng thiên nhiên nguy hiểm nhất trên Trái Đất
B. Tại sao lại có mưa đá và có cách nào phòng tránh mưa đá không?
C. Mưa đá thường xảy ra ở vùng núi hay khu vực giáp biển, giáp núi (bán sơn địa), còn vùng đồng bằng ít xảy ra hơn
D. Việc dự báo mưa đá và khu vực chính xác sẽ có mưa đá là rất khó
Câu 4. Câu văn nào giải thích khái quát về nguyên nhân tạo ra mưa đá:
A. Mưa đá là hiện tượng mưa dưới dạng hạt hoặc cục băng có hình dáng và kích thước khác nhau do đối lưu cực mạnh từ các đám mây dông gây ra
B. Các chuyên gia khí tượng cho biết, mưa đá xảy ra do sự bất ổn định trong không khí giữa luồng khí hậu lạnh và nóng gặp nhau
C. Việc dự báo mưa đá và khu vực chính xác sẽ có mưa đá là rất khó.
D. Mưa đá va vào mái nhà ở một góc độ 90 độ sẽ gây ra thiệt hại nhiều hơn mưa đá rơi xuống mái nhà theo một góc lệch.
Câu 5: Đoạn văn: *"Mưa đá là hiện tượng mưa dưới dạng hạt hoặc cục băng có hình dáng và kích thước khác nhau [..] thường rơi xuống cùng với mưa rào."* trong văn bản trên được trình bày theo cách nào?
A. Diễn dịch B. Quy nạp
C. Song song D. Phối hợp
Câu 6: Ý nào nói đúng nhất về thông tin cơ bản của văn bản:
A. Giải thích hiện tượng mưa đá, nguyên nhân và tác hại của mưa đá
B. Giới thiệu về hiện tượng mưa đá và cách phòng tránh tác hại của mưa đá
C. Giải thích hiện tượng mưa đá, nguyên nhân có mưa đá và cách phòng tránh tác hại của mưa đá
D. Giải thích hiện tượng mưa đá, nguyên nhân, tác hại và cách phòng tránh tác hại của mưa đá
Câu 7: Văn bản đã sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ nào:
A. Sơ đồ chỉ dẫn B. Kí hiệu
C. Biểu đồ D. Hình ảnh minh họa
Câu 8: Việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ trong VB trên có tác dụng:
A. Biểu đạt mối quan hệ giữa các thông tin.
B. Giúp trình bày thông tin một cách hệ thống.
C. Cung cấp những thông tin cụ thể, chính xác.
D. Làm tăng tính hấp dẫn và trực quan của thông tin.
Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:
Câu 9: Theo em, thông tin mà văn bản cung cấp có ý nghĩa như thế nào với độc giả?

Câu 10: Không chỉ mưa đá mà các hiện tượng thời tiết cực đoan khác đều có tác động tiêu cực tới tính mạng, sức khỏe và tài sản con người. Bằng những hiểu biết của bản thân, em hãy đưa ra một số biện pháp để hạn chế các hiện tượng thời tiết cực đoan này.

Phần II. Viết (6,0 điểm)

Em hãy viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên có tác động lớn đến đời sống con người.

Gợi ý trả lời

<table>
<tr><th>Câu</th><th>Đáp án</th><th>Điểm</th></tr>
<tr><td>1->8</td><td><table>
<tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td></tr>
<tr><td>A</td><td>B</td><td>B</td><td>B</td><td>C</td><td>C</td><td>D</td><td>D</td></tr>
</table></td><td>4.0 điểm (Mỗi ý đúng được 0.5 điểm)</td></tr>
<tr><td>9</td><td>-Thông tin mà văn bản cung cấp có ý nghĩa thiết thực đối với mọi người.
Cụ thể là:
+ Hiểu được mưa đá là gì, thời điểm và địa điểm hay xảy ra mưa đá, nguyên nhân xảy ra hiện tượng mưa đá là do sự bất ổn định trong không khí giữa luồng khí hậu lạnh và nóng gặp nhau.
+ Nắm được thông tin về tác hại của mưa đá đối với sản xuất và đời sống để từ đó có những biện pháp phù hợp để hạn chế hậu quả mà mưa đá gây ra.
+ Nhận thức được việc bảo vệ môi trường sẽ giúp con người giảm thiểu được những tác hại của hiện tượng thời tiết cực đoan với đời sống. Từ đó, mỗi người cần có hành động thiết thực để bảo vệ môi trường.</td><td>1.0 điểm</td></tr>
<tr><td>10</td><td>Để hạn chế thời tiết cực đoan, con người cần tích cực tuyên truyền và thực hiện các giải pháp về môi trường như:
- Hạn chế rác thải đặc biệt là rác thải nhựa trong quá trình sống, sản xuất, kinh doanh.
- Có các chế tài phù hợp, mang tính răn đe để bảo vệ môi trường
- Trồng nhiều cây và phủ xanh môi trường sống
- Đặc biệt, hãy theo dõi thông tin thời tiết nhanh chóng để giảm thiểu rủi ro của thời tiết cho người và của tới mức tối đa.</td><td>1.0 điểm</td></tr>
</table>

II		**LÀM VĂN**	**4.0**
		Viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên	
		a.Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh Phần mở đầu: giới thiệu khái quát hiện tượng tự nhiên cần giải thích; phần nội dung": giải thích	0,25

		nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiên tượng tự nhiên; phần kết thúc: có thể trình bày sự việc cuối/kết quả của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích.	
		b. Xác định đúng vấn đề cần thuyết minh Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên	0.25
		c. Triển khai, làm rõ đối tượng thuyết mình Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần làm sáng tỏ nguyên nhân, cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên đảm bảo các yêu cầu sau:	
		*Dẫn dắt và nêu vấn đề thuyết minh ***Hướng dẫn chấm***: giới thiệu vấn đề cần thuyết mình: 0,5 điểm.*	0.5
		*Lần lượt giới thiệu, khái quát hiện tượng tự nhiên; giải thích nguyên nhân và trình tự diễn ra của hiện tượng tự nhiên.	1.5
		*Người viết liên hệ với những vấn đề xã hội đương đại hoặc liên hệ với bài học nhận thức của bản thân ***Hướng dẫn chấm***: *- Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.* *- Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.*	0.5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.*	0.5
		e. Sáng tạo Cung cấp kiến thức phong phú về vấn đề thuyết minh; có cách diễn đạt mới mẻ. ***Hướng dẫn chấm***: *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.* *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.*	0.5
Tổng điểm			**10,0**